

BÙI VIỆT SỸ

Chiến công
và
chống tan rã

Tiểu thuyết



Nhà xuất bản
Hội Nhà Văn

BÙI VIỆT SỸ

CHIM ƯNG VÀ
CHÀNG ĐẠN SỢT

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN - 2014

Lời tâm đắc với tác giả “Chim ưng và chàng đan sọt”: đạm bạc mà sâu xa

Tại sao gần đây nhiều nhà văn ta có xu hướng viết tiểu thuyết lịch sử? Tôi cũng nằm trong số đó. Tôi không dám trả lời thay cho các tác giả khác. Với riêng tôi thì đó là vì tiểu thuyết lịch sử có thể giúp tôi nói lên những lời tâm huyết với sự thế, với cuộc đời đương đại. Lịch sử hoàn toàn có thể giúp chúng ta soi sáng những diễn biến hôm nay, cho ta thấy những nguồn động lực làm nên những đổi thay lịch sử, cho ta thấy tâm nguyện của người thế hệ trước, những kinh nghiệm của tiền nhân, thất bại và thành công trong việc giữ gìn bảo vệ đất nước, phát huy tiềm lực của dân tộc, những tính cách của người Việt hình thành trong đời sống tự nhiên, những tinh túy của con người và cả những ô nhiễm, những triết lý sống của ông cha và cả những lầm lạc, tất cả còn tiềm ẩn cho đến hôm nay, mà nếu ta hiểu được, khai thác được, rũ bỏ được thì có ích biết bao trong cuộc sống đương thời. Những kỳ vọng gửi vào nghệ thuật tiểu thuyết lịch sử thì còn nhiều lắm. Vấn đề là làm sao đây, con đường nào, phương pháp nào đi tới. Có tác giả nói làm tiểu thuyết lịch sử chẳng qua là “văn chương hóa” lịch sử. Nhưng cũng có ý kiến làm tiểu thuyết lịch sử chính là để khám phá những sự thật lịch sử. Có nghĩa là những tác phẩm lịch sử kể cả những di sản lịch sử cho đến nay đã có công rất lớn lưu lại những dấu ấn của lịch sử qua các thời đại, các sự kiện, các nhân vật, nhưng chúng ta những người thời sau rất biết ơn mà chưa bằng lòng. Còn nhiều câu hỏi đặt ra chưa được trả lời sáng tỏ, ngày càng hé ra rất nhiều sự thật còn ẩn giấu đằng sau các sự kiện cần được khám phá. Có một nghệ thuật để khám phá những cái đó, là tiểu thuyết lịch sử. Và cuốn tiểu thuyết của Bùi Việt Sỹ tôi đang cầm bản thảo trong tay, và đọc một mạch trong hai ngày xong, chính là như thế. Tác giả đã thực sự làm một công trình khám phá những sự thật của quá khứ một thời. Đây chính là một điều tâm đắc của tôi. Anh bạn của tôi đã đi con đường nào, đã

vận hành cách nào để một thời kỳ oanh liệt trong lịch sử nước ta hiện ra với tất cả những chi tiết sống động, với tất cả những sự thật ẩn giấu bên trong, và chính những cái còn ẩn giấu ấy mới làm rõ ra sự thật, mới cắt nghĩa được các sự kiện lịch sử chính yếu, chỉ có tác giả mới trả lời được.

Chúng ta đều biết những sự thật lịch sử dưới bốn hình thức ghi nhớ: 1- Chính sử, những sự kiện lịch sử được gọi là chính thức do các sử quan và các cơ quan nghiên cứu lịch sử đương thời ghi chép. 2- Bí sử, gồm những sự kiện đã diễn ra trong lịch sử nhưng được tiết lộ hoặc trong ký ức, ký sự của những người tham gia, hoặc chứng kiến. Hoặc vĩnh viễn bị mất đi, hoặc được tiết lộ dần dần khi có thời cơ. 3- Dã sử, gồm những sự kiện hoặc chi tiết được truyền miệng, dưới hình thức tưởng tượng, “huyền bí hóa” (huyền thoại), gán cho thần thánh (thần thoại), mang dấu ấn tâm linh (Việt điệu u linh tập, Lĩnh Nam chính quái). Cả bốn hình thức đều có vai trò riêng của mình, đều có những ưu thế và nhược điểm, và đều phản ánh những sự thật lịch sử. Huyền thoại Lạc Long - Âu Cơ đẻ trăm trứng nở trăm con trai, 50 con theo cha xuống biển, 50 con theo mẹ lên rừng nghe ra có vẻ huyền hoặc nhưng nói lên những sự thật thời dựng nước của các dân tộc trên đất Việt này. Đó là sự thật có những người anh minh, có tụ hợp có ly tán, có vai trò của rừng núi và biển cả, cha và mẹ, rồng và tiên, đất và nước. Có Kinh Dịch, một học thuyết của phương Đông để lại dấu ấn trong minh triết Việt và ngay trong huyền thoại đó.

Tôi là bạn viết cùng cơ quan với Bùi Việt Sỹ nên đã từng đọc nhiều tác phẩm của ông trước đó. Nhưng đến tác phẩm này, tôi chợt thấy hình như tôi gặp lại một Bùi Việt Sỹ khác hẳn. Hình như cái “gien” Tồn Am Bùi Huy Bích (1744-1818) của thế kỷ XVIII lấp lánh trên những dòng chữ một hậu duệ cách xa mấy đời. “Tồn Am đậm bạc mà sâu xa” (thơ Cao Bá Quát). Đậm bạc mà sâu xa chính là phong cách tiêu thuyết tôi đang cầm trong tay.

Tôi đã biết từ sách giáo khoa thư thời thơ ấu một Phạm Ngũ Lão người anh hùng của một làng quê, ngồi giữa chợ đợi quân tướng của Trần Hưng Đạo đến để ra mắt đầu quân. Nhưng phải đến *Chim ưng và chàng đan sọt* tôi mới có hình ảnh chàng trai thôn dã ngồi giữa chợ ấy thực sự được một

lão sư trong một nhà chùa rèn dạy cho văn võ toàn tài, trở thành một ngôi sao sáng của làng quê, biểu tượng của một đoàn quân đứng lên từ bùn đất. Hình tượng Trần Khánh Dư với con chim ưng trên vai chính là bức tranh chạm khắc nổi bật miêu tả các tướng lĩnh của một thời Trần hoang sơ và thần thánh, tụy lực và oanh liệt, đã khiến cho kẻ thù từng chà đạp khắp thế giới phải thất trận trên đất Việt này, tướng soái phải chui vào ống đồng mà bỏ chạy. Cái triết lý Chim ưng và đàn vịt còn có thể được bàn cãi, nhưng chính nhờ nó mà hiện lên một Trần Khánh Dư trong hiện thực lịch sử vừa tầm thường vừa phi thường. Thế mới biết sức mạnh của tưởng tượng, chính nhờ cái nghệ thuật tưởng tượng ấy mà khám phá ra sự thật lịch sử, nó liên kết cả bốn hình thức ghi nhớ lịch sử. Không phải là khoa học mà không thể nói là không khoa học. Biết đâu đấy, sau này có nhà điêu khắc dựng tượng Trần Khánh Dư với con chim ưng trên vai. Hoặc có những con chim ưng dùng cánh đập trên vai một Trần Khánh Dư bằng than hoặc bằng đá ở Vân Đồn (Quảng Ninh).

Bùi Việt Sỹ sinh ngày 20.3.1946 sau 3 giờ sáng (17.2 Bính Tuất, giờ Dần). Bài toán Hà Lạc cho biết ông có mệnh quẻ Thuần cần, chủ mệnh hào 3. Thuần cần có tượng hai trái núi. Núi thì hoành tráng nhưng núi cũng tượng cho sự ngăn cản, như đèo cao vực thẳm. Hào 3 chính là sự ngăn cản khốc liệt nhất trên đường đời. Nhưng nhờ có hào này mà chặng đường hậu vận là quẻ Địa Sơn Khiêm, núi cao trong lòng đất, với tính khiêm nhường, cao đầy mà nhún mình đầy. Văn chương là bản sao của hành trình số phận. Quả nhiên toàn bộ những sáng tác đầu đời của Bùi Việt Sỹ phản ánh những cuộc đời bị ngăn cản và vượt lên những ngăn cản ấy. *Người đưa đường thọt chân* (tiểu thuyết), *Anh và hai người đàn bà* (tiểu thuyết) và nhiều truyện ngắn, truyện vừa của ông là như thế. Nhưng đến giai đoạn núi cao trong lòng đất thì tác phẩm của ông thực sự là những ngọn núi, với *Dòng sông chối từ* (tiểu thuyết vừa xuất bản gần đây) và *Chim ưng và chàng đan sọt* này. Ông không gọi tác phẩm này là tiểu thuyết lịch sử mà gọi là tiểu thuyết. Một dấu ấn của quẻ Khiêm (khiêm nhường) chẳng. Chúng ta không biết và không cần biết. Quẻ Khiêm là một quẻ Dịch cực kỳ tốt. Người được

quẻ này là người tuy có ngôi vị cao, danh giá cao nhưng luôn biết nhường nhịn, càng nhường nhịn càng tỏ phẩm giá của mình. Người quẻ Khiêm tuy khiêm nhường không phải chịu thua người, mà đây chính là cách để vượt khó khăn, như người khiêm nhường mà có thể vượt sông lớn. Cuốn truyện này có thể là một con sông lớn, như con sông Bạch Đằng trong lịch sử mà Bùi Việt Sỹ đã miêu tả một cách hứng thú, nơi thử thách của những con chim ưng và chàng đan sọt thời nhà Trần vẻ vang. Cũng chính là một thử thách của tác giả.

Nhà văn Xuân Cang

... Năm 1282, mùa thu, tháng 8 vua Nguyên - Hốt Tất Liệt sai nguyên soái Toa Đô đem đoàn chiến thuyền 1.000 chiếc cùng 15 vạn, nói phao lên là 20 vạn quân tinh nhuệ từ Ung Châu, vượt biển vào đánh Chiêm Thành. Tin dữ được truyền về kinh đô Thăng Long. Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông vô cùng sốt ruột cho triệu Trần Quốc Tuấn ở điền trang Vạn Kiếp năm lần bảy lượt mà Quốc Tuấn không về. Cuối cùng vua phải sai quan Chi luận cục thủ Đỗ Khắc Chung đến Vạn Kiếp để vời Trần Hưng Đạo. Khắc Chung có tài ăn nói biết cách “lựa gió thả điều” nên được hai vua Trần yêu lắm, luôn cho ở bên cạnh.

- Ta đang chuẩn bị đâu đó rồi! Công việc còn dang dở một khắc nên chưa về châu đó thôi.

Trần Hưng Đạo nói vậy, rồi ba ngày sau ông cùng đoàn tùy gồm Yết Kiêu và Dã Tượng khởi hành về kinh. Buổi sáng, nắng vàng, gió nhẹ, tiết trời dịu mát khiến đoàn người cùng ngựa bước đi rất hăm hở. Bỗng đội quân dẹp đường dừng lại, rồi viên hiệu úy chạy ngược về, quỳ một chân trước đầu voi, nói:

- Bấm Tiết chế^[1]! Phía trước, giữa đường có một tên nhà quê, đóng khối ngòi đan sọt. Quân lính chĩa loa vào tai, thét lui vào nhường đường cho voi của ngài đi. Nhưng hăn cứ lì ra. Đến khi một tên lính cầm giáo đâm vào bắp vế máu chảy lênh láng hăn vẫn điềm nhiên như không có chuyện gì!

Trần Hưng Đạo thấy chuyện lạ bèn ra lệnh:

- Đưa bản vương lên đó xem sao?

Dã Tượng ngồi trên đầu voi, lấy búa gỗ thúc voi tiến lên.

Vừa nhác thấy voi của Tiết chế đến gần, người đan sọt vụt đứng lên, sụp lạy:

- Thảo dân tội đáng muôn chết! Xin Tiết chế tha mạng!

Trần Hưng Đạo nhìn xuống thấy tấm lưng to lớn như cánh phan, hai bờ vai cuộn lên hai bắp thịt lớn thì liền phán:

- Cho phép người đứng dậy nói!

Được lời như cởi tấm lòng, chàng thanh niên cao lớn vạm vỡ đó đứng lên, hai tay chắp trước ngực, lưng hơi cúi khom, bắp vế bên trái máu vẫn tuôn ròn ròn, chờ.

- Người ăn gan hùm, gan báo hay sao mà dám cản đường của bản vương? - Hưng Đạo vương vừa vuốt chòm râu dài đen nhánh chấm tới ngực, cất giọng sang sảng hỏi.

- Khởi bầm Tiết chế! Thảo dân đâu dám to gan, lớn mật cản đường Tiết chế. Chẳng qua là đang mãi nghĩ xem làm thế nào để... chặn được giặc Thát đang lăm le tràn xuống thôn tính Đại Việt ta.

Câu trả lời đúng lễ độ, đường hoàng; giọng vang như chuông sấm. Tuy nhiên đoàn tùy tùng với quan văn Đỗ Khắc Chung cùng cười ầm ra ý chế nhạo.

Quốc Tuấn không cười, Người vẫn vuốt bộ râu khá dày, đen nhánh, đôi mắt to đen chột sáng lên nhấp nhóa ngăm nhìn khuôn mặt chữ điền, da trắng, môi đỏ, trán rộng, mũi cao, mắt to, lông mày lười mác, thì mười phần đã cảm thấy ưng ý cả mười. Rồi bảo:

- Vậy người nghĩ thế nào?

- Bẩm, giặc Thát tuy mạnh. Nhưng nếu ta biết: Lấy nhu chế cương, lấy đoản binh đánh trường trận. Dùng các tướng giỏi giữ vững các nơi hiểm yếu. Rồi dùng kế thanh dã (vườn không nhà trống) để đánh tiêu hao địch. Chẹn kỹ đường vận lương của chúng. Chờ đến khi chúng có biến ta tung đại quân đánh một trận quyết liệt là có thể đuổi được giặc ra khỏi bờ cõi...

Một tiếng cười ròn tan nổi lên. Nhìn ra thì đó là tiếng cười của Đỗ Khắc Chung:

- Đến trẻ con ở kinh thành Thăng Long đều biết những câu người vừa nói là kế sách chống giặc của Hưng Đạo vương tâu với hai vua. Người nghe lỏm được ở đâu mà dám “đánh trống qua cửa nhà sấm”, không sợ bị mất đầu sao? Tướng giỏi giữ nơi hiểm yếu là ai? Là người chắc?

Hưng Đạo vương bỏ ngoài tai lời của Khắc Chung quay ra nói với Dã Tượng:

- Người bảo người lấy thuốc dấm dịt vào vết thương cho hẳn.

Quay lại, ông hỏi:

- Người có bản lĩnh gì trong thập bát ban võ nghệ?

- Bẩm, thảo dân không dám giấu, trong mười tám thứ binh khí đó, thảo dân đều võ vẽ thực cả. Nhưng quen hơn cả là sử đại đao.

- Thế còn tài bắn cung?

- Bẩm, thảo dân có thể “trăm bước bắn xuyên cành liễu” ạ!

- Người cũng tài “võ mồm” đấy nhỉ? - Đổ Khắc Chung lại nói chen vào chế nhạo.

Anh chàng đan sọt quay mặt đi, như không nghe thấy lời khích bác của viên quan văn. Tất cả những điều tưởng chừng như nhỏ nhặt ấy không qua nổi đôi mắt tinh tường của Hưng Đạo vương. Người chỉ tay ra những ngọn tre đang la đà phía tay phải, cách chỗ mọi người đang đứng chừng hai trăm bước chân, bên kia cánh đồng bảo:

- Người có thể bắn chẻ đôi các ngọn tre kia không?

- Xin cho mượn cung tên ạ!

Quân lính mang cung tên tới. Chàng đan sọt giương gậy liền ba cây cung và nói:

- Bẩm!... Cung mềm quá! Tiết Chế có thể cho thảo dân dùng cung của mình được không ạ!

- Người có mang theo cung tên theo à?

- Bấm! Thừa vâng ạ!

- Người để đâu?

- Bấm! Thảo dân để sau bụi tre này ạ!

Chàng đan sọt chỉ vào bụi tre rất dày ở ven đường.

- Người lấy ra đi! Rồi bắn thử ta xem!

Dã Tượng cùng bốn năm người lính nữa định theo, Hưng Đạo vương lắc đầu ra ý không cần.

Chàng đan sọt đem ra một cây cung lớn và một ống tên. Rồi chàng cung kính chấp tay vái Tiết chế, rồi quay lại, không cần ngắm, cũng không ai nhìn thấy chàng giương cung vào lúc nào; chỉ nghe ba lần bật dây, rồi thấy ba ngọn tre đang la đà trong gió thu đều bị toác ra làm đôi. Mọi người vỗ tay reo ầm cả lên. Riêng Hưng Đạo vương chỉ nói vừa phải:

- Được! Thế còn tài sử đao, người có thể cho bản vương xem tiếp.

- Xin tuân lệnh!

Dã Tượng đưa đến mấy cây đao lớn. Chàng đan sọt múa vài đường rồi cúi người bấm:

- Dạ! Thừa!... Đao nhẹ quá! Thảo dân thấy... hăng hực không dùng được ạ!

- Chắc người giấu thanh đao của mình trong bụi tre chứ gì? - Hưng Đạo vương hỏi.

- Bấm!... Quả có vậy ạ!

- Ta cho phép người vào lấy ra đây!

Từ sau bụi tre chàng đan sọt vác ra một cây đại đao, lưỡi đao ánh thép biêng biếc xanh. Đỗ Khắc Chung thấy thế vội hét lớn:

- Quân bay đâu? Hãy bảo vệ Tiết chế!...

Hưng Đạo vương vẫn vượt chòm râu đen nhánh, điềm nhiên vỗ vào thanh gươm đeo bên sườn, rồi xua tay. Chàng đan sọt dùng hai tay đưa cây

đại đao cho Dã Tượng. Dã Tượng cung kính dâng lên Hưng Đạo vương. Thật bất ngờ trên bàn voi, Người cầm cây đại đao nặng chịch một cách rất nhẹ nhàng. Rồi với chỉ một tay, Người cầm cán đao chém gió bên phải rồi bên trái. Người hỏi chàng đan sọt:

- Người có rõ lai lịch của cây đại đao này không?

- Khởi bầm Tiết chế! Thảo dân không được rõ ạ! Chỉ biết sư phụ giao cho dùng... thế thôi ạ!

- Vậy để ta nói cho người hay! Đây là cây đại đao có từ thời Bồ Cái Đại vương Phùng Hưng ở đất Đường Lâm thời trước. Tại một sườn đồi, ba ngày liền bị sét đánh xuống. Bồ Cái Đại vương mới cho người đào lên xem thì thấy hai thỏi thép nặng. Người cầm lên biết là thép quý bèn mời thợ rèn giỏi tới rèn hai cây đại đao. Cây cán dài này là Dương đao. Còn cán ngắn là Âm đao - hiện Đô tướng Thủy quân Nguyễn Khoái đang dùng. Vậy là điềm lành song đao hợp bích. Người có biết chính cây Dương đao này, dũng tướng Phạm Cự Lượng đã xả tướng Tống Hầu Nhân Bảo trước ải Chi Lăng năm xưa không?

Sau khi giảng giải cho mọi người một lúc, Hưng Đạo vương bảo:

- Bây giờ thì người thử đi vài đường cho Bản vương coi!

Chàng đan sọt đỡ lại cây đao từ tay Dã Tượng, rồi dựng ngược thanh đao, quỳ một chân xuống làm động tác chào rồi bất thần vung tay múa cây đao vù vù. Ánh đao xanh biêng biếc khi quay trái, lúc quay phải, lúc lộn ra phía sau, khi chém bổ về trước, mỗi lúc một nhanh. Cuối cùng chỉ ánh thép của lưỡi đao quấn quanh thân thể vạm vỡ của chàng. Giá như lúc ấy có mưa lưỡi đao che phủ khiến thân chàng không thể bị một giọt mưa nào rơi vào. Mọi người kể cả Hưng Đạo Vương đều ngẩn ra nhìn. Xong bài biểu diễn bằng động tác rất gọn gàng chàng đan sọt thu đao lại cúi gập người chào Tiết chế.

- Thế còn trên lưng ngựa người có sử được đao thuần thục như vậy không?

- Dạ! Bẩm!... Trên lưng ngựa là sở trường của thảo dân ạ!

- Dã Tượng, người hãy dắt một con ngựa chiến ra đây! - Hưng Đạo vương ra lệnh.

Một chiến mã màu xám tro khá cao lớn, với đầy đủ yên cương được dắt tới. Chàng đan sọt không nắm dây cương lên bàn đạp mà tung lên không rồi quay người nửa vòng đặt móng chính xác trên yên. Động tác lên ngựa xưa nay chưa từng thấy, khiến Hưng Đạo vương lần đầu tiên bật lên tiếng khen:

- Tuyệt vời! Thật là có một không hai!...

Nhưng khi chàng trai giật cương, thúc bàn đạp vào sườn thì con chiến mã run cầm cập không thể cất bước được. Chàng nhẹ nhàng xuống ngựa, nói:

- Tiết chế xá cho, nội lực của thảo dân khí mạnh... khiến con ngựa này không chịu nổi ạ!

Hưng Đạo vương hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, ông bảo:

- Chắc người có ngựa quý đang thả đầu đây chứ gì?

- Quả thực, không có gì qua mắt được ngài.

- Người hãy gọi nó tới đây cho bản vương coi.

Chàng đan sọt cho tay lên miệng huýt một tiếng sáo dài. Chỉ nháy mắt, đã thấy tiếng ngựa hí vui mừng. Rồi trong chốc lát một chú ngựa lông tía, cao to, ngực nở, bụng thon, móng lớn, chân thẳng phi nhẹ nhàng như lướt trên mặt đất tới trước mặt mọi người. Chàng đan sọt nói nhẹ với con tuấn mã:

- Không được vô lễ! Quỳ xuống trước mặt Tiết chế ngay!

Con tuấn mã nhẹ nhàng khụy hai vó trước, cái cổ to dài mềm mại cúi xuống đất. Hưng Đạo vương khen:

- Đến con vật người cũng biết dạy lễ nghĩa... Giỏi!

Chàng đan sọt gài cung bên sườn, đeo ống tên sau lưng cầm đao lên ngựa phi về trước. Rồi vừa điều khiển ngựa khi nhanh khi chậm, khi đang phi nước đại chợt đứng khựng lại, ngoặt sang phải, cây đại đao vù vù như gió cuốn. Đường đao như được nước chảy của con tuấn mã phụ họa, càng thêm biến hóa, khiến buổi sáng mùa thu như có thần khí bốc cao. Chàng xuống ngựa, một chân khụy xuống, hai bàn tay ấp vào nhau đặt trước ngực, đầu hơi cúi xuống, tất cả không thừa một cử chỉ. Hưng Đạo vương vuốt râu, ha hả cười, ngắm nghía bộ ngực nở, sáu múi ở ổ bụng cuộn lên. Bấy giờ mới cất tiếng hỏi:

- Tráng sĩ, tên họ là gì? Quê quán ở đâu?

- Bẩm! Thảo dân họ Phạm tên Ngũ Lão. Người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, châu Thượng Hồng. Cha thảo dân mất từ lúc thảo dân mới mười tuổi. Hiện ở với mẹ già. Làm nghề cày ruộng thuê. Lúc nông nhàn thì làm thêm nghề đan sọt...

- Phải chăng người là dòng dõi dũng tướng Phạm Cự Lượng?

- Nhà thảo dân sống nhiều đời ở làng Phù Ủng, không có gia phả... Cả dân làng cũng như thảo dân đều không rõ. Nhưng thảo dân nghĩ... chắc là không phải. Vì theo như mẹ thảo dân bảo ông nội và bố của thảo dân đều nhỏ bé và không thích chuyện võ nghệ. Chỉ có thảo dân này nòi ra như thế.

- Không sao! Ta chỉ hỏi vậy thôi! Bấy giờ người có muốn theo về kinh, đầu quân chống giặc Thát không?

- Đó là sở nguyện của thảo dân ạ! Nhưng xin thư cho năm hôm... để thảo dân về quê lợp lại mái rạ và đào giếng cạnh nhà cho mẹ. Giếng làng ở xa nhà. Thảo dân lấy việc quảy nước để rèn sức. Bấy giờ thảo dân được Tiết chế cho đi theo dắt ngựa thì phải đào giếng cho mẹ ạ!

- Người đứng dậy đi! - Hưng Đạo vương ra lệnh.

Ngũ Lão đứng thẳng lên, nhưng đầu vẫn hơi cúi giữ lễ.

- Nhà Tống đất rộng, người đông mà còn bị giặc Thát nuốt chửng. Còn Đại Việt ta, đất hẹp, người thưa... Người nghĩ thế nào?

- Dạ! Bẩm... Nhà Tống đã đến thời mạt vận... còn Đại Việt ta vận khí đang lên. Có Thái thượng hoàng anh minh, có vua sáng. Có Tiết chế là tôi hiền. Anh em phụ tử hòa thuận. Trên dưới một lòng thì lo gì giặc mạnh? Binh pháp có câu “Biết mình biết người trăm trận trăm thắng”.

- Vậy người biết gì về giặc Nguyên Mông?

Hưng Đạo vương tiếp tục đưa ra câu hỏi mặc dù cuộc gặp “không hẹn” trước đã gần nuốt trôi nửa khắc giờ. Voi ngựa và cả người đã thấy mỗi chân, gõ móng xuống đường còm cộp.

- Bẩm, giặc Nguyên có đội kỵ binh hàng chục vạn. Rất thiện chiến, cưỡi ngựa giỏi, bắn cung tài. Một lính kỵ có tới hai, ba ngựa nên việc hành binh rất thần tốc. Ở những vùng rộng lớn thì đây là thế rất mạnh của họ. Còn ở Đại Việt ta, đất hẹp lại bị chia vụn ra bởi các ao, hồ, sông, suối, đầm lầy... thì cái mạnh ấy không thể trở ra được nữa. Còn về tướng cầm quân Thái tử Thoát Hoan ít mưu lược, chỉ dựa dẫm vào tướng sĩ. Các tướng Nguyên Mông như Lý Hằng, Lý Quán, Trương Hiến, Phàn Tiếp, A Lỗ Xích, Tích Lệ Cơ Ngọc... có kinh nghiệm trận mạc nhưng cũng không dễ gì đánh thắng được các tướng của ta. Nhưng đáng sợ nhất là hai tên “soái” Toa Đô và Ô Mã Nhi. Toa Đô cao gần một trượng, nặng gấp đôi người thường. Chuyên sử một cây chùy gai, có xích móc vào cổ tay. Mỗi khi chùy của hắn nhắm tới đâu là chục mạng người đổ gục tới đó. Tên này lì lợm nhưng ít quyền biến cơ mưu, vào loại “Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy”, Ô Mã Nhi thấp hơn nhưng nặng hơn, nung núc những thịt, nhưng di chuyển chẳng lặc lè chút nào. Ô Mã sử thanh đao chuôi ngắn, to bản chém sắt như chém bùn. Tên này quyền biến cơ mưu, khá xảo quyệt. Đánh bộ đã giỏi mà đánh thủy cũng rất tài. Để chứng tỏ rằng ta đây không phải là kẻ dưng phu, trước lúc giao tranh hắn thường lý sự dài dòng con cà, con kê với đối thủ, như an ủi rằng người chết dưới tay ta đây là do người tự tìm đến, chớ có oán hận gì. Song le Ô Mã có “tử huyết” là khi có rượu ngon và gái đẹp bên cạnh thì “trời chỉ bé bằng vung”, trong quân doanh của hắn luôn lúc nhúc cả chục gái đẹp, chiến lợi phẩm hắn đem từ xứ tuyết Tiểu Nga về. Những cô gái

này đẹp như tiên nữ giáng trần. Mắt xanh, da trắng, tóc vàng. Tuổi mới mười lăm, mười sáu. Váy liền áo chỉ ngắn đến bẹn...

- Người kiếm những chuyện đó ở đâu, mà nghe kỳ vậy, - Hưng Đạo vương vừa cười thú vị, vừa hỏi.

- Dạ! Bẩm!... Từ lúc Đại Tổng bị Nguyên Mông tiêu diệt. Có tới chục vạn dân cư và binh lính người Hán chạy sang Đại Việt ta lánh nạn. Việc này chắc Tiết chế biết rõ hơn cả thảo dân. Thảo dân nghe chuyện Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật tuyển cả lính Tổng trong đó có tướng Triệu Trung sung vào gia binh của ngài. Còn những chuyện trên là do chính Triệu Trung đã nói với thảo dân trong mấy lần ở quán rượu phố huyện.

- À, thì ra người cũng ranh mãnh giỏi! - Hưng Đạo vương nửa khen nửa bỡn cợt.

- Dạ! Bẩm!... Thảo dân chỉ làm theo sự chỉ dạy của sư phụ! Người bảo muốn biết giặc Nguyên Mông thế nào cứ đi uống rượu với tàn binh Tổng sẽ rõ.

- Vậy sư phụ người là ai?

- Pháp danh của Người là Hồng Quang trụ trì tại chùa Bảo Sơn làng Phù Ủng ạ!

- Ta khá khen thầy trò người. Bây giờ bản vương hỏi tiếp. Như Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng, Tả quân Thánh dực (đạo quân tinh nhuệ bảo vệ vua) có đấu lại được với hai tên “soái” này không?

- Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng tuổi trẻ, tài cao, trí dũng, đảm lược đều đủ cả. Thương pháp của Bảo Nghĩa vương vốn được truyền từ đấng ngoại là vua Lê Đại Hành là thiên hạ vô địch. Nhưng về gân sức cũng không thể sánh được Toa Đô và Ô Mã Nhi. Nước Việt ta có một tướng đủ tài đao pháp và gân sức để chọi với Toa Đô, Ô Mã là Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái.

- Thế còn người? - Hưng Đạo vương ngắt lời.

- Bẩm!... Nếu so Khoái Đô tướng là chúa sơn lâm thì thảo dân chỉ là sói, cầy thôi ạ!

Hưng Đạo vương cả cười, lại đưa tay vuốt chòm râu đen và nói:

- Ta có hỏi người tự so với Đô tướng đâu? Ta muốn hỏi người tự so với Toa Đô, Ô Mã thì thế nào?

- Dạ! Thảo dân chưa chạm trán với hai đứa chúng nó thì làm sao có thể trả lời được ạ! Song chắc chắn có điều... khi lâm trận, thảo dân chỉ biết vì giang sơn Đại Việt mà lăn xả vào đánh. Dầu có chết cũng không từ nan!...

- Có khí phách lắm! Khá khen cho người... - Hưng Đạo vương nói. - Giờ ta phong cho người làm Tiền quân Đô úy. Chức này chỉ dưới Nguyễn Khoái hai bậc. Vậy từ nay khi xưng hô với bản vương người phải xưng là Tiền quân Đô úy, chứ không còn là thảo dân nữa nghe chưa?

- Thảo dân Đô úy xin tuân thượng lệnh ạ!

Đã “thảo dân lại còn Đô úy” khiến cả đoàn người đi cùng Hưng Đạo vương cười ầm cả lên.

Rồi quay sang Dã Tượng, Hưng Đạo vương lệnh:

- Người xuống lấy kiếm lệnh và ấn Tiền quân Đô úy cho Ngũ Lão.

Dã Tượng “dạ” và lùi về phía sau. Một lát quay lại đỡ Hưng Đạo vương bước xuống bành voi. Ngũ Lão quỳ cả hai chân dưới đất, bộ ngực vạm vỡ với hai tảng thịt vồng lên ưỡn thẳng, vươn hai tay cung kính nhận ấn kiếm cùng phẩm phục từ chính tay Hưng Đạo vương rồi cất tiếng sang sảng nhưng cũng không giấu được cả rưng rưng:

- Ngũ Lão này dẫu gan óc lầy đất cũng không báo đáp được ơn tri ngộ này của Tiết chế!

- Hãy đứng dậy đi! - Hưng Đạo vương giục - ta cho người nghỉ phép bảy ngày để về đào giếng và lợp lại mái rạ cho mẹ... đúng cuối giờ Dần bảy ngày sau người phải có mặt ở Giảng võ đường phía tây thành Thăng Long chờ lệnh. Nhớ ăn vận phẩm phục hàng hoàng.

Ngũ Lão “ạ” chấp tay vái lạy Hưng Đạo vương, cùng mọi người rồi nhảy phắt lên yên ngựa Tía phóng đi.

Hưng Đạo vương thúc đoàn lên đường gấp như để bù lại thời gian vừa mất. Rồi Người cất giọng hào sảng nói:

- Ba quân dễ kiếm một tướng khó tìm. Thực là trời đã cho ta Nguyễn Khoái, nay lại ban cho ta Ngũ Lão để chọi với hai thằng giặc Toa Đô và Ô Mã!

Cười ngựa bên bành voi của Hưng Đạo vương, Đỗ Khắc Chung nói:

- Tiết Chế có võ vàng quá không, khi trao cho hãn chức Tiền quân Đô úy? Bỉ chức nghĩ thấy tên này còn nhiều uẩn khúc chưa được sáng tỏ. Tỷ như chỉ là một tên nhà quê đan sọt hãn luyện tập ở đâu mà võ nghệ tinh thông đến vậy? Lại như tình thế địch ta hãn cũng nói lâu lâu... thì có thật đáng nghi không? Biết đâu hãn chả là... Hán gian do người Nguyên cài vào nước ta... để dò xét tình hình và thừa cơ “trong ứng - ngoài hợp”?

Hưng Đạo vương cả cười mà rằng:

- Chuyện bên Tàu khi xưa Phàn Khoái chỉ là tay bán thịt mà đứng đầu hàng quan võ, giúp Lưu Bang dựng nên cơ nghiệp nhà Hán bốn trăm năm. Đến như Trương Phi là một trong ngũ hổ tướng của Lưu Bị cũng chỉ là anh bán thịt chó. Thử hỏi hai người này luyện tập võ nghệ ở đâu? Còn ở Đại Việt ta, Đinh Tiên Hoàng để xuất thân từ trẻ chăn trâu. Chỉ với cò lau tập trận mà trở thành “Vạn Thắng vương”. Có điều đáng tiếc quá mất cảnh giác đến nỗi cha con cùng bị hành thích. Cơ đồ gây dựng biết bao khó nhọc bỗng chốc vào tay người khác. Âu cũng là số trời vậy! Và Lê Đại Hành nữa, năm mười bảy tuổi còn đi ở cho nhà phú nông. Ấy vậy mà võ công tuyệt đỉnh, “phá Tống bình Chiêm” lừng lẫy một thời, được ghi vào sử sách. Song chuyện tiếp nối nhà Đinh cũng còn có điều uẩn khúc khiến đến giờ vẫn còn điều tiếng dị nghị!...

Ngay như bản vương nếu không có giặc Nguyên Mông thì cũng chỉ là quý tộc tầm thường, chứ đâu được cái chức Tiết chế chỉ dưới hai người (chỉ Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông) còn trên cả triệu

người. Tại sao lại có chuyện như vậy? Phải chăng đó chính là thời thế tạo anh hùng đó ru?

Lời lẽ khúc chiết của Hưng Đạo vương khiến Đỗ Khắc Chung cứng họng. Suốt trên đường từ đó về kinh đô Thăng Long, hẳn không mở miệng nói thêm câu nào nữa.

Tuy nói vậy, nhưng khi Ngũ Lão vừa phóng ngựa vút đi Hưng Đạo Vương đã bí mật đưa mắt cho Dã Tượng. Hiểu ý chủ nhân Dã Tượng lại bí mật đưa mắt cho người đứng bên. Người này lại đưa mắt cho người thứ tư. Và đến người thứ năm lặng lẽ tụt khỏi đoàn tùy tùng, nhắm về Đường Hào châu Thượng Hồng (nay là huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên) theo hướng đường vòng quất ngựa phi nước đại.

Bốn ngày sau, vào buổi sáng tại sân sau phủ Tiết Chế phía tây thành Thăng Long, Hưng Đạo vương đang đi bài Tinh hoa kiếm thì Dã Tượng bước vào, ông bảo gia nhân vào vác đao của Dã Tượng ra, nói:

- Voi rừng hãy tỉ thí với cha dẫm chực hiệp.

Dã Tượng miễn cưỡng cầm đao đón đỡ. Hưng Đạo vương quát;

- Người dám trái lệnh cha à! Nếu người không hết sức, lưỡi gươm của ta sẽ lấy mạng người.

Đã gần ngũ tuần nhưng đường gươm của Hưng Đạo vương vẫn còn đầy uy lực và biến hóa bay bướm như “tuyết rơi, hoa nở”, khiến Dã Tượng là vị tướng thực sự cũng phải mướt mồ hôi mới chống đỡ được. Càng đánh càng hăng, đường gươm vừa che phủ kín bản thân, vừa có những biến hóa nhằm vào các chỗ hiểm của “voi rừng”. Dã Tượng vung đao nhằm vai Quốc công xả xuống, người vừa đưa kiếm lên đỡ, thì đường đao lia xuống ống chân. Hưng Đạo vương nhảy vọt lên, rồi bất ngờ, dùng một chân giẫm xuống lưỡi đao của Dã Tượng. Voi rừng cố sức rút lên mà không nổi. Trong khi đó lưỡi gươm sắc lẹm của Người đã kề vào cổ Voi rừng. Hưng Đạo vương quát to:

- Mi không tuân lệnh, dám nhường cha! Tội thật đáng chết!

Rồi bỗng cười vang, vứt thanh gươm báu xuống cỏ và bảo gia nhân châm một ấm trà Thái dạng mộc (chưa có ướp hoa hòe, hoa sói). Người chỉ thích dùng trà Thái mộc vào buổi sáng.

Khi chủ và tớ đã ngồi quanh chiếc bàn tròn gỗ lim dày cộp trên có lọng xanh xòe rộng, Hưng Đạo vương mở lời trước:

- Con uống nước đi! Chắc con đến bầm với cha chuyện của Ngũ Lão, đúng không?

- Vâng! Thưa, thám mã đã về nói về người ấy từ đêm qua. Sáng nay con vội vào bẩm, để cha mừng.

- Tin tốt lành chứ?

- Bẩm những lời Ngũ Lão bẩm với cha hôm trước đều là sự thật cả. Còn về tình tiết thì ly kỳ lắm cha ơi.

- Vậy vừa uống trà, vừa từ từ kể cha nghe.

- Cảnh chùa Bảo Sơn tại làng Phù Ứng có một cây sao cao vút...

Dã Tượng bắt đầu thuật lại lời của người thám mã. Năm đó Ngũ Lão mới sáu tuổi. Một sáng thơ thẩn qua chùa chơi nhật hoa đại rơi. Bỗng thấy chú chim non kêu chíp chíp liên hồi một cách thảm thiết gọi mẹ dưới gốc sao. Hai con chim bố mẹ bay lên rồi lại sà xuống quanh chú chim non mà không tài nào cứu con đưa lên to được. Cậu bé Ngũ Lão tần ngần đứng nhìn hồi lâu ra vẻ nghĩ ngợi lắm rồi vụt đưa ra một quyết định. Chú bé tóc trái đào nâng niu nhật chú chim non bỏ vào túi áo nâu của mình. Hai con chim bố mẹ sà vào vai chú bé mỡ tới tấp. Mặc kệ, Ngũ Lão cứ bám cái thân cây trèo lên.

Tổ chim ở chạc cao vút. Gần tới nơi mặt Ngũ Lão bị chim bố mẹ mổ cho sướt sát. May mà không có cú nào vào mắt. Trong tổ lúc nhúc mấy chú chim non nữa. Một tay bám chắc vào cành sao. Tay kia khẽ khàng thò vào túi móc chú chim non ra thả vào tổ... Nhưng lúc xuống mới là chuyện đáng nói. Lên thì còn có thể bấu chỗ này bám chỗ khác, chứ xuống tới đoạn gốc mới là điểm khó khăn nan giải. Ngũ Lão đang định thả cho người rơi xuống thì có tiếng của vị sư già cất lên:

- Cứ bám chặt đấy! Chờ ta vác chiếc thang dài ra.

Khi xuống tới đất, sư già nhìn vàng trán rộng, đôi mắt sáng, hai má như hai trái đào chín của Ngũ Lão thì hỏi:

- Sao con nghịch dại thế? Mà lũ chim đang sống yên ổn lại lên phá tổ của chúng?

Ngũ Lão trần tình lại đầu đuôi sự việc. Sư già buột ra tiếng khen:

- Con còn nhỏ tuổi mà đã có lòng “hiếu sinh”? Thật là đáng khen!... Thế nhà có ở gần đây không?

- Thừa sư cụ! Nhà con ở thẳng đường lớn này ạ! Cách đây một thôi đường. Cũng gần ạ!

- Thế tối nay, vào giờ Dậu, lúc gà lên chuồng, con bảo ta mời bố mẹ sang chùa để ta nói chuyện.

- Xin sư cụ đừng mách cha con chuyện sáng nay?

- Không, ta muốn bàn với cha con việc khác cơ. Nhớ nói cha người đừng lỡ hẹn.

Tối, cha Ngũ Lão sang chùa. Sư cụ nói:

- Ta ngắm thấy thằng bé mặt mũi sáng sủa, hơi thở nhẹ nhàng, lại rất có thiện tâm. Bởi thế ta nói từ mai để hấn sang chùa, quét sân và làm các việc lặt vặt. Lúc rảnh rỗi ta sẽ dạy chữ cho. Cơm ăn hai bữa nhà chùa nuôi.

Người cha sung sướng đến bàng hoàng, chỉ lắp bắp đáp được mấy tiếng:

- Đa tạ sư cụ! Thật là phúc cho nhà chúng con quá.

Ngũ Lão chăm chỉ làm việc. Cái chổi cao gấp đôi người, nhưng trong sân, ngoài ngõ, những góc ngách trong chùa, chỗ nào cũng sạch như lau. Còn về cái sự học, Ngũ Lão sáng dạ hơn người. Sư cụ dạy tới đâu Ngũ Lão nhập tâm ngay tới đó. Năm Ngũ Lão bảy tuổi sư phụ bắt đầu cho luyện võ. Mảnh vườn trồng rau rộng sau chùa, sư cụ cho trồng chuối bạt ngàn. Sau những bài đi quyền, xuống tấn, sư cụ bảo Ngũ Lão ra vườn xia vào các thân chuối. Phía góc chùa bên phải có một quả đôi đất đá ong nhỏ. Sư cụ bảo Ngũ Lão ra đấy, tung chân mà đập vào đôi đất. Khi nào đất ở đó bằng như sân chùa là được.

Năm Ngũ Lão mười ba tuổi võ nghệ đã tinh thông. Chữ nghĩa cũng đã đọc xong vài trăm quyển. Sư cụ cho đào một hố nhảy dài. Dưới hố thay vì trải cát, sư cụ cho cắm cái vật sắc nhọn rồi bảo Ngũ Lão nhảy qua. Không một chút chần chừ mắt môi mắt lợi Ngũ Lão chạy lấy đà nhảy qua hố. Sư cụ đứng ở giữa chừng, tay thủ sẵn một chiếc gậy gỗ sau lưng. Khi Ngũ Lão

sắp sa xuống hố chông thì sư cụ vung gậy gạt vào lưng, đẩy Ngũ Lão vọt qua.

- Nếu ta không giúp được con bay qua hố chông thì sẽ thế nào? - Sư phụ hỏi.

- Dạ! Sư phụ có bảo con nhảy vào đầu sôi lửa bỏng, con cũng không từ huống là mấy cái gai cái chông này thì có hề hấn gì - Ngũ Lão khẳng khái đáp.

Sư phụ quăng cái gậy gỗ, nghiêm trang nói với Ngũ Lão:

- Từ mai con không phải làm bất cứ việc gì trong chùa để chuyên tâm vào việc học văn, luyện võ.

Ngũ Lão kính cẩn đáp:

- Bẩm sư phụ! Con không động tay, động chân vào việc đồng áng là ngựa ngáy không chịu được. Con sẽ dậy sớm thức khuya hơn. Sư phụ bằng lòng cho con đi!

Sư phụ ngựa cổ lên trời mà khen rằng:

- Con mới tí tuổi đầu mà đã có chí khí của kẻ trượng phu.

Cha mất sớm từ khi Ngũ Lão mới lên mười. Mẹ lại yếu đau luôn. Ngũ Lão phụng dưỡng mẹ rất có hiếu. Mọi việc nặng nhọc trong nhà. Ngũ Lão giành lấy làm cả. Thức ăn nhà chùa cho về, bao giờ Ngũ Lão cũng mời mẹ trước.

Năm 17, Ngũ Lão đã trở thành thợ cày giỏi nhất hương. Có nhà phú ông thách Ngũ Lão cày năm mẫu ruộng trong một ngày. Ngũ Lão đáp:

- Sức người có thể kham nổi. Nhưng sức trâu thì không kham được.

- Người nói thế nào thế? Chẳng lẽ sức người lại hơn cả sức trâu à? Phú ông hỏi lại.

- Vâng!

- Nhà ta có gần chục con trâu cày. Người muốn thay mấy con tùy ý. Cày xong năm mẫu trong ngày ta thưởng cho mười bồ thóc. Không cày xong

phải lĩnh năm mươi hèo.

Sáng sớm Ngũ Lão dong trâu ra đồng. Cày đến chính Ngọ thì tháo trâu, xả xuống đôi quang gánh một bên là rễ khoai lang luộc, bên kia là nồi nước chè xanh. Loáng một cái Ngũ Lão đã đả hết rễ khoai và uống cạn nồi nước chè. Rồi thay trâu cày tiếp đến hết giờ Mùi.

Trời nắng như đổ lửa. Cánh đồng vắng tanh, vắng ngắt không một bóng người. Ngũ Lão thay con trâu thứ ba cày tiếp. Đến đầu giờ Dậu thì cả năm mẫu ruộng đã được cày xới ngon lành. Đường cày thẳng băng, không sâu quá mà cũng không nông quá. Chỗ vào góc, đường lượn gọn gàng ôm khít bờ mương. Ai ra trông cũng phải lắc đầu lè lưỡi. Tối phú ông lên giữ Ngũ Lão ở lại dùng cơm rượu, uống được vài tuần thì phú ông cáo nhứt đầu đi năm. Tiếp Ngũ Lão chỉ còn cô con gái của gia chủ. Cô đã cứng tuổi ở độ ngoài hai mươi. Mắt đen, môi đỏ, da trắng hồng. Mượn men rượu cô nói với Ngũ Lão nhưng giọng lại rất nghiêm trang:

- Mẹ ta mất sớm! Bố ta sinh được mỗi một mụn con gái là ta. Cơ ngơi này trải qua bao nhiêu đời mới gây dựng lên được. Nay vì không có con trai nối dõi, ta không đành lòng nhìn mồ hôi, công sức của ông cha ta rơi vào tay kẻ khác. Bởi thế ta mới không lấy chồng. Mặc dù có đến chục đám con nhà cũng khá giả, thuộc loại “con ông cháu cha” rắp ranh “bắt sê”. Song ta đều từ chối cả. Ta đã thề sẽ kiếm một đứa con riêng, nó sẽ mang họ ta. Lớn lên cho học hành tử tế, để cai quản cái gia sản này. Tuy nhiên tìm mãi chưa được người. Nay ta thấy người thật thà, khỏe mạnh muốn xin người một đứa con. Ta sẽ trả người một trăm quan tiền.

- Đa tạ sự tin cậy của cô nương! Nhưng việc vợ chồng là “cái duyên ông trời se cái que ông trời buộc”. Có phải là loài vật như con trâu, con bò đâu mà phối giống là được! - Ngũ Lão nghiêm trang đáp.

- Người dám mạt sát ta chẳng? - Cô chủ giận dữ đáp.

- Ngũ Lão này không dám! Chỉ muốn nói về cái đạo lý làm người thôi.

- Vậy thì người về đi! Ngày mai ta sẽ cho người chở mười bò thóc sang nhà trả công cho người.

Khi Ngũ Lão đã ra đến ngõ rồi thì tiếng cô chủ liền láu gọi theo:

- Chờ ta một tí. Ta có chút quà gọi là có chút lòng gửi cho mẹ người.

Ngũ Lão dừng lại. Trời không trăng, dưới rặng tre đầu ngõ tối om. Cô chủ nhào tới quàng lên cổ Ngũ Lão một tấm lụa tơ tằm mát rượi. Tiện tay cô chủ đặt lên vòm ngực nở nang như cánh diều của Ngũ Lão. Và đặt ở đó rất lâu. Ngũ Lão cảm nhận bàn tay của cô chủ mỗi lúc một ấm lên. Đến khi cô chủ ngả đầu vào vai mình thì Ngũ Lão nhẹ nhàng đẩy ra và nói:

- Tôi về đây! Nhỡ ai trông thấy thì chết!

- Ta là gái còn không sợ thì người sợ cái gì? Làng muốn bắt vạ ta. Ta không chồng mà chữa thì ta mỗ ba bò, chín trâu khao cả làng chứ xá gì! - Cô chủ bỗng gào lên.

Dã Tượng kể tới đó thì Hưng Đạo Vương cũng bật cười và hỏi lại:

- Các người lấy đâu ra những chuyện góc ngách tận sau lũy tre ấy!

- Thưa cha! Ở làng quê có cái gì giấu được ai đâu! Lúc cô chủ ngồi uống rượu với Ngũ Lão đã có vài ba đôi mắt lăm lét từ các phía sẫm soi rồi. Lại chuyện này nữa. Đầu năm, sau dịp tết Nguyên đán, từ Rằm tháng Giêng trở ra, ở châu Thượng Hồng thường tổ chức hội vật. Các già làng muốn Ngũ Lão tham dự để mang tiếng thơm về cho quê hương bản quán. Ngũ Lão đều từ chối. Nhiều người chê Ngũ Lão là “nhát” thì Ngũ Lão đáp lại “Biết mình hơn người ta thì đấu làm gì? Thế chẳng phải là lấy mạnh hiếp yếu sao?”

Nhưng rồi trước sự giục giã của cả làng, năm ấy Ngũ Lão phải lên xới. Ngũ Lão cời trần, đóng khố bước ra giữa xới vật nghiêm giọng thách đấu:

- Ta không vật lại! Ai bằng cách gì làm ngã được ta thì người ấy thắng cuộc.

Nhiều đô vật đã lao vào. Mắm môi mắm lợi ôm lấy đùi Ngũ Lão hòng nhấc bổng lên rồi quật Ngũ Lão xuống. Song hai chân Ngũ Lão như rễ cây cổ thụ đã cắm sâu xuống đất. Một đô quá tức tối, bèn lùi lại rồi chạy lấy đà dùng đầu húc cực mạnh vào giữa ngực Ngũ Lão. Ngũ Lão vẫn điềm nhiên như không. Còn đô vật kia thì bắn xa ra mấy thước.

Rồi vái lạy hàng ngàn người, Ngũ Lão dời khỏi xới vật, khoác chiếc áo cánh nâu rảo bước ra về. Dân làng Phù Ứng đi theo, khoanh tay thành kiệu mời Ngũ Lão ngồi lên, Ngũ Lão đã chấp tay từ chối.

Biết Ngũ Lão có sức khỏe và võ nghệ hơn người, mấy lần ngồi uống rượu tướng Triệu Trung đã ngỏ ý tiến cử Ngũ Lão với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Nhưng Ngũ Lão lảng đi, hỏi sang chuyện khác.

- Có chuyện đó thật sao? - Hưng Đạo vương bật dậy hỏi lại.

- Thưa cha có chuyện đó thực như mặt trời mọc buổi sáng.

Rồi, gã Voi rừng ở gần người trí tuệ như Hưng Đạo vương nên cũng dần “sáng dạ” ra, ngẫu hứng mà rằng:

- Đúng là chim khôn biết chọn cây mà đậu! Người khôn biết chọn chủ mà thờ!

Câu cảm thán đó của Voi rừng khiến Hưng Đạo vương vô cùng đặc ý. Người vươn vai đứng dậy. Và trong giữa buổi sáng mùa thu đẹp trời ở đất Thăng Long, càng khiến cho tinh thần của Người thêm phấn chấn. Người bước ra sân cỏ, cúi xuống nhặt thanh kiếm báu lên; nghiêm trang đứng thẳng người cầm gươm chỉ về phương Bắc mà nói lớn rằng:

- Bớ lũ giặc phương Bắc kia! Chúng bay đừng hòng mơ tưởng đến, dù là một tấc đất của Đại Việt ta!...

Trở lại chuyện, bảy ngày sau lời hẹn của Hưng Đạo vương, Ngũ Lão, vào cuối giờ Dần đã có mặt ở Giảng Võ đường phía tây thành Thăng Long. Cờ xí cắm rợp trời, tiếng trống đánh, tiếng loa thét inh ỏi cả một khu vực rộng lớn. Ngũ Lão thúc con Tía đỉnh đạc vào cổng chính. Quân canh cửa ngăn lại quát:

- Người kia đi đâu? - Những ngọn giáo lăm lăm chĩa vào cả người lẫn ngựa.

Ngũ Lão rút thẻ đồng nhét dưới bụng áo chừa ra và bảo:

- Bấm với Tiết chế rằng thảo dân Đô úy đã có mặt!

Tiếng loa sắt vọng vào trong thì gần như ngay lập tức có tiếng loa đáp lại:

- Truyền lệnh của Tiết chế cho tân Tiền quân Đô úy vào!

Rồi một tên lính phi ngựa ra dẫn đường. Vừa qua cổng. Ngũ Lão đã choáng ngợp bởi hàng vạn người ngựa đã xếp thành từng khối trong Giảng Võ đường tự bao giờ. Chính giữa là kỳ đài. Hai vua Trần đứng ở giữa. Các hoàng thân quốc thích theo thứ tự phân cấp đứng bên phải. Các võ tướng đứng ở bên trái. Ngũ Lão cúi rạp người trên mình ngựa. Tên lính dẫn đến sát chân kỳ đài thì ra hiệu cho Ngũ Lão xuống ngựa. Một tên nhận dây cương từ tay Ngũ Lão dắt ngựa ra phía sau. Một tên khác hướng dẫn cho Ngũ Lão đứng lên vị trí của mình, dưới quan Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái hai bậc. Còn đang ngược đập chân run Ngũ Lão đã nghe thấy những tiếng la ó từ phía bên phải hai vua Trần. Chỗ của các quan lại quý tộc. Rồi một tiếng đồng đạc cất lên hỏi Hưng Đạo vương:

- Cái thằng nhà quê đan sọt kia, có công tích gì mà được Tiết chế một bước cho lên chức Tiền quân Đô úy.

Mọi người nhìn lại nhận ra người vừa hỏi câu đó là Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư.

- Nếu người không phục thì có dám tử thí với tên Đô úy chăng? - Hưng Đạo vương lớn tiếng đáp.

- Ta đây đường đường là quý tộc là Nhân Huệ vương tôn thất của nhà Trần mà lại thềm tử thí với tên nhà quê đầu đường xó chợ đó sao?

Hưng Đạo vương cũng không vừa, chế nhạo lại:

- Sao người chóng quên vậy. Mới cách đây mấy tháng người đâu có phải Nhân Huệ vương, mà là một tên đốt than ở vùng Chí Linh Hải Dương. Một tên đốt than tử thí với anh nhà quê đan sọt thì có gì là không “môn đăng hộ đối”!...

Tiếng một người con gái đứng sát ngay phía sau hai Vua Trần thích thú cười ré lên và đế vào:

- Đốt than đấu với đan sọt. Thật là tương kỹ tương đồng!

Chúng nhìn ra thì đó là công chúa An Tư con gái út của Thái thượng Thái hoàng Trần Thái Tông. An Tư đã ngoài hai mươi cái xuân xanh, mà vẫn chưa kén được phò mã trong khi các công chúa khác chỉ mới mười sáu, mười bảy thì đã yên bề gia thất cả rồi. Không phải An Tư không có sắc đẹp. Mà ngược lại nàng có khuôn mặt sáng ngời như trăng Rằm, mái tóc dày đen thả ra dài tới gót. Mũi dọc dừa, mắt như hai hồ nước có những vòng sáng xanh biếc như muốn “dìm chết” người ngắm nhìn. Các vương tôn công tử trong hoàng tộc không chỉ sợ những vòng sáng xanh biếc đó, mà còn hãi cái tính ngỗ ngược của công chúa. Bên sườn nàng lúc nào cũng đeo một con dao găm lưỡi cong, sắc lẹm. Có điều gì trái ý là rút dao găm ra liền. Nàng là người con gái duy nhất được có mặt và dám có mặt ở Giảng võ đường trong buổi lễ duyệt quân vô cùng trọng đại này. Hồi Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư chưa vướng vào chuyện với công chúa Thiên Thụy vợ Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn, hai vua Trần đã muốn gả An Tư cho Khánh Dư. Khánh Dư lấy làm hãnh diện và thích thú lắm. Nhưng Công chúa cứ lắc đầu quầy quậy. Thậm chí còn tuyên bố thẳng thừng rằng: “Nếu

hai thánh thượng cứ quyết thì đêm tân hôn ta sẽ biến Nhân Huệ vương thành Công công”. Hai Vua Trần phải lắc đầu thoái lui.

Lại nói Trần Khánh Dư, con trai của Thượng tướng quân Trần Phó Duyệt. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lược lần thứ nhất (1258) lúc đó chưa đầy hai mươi tuổi, nhưng Khánh Dư đã dũng cảm tập hợp gia binh của cha được hơn ngàn người. Rồi nhân lúc quân giặc sơ hở, đã dũng mãnh tập kích đánh úp vào sau lưng doanh trại của chúng. Đốt hết lương thảo và xua đàn ngựa chiến của chúng hoảng loạn để quân Đại Việt bắt được cả ngàn con. Với chiến công ấy, vua Trần Thái Tông khen là người có trí dũng, tỏ ra yêu mến lắm, nhận là Thiên tử nghĩa nam (tức là con nuôi của vua). Mấy năm sau, vua Trần Thánh Tông sai Khánh Dư đi dẹp quân Man nổi loạn ở vùng Đà Bắc. Khánh Dư có tài đánh thủy, đã mưu trí dũng cảm dùng thuyền độc mộc vượt thác sông Đà đánh thẳng vào động chúa. Quân Man tan rã, chúa Man xin hàng. Nhờ chiến tích đó Khánh Dư được phong tới chức Phiêu kỵ tướng quân (chức chỉ dành cho các hoàng tử) và được phong từ tước hầu lên tước vương. Trần Khánh Dư văn võ song toàn, đường gươm của Nhân Huệ vương như “tuyết rơi, hoa nở”, có thể xông vào đám quân cả ngàn như vào chỗ không người. Khánh Dư người cao chân dài miệng rộng, môi mỏng. Mắt hơi lồi với hàng mi dài mà cong. Mũi cao, hai cánh mũi mỏng ăn sâu vào tròng rất đậm dãn. Khánh Dư thích chơi bời, săn bắn. Những lúc Khánh Dư đi săn về, oai vệ ngồi trên mình ngựa trắng, chú chim ưng lông đỏ, mỏ quặt đậu trên vai là lúc hình ảnh Khánh Dư đẹp nhất. Các thiếu nữ mới lớn thì si mê cái vẻ lãng mạn rất nam tính toát ra từ phong thái ung dung bất cần đời của Nhân Huệ vương. Còn cánh phụ nữ đã có chồng thì lại mê mẩn bởi sức hấp dẫn đến không thể cưỡng lại được từ đôi chân dài.

Mỗi lần thấy Khánh Dư đi săn về, oai phong trên mình ngựa trắng đi ngang qua phủ là ruột gan công chúa Thiên Thụy, vợ của Hưng Võ vương Trần Quốc Nghiễn (con trai cả Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn) lại cồn cào tội độ. Có lần công chúa đã những nhảy bổ ra ôm chầm lấy đôi chân dài của Khánh Dư rồi muốn ra sao thì ra. Công chúa Thiên Thụy ngược nở,

mông cong, hai mắt và đôi môi lúc nào cũng ướt át đầy vẻ thèm khát. Vốn là kẻ già dặn trong tình trường chỉ liếc mắt qua là Khánh Dư đã biết “con mồi” của mình muốn gì? Song Nhân Huệ vương luôn “tĩnh bơ” như không thèm để ý, khiến ruột gan Thiên Thụy càng cồn cào hơn. Rồi cái gì phải đến đã đến. Chiều đó giả vờ đi săn về, Khánh Dư lại “điều” ngựa ngang qua phủ Hưng Võ vương. Lúc ấy Thiên Thụy đang chơi với một chú thỏ trắng trong vườn thì nhanh như chớp con chim ưng trên vai Khánh Dư bay vụt lên, dùng các móng vuốt quắp ngang thân con thỏ trắng rồi vẫy cánh bay lên một cành cây trong phủ, dùng chiếc mỏ quắp xé thịt con mồi đánh chén ngon lành. Khánh Dư vội vàng nhảy xuống ngựa chạy thẳng vào phủ, nhún người xin lỗi công chúa vì hành vi “cướp” của “thủ hạ” mình. Công chúa mắt sáng long lanh, miệng cười đon đả bảo:

- Ô, chuyện không có gì! Không có gì! Mời Nhân Huệ vương vào phòng khách.

Được lời như cời tấm lòng đôi chân dài của Khánh Dư theo sát công chúa vào bên trong phủ. Khi cánh cửa gỗ lim phòng khách vừa đóng sập lại thì hai cơ thể đã quấn chặt lấy nhau. Chẳng cần màn dạo đầu hôn hít. Khánh Dư bóc váy áo của Thiên Thụy. Và ngược lại những ngón tay của công chúa vội vàng cởi chiếc quần đi ngựa rộng thùng thình của Khánh Dư. Khi thân thể cả hai đã được bóc trần, Khánh Dư luồn tay dưới cặp mông mẩy và cong của công chúa nhắc lên ngang với chiếc “cần câu” dài và thẳng đứng của mình. Rồi chẳng cần giường chiếu, với sức khỏe của một võ tướng đang ở tuổi xung mãn nhất Khánh Dư lúc đẩy mông Thiên Thụy ra, lúc đập mông công chúa vào, tạo nên một nhịp điệu đơn giản nhưng vô cùng hiệu quả. Công chúa Thiên Thụy rú lên sung sướng theo nhịp đôi đơn giản đó. Lúc cao trào nhất đôi tay Khánh Dư đưa ra, ập vào dồn dập như người đẩy cối xay lúa, khiến công chúa nấc lên:

- Ối! Nhân Huệ vương! Ta chết mất! Ối!..

Rồi như mèo đã quen mỡ, vài ngày không gặp được nhau là cả hai đều thấy bồn chồn. Bởi thế mỗi khi Hưng Võ vương có việc vắng nhà là Thiên

Thụy lại thả chim bồ câu gọi Khánh dư tới. “Cái kim trong bọc lâu ngày cũng phải thòi ra” Một lần Khánh Dư đi vắng, cánh thư buộc ở chân chim câu không được gỡ ra thế nào lại rơi vào tay Trần Quốc Nghiễn. Biết công chúa cảm sùng mình, nhưng cũng lo Khánh Dư xảo quyết lại là Thiên tử nghĩa nam nên Hưng Võ vương phải lập kế vờ về Vạn Kiếp thăm cha mấy ngày. Nửa đêm Hưng Võ vương đưa gia binh vây kín phủ, đèn đuốc sáng trưng. Biết sự việc đã bị phát giác, trong lúc công chúa cuống cuống sợ hãi thì Khánh Dư vẫn bình thản:

- Nàng là công chúa. Còn ta con nuôi Thiên tử. Xem hãn làm gì nào?

Rồi ung dung xách gươm bước ra khỏi phòng the. Quốc Nghiễn lăn xả vào đâm và chém loạn xạ. Khánh Dư chỉ đón đỡ chứ không đánh lại. Quốc Nghiễn càng điên cuồng khi thấy công chúa nhảy ra có ý che đỡ cho tình địch. Lợi dụng cơ hội đó Khánh Dư thích một mũi gươm vào vai Quốc Nghiễn rồi mở đường máu tháo chạy. Đám gia binh của Hưng Võ vương biết Khánh Dư là tay kiếm không vừa, nên chỉ vây ở vòng ngoài hò hét, chứ không ai dám xông vào. Khánh Dư ung dung ra chuồng tháo ngựa, nhảy lên và phóng vọt qua cổng phủ.

Sáng sớm hôm sau, Quốc Nghiễn mang cánh tay bị thương còn ướm đẫm máu vào châu hai vua Trần. Dập đầu xuống sàn, râu khóc xin hai vua trả lại sự “công bằng” cho mình.

Vẫn biết Khánh Dư là kẻ “trắng hoa” nổi tiếng, nhưng liều lĩnh đến mức như thế này, là điều hai vua Trần cũng không thể tưởng tượng được. Một đấng là Thiên tử nghĩa nam, lại từng có công với nước, nếu Trần Quốc Nghiễn không phải là con trai cả của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn chắc Khánh Dư chỉ bị quở trách cho lấy lệ và phạt mấy mâm vàng cùng vài trăm mẫu ruộng là xong. Nhưng thế của Hưng Đạo vương, mặc dù lúc ấy chưa được phong Quốc công Tiết chế nắm giữ toàn bộ binh quyền nhưng cũng đủ làm nghiêng nước. Bởi thế Thượng hoàng Trần Thánh Tông phải ra lệnh bắt trói Khánh Dư ngay. Toàn bộ gia sản bị tịch thu xung vào công quỹ. Chiều tối Thượng hoàng ra lệnh giải Khánh Dư lên bờ Hồ Tây, dùng

gậy đập chết rồi quăng xác xuống hồ nuôi cá. Chính ngôn là như vậy. Song mặt khác cả hai vua đều tiếc cái tài của Khánh Dư. Mà người tài đối với quốc gia xã tắc lúc này, trước họa xâm lăng của quân Nguyên Mông lại cần hơn lúc nào hết. Do vậy mới ngầm sai lũ lính đó rằng: “Có đánh thì đánh nhẹ tay, đánh làm phép thôi! Chờ đêm tối cắt dây trói! Thả cho hãn muốn đi đâu thì đi!” Nửa đêm Khánh Dư trở về phủ, lấy thanh kiếm và ít bạc lẻ dặt bên mình và con chim ưng, dời bỏ kinh thành Thăng Long về vùng núi Chí Linh, Hải Dương tụ tập lũ vô công rồi nghề, sinh sống bằng việc đốt than. Hưng Đạo vương và bốn anh em Trần Quốc Nghiễn cho người dò tìm, biết hết cả chân tơ kẽ tóc của vụ việc. Theo luật pháp của triều đình, phò mã mắc tội quan hệ với đàn bà con gái khác thì bị khép vào tội “khi quân” phải xử chém. Chẳng may công chúa chết phò mã cũng không được lấy vợ khác. Có lấy thì cũng chỉ “lấy trộm” chứ không được “chính danh”. Còn ngược lại phò mã không may chết trước, thì vài tháng sau công chúa có quyền tuyển phò mã mới. Còn việc công chúa có hứng chí đi “cắm sừng” thì phò mã cũng phải chịu cảnh “ngậm bồ hòn làm ngọt”. Bởi thế Quốc Nghiễn tức đến gần như phát điên, sau khi biết rõ tung tích Khánh Dư ở vùng núi Chí Linh định đưa gia binh tới giết. Em út là Hưng Trí vương Trần Quốc Hiện bảo:

- Khánh Dư kiếm thuật cao siêu. Dùng cách đó chưa chắc đã giết được. Mà mọi việc lại ầm ĩ lên. Chi bằng khoanh vùng rừng hãn đang ở lại. Cho lính tưới dầu xung quanh rồi phóng hỏa đốt thì dầu hãn có phép “thăng thiên độn thổ” cũng không thể thoát được. Trên danh nghĩa Khánh Dư đã làm mồi cho cá rồi. Triều đình có biết cũng không thể bắt tội được.

Quốc Nghiễn khen đấy là “diệu kế” và chuẩn bị thi hành thì Hưng Đạo vương cho gọi cả bốn con đến Vạn Kiếp. Người bảo:

- Tội Khánh Dư dầu có lột da xẻ thịt cũng đáng. Nhưng Khánh Dư là người tài trong thiên hạ. Hai thánh thượng vì tiếc cái tài của nó mà đã ngầm ra lệnh khoan dung. Nay ta làm hóa ra cha con ta “không có mắt sao”. Như cha đây, khi trước mẹ các con là công chúa Thiên Thành đã được gả cho Trung Thành vương. Kinh thành mở hội hoa đăng bảy ngày bảy đêm. Qua

đêm thứ sáu định chiều ngày thứ bảy thì rước dâu. Nhưng ta đã cướp công chúa từ sáng sớm. Thượng hoàng Trần Thái Tông và vua Trần Thánh Tông hoàn toàn có thể ghép ta vào tội lăng trì, tòng xẻo. Nhưng hai Thánh thượng đã không làm vậy, các con có biết vì sao không? Vì hai Thánh thượng biết cha là người tài bởi thế mà bỏ qua cả phép nước. Cha chỉ phải trả lại hai mâm vàng sính lễ cho Trung Thành vương và nộp phạt hai ngàn mẫu ruộng ở vùng Mỹ Đức Hà Tây. Các con ạ. Vua sáng không phải thời nào cũng có đâu? Là trang nam tử phải biết lấy báo đền nợ nước làm trọng. Còn chuyện đàn bà nhẹ như lông hồng.

Nhờ thế mà Trần Khánh Dư thoát chết.

Bốn năm sau. Năm 1282, hai vua Trần tổ chức hội nghị quân sự ở bến Bình Than. Cho Tiết chế được quyền bổ nhiệm và bãi các chức võ quan từ Đô tướng đến Đô úy.

Trong màn sương mù mờ ảo, từ trong thuyền rồng vua Trần Nhân Tông chợt thấy một thuyền nan ghé qua. Người chèo thuyền đội nón lá, áo tơ. Nhìn đôi chân dài, linh tính như mách bảo nhà vua, người bèn gọi vọng ra:

- Trần Khánh Dư hả?

Người chân dài mặc áo tơ, nón lá vội chèo thuyền đi thẳng. Vua Nhân Tông nghĩ chỉ có Khánh Dư mới có gan cho thuyền sát vào nơi triều đình đang họp, bèn sai quân lính lấy thuyền nhẹ đuổi theo. Quả nhiên, linh cảm và suy đoán của nhà vua là đúng.

Khánh Dư bước lên thuyền rồng. Mặt mũi lấm lem than. Nhớ tới hình ảnh của Nhân Huệ vương cười ngựa trắng oai hùng hồi nào, vua Nhân Tông rơi nước mắt, và sai quân hầu đưa Khánh Dư đi tắm gội, thay phẩm phục của triều đình. Tiếp đó vua phong cho Khánh Dư chức Phó đô tướng thủy quân. Trả lại tước vương cùng phủ ở kinh thành. Và cho ngồi ở hàng thứ ba cùng bàn việc nước...

Trở lại Giảng võ đường, trước sự dồn ép giễu cợt của Hưng Đạo vương lẫn công chúa An Tư, Đỗ Khắc Chung (người ngoài hoàng tộc duy nhất

được đứng bên hai vua Trần) vốn từ lâu đã kết thân với Trần Khánh Dư vội đỡ lời:

- Muôn tâu hai Thánh thượng! Bấm Tiết chế! Chuyện đốt than của Trần Khánh Dư dù thế nào cũng là chuyện đã qua. Khánh Dư đường đường là Nhân Huệ vương, là người trong hoàng tộc... Bởi thế thần trộm nghĩ để cho Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái tử thí với tân Đô úy Ngũ Lão là... thích hợp hơn cả.

Hưng Đạo vương đã tính tới khả năng này, vả lại chuyện giấu cột, làm nhục Khánh Dư đến vậy cũng đã đủ, nên Người ra lệnh hỏi:

- Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái có bằng lòng tử thí với tân Đô úy Phạm Ngũ Lão chăng?

Đang đứng trên Ngũ Lão hai bậc, nhưng mặc cho mọi chuyện đang ồn ào diễn ra, Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái như người đang mơ ngủ, nên khi nghe Quốc công Tiết chế nhắc đến tên mình thì hơi giật mình choàng tỉnh.

Tiếng loa sắt của tên quan hầu nhắc lại lời Hưng Đạo vương một lần nữa. Nguyễn Khoái “Dạ!” và nói:

- Xin tuân lệnh! Đấu vật hay so đao Khoái này đều không chối từ!

Tiếng reo to từ cả hai phía trên kỳ đài:

- Đấu vật trước!

Thảm vật được quân lính nhanh chóng trải ra. Trống vật cũng được khêh tới. Nguyễn Khoái cùng Phạm Ngũ Lão đều trút bỏ võ phục. Nguyễn Khoái đánh một chiếc khố sồi màu đen. Ngũ Lão vận khố sồi màu đỏ. Viên quan chủ khảo đánh ba hồi trống dạo. Nguyễn Khoái cùng Ngũ Lão vừa múa các bài dạo đầu, vừa cúi chào hai vua Trần cùng Tiết chế. Ba hồi trống vừa dứt, hai đô nhanh như cắt lao vào nhau như hai con trâu chọi. Người Nguyễn Khoái vâm vấp như một gốc lim cổ thụ. Da ngăm ngăm đen, trán hơi thấp, râu quai nón cạo rỗng bằng dao găm mọc lại lờm chờm. Ngũ Lão

da trắng, trán cao, mắt sáng môi đỏ đã hút hồn công chúa An Tư ngay từ lúc thúc ngựa chậm rãi bước một vào Giảng võ đường.

Hai đối thủ ghì chặt lấy nhau. Đầu thúc đầu. Vai tì vai, cánh thích cánh, không ai chịu kém cạnh ai. Cánh tay trái của Ngũ Lão cuộn các chèo thịt trắng hồng nổi bật hai chữ “Sát Thát” mới thích xanh đen khiến Hưng Đạo vương vừa ưng ý đánh mắt cho mọi người vừa vuốt chòm râu đen trước ngực.

Ghì đẩy một hồi lâu, hai đôi chân như mọc rễ xuống đất. Bất ngờ Ngũ Lão xoay người, tì vai vào ngực Nguyễn Khoái cúi người thực hiện một cú quật. Như người khác trước đòn đánh bất ngờ, nhanh và mạnh như vậy chắc đã “lấm lưng, trắng trụng”. Nhưng “gốc gỗ lim cổ thụ” chỉ bị lạng sườn qua một bên. Nhanh như cắt, Ngũ Lão vòng hai tay ôm được bụng Nguyễn Khoái, gắng hết sức hình sinh “nhổ gốc lim cổ thụ” lên. Nguyễn Khoái hơi loạng choạng. Hai chân bị bứt lên trên mặt thảm vật. Nhưng Ngũ Lão cũng không thể quật ngã được Nguyễn Khoái. Chỉ trong chớp mắt Nguyễn Khoái đã lấy lại được thăng bằng, hai chân lại “mọc rễ” xuống đất. Tuy nhiên quan chủ khảo đã gõ dùi vào thành trống ra hiệu kết thúc keo vật và cầm tay Ngũ Lão giơ lên tuyên bố là người thắng cuộc. Nguyễn Khoái nổi xung thách:

- Ngũ Lão! Người có dám so đao với ta trên lưng ngựa chăng?

- Bẩm! Chờ lệnh của Tiết chế! - Ngũ Lão chấp tay hướng lên kỳ đài thưa.

Hưng Đạo vương quát xuống:

- Hai hổ chọi nhau, tất có con chết con bị thương! Ta chỉ cho phép hai người so bằng sống đao. Kẻ nào dùng lưỡi sẽ trị theo quân luật.

Lính dắt hai ngựa ra. Trên lưng con Tía, Ngũ Lão chấp tay nói với Nguyễn Khoái:

- Đệ xin nhường hiền huynh ba đao!

Không nói không rằng, Nguyễn Khoái vung sống đao chém liền ba nhát, Ngũ Lão nói lớn:

- Giờ hiền huynh xem đao pháp của đệ đây!

Hai ngựa vòng ra rồi ngay lập tức lao vào. Tiếng binh khí va vào nhau chan chát. Đường đao của Ngũ Lão bay lượn đẹp mắt bao nhiêu thì đường đao của Nguyễn Khoái chắc nịch bấy nhiêu. Càng đấu càng hăng. Đã ngoài năm mươi hiệp mà không bên nào chiếm được lợi thế so với bên kia. Khi hai ngựa vừa quay ra để chuẩn bị lao vào nhau, bắt đầu một hiệp đấu mới thì Hưng Đạo vương quát lớn:

- Dừng tay.

Bốn vó trước của hai con chiến mã dựng đứng lên, rồi nện xuống đứng im phắc.

Hưng Đạo vương hỏi lớn:

- Bây giờ có ai suy bì với tân Đô úy chẳng?

Công chúa An Tư đáp:

- Thăng Ngũ Lão lên Đô tướng mới xứng!

Khánh Dư đánh mắt lờm An Tư. “Như thế thì tên nhà quê đan sọt kia vượt cả ta một cấp ư?”. Nhưng là người giỏi võ nghệ, trong thâm tâm, Khánh Dư cũng thầm thừa nhận sức lực và đao pháp của Nguyễn Khoái và Ngũ Lão là “thiên hạ vô địch”.

Đột nhiên vua Trần Nhân Tông phán:

- Trẫm muốn xung Ngũ Lão vào quân Thánh dực, làm phó cho Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng!

- Hoàng thượng phán chí phải - Công chúa An Tư đế vào.

Đỗ Khắc Chung vội can:

- Muôn tâu Thánh thượng! Ngũ Lão dù thế nào cũng chỉ là một kẻ dưng phu! Lại chưa biết bụng dạ thế nào? Xung vào quân Thánh dực e “lợi bất cập hại”.

- Dùng người ở bên cạnh thì có lợi chắc! - Công chúa An Tư nói với Khắc Chung về giễu cợt.

Nhà vua tỏ ý không hài lòng, song thấy Khắc Chung tâu cũng có lý nên nín lặng.

Tiếp đó Tiết chế ra lệnh duyệt quân của các xứ tụ họp về. Nhìn quân lính đội nào đội ấy hùng dũng diễu qua kỳ đài hai vua Trần hài lòng lắm! Thượng hoàng Trần Thánh Tông nói:

- Đại Việt ta, chưa bao giờ hùng mạnh như lúc này.

Sau khi duyệt quân xong, Tiết chế ra lệnh cho các tướng. Người đầu tiên Hưng Đạo vương điều động là Chiêu Minh vương Thái sư Thượng tướng quân Trần Quang Khải. Với vị quan đầu triều này, Hưng Đạo vương từ tôn nói:

- Xin nhờ Chiêu Minh vương Thái sư Thượng tướng quân, thống lĩnh mười vạn quân Hoan - Ái để chặn đánh cánh quân Nguyên Mông do Nguyên soái Toa Đô cầm đầu từ Chiêm Thành đánh ra.

- Cấp thêm tiền lương thảo cho Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật để nuôi ba ngàn binh Tông.

- Sai Đô tướng thủy quân Nguyễn Khoái thống lĩnh năm vạn quân ra cửa sông Bạch Đằng thao luyện. Kết hợp với dân binh chặt và vận chuyển cọc ra các hang ở vịnh Hải Đông cất giấu. Quân lính phải luôn túc trực! Có lệnh điều động là thực thi được ngay.

- Sai Nhân Huệ vương phó Đô tướng thủy quân Trần Khánh Dư đem ba vạn quân ra trấn giữ ở ải Vân Đồn. Giặc đến không cần chặn đánh. Chỉ khi chúng vận lương qua thì phải liều chết. Thứ gì cướp được thì cướp. Không cướp được thì đốt hoặc đánh chìm xuống biển.

- Sai tân Đô úy Phạm Ngũ Lão theo bản vương về đại bản doanh Vạn Kiếp. Hàng ngày luyện tập quân mã. Khi quân Nguyên Mông tràn sang thì lĩnh ấn tiên phong, lên ải Chi Lăng cầm chân giặc.

Các tướng đều “Dạ!” ran nhận lệnh.

Vua Trần Nhân Tông thấy Quốc công Tiết chế điều binh khiển tướng dĩnh đạc, đường hoàng, đâu ra đấy thì mừng lắm. Song cũng muốn thử Hưng Đạo vương một lần nữa:

- Này khanh! Trăm nghìn quân Nguyên Mông có tới trăm vạn. Đến Kim, Tống, Liêu, Hạ... rộng lớn, hùng mạnh như thế còn bị diệt vong. Huống hồ Đại Việt ta, đất nhỏ, người thưa! Chi bằng hàng đi cho dân đỡ khổ.

Nghe vậy Hưng Đạo vương vội bước tới trước hai vua Trần. Người rút thanh gươm lệnh, một chân quỳ xuống, hai tay nâng thanh kiếm ngang mặt, khảng khái đáp:

- Muôn tâu Thánh thượng: Nếu muốn hàng, xin bệ hạ hãy chém đầu tôi trước đã.

Vua Trần Nhân Tông vội đỡ Hưng Đạo vương đứng lên. Vừa cười ha hả vừa nói lớn:

- Ta đùa Tiết chế một chút thôi mà! Quốc công Tiết chế một dạ son sắt như vậy thì trăm yên lòng rồi!... Nhớ trước đây, hơn năm vạn quân Mông Cổ tràn sang nước ta. Thánh hoàng Thái thượng Trần Thái Tông có hỏi Thái sư Trần Thủ Độ rằng: “Nên hòa hay nên chiến?”. Thái sư Trần Thủ Độ đã đáp: “Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo!”. Chính nhờ thế mà Đại Việt đã đuổi được giặc Thát ra khỏi bờ cõi.

Mặc dầu vậy, phải chờ đến tháng Mười năm 1283 tại cuộc duyệt quân thủy, quân bộ và quân kỵ tại Đông Bộ Đầu, vua Trần Nhân Tông mới phong cho Hưng Đạo vương chức Quốc công Tiết chế (tức Tổng tư lệnh quân đội). Vì trước đó vẫn sợ Hưng Đạo vương tạo phản.

Trước khi về điền trang thực chất bây giờ đã là Đại bản doanh của quân Đại Việt, Hưng Đạo vương lưu lại tại phủ Tiết chế ba ngày. Trong những ngày ấy, ông sai Dã Tượng, Yết Kiêu đưa Ngũ Lão đi chơi, thăm thú kinh thành. Tối bữa bốn người ngồi ăn một mâm. Tối ngày thứ hai, chờ lúc rượu đã ngà ngà Hưng Đạo vương lựa lời hỏi Ngũ Lão:

- Nỗi hận của cha ta chắc người đã rõ. Trước lúc lâm chung, Người có dặn ta phải cướp ngôi. Nếu ta không làm được việc này, Người chết không nhắm mắt được. Nay binh quyền đã “lệch nước” đó là lúc thực hiện lời trăng trối của cha. Ý người thế nào?

Ngũ Lão vội rời bàn ăn, quỳ trước mặt Hưng Đạo vương thưa:

- Bẩm Tiết chế! Ngũ Lão này ngu muội nhưng cũng biết phép “Quân - Thần”. Thù cha là việc nhỏ. Nợ nước mới là trọng. Nay Tiết chế tiếm ngôi, việc cũng chẳng khó gì. Cái vinh được tăng chốc lát. Cái nhục để lại muôn đời... Và lại Đại Việt đang đứng trước họa Nguyên Mông. Lúc này hơn bao giờ hết, tất cả muôn người phải đồng lòng như một, ngài làm vậy, khác nào đem Đại Việt dâng cho bọn sói lang Thát. Ngũ Lão đã cởi hết tấm lòng, mong Tiết chế nghĩ lại. Nhược bằng ngài cứ khăng khăng làm theo lời cha, Ngũ Lão này xin cáo từ về quê tập hợp trai tráng trong vùng, lập nghĩa dũng đoàn để báo đền nợ nước. Và khi cần sẽ đưa anh em về kinh thành bảo vệ hai Thánh thượng dù có phải sống còn với ngài.

Nghe Ngũ Lão bộc bạch như vậy, Hưng Đạo vương vội xô ghế đứng dậy, ôm chầm lấy Ngũ Lão, nước mắt đầm đìa, thốt lên rằng:

- Không ngờ Ngũ Lão lại có lòng trung đến như vậy. Từ nay ta nhận người làm con nuôi. Và ta dặn đây, trước quân lính thì ta là Tiết chế. Còn trong nhà thì ta là cha. Cả Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng là con. Ai trái lệnh ta phạt.

Cả ba người cùng quỳ trước mặt người và đồng thanh hô:

- Dạ! Thừa cha! Chúng con xin tuân lệnh Người.

Hưng Đạo vương vui lắm. Rồi Người kể:

- Cách đây chưa lâu. Ta cũng đem việc vừa nói với Ngũ Lão bàn với bốn con trai. Ba đứa im lặng không nói gì. Chỉ có thằng thứ ba là Quốc Tảng dám nói giọng càn rỡ. Nó bảo: “Thiên hạ là của chung. Ai mạnh thì người ấy được. Như trước đây nhà Trần, vốn xuất thân từ nghề đánh cá. Nhưng nhà Lý bạc nhược, nên Thái sư Trần Thủ Độ mới dùng mưu mà chiếm lấy. Chuyện bên Tàu, thời Xuân Thu nước Ngô mạnh hơn nước Việt. Trời đã cho Ngô chiếm được Việt. Song Ngô Phù Sai lại ham mê tửu sắc mà tha cho Việt Câu Tiễn về. Bởi thế trời phạt, cho Việt chiếm lại Ngô khiến Phù Sai chết không có đất chôn”. Nghe tới đây thì ta nổi giận, rút gươm ra chém.

May có thằng cả là Quốc Nghiễn kịp giữ tay. Hai thằng Quốc Uẩn và Quốc Hiện quỳ lạy xin ta tha tội chết. Vì thế mà thằng Tảng mới còn đến bây giờ. Nhưng ta chỉ mặt nó mà mắng rằng: “Mày định đẩy ta vào chỗ bất trung hay sao? Sau ta chết, chỉ khi nào đây nắp quan tài, chúng mày mới được cho thằng Tảng vào viếng”. Nay di chúc này ta cũng dặn lại các con. Hãy nhớ cho kỹ!

Tối thứ ba, Hưng Đạo vương mở yến tiệc tại phủ. Mời phu nhân là công chúa Thiên Thành cùng con gái nuôi là quận chúa An Nguyên cùng dự.

Ngũ Lão cúi rạp mình vái lạy:

- Dạ! Bẩm thảo dân Ngũ Lão xin được ra mắt phu nhân và quận chúa ạ!

Hưng Đạo vương vừa vuốt râu cười vừa mắng yêu:

- Ngũ Lão con lại thế rồi. Trong Vương phủ của ta không có Tiết chế nào hết. Cũng không có phu nhân hay quận chúa nào cả. Chỉ có ta là cha các con. Và đây là thân mẫu các con. Và An Nguyên là em gái các con.

- Con Ngũ Lão xin được ra mắt mẫu thân ạ!... Và anh xin được gặp mặt em An Nguyên.

Hưng Đạo Vương cười lớn:

- Có thể mới phải chứ!

Rồi sai quận chúa An Nguyên đi rót rượu cho Ngũ Lão. Quận chúa người cao dong dỏng. Mặt trái xoan, lông mày lá liễu. Mắt to, đen và hiền. Thái dương bên trái nổi một đường gân xanh, chứng tỏ sức khỏe không được tốt lắm.

An Nguyên lúng túng rót đầy chén rượu của Ngũ Lão tràn cả xuống bàn. Ngũ Lão lí nhí nói lời “cám ơn”. Tự khuôn mặt trái xoan của nàng đỏ ửng lên, lan xuống tận cổ. Dã Tượng nháy mắt đá vào chân Ngũ Lão ở dưới gầm. Ngũ Lão cũng tỏ vẻ ngượng ngượng. Hưng Đạo vương ghé tai phu nhân vừa cười mím vừa nói nhỏ:

- Thế là cá đã cắn câu rồi nhé.

Vừa về đến đại bản doanh Vạn Kiếp, Ngũ Lão đã thưa:

- Nguyên Mông vốn mạnh về quân kỵ! Nên cách ứng phó tốt nhất là dùng câu liêm móc chân ngựa. Xin cha cấp cho con ba vạn quân để ngay ngày mai con đem đi huấn luyện.

Hưng Đạo vương theo thói quen vuốt chòm râu trước ngực cười và bảo:

- Con ta thật sáng suốt! Ta cũng đã nghĩ tới việc này rồi! Bởi thế đã cho rèn sẵn ba vạn bộ câu liêm để trong kho. Ngày mai người điếm binh, lĩnh khí... đi rèn quân ngay, kéo muện.

- Dạ còn một việc nữa, không biết con có tiện bẩm với cha không?

- Đã là chỗ cha con trong nhà! Có gì con cứ nói. Dù có trái ý, cha cũng không quở trách đâu!

- Thưa cha, xưa Ngô Vương Quyền phá giặc Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng chỉ dùng cọc lim là đủ. Nhưng nay thuyền của giặc Nguyên Mông to lớn hơn nhiều. Bởi thế khi nước triều lên, thuyền của Đại Việt ta nhỏ bé sợ không kìm được thuyền lớn của giặc...

Ngũ Lão mới nói tới đấy thì Hưng Đạo vương đã vội ngắt lời:

- Thế nên con mới khuyên cha cho rên xích sắt, căng qua bờ sông để cản thuyền giặc lại chứ gì?

- Vâng.

- Con ta giỏi! Song ta cũng đã nghĩ tới từ lâu và cho người bí mật rên mấy chục bộ xích cùng hàng chục cọc sắt lớn, đóng hai bên bờ sông. Khi triều lên thì căng xích lên. Lúc triều xuống thì rút chốt thả xích ra để thuyền giặc lao vào bãi cọc lim ngẫm...

- Cha thật là thần toán. Đến Gia Cát Lượng cũng không bằng! - Ngũ Lão buột miệng cảm thán.

Hưng Đạo vương đặc ý lắm, vừa vuốt râu vừa tươi cười mà bảo:

- Con ta văn võ song toàn! Thật là trời cho con xuống giúp cha phá giặc dữ.

Ngũ Lão lĩnh mệnh dẫn ba vạn quân ra đóng trại cách Đại bản doanh Vạn Kiếp mười lăm dặm. Ở vùng đất đồi rộng lớn Quế Võ thuộc Kinh Bắc (là Bắc Ninh bây giờ) cùng quân lính tập ngày, tập đêm, ăn ngủ ngay ở trang trại. Chỉ khi nào có lệnh của Hưng Đạo vương gọi về bàn luận công việc mới rời quân doanh.

Một chiều cuối thu. Nắng vàng nhưng gió heo may đã se se lạnh. Quân hầu vào bẩm báo với Hưng Đạo vương, lúc đó Người đang đọc binh thư ở trong trướng.

- Dạ bẩm Tiết chế! Có công chúa An Tư từ kinh thành Thăng Long sang! Cứ đòi vào gặp Tiết chế ạ!

Hưng Đạo vương giật mình ngạc nhiên không hiểu công chúa An Tư sao lại tìm sang đây để làm gì? Người vội vàng sai lính sửa soạn phòng khách. Hưng Đạo vương bước ra thấy công chúa An Tư vẫn ngồi trên mình ngựa cùng đoàn tùy tùng vài chục tên lính Thánh dực và năm cung nữ. Hưng Đạo vương vội đơn đả:

- Công chúa sang tộ xá của bản vương chơi hay có việc gì bản vương còn tiện thu xếp để nghinh tiếp.

Hưng Đạo vương từ lâu đã biết tính ngang ngạnh của công chúa An Tư.

- Ta vừa sang thái ấp của Tiết chế chơi, vừa có công chuyện muốn gặp một người! - Công chúa vừa cười vừa nói. Chưa chi đã có vẻ gây sự khiến Hưng Đạo vương càng ngạc nhiên hơn.

- Chắc trong lòng Tiết Chế còn hồ nghi chứ gì? Để ta xuống ngựa rồi sẽ nói cho ngài rõ. - Công chúa tiếp lời.

Hưng Đạo vương vội sai quân lính đỡ công chúa xuống và mời vào đại sảnh. An Tư lại cười và bảo:

- Cứ từ từ để ta hít thở không khí trong lành ở đây một chút. Tiết Chế thật tinh đời! Chọn chỗ này vừa cao ráo, vừa thoáng đãng và vô cùng rộng rãi nữa. Chứ ở kinh thành đất chật, người đông, xe ngựa, thuyền bè đi lại như mắc cửi chóng cả mặt.

Sau khi đã phân ngôi chủ khách, vừa nâng chén trà Thái nóng bỏng lên môi nhấp một ngụm nhỏ, An Tư đã đặt xuống bàn và hỏi đốp luôn:

- Phạm Ngũ Lão ở đâu?

- Công chúa muốn tìm Ngũ Lão có việc gì? - Hưng Đạo vương thực sự ngạc nhiên hỏi lại.

- Tiết chế lọc lõi hơn người mà lại vờ vịt hỏi ta câu đó ư? - An Tư vặc lại.

Hưng Đạo vương vội cười phá lên:

- Bản vương hỏi thực lòng mà công chúa không tin sao?

- Tin là tin thế nào? Ta hỏi lại Ngũ Lão đâu?

- Nếu quả thực công chúa muốn biết thì bản vương cũng chả giấu làm gì! Mà cũng chả có việc gì phải giấu, đúng không?... Ngũ Lão hiện đang đưa ba vạn quân lính ra Quế Võ thao luyện.

- Thế tối nay có về Đại bản doanh đây không?

- Việc quân đâu phải chuyện chơi. Ngũ Lão phải thao luyện cho quân sĩ cả ngày, cả đêm, lúc mưa cũng như khi nắng... Sao chiều tối lại có thể bỏ

mặc binh sĩ đẩy mà về đây được. - Hưng Đạo vương đã hơi cao giọng.

- Nay ta muốn vờ Ngũ Lão về có chút việc có được chăng? - An Tư bình thản bảo.

- Việc quân cơ, bản vương nghĩ là không được?

- Nhưng ta vẫn nghĩ là được thì Tiết chế nghĩ sao?

- Công chúa quá rõ tính khí của bản vương xưa nay là thế nào rồi! Đã quyết thì đến trời cũng không thay đổi được. Nhưng mà... công chúa hôm nay gặp may đấy! Từ sáng ta đã cho người đi gọi Ngũ Lão về để sai bảo một số công việc.

- Thế thì trời chiều lòng người rồi. Ta sẽ ngồi đây để chờ Ngũ Lão. - An Tư như reo lên.

Đến lúc này thì Hưng Đạo vương mười phần đã hiểu được bảy, tám. Công chúa An Tư đã có tư tình với Ngũ Lão, nhưng không biết tự bao giờ. Và điều này đối với Ngũ Lão là... đi vào chỗ chết vì mắc tội khi quân. Vốn từ thời Thái sư Trần Thủ Độ đã ban ra luật “nội hôn” hết sức ngặt nghèo. Con gái họ Trần chỉ được kết hôn với người cùng hoàng tộc. Mà Công chúa An Tư vốn ngang tàng, ương ngạnh. Ta không tìm cách gì, chắc chắn Ngũ Lão không thể thoát khỏi kiếp nạn này.

Vừa lúc ấy có tin lính hầu từ ngoài chạy vào:

- Bẩm Tiết chế! Ngũ Lão theo lệnh truyền có mặt ạ!

- Cho vào! À mà thôi? - Hưng Đạo vương chợt đổi ý định. Để ta ra đó.

Hưng Đạo vương vừa bước ra thì công chúa An Tư cũng nổi bước ra theo. Ngũ Lão quỳ một chân, tay phải đặt lên ngực, cúi rạp người bẩm:

- Bẩm Tiết chế! - Ngũ Lão xin đợi lệnh.

Thấy Ngũ Lão có phần ngỡ ngàng trước việc bên cạnh Hưng Đạo vương có một người con gái ăn vận kiêu sa, sắc đẹp lộng lẫy như tiên nữ, Tiết chế vội giới thiệu:

- Đây là công chúa An Tư. Con gái út của Thái thượng Thái hoàng.

- Mạt tướng xin kính cẩn chào công chúa! - Ngũ Lão đã đứng dậy vội cúi gập người xuống.

- Ngũ Lão cứ tự nhiên! Không phải giữ lễ như vậy. - Giọng An Tư có phần run run trước vẻ oai phong凛冽 của Ngũ Lão.

- Dạ bẩm, mạt tướng không dám ạ!

- Nếu người cố tình giữ lễ như vậy thì cũng tốt. - An Tư đã lấy lại được giọng của kẻ quyền quý. - Ta vốn muốn sang đây chơi. Nhưng người cứ khăng khăng ép ta phải là công chúa. Vậy công chúa có việc sai bảo người có làm không?

- Bẩm, đó là bổn phận của mạt tướng!

- Đấy! Tiết chế nghe rõ mười mười đấy nhé! Ngũ Lão cam tâm phục vụ ta, chứ đâu phải ta ép buộc Ngũ Lão nhé!

Sự nhanh trí của An Tư khiến Hưng Đạo vương có chút phân vân, nghĩ ngợi nên im lặng không nói gì.

An Tư rẽ đám đông quân lính đứng lối nhỏ bước thẳng ra bãi cỏ rộng phía trước. Đến bên con ngựa Tía cao lớn, lực lưỡng nàng nói:

- Hãn con ngựa này là của Ngũ Lão. Là ngựa quý đấy! Vừa phi nước đại mười mấy dặm về mà lông không có chút mồ hôi nào là ngựa khỏe. Sẽ không bị cảm hay ốm đau khi trời mưa nắng, giá rét bất thường.

Cả Hưng Đạo vương lẫn Ngũ Lão đều thất kinh trước tài xem tướng ngựa của công chúa.

- Chắc nó hiền chứ Ngũ Lão? - An Tư cất tiếng hỏi, giọng mềm mại chứ không đòi các, quyền quý như trước.

- Dạ! Bẩm công chúa nó cực hiền và luôn tuân lệnh của mạt tướng ạ!

- Ồ! Thế thì tốt quá! - An Tư vội cười phá lên. - Bây giờ ta muốn cưỡi trên lưng nó. Còn Ngũ Lão cầm cương đưa ta đi dạo ngắm cảnh...

Nghe tới đó thì Ngũ Lão đưa đôi mắt sang Hưng Đạo vương tỏ ý cầu cứu. Hưng Đạo vương mỉm cười, khẽ gật đầu.

- Nhưng cơ mà con ngựa này khí cao. Ngũ Lão đỡ ta lên yên đi!

- Bấm mặt tướng đã có cách... để công chúa dễ dàng ngồi trên lưng nó. -
Ngũ Lão nhanh trí đáp.

Hưng Đạo vương bắt đầu vuốt râu, tỏ ý hài lòng.

- Tía! Quỳ xuống! - Ngũ Lão chỉ ra lệnh khẽ.

Con Tía đầu tiên khuyu hai chân trước, tiếp đó hai chân sau, bụng không chạm đất.

- Xin mời công chúa lên ạ!

Lũ nữ tỳ cùng lúc xúm vào. An Tư có vẻ không hài lòng “giận cá chém thớt” quát bọn chúng lui ra. Con Tía nhẹ nhàng cất mình đứng lên. An Tư bảo Ngũ Lão đưa cho mình chiếc roi ngựa.

Công chúa cười ngựa rất thiện nghệ, nhưng vẫn bắt Ngũ Lão cầm cương đi bên cạnh. Lũ lính Thánh dực hộ vệ công chúa từ kinh thành sang vôi vãi đi theo. Công chúa quay lại:

- Ngũ Lão sức địch muôn người. Võ nghệ lại siêu quần, chẳng lẽ không bảo vệ được ta hay sao mà phải cần đến lũ các người.

Lũ lính: “Dạ” ran quay lại, nhưng năm cô nữ tỳ vẫn kiên quyết bám theo. Đi được một đoạn An Tư gọi chuyện:

- Ngũ Lão này! Người có biết ta sang đây vì cái gì không?

- Bấm mặt tướng làm sao mà biết được!

- Người không biết thật hay giả không biết?

- Dạ! Bấm mặt tướng có ba đầu sáu tay đâu mà dám dối công chúa.

- Được! Người không biết thì ta nói cho người hay. Ta sang đây để thăm người.

Ngũ Lão nghe lời An Tư mà tưởng tiếng sét đánh bên tai:

- Dạ! Bấm công chúa nói gì mặt tướng không hiểu ạ!

- Người có phải là trang nam tử không?

- Mặt tướng nghĩ, mình cũng chưa làm gì đến nỗi phải thẹn với danh nghĩa ấy.

- Trang nam tử mà thế à?

- Dạ! Bẩm mặt tướng trộm nghĩ trang nam tử là phải đeo ba thước gươm đi trả nợ nước. Dầu xác có phơi ngoài đồng nội. Thân có bọc trong da ngựa cũng không sờn lòng ạ.

- Người là võ tướng mà mở miệng ra là sặc mùi mọt sách của bọn hủ nho vậy?

Ngũ Lão nín lặng. Dường như có phần hối hận vì đã quá lời, An Tư dịu giọng:

- Ta muốn từ giờ phút này ta với người xưng hô thế này. Không có công chúa mà chỉ có An Tư. Cũng không có mặt tướng mà chỉ có Ngũ Lão. Người đồng ý nhé!

- Công chúa là bậc tôn quý, muốn sao cũng được. Nhưng kẻ hạ thần thì có phép tắc lễ nghĩa phải theo, thần không dám khi quân phạm thượng.

- Cái gì cũng không dám! Không dám!... Vậy ta ra lệnh người có dám trái không?

- Thưa, mặt tướng vẫn không dám ạ!

An Tư quay ngang, chợt thấy lũ nữ tỳ vẫn bám ở phía sau thì nổi nóng, nhào người lấy roi ngựa quất chúng túi bụi.

- Cút về! Ta tưởng các người đã cút theo lũ quân Thánh dực từ nãy cơ mà!

Ngũ Lão vội đưa tấm thân lực lưỡng ra che chắn. Không ngọn roi nào của công chúa trúng vào đầu vào mặt lũ nữ tỳ. An Tư đổi giọng làm lành:

- Được! Các người vào hùa với nhau bắt nạt ta. Về kinh ta sẽ tâu với hai Thánh thượng xem các người có chịu được... hình phạt không?

- Mong công chúa bớt giận! Bớt giận! - Đám nô tỳ đồng thanh nói. - Chúng em chỉ làm theo bốn phận thôi ạ!

- Ta đùa đấy thôi! - An Tư vội cười lớn. - Đời nào ta lại để hai Thánh thượng trừng phạt Ngũ Lão của ta... - Rồi nàng chậm rãi kể: - Cái hôm ở Giảng Võ đường, lúc người so đao với Đô tướng Nguyễn Khoái, bất phân thắng bại. Vua Nhân Tông, cháu ruột ta đã phán “Trẫm muốn xung tân Đô úy Ngũ Lão vào quân Thánh dực, làm phó cho Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng. Ta đã reo lên: “Thánh thượng thật sáng suốt!” Thì cái thằng mặt trắng Đỗ Khắc Chung đã xúc xiểm: “Ngũ Lão chỉ là một tên nhà quê đan sọt, có chút dưng phu. Đã biết bụng dạ thế nào mà để ở gần hầu hạ hai Thánh thượng”. Vua Nhân Tông không hài lòng nhưng thấy lời của thằng xiểm nịnh mặt trắng ấy không phải là không có lý nên nín lặng. Nếu Thánh thượng cứ ra lệnh thì lúc nào ta muốn gặp Ngũ Lão mà chả được. Việc gì phải lặn lội, cất công sang đây! Nhưng mà sang đây cũng có cái hay phải không Ngũ Lão?

- Dạ! Bẩm mặt tướng không rõ ạ!

- Thôi được! Không rõ cũng không sao? Từ đây ra Lục đầu giang khoảng bao nhiêu dặm hả Ngũ Lão? - Đột nhiên An Tư hỏi.

- Dạ! Bẩm khoảng trên hai chục dặm ạ!

- Thế thì cũng gần đấy nhỉ? Ta muốn ra ngắm Lục đầu giang vào buổi chiều thu như thế này thì chắc là đẹp lắm!

Ngũ Lão nín lặng. Công chúa An Tư nửa trách nửa hờn:

- Sao Ngũ Lão không trả lời ta. Nhưng cũng không sao? Bây giờ ta muốn Ngũ Lão lên ngồi sau lưng ta, trên con ngựa tía này, phóng thẳng ra Lục đầu giang. Chỉ loáng một cái là đến. Rồi loáng một cái là về...

Đến lúc này thì Ngũ Lão thực sự kinh hãi, vội thụp xuống chân ngựa mà thưa rằng:

- Xin công chúa tha mạng! Tha mạng!... Mặt tướng còn mẹ già không nơi nương tựa.

- Ai làm gì mà người giẫy lên như đĩa phải vôi vậy! Ta lệnh cho người dẫn ta đi chơi. Người đã cam tâm chấp nhận. Có cả Tiết chế làm chứng.

Sao bây giờ lại thay đổi làm vậy?

- Dạ! Bẩm cầm roi, dắt ngựa cho công chúa mặt tướng làm được. Chứ còn ngồi sau lưng công chúa trên con Tía thì có ăn gan hùm, tim báo mặt tướng cũng không dám ạ!

- Ta cũng là người chứ có phải là ma, là quỷ đâu mà người lại sợ đến mất mật như thế!

- Dạ! Bẩm công chúa lá ngọc cành vàng mười phần xinh đẹp. Nhưng luật pháp của triều đình đã quy định rất rõ... Mặt tướng đưa mồi đâu dám chòi mâm son... Tru di tam tộc là cái chắc. Mong công chúa rủ lòng thương cho mặt tướng.

Cả năm nữ tỳ đi theo hầu cũng đồng loạt quỳ xuống.

- Mong công chúa tha tội chết cho chúng em... Chỉ cần công chúa có “sơ sẩy” gì thì chúng em cũng bị tru di cả chín họ ạ! Điều này công chúa biết rõ mà.

- Hùm! Từ đầu tới đuôi, các người đều vào hùa với nhau bắt nạt ta! Bắt nạt ta... - An Tư nói trong nước mắt.

Tất cả vẫn đang quỳ dưới đất, đồng thanh đáp:

- Mặt tướng không dám!

- nô tỳ chúng em không dám ạ!

- Thôi được! Bây giờ thì quay về! Ta cũng mất hết cả hứng rồi.

Tất cả lại đồng thanh hô: “Tạ ơn công chúa” và đứng dậy.

Hưng Đạo vương thấy cả đoàn người quay về sớm thì vui ra mặt, mời mọi người vào tiệc. An Tư ngồi phía tay phải ông. Năm thị nữ đứng hầu phía sau. Bên trái là Phạm Ngũ Lão tiếp đến là Dã Tượng và Yết Kiêu.

- Quân bay đâu! Rót rượu mời công chúa. - Hưng Đạo vương ân cần ra lệnh.

Tên lính hầu rót rượu mời Hưng Đạo vương tiếp đó rót cho công chúa. An Tư gạt chén rượu đó ra, rượu sóng cả ra bàn.

- Ngũ Lão đâu! Người phải rót rượu cho ta. Và cả cho người nữa. Rồi cả hai chúng ta cùng cạn chén.

Công chúa An Tư quát yêu. Hưng Đạo vương đưa mắt cho Ngũ Lão. Hiểu ý chủ, Ngũ Lão vòng qua phía bàn bên này lấy một chiếc cốc vại từ khay một tên lính hầu đứng bên, rót một cốc thật đầy, rồi quỳ một chân xuống đất, hai tay nâng cốc rượu, kính cẩn mời:

- Mạt tướng xin dâng rượu công chúa!

- Thế còn rượu của người đâu?

- Công chúa cứ bình tâm! Ai cũng có phần hết. - Hưng Đạo vương vội chen vào. - Công chúa là khách quý của bản vương, trước tiên bản vương phải mời công chúa trước, thế mới phải phép.

Thấy có vẻ cũng xuôi xuôi công chúa nâng cốc rượu lên, uống một hơi hết sạch. Xưa nay ngoài tài cưỡi ngựa thì cái khoản rượu An Tư cũng chả kém ai.

- Bây giờ đến lượt bản vương mời công chúa.

Nói rồi Hưng Đạo vương nhoài tấm thân rất trường của người mềm mại nhắc chiếc bình bằng bạc chân khảm rất cầu kỳ rót cho An Tư một cốc đầy. An Tư vừa uống cạn thì đã thấy Dã Tượng lù lù đứng bên cạnh.

- Đến lượt gia tướng được hân hạnh rót rượu mời công chúa!

Thấy Dã Tượng vạm vạp, to lớn khác thường, công chúa An Tư hỏi:

- Người có phải là người có tài chuyên bắt voi rừng phải không?

- Dạ! Bẩm công chúa chính là gia tướng của Tiết chế ạ!

Tiếp đó đến lượt Yết Kiêu. Lúc này đã uống ba cốc rượu nên công chúa đã có phần sưa sưa rồi, nhưng vẫn nói:

- Yết Kiêu là tên loài chó mõm ngắn hay là loài cá mõm lớn có phải không?

- Dạ! Bẩm công chúa là chó hay là cá... hay là gì gì đi nữa thì được làm gia tướng của Tiết chế cũng thỏa một đời rồi ạ!

- Chí lý! Chí lý! Tiết chế có được những gia tướng tài ba nức tiếng thiên hạ, lại trung thành như vậy thật là đáng khen! Đáng khen! Nói rồi uống cạn luôn chén thứ tư.

- Bây giờ lại đến lượt bản vương tiếp rượu cho công chúa!... Sau đó là Ngũ Lão nghe chưa?

Ngũ Lão “Dạ” ran.

Nhưng vừa cạn cốc từ tay Hưng Đạo vương thì công chúa An Tư đã thực sự say rồi. Nàng huyền thuyên nói một hồi thì gục xuống bàn. Hưng Đạo vương quát bọn thị tỳ đi theo công chúa vục nâng vào khuê phòng và dặn dò lũ lính Thánh dực phải thay phiên nhau gác trước cửa.

- Nếu có sơ sẩy gì thì các người có ba cái đầu cũng không gánh nổi trách nhiệm đâu. - Người dọa.

Sáng sớm hôm sau, tỉnh giấc, lúc đầu An Tư còn chưa biết mình đang ở đâu. Một lúc sau định thần, nàng nhớ ra tất cả, biết là mắc mẹo Hưng Đạo vương, bèn quát lũ nô tỳ chải đầu, vận xiêm y thật nhanh để đi tìm Người làm cho ra nhẽ.

Tại phòng khách, Hưng Đạo vương đã chuẩn bị món súp yến điểm tâm, vừa bổ dưỡng vừa để dã rượu. Vừa trông thấy An Tư, Người đã tươi cười, niềm nở:

- Đêm qua, công chúa ngủ ngon giấc chứ!

- Thầy trò Tiết chế thật là gian xảo. Hè nhau lừa một người con gái chân yếu tay mềm như ta mà không thấy xấu hổ chẳng?

Hưng Đạo vương vẫn tươi cười:

- Binh pháp có câu “trong cách dùng binh có quyền được trí trá”!

- Thế ra bản vương cũng coi ta là giặc ru?

- Công chúa không phải là giặc! Nhưng công chúa định làm rơi đầu tướng tài của ta, nên buộc ta phải “đùa” lại một chút.

- Ta hỏi thật một câu Tiết chế có dám trả lời không?

- Xin công chúa cứ tự nhiên.

- Ngũ Lão giờ này ở đâu? - Ta muốn gặp!

- Ngũ Lão có việc binh. Ngay tối qua đã phải đem năm ngàn quân kỵ lên ải Chi Lăng rồi! Thám mã báo quân Nguyên Mông đã cất quân sát biên giới Đại Việt rồi...

- Tiết chế nói dối! - Ta không tin.

- Công chúa cứ cho lính lật tung từng thước đất tại Vạn Kiếp này lên. Nếu thấy Ngũ Lão, bản vương xin dùng gươm cửa cổ tự vẫn ngay trước mặt công chúa.

An Tư nổi khùng hất tung bàn súp yến, nghiêng rằng nói:

- Tiết chế muốn đấu với ta. Được ta cũng sẽ đấu với Người đến cùng.

- Vì lẽ gì?

- Lẽ gì thì vương tự biết!... Người muốn đấu với ta để dành Ngũ Lão cho An Nguyên, con gái nuôi của Người chứ gì? Không có gì qua được mắt ta đâu?

Trước cơn “bốc lửa” của công chúa, Hưng Đạo vương lại dịu giọng:

- An Tư muội! Muội còn lạ gì tính khí của huynh nữa. Huynh có chịu lùi trước ai bao giờ đâu. Chuyện Công chúa Thiên Thành với Trung Thành vương muội biết rõ, nhưng hẳn chưa thể hiểu vì sao tội ta đáng chém mà vua không chém. Vì sao? Vì huynh là người... mà Đại Việt đang rất cần. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Cái quan trọng hơn huynh là người trong hoàng tộc. Chứ tài gấp mười huynh, mà là người ngoài thì có ba đầu, sáu tay cũng bị tru di chín họ... Bây giờ muội bảo huynh đấu với muội. Huynh không đấu mà là huynh xin muội. Như trước huynh đã nói huynh chưa phải xin ai bao giờ, cần thì huynh cướp. Nhưng lần này thì huynh xin muội...

- Huynh xin muội thật sao? - Công chúa An Tư hết sức ngạc nhiên - Ngũ Lão quan trọng với huynh đến thế hay sao? Mà huynh phải hạ cổ như vậy?

- Ngũ Lão chẳng có gì quan trọng với huynh mà cũng chả có gì quan trọng với An Nguyên. Có hàng chục vương tôn công tử đêm ngày quỳ trước vương phủ để cầu hôn con gái nuôi của ta...

- Vậy thì vì cái gì mà huynh lại hết lòng ưu ái với Ngũ Lão như vậy?

- Vì cái gì ư? Vì nước non Đại Việt. Mọi nhớ cho rõ là vì nước non Đại Việt. Phía bắc là quân Nguyên Mông. Phía nam cũng là quân Nguyên Mông do Toa Đô cầm đầu chắc chắn sẽ hai đầu giáp công Đại Việt ta. Trọng khi đó thì Nguyễn Khoái và Ngũ Lão là hai cây cột chống trời của Đại Việt ta. Chỉ cần triều đình biết mọi có tư tình với Ngũ Lão là cả ba họ nhà Ngũ Lão sẽ bị chém đầu ngay. Ta biết tấm lòng của mọi với Ngũ Lão tốt đẹp như thế nào? Ta đã từng yêu công chúa Thiên Thành từ năm mười sáu tuổi. Ta hiểu và thương cảm với mọi lắm chứ! Nhưng mà ta với Thiên Thành khác. Mà mọi với Ngũ Lão khác. Thương nhau như thế bằng mười hại nhau, mọi có hiểu không?

Công chúa An Tư trước những lời lẽ hết sức chân tình, bắt đầu từ chữ “ta xin mọi” đã khiến nàng mát lòng mát dạ. Đến đoạn “thương nhau như thế bằng mười hại nhau” thì nàng đã hoàn toàn tỉnh ngộ.

- Như thế là mọi sai rồi! - Nàng tấm tức trong nước mắt.

- Không sao? Đời ai chả có lúc sai. Cái chính là nhận ra được cái sai của mình đúng lúc... À quên, tiện đây ta cũng giải thích thêm cho mọi... là An Nguyên chỉ là con gái nuôi của huynh. Chứ là con đẻ thì... mọi hiểu rồi. Mọi có oán giận huynh hay có trách huynh thì huynh cũng đành chấp nhận thôi!

- Không! Bây giờ thì mọi hiểu! Và mọi chỉ còn cảm thấy thương mình thôi!... Có lẽ về kinh... mọi sẽ đi tu... Mọi có cái này! - Vừa nói An Tư vừa đưa tay lên đầu rút ra cây trâm cài tóc bằng ngọc xanh - Huynh hãy đưa cho Ngũ Lão hộ mọi... Và nói với Ngũ Lão rằng nếu có kiếp sau Ngũ Lão hãy đợi mọi... Đừng hẹn ước với cô gái nào khác... - An Tư nghẹn ngào trong nước mắt.

Hưng Đạo vương đón nhận cây trâm bằng ngọc quý đút vào trong áo ngực và bảo:

- Việc này thì... dễ. Huynh chắc chắn sẽ “*chuyển lời thì nói chuyển gói thì đưa*”!

- Thôi đã đến lúc muội phải về kinh rồi. Để huynh còn phải lo việc quốc gia đại sự.

- Muội có biết không? Cả tháng nay huynh ngày quên ăn, đêm quên ngủ để lo với lũ giặc dữ Nguyên Mông. Và trời xui, đất khiến thế nào... Hay là trời không phụ lòng người. Kế phá giặc của huynh đã định xong rồi. Quân cơ bất khả lậu. Nhưng muội cứ tin huynh đi... Và về nói với Thượng hoàng và Hoàng thượng rằng Đại Việt sẽ là mồ chôn quân xâm lược.

Rồi Hưng Đạo vương ra lệnh cho Yết Kiêu và Dã Tượng:

- Hai bay đâu! Hãy điều một ngàn quân kỵ chia làm hai đội tả, hữu hộ tống công chúa về kinh. Xong việc về gặp ta ngay chờ lệnh.

Công chúa An Tư đi rồi. Hưng Đạo vương mới cho người đi gọi Ngũ Lão ở chỗ luyện binh về.

Hưng Đạo vương nhìn Phạm Ngũ Lão. Lát sau Hưng Đạo vương thông thả kể lại đầu đuôi câu chuyện giữa Tiết chế với công chúa An Tư. Rồi Tiết chế hạ giọng:

- Kiếp nạn của con thế là thoát rồi. Cha phải dùng “khổ nhục kế” xin An Tư buông tha cho con, công chúa mới xiêu lòng mà về kinh đấy! Chứ không công chúa An Tư mà “ăn vạ” ở đây thì... lôi thôi to cho con.

- Đa tạ công ơn trời biển của cha.

- Tình hình binh lính luyện tập thế nào?

- Thừa cha... Sĩ khí rất hăng... Con tính quân số đây có gần mười vạn... Sẽ chia làm ba đợt thay nhau luyện tập... Sau khi dụng câu liêm thương đã thành thực sẽ tập chống công thành... Rồi tập đánh mai phục, tập đột kích, tập bày trận...

- Cha nghĩ thời gian còn đủ để luyện quân... Nhưng cha thấy trong gan một của con, bề ngoài có phần hùng hổ lắm! Nhưng bên trong vẫn ẩn chứa một nỗi canh cánh gì rất lớn, có đúng không?

- Thật đúng là không có gì giấu được cha... Nhưng nếu con nói ra có sợ mắc tội làm giảm nhuệ khí của quân ta không?

- Cha con với nhau. Có gì con cứ trải hết lòng mình.

- Cái con lo nhất là binh lính của ta chưa quen với trận mạc. Kinh nghiệm trận mạc ngay cả con đây cũng chưa có gì. Vậy thì luyện cho binh lính thế nào? Nhiều đêm con “thức trắng” không sao chợp mắt được. Nhưng vẻ bề ngoài vẫn tỏ... cho binh sĩ biết là ta đây không có gì phải sợ...

- Nỗi lòng của con cũng là nỗi lo của cha. Nhưng Ngũ Lão này... Khi giặc Thát sang ta xâm lược lần thứ nhất, tất cả tướng sĩ Đại Việt đã ai có

kinh nghiệm trận mạc gì đâu... Nhưng cuối cùng hơn năm vạn quân Nguyên Mông đã phải ôm đầu máu mà tháo chạy. Mãi chạy đến nỗi đói không dám ăn, khát không dám uống... không dám động đến một ngọn cỏ, ngụm nước, hạt cơm của Đại Việt, khiến dân chúng gọi đùa chúng là “giặc Phật”. Lần này chắc chắn là sẽ vô cùng quyết liệt. Quyết liệt hơn lần trước bội phần. Nhưng con cứ nguôi lòng đi! Như chính con lần đầu gặp ta đã nói. “Hãy tạm thời nhường đất cho giặc vào ở nhờ. Sai các tướng giỏi giữ vững các nơi hiểm yếu. Chặn mọi đường tiếp lương của giặc. Đánh qua vài trận là quân tướng Đại Việt ta sẽ có kinh nghiệm ngay thôi... Dân mình tài trí lắm... Và kế sách phá giặc cha cũng đã dự định xong xuôi cả rồi... Bây giờ con về nghỉ đi. Chờ Yết Yêu, Dã Tượng về bốn cha con chúng ta sẽ phải đi thị sát một chuyến...”

- Thừa cha còn quân lính đang luyện tập?

- Đây cũng là hình thức tốt để kiểm chứng xem có con hay không có con ở trại, kỷ luật binh lính thế nào? Biết để mà rèn thêm.

Năm 1283, mùa xuân tháng Hai, bốn cha con gồm Hưng Đạo vương, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu và Dã Tượng đem ba ngàn quân kỵ rời đại bản doanh Vạn Kiếp thẳng tiến ra cửa sông Bạch Đằng. Hưng Đạo vương đi ngựa chứ không dùng voi cho khỏi ồn ã. Trời rét như cắt da cắt thịt. Bầu trời tràn ngập một màu mây xám. Mưa phùn gió bắc. Tuy nhiên đoàn người ngựa vẫn hăm hở vượt qua những quả đồi đá ong. Đến vùng cửa sông, Yết Kiêu muốn phi ngựa lên trước báo cho Đô tướng Nguyễn Khoái biết để ra nghênh tiếp, nhưng Hưng Đạo vương cản lại. Người muốn bí mật từ xa quan sát xem thủy quân của Nguyễn Khoái luyện tập thế nào?

Lúc ấy thủy triều đang lên. Mặt sông căng phồng trải rộng mênh mông. Quân của Nguyễn Khoái chia làm hai đội. “Quân Đại Việt” chít khăn đỏ “Phía Nguyên Mông” chít khăn xanh. Quân xanh dùng thuyền lớn hơn đang hùng hổ từ phía biển tiến vào. Quân đỏ dùng thuyền nhẹ, chia cắt đội hình “địch” cứ ba chiếc quây lấy một chiếc của “địch” mà đánh. Có điều là cả “quân ta” lẫn “quân địch” đều hò “Sát Thát!” vang động cả một khúc

sông. “Quân địch” thì cố tiến vào. Còn “quân ta” thì ra sức chặn lại. Đến lúc thủy triều xuống thì Nguyễn Khoái từ thuyền lớn ra lệnh khua chiêng thu quân.

Hưng Đạo vương thấy Nguyễn Khoái thao luyện năm vạn thủy quân với hàng ngàn chiếc thuyền lớn nhỏ hết sức bài bản, lên xuống nhịp nhàng, kỷ luật nghiêm minh thì lấy làm vui lắm. Chợt dưới thuyền có tiếng hô:

- Tiết chế đến!

Nguyễn Khoái đánh mắt nhìn thấy đoàn người ngựa với lá cờ sùỵ lớn thì vội vàng lệnh cho thuyền quay mũi vào bờ. Còn cách bến một đoạn khá xa, Nguyễn Khoái đã nhảy ào xuống nước hót hải chạy lên:

- Mặt tướng thật có tội! Không biết Tiết chế đến để nghênh tiếp từ xa. - Nguyễn Khoái vội phủ phục xuống vạt cỏ bên bờ sông vừa liến thoắng nói.

- Đô tướng đừng đa lễ thế! Đứng dậy đi!

Hưng Đạo vương ân cần nói.

- Tạ ơn Tiết chế! - Nguyễn Khoái đáp lại.

Ngũ Lão nhảy xuống ngựa tự lúc nào, đỡ Nguyễn Khoái đứng lên và hỏi:

- Hiền huynh vẫn mạnh khỏe chứ?

- Nếu bây giờ lại vật nhau với đệ nữa thì huynh không thua đâu?

Tất cả mọi người đều cười vui vẻ.

Hưng Đạo vương sai cắm trại ngay trên bờ sông. Cửa trại quay về hướng nam để tránh cái gió Bắc rét như cắt da cắt thịt. Người bảo Nguyễn Khoái cho gọi viên đô giám (tức giám quân) và quan chuyên trông coi việc quân lương, binh khí cùng đến dự họp. Một chiếc bàn vuông rất rộng cùng hơn một chục chiếc ghế được bày ra. Hưng Đạo vương ngồi trên chiếc ghế bành lớn, bên phải là Ngũ Lão, bên trái là Yết Kiêu và Dã Tượng. Phía đối diện là Nguyễn Khoái và hai viên đô giám và quan lương. Vừa ngồi vào bàn Nguyễn Khoái đã đưa cặp mắt nhỏ dưới cái trán thấp nhìn chăm chặp vào

bình rượu lớn đặt ở một góc bàn. Hưng Đạo vương cười vang ra lệnh cho tên lính hầu:

- Rót rượu bát to cho Đô tướng!

Nguyễn Khoái chẳng còn biết giữ lễ, chộp lấy bát rượu tợp một đầy ngụm hết sạch. Lưỡi đánh sang hai bên mép ra vẻ còn rất thèm thường.

- Rót tiếp cho Đô tướng hai bát nữa!

Sau khi Nguyễn Khoái đã xong ba bát rượu, Hưng Đạo vương nghiêm giọng nói:

- Hôm nay bản vương đi kiểm tra, thấy cánh thủy quân của Đô tướng thao luyện rất quy củ, nề nếp bản vương có lời khen ngợi. Bây giờ bản vương có một số câu hỏi, hỏi cả ba người có gì cứ trả lời thật.

Tất cả dạ ran.

- Binh lính ăn có đủ no không?

- Cũng tạm tạm. - Nguyễn Khoái đáp luôn. - Song nếu khẩu phần hàng ngày được tăng thêm một phần tư hay một phần năm nữa thì mới no ạ!

- Việc này từ mười ngày sau sẽ được đáp ứng! - Hưng Đạo vương đáp và bảo Ngũ Lão ngồi bên ghi ý kiến đó vào cuốn sổ đã mở ra ở trước mặt.

- Thế còn cái mặc?

- Ban ngày luyện tập nên không thấy rét. Nhưng đêm ngủ, chăn áo cũng có phần chưa đủ ấm. Nguyễn Khoái lại đáp luôn mà chẳng thừa bẫm gì khiến viên giám quân phải đá vào chân ở dưới gầm bàn ra điều nhắc nhở. Nhưng Nguyễn Khoái lại không để ý, quay sang vặc lại: “Ta nói không đúng sao?”.

Hưng Đạo vương thấy vậy thì cả cười và nói tiếp:

- Chăn, áo bông cũng sẽ có sau mười ngày nữa.

- Đa tạ Tiết chế! - Nguyễn Khoái đáp.

- Bây giờ ta có một số lệnh thế này! - Hưng Đạo vương nghiêm giọng nói - đô giám và quan coi sóc quân lương và vũ khí nhớ ghi chép cho cẩn thận để cái gì Đô tướng quên thì hai người phải nhắc nhở.

- Dạ! Bẩm thưa Tiết chế, vâng ạ!

- Sáng mai cho dừng thao luyện ở đây. Từ chiều mai, chuyển toàn bộ binh lính và chiến thuyền về vùng cửa sông Thái Bình. Chọn khúc sông rộng nhất cho quân dàn chiến thuyền tập tấn công binh thuyền của Nguyên Mông. Nửa tháng nữa sẽ có khoảng hai năm đến ba mươi thuyền đình lớn, gần lớn bằng binh thuyền của giặc sẽ được đưa đến. Các tướng hãy chia quân ra làm nhiều lớp, tấn công thuyền “khủng” của giặc. Tập đánh ngày, đánh đêm, đánh cả trong lúc sương mù, mưa gió. Vận dụng xa luân chiến cho thành thực. Quân lương vũ khí phải nhớ lấy riêng ra vài ngàn quân, lên rừng chặt mây, tre đực già. Lột lấy cật, đan thành khiên hai lớp. Có các loại khiên lớn có thể che cả mặt trước chiến thuyền, đồng thời che được cả mũi thuyền. Khiên nhỏ dùng cho binh lính. Trong ruột được nhồi bông, sẽ được bản vương cho người chỉ dẫn. Khi luyện tập phải nhúng khiên xuống sông cho ngậm no nước để chống tên tẩm dầu của giặc. Đồng thời quân lính cũng phải luân phiên nhau lên rừng chặt tre, vót cho được hai mươi đến ba mươi vạn mũi tên... Hàng tháng bản vương sẽ cho người xuống đôn đốc, kiểm tra. Sẽ có thưởng phạt nghiêm minh. Các tướng rõ cả chưa?

- Dạ! Bẩm Tiết chế, rõ ạ!

- Còn nữa, quân lính phải chia theo đội! Mỗi đội khoảng một trăm người. Tất cả phải biết mặt nhau. Thấy người lạ trà trộn thì phải bắt giữ, nhưng tuyệt đối không được đánh đập mà phải giao về cho Đô tướng tra xét.

- Dạ! Bẩm Tiết Chế rõ ạ!

- Có ai muốn nói gì không?

- Dạ! Bẩm binh sĩ đang thao luyện ở đây rất tốt. Sao lại phải chuyển đi nơi khác! Thao luyện bài tập khác ạ! - Nguyễn Khoái mạnh dạn thưa.

- Người hỏi rất có lý! Nhưng quân cơ bất khả lậu. Các người cứ thế mà thi hành. Ai trái lệnh! Chém!... - Hưng Đạo vương nghiêm giọng quát.

- Dạ! Bẩm Khoái mỡ này rõ rồi ạ!

- Có thể chứ! - Hưng Đạo vương cả cười và ra lệnh - Bây giờ thì tất cả đến uống rượu. Phải uống cho thực say để mai, ai vào việc này!

Tiệt rượu được bày ra, đủ cả các món sơn hào, hải vị. Viên giám quân bậm:

- Dạ! Bẩm Tiết chế, để mặt tướng cho lính mang lên mấy con cá tươi ở vùng sông này lên Quốc công Tiết chế ném thử ạ!

- Người không sợ ta bắt tội, ăn lẻ trước binh lính sao? - Hưng Đạo vương nửa đùa nửa thực hỏi.

- Dạ! Bẩm quả là oan cho mặt tướng ạ! Mặt tướng đoán thế nào cũng có lúc Quốc công Tiết chế xuống đây kiểm tra, nên sai lính chuẩn bị sẵn đấy ạ! Chứ bản thân ba người mặt tướng... cũng chưa biết mùi vị cá thế nào ạ!

- Nếu thế thì được!

- Quân pháp của Đô tướng rất nghiêm. Trong quân cấm không được uống rượu. Đến Đô tướng thèm rượu như thế mà cả mấy tháng nay không có giọt nào rót vào bụng đâu ạ!

- Các người che giấu cho nhau chứ gì? - Hưng Đạo vương tinh quái hỏi.

- Khoái mỡ này đã nói một là một hai là hai. Cái trò trí trá đó Khoái mỡ vô cùng căm ghét ạ!

- Ta cũng nói đùa đấy thôi! Mong Đô tướng đừng để bụng.

Mọi người đều tái mặt trước câu trả lời bỗ bã của Nguyễn Khoái. Nhưng vội thở phào nhẹ nhõm trước sự chân tình, cởi mở của Tiết chế.

Hưng Đạo vương vỗ vào tấm lưng to tròn như một gốc lim cổ thụ của Nguyễn Khoái mà bảo rằng:

- Đây là một trong hai cây cột chống trời của Đại Việt ta!

- Đa tạ Tiết chế quá khen Khoái mỗ này là gì không quan trọng. Chỉ biết rằng lòng trung với Đại Việt với hai Thánh thượng và với Tiết chế thì có trời xanh chứng giám. Nếu từ nan bất cứ việc gì thì chết sẽ không có đất chôn thây...

Hưng Đạo vương lấy làm hài lòng lắm. Người quay sang nói với viên giám quân và viên quan coi sóc quân lương:

- Hai người phải hết lòng giúp đỡ Khoái Đô tướng nhé! Sau này công của hai người cũng không nhỏ đâu!

- Dạ! Bẩm Tiết chế hai người chúng tôi xin đem hết lòng khuyến mã. Nếu có điều gì sơ sẩy sai sót, Tiết chế cứ cho chặt đầu, bêu lên ba ngọn sào để răn người khác ạ!

Cả hai đều ứng khẩu đồng từ khiến Hưng Đạo vương càng cảm thấy yên tâm.

Từ cửa sông Bạch Đằng, Hưng Đạo vương sai nhổ trại hành binh xuống phía nam nhằm Hồng Lộ thẳng tiến. Trên đường đi người hỏi Ngũ Lão:

- Con có biết vì sao ta lại lệnh cho Nguyễn Khoái chuyển quân không?

- Dạ! Bẩm thưa cha con cũng như Nguyễn Khoái đều chưa hiểu ngầm ý ở bên trong là gì ạ!

- Người không hiểu thật hay giả vờ ngây ngô như Nguyễn Khoái đó?

- Dạ! Bẩm thưa cha, có việc gì con giấu được cha từ trước đến nay đâu ạ!

- Kế của ta đã định. Nhưng phải tuyệt đối giữ bí mật. Đến như con mà cũng không biết là tốt rồi. - Hưng Đạo vương nói với Ngũ Lão mà cũng như nói với chính mình.

- Tổng tướng Triệu Trung là người thế nào? - Người hỏi Ngũ Lão tiếp.

- Dạ! Bẩm thưa cha Triệu Trung quê ở Hạ Khâu bên bờ sông Trường Giang. Võ nghệ và sức lực cũng có thể xếp ngang với bọn Lý Hằng, Lý Quán, Phàn Tiếp của Nguyên Mông. Duy Triệu Trung có tài huấn luyện thủy quân, vì từ nhỏ đã sinh sống bên bờ sông lớn. Triệu Trung mang ơn rất

sâu nặng với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Khi trốn sang đây chỉ có đơn thân. Chiêu Văn vương đã cho người lặn lội về tận quê đón bố mẹ già cùng vợ con sang ta sinh sống. Lại xây cất cho một dinh thự khá tươm tất. Hiện Triệu Trung được Chiêu Văn vương sai cai quản và huấn luyện khoảng ba ngàn binh Tống.

- Chiêu Văn vương quả cũng là một con người sáng suốt. - Hưng Đạo vương buột miệng khen. - Lần này ta xuống đây hội kiến cùng Chiêu Văn vương, theo con có nên để cho Triệu Trung cùng dự không?

- Dạ! Bẩm thưa cha... Cha nên cho Triệu Trung vào yết kiến và có lời úy lạo hăn lúc đầu thôi. Đến khi bàn chuyện cơ mật thì con sẽ rủ hăn ra ngoài chơi.

- Ủ! Con ta cũng biết phép đối nhân xử thế đấy.

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật tiếp Tiết chế tại quân doanh nửa ở bờ sông Cái nửa trên đê. Sau khi phân ngôi chủ khách Chiêu Văn vương cho gọi Triệu Trung vào ra mắt Hưng Đạo vương. Triệu Trung người không cao lớn lắm, nhưng dáng vẻ chắc chắn với khuôn mặt phong trần dãi dầu sương gió.

- Bại tướng^[2] Triệu Trung xin lạy chào Tiết chế.

Sau câu nói ấy Triệu Trung cứ quỳ mọp dưới chân Hưng Đạo vương. Ngũ Lão vội cúi xuống đỡ lên. Triệu Trung mới dám đứng dậy và nói tiếp:

- Đội ơn Tiết chế đã cấp thêm tiền lương cho Chiêu Văn vương mà đời sống đám binh Tống mới được no đủ như hiện nay.

- Gia đình anh em hàng binh sang đây có được nhiều không? - Hưng Đạo vương hỏi.

- Khởi bầm Tiết chế người có người không ạ!

- Thế cuộc sống của họ thế nào?

- Khởi bầm Tiết chế. Cũng tạm đủ ạ! Những người có nghề làm thuốc, có nghề làm thủ công hay có nghề buôn bán đều được Chiêu Văn vương

tạo điều kiện làm ăn sinh sống như ở quê nhà. Số tay trắng thì Chiêu Văn vương cho mượn ruộng của công cũng như của Chiêu Văn vương cho cấy cày mà không phải nộp sưu thuế gì ạ!

- Tinh thần của anh em binh sĩ Tống thế nào?

- Khởi bầm Tiết chế đa số rất háo hức muốn được ra trận để rửa hận mất nước, mất nhà... Và để báo ơn tri ngộ của Chiêu Văn vương ạ!

- Như vậy là rất tốt! Bản vương có lời khen! Nhưng ta hỏi thật câu này. Trung Tống tướng đừng để bụng nhé!

- Khởi bầm Tiết chế! Xin ngài cứ dạy bảo. Có gì biết Triệu Trung đều cởi hết tấm lòng ạ!

- Số Hán gian cam tâm làm chim mồi chó săn cho giặc Nguyên Mông có nhiều không?

- Khởi bầm Tiết chế theo bại tướng có thì cũng không nhiều mà không ít ạ! Duy có một tên mà Tiết chế phải lưu tâm là Phạm Nhan. Tên này hành nghề đạo sĩ. Có thuật chém đầu này, mọc đầu khác. Hãn rất nham hiểm, quyền biến cơ mưu. Theo như bại tướng biết thì hãn đã vài năm qua Đại Việt hành nghề nên nắm rất rõ đường đi lối lại cũng như thế sông, thế núi của Đại Việt ta.

- Cám ơn người đã cho biết thêm về con người này. Chính hãn đã chỉ điểm nơi ẩn náu của vua Tống để quân Nguyên truy sát.

- Khởi bầm Tiết chế có chuyện đó ạ!

- Người nghĩ ngày các người trở về cố hương có xa gái lắm không?

- Khởi bầm trước mắt lũ chúng tôi lấy đất Đại Việt làm nhà! Còn về sau thế nào thì quả là còn bất định lắm ạ!

- Thế là các người hơi chán nản rồi! Bản vương cho người hay. Trước mắt nhà Nguyên Mông thật rất hùng mạnh. Nhưng đất nước Trung Hoa rộng lớn lại không thiếu gì người tài, người có lòng ái quốc. Vậy thì nhà Nguyên Mông chỉ tồn tại trên dưới một đời người. Khoảng ba bốn chục

năm nữa bên đó chắc chắn sẽ có loạn. Và cũng từng ấy năm nữa thì nhà Nguyên Mông chắc chắn sẽ sụp đổ. Và thay thế vào đó sẽ là một triều đại Trung Hoa mới.

Hưng Đạo vương nói tới đó thì đưa mắt cho Ngũ Lão. Ngũ Lão ôm vai Triệu Trung nói nhỏ:

- Lâu lắm chúng ta mới gặp nhau. Đệ mời đại ca ra ngoài uống rượu.

Triệu Trung dường như cũng hiểu ý. Hai người vào một quán mới mở của người Hoa tản cư sang.

- Ngũ Lão tấm ngăm tấm ngăm mà đá chết voi. - Triệu Trung mở đầu câu chuyện.

- Hưng Đạo vương hay Chiêu Văn vương thì họ cũng là anh em một nhà cả ấy mà. - Ngũ Lão thanh minh. - Có điều đệ không có tài đánh thủy nên không dám theo huynh phò Chiêu Văn vương.

- Nhưng cái mẹo ra mắt Tiết chế phải nói là gan cùng mình. Để giáo đâm vào đùi chảy máu ròng ròng mà vẫn vờ như không biết gì quả là một cách ra mắt có một không hai.

- Có gì đâu! Ấu cũng là học cách bên nước Tàu của huynh. Nghe nói xưa Khương Tử Nha muốn theo phò nhà Chu mới đến câu ở hồ Thủy Đình. Nhưng ngặt một nỗi là dây câu lại không có lưỡi. Có người hỏi thì Khương Tử Nha bảo rằng ta đâu cần câu lấy cá. Ta đang câu chức tể tướng của nhà Chu. Chuyện đó đồn đến Chu Vũ vương Cơ Phát. Biết có người tài đến giúp mình, Cơ Phát thân ra mời Tử Nha vào nội điện. Mình là quan võ phải nghĩ ra cách của mình chứ!

Ngũ Lão nói đến đó thì cả hai cùng cười rồi nâng bát rượu uống cạn.

- Bây giờ bố mẹ, vợ con huynh đã ở đây cả rồi. Huynh cứ yên tâm phục vụ Đại Việt. Sau này không ai đối xử tệ bạc với gia đình huynh đâu!

- Huynh biết chứ! Nguyên Mông là kẻ thù chung của cả hai dân tộc chúng ta mà.

Trở lại chuyện Hưng Đạo vương và Chiêu Văn vương trong trại lớn. Mở đầu Hưng Đạo vương điểm đúng huyết người ngồi đối diện:

- Nghe nói suất ăn của gia binh Chiêu Văn vương khá hơn của quân triều đình có đúng không?

- Quả là có chuyện ấy thật. Vì gia binh chỉ có ba ngàn mà quân triều đình có tới năm vạn quân lương không thể kham nổi.

- Chiêu Văn vương đừng lo, mười ngày nữa sẽ có lương cấp đủ cho Chiêu Văn vương. Tuy nhiên bản vương chỉ lưu ý Văn vương một điều nhỏ là đối với quân lính phải thật công bằng, kể cả binh Tống cũng thế. Đói cùng đói, no cùng no. Có như thế khi lâm trận, tất cả đều xả thân... chứ không suy bì được.

- Tiết chế thật là cao kiến. Vừa có lý lại có tình. Văn vương này xin nghe theo.

- Hàng ngày Văn vương thao luyện thủy quân thế nào?

- Vẫn như cũ thôi. Chia làm hai phe “đối luyện”. Tập trận như trò chơi ở các lễ hội. Vui vẻ lắm, ai cũng thích thú cả.

- Như thế là không được rồi. Lâm trận thật thì làm thế nào?

- Thế theo Tiết chế thì phải làm sao?

- Độ gần nửa tháng nữa triều đình sẽ cấp cho Văn vương khoảng bảy chục thuyền đình lớn, gần bằng chiếc thuyền của Toa Đô đang chinh phạt Chiêm Thành. Văn vương nên chia quân ra làm các đội thay nhau tấn công các chiến thuyền đó”. Đánh theo kiểu “xa luân chiến”, liên tục bất kể ngày đêm, sớm tối nắng mưa. Còn nữa phải cho lính tập phòng thủ chống quân Nguyên Mông bắc cầu phao từ phía kinh thành Thăng Long tấn công sang.

- Ta hiểu rồi! Đúng là phải như thế thật. Chứ như bây giờ thì lúc đánh nhau thật sẽ hỏng cả.

Rồi Hưng Đạo vương cũng truyền lệnh cho Chiêu Văn vương (tất nhiên là giọng nói nhẹ nhàng hơn) như với Nguyễn Khoái về việc phải vót ba

mười vạn mũi tên cùng các loại khiên lớn nhỏ. Với số tàn binh Tống, Hưng Đạo vương bảo Văn vương phải chuẩn bị may đủ ba ngàn bộ quân phục mới toanh theo kiểu Tống. Cờ hiệu cũng phải sắm sửa như cờ hiệu quân Tống. Chiến thuyền cũng phải như chiến thuyền Tống. Cùng hàng trăm loa sắt. Riêng Triệu Trung phải chuẩn bị cho hẳn một bộ áo giáp vàng sáng choang. Chiêu Văn vương nghe đến đó thì ù cả tai. Chẳng hiểu ý của Hưng Đạo vương là thế nào?

- Bây giờ với Đại Việt ta, một ngọn giáo, một tay gươm, một cây cung cùng tham gia chống Nguyên Mông cũng là quý rồi. Ở đây những ba ngàn người, ta phải biết cách để kết quả tăng lên gấp hàng mười, hàng trăm lần... Nuôi lính ba năm dụng một giờ. Nhưng đó phải là giờ vàng...

Hưng Đạo vương vừa mỉm cười vừa vuốt râu, cặp mắt đen sáng long lanh vừa thông minh vừa hóm hỉnh. Người ghé tai Chiêu Văn vương nói nhỏ... cứ như thế! Như thế... một hồi.

Nghe tới đâu mắt Chiêu Văn vương sáng ra đến đấy. Và câu cuối cùng Hưng Đạo vương vừa nói xong thì bất thần Chiêu Văn vương thốt lên:

- Tiết chế quả là Thánh thật!

- Còn một việc nữa. - Chờ cho cơn xúc động của Chiêu Văn vương dịu lại, Hưng Đạo vương nói tiếp. - Lần này bản vương để lại Yết Kiêu cho Văn vương sử dụng, sai khiến. Việc đầu tiên là Yết Kiêu sẽ tham gia thao luyện cùng với binh lính. Rồi từ đó Yết Kiêu sẽ tuyển chọn ra khoảng trên dưới một trăm người có bản lĩnh, có sức khỏe và có tài bơi lội. Song cái quan trọng nhất là lòng trung thành. Dầu gươm kề cổ cũng không được khai việc mình đang làm. Số người này Yết Kiêu sẽ đem đi một nơi tập luyện riêng. Huấn luyện thế nào và sau này sẽ làm gì “thần cũng không biết, mà quỷ cũng không hay.”

Hưng Đạo vương lưu lại ở khu vực thủy trại của Chiêu Văn vương ba ngày. Người đưa bọn Ngũ Lão, Dã Tượng, cùng vài chục quân kỵ đi thăm thú cả một vùng rộng lớn kể cả chiều dài lẫn chiều rộng. Chia tay Chiêu Văn vương, Hưng Đạo vương vỗ vào lưng “người anh em họ hàng” mà úy lạo rằng:

- Trông thanh nhã, tay cầm bầu rượu, vai đeo túi thơ thế này, mà rồi đây sẽ lập đệ nhất công trong cuộc chiến chống Nguyên Mông đó.

- Tiết chế mới xứng với công đó. “Một người lo toan bằng cả kho người làm”. - Chiêu Văn vương nhún nhường, chân thành đáp lại.

- Người lo toan mà không có người làm thì cái lo có hay ho đến đâu cũng chỉ là chuyện hão mà thôi! Hưng Đạo vương cũng khiêm tốn đáp lại.

Ba thầy trò Hưng Đạo vương, Phạm Ngũ Lão và Dã Tượng chỉ đem theo hai mươi quân kỵ nhằm thẳng hương làng Phù Ứng châu Thượng Hồng phi ngựa xuống.

- Ta muốn vào ra mắt sư phụ con - Hưng Đạo vương nói với Ngũ Lão - Nhưng trước tiên ta phải vào thắp hương lễ Phật đã.

Tất cả quân lính Hưng Đạo vương để phía ngoài, dặn dò không được làm kinh động đến xung quanh.

Dã Tượng đã chuẩn bị hương hoa và một trăm lượng vàng lá dâng lên bàn thờ Phật tổ. Hưng Đạo vương kính cẩn quỳ ở giữa. Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng quỳ hai bên. Người lầm bầm khấn:

- Tín chủ là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn hiện là Tiết chế của Đại Việt. Hôm nay thân đến chùa xin với Phật tổ phù hộ độ trì cho quốc thái dân an, kế sách của quốc gia được hinh sĩ hết lòng thực hiện để phá được lũ giặc Nguyên Mông hung bạo, giữ cho dân chúng không bị rơi vào cảnh lầm

than “nước mất, nhà tan”. Lòng thành lễ mọn, Phật tổ chứng giám, cung bái.

Khi Hưng Đạo vương đứng dậy thì sư cụ trụ trì ở chùa Bảo Sơn ở phía hậu cung đi ra. Ngũ Lão nhảy bổ ra ôm chầm lấy thầy, rồi gần như ngay lập tức quỳ dưới chân và nói:

- Con theo hầu Tiết chế vào lễ Phật, chưa vào trình diện với sư phụ. Mong sư phụ ngàn lần thứ lỗi.

Sư cụ vóc hạc, dáng cao, trán rộng, mắt sáng, chòm râu dài trắng như cước, dáng vẻ còn rất nhanh nhẹn.

- Mô Phật. Thí chủ là Tiết Chế, lại có lòng sùng Phật thế này. Quý hóa quá, quý hóa quá.

- Bạch sư cụ, bản chức cũng là người. Mà mọi chúng sinh đều là Phật tử. Huống nữa, sư cụ lại là thầy thuộc tướng của bản chức, kia mà. Nay nhân việc nước qua đây, trước vào lễ Phật, sau là vấn an sư cụ.

- Sao không cho lính vào báo trước để bản đạo ra tận cổng chùa đón rước. Thật là thất lễ! Thất lễ. Chùa nghèo vì dân quanh vùng đều rất nghèo. Nhưng tấm lòng hướng về Phật tổ thì lại thật là giàu có.

- Bản vương mới nhìn qua đã rõ...

- Xin rước Tiết chế vào phòng khách.

Ngũ Lão sảng sái dẫn đường. Phòng khách của sư cụ là một chái ở sau chùa. Chỉ có một bộ bàn ghế gỗ gụ, không có tay ngai tựa lưng. Một chú tiểu bưng lên một khay trà ướp hoa ngâu. Chiếc ấm cùng bốn chiếc chén đều thô mộc, không có hoa văn, đậm màu da lươn. Dã Tượng đứng hầu phía sau Hưng Đạo vương. Còn Ngũ Lão đứng chấp tay, hầu phía sau sư phụ.

- Sắp tới chiến cuộc chống Nguyên Mông chắc chắn sẽ diễn ra khốc liệt trên đất Đại Việt ta. Nhất là khúc sông Cái dài khoảng một trăm dặm từ Đại Hoàng đến trước cửa thành Thăng Long. Châu Thượng Hồng ta gần như nằm ở đoạn giữa khúc sông này.

- Nam mô a di đà Phật! - Sư cụ chấp tay trước ngực nói. - Bần đạo đã ăn mày cửa Phật tám chín mươi năm rồi! Những chuyện thế sự không còn để ý tới nữa. Song nếu quả thực là giặc dữ có tràn xuống đất này thì cũng phải tay đao tay thước cùng với dân làng đuổi chúng đi để bảo vệ chùa thôi!

- Không! Bản vương nhất quyết không để cho chúng tràn xuống đây được! Nhưng trận chiến ở ngoài sông chắc chắn là rất dữ dội. Mong sư cụ động viên dân làng ra đánh trống, hò reo trợ chiến!...

- Nam mô a di đà Phật! Điều này thì bần đạo có thể làm được. Không cần Tiết chế phải nhắc nhở.

- Bản vương xin đa tạ sư cụ!

- Không dám ạ! Dù là người tu hành đi nữa thì cũng phải biết phù cái thiện, xua đuổi cái ác.

- Nhân đây xin hỏi sư cụ một số điều, không biết có tiện không?

- Xin Tiết chế cứ tự nhiên, điều gì bần đạo rõ, sẽ xin thưa lại hết.

- Hôm qua, bản vương có ghé vào thắp hương tại Đền thờ tướng quân Phạm Bạch Hổ. Người đã chém bay đầu tên Việt gian bán nước Kiều Công Tiễn, kẻ đã ám hại tướng công Dương Đình Nghệ để dọn đường rước quân Nam Hán vào xâm chiếm nước ta. Tướng quân Phạm Bạch Hổ cũng là tướng tiên phong cho Ngô Vương Quyền chặn đánh dữ dội quân Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng và giết chết thái tử Hoàng Thao, đập tan ý đồ xâm lược của quân Nam Hán. Vậy xin hỏi sư cụ tướng quân Phạm Bạch Hổ với đệ tử Phạm Ngũ Lão của sư cụ có họ hàng gần xa gì với nhau không ạ!

Sư cụ cười sáng khoái đáp:

- Lúc trước Tiết chế có nói “Đất linh sinh nhân kiệt”. Châu Thượng Hồng là đất như thế. Bởi thế hơn hai trăm năm trước đây đã sinh ra Phạm Bạch Hổ. Còn nay thì sinh ra đệ tử của bần đạo là Phạm Ngũ Lão. Đơn giản thế thôi. Bần đạo quả quyết rằng họ chẳng có họ hàng về bên nội hay bên ngoại gì với nhau cả.

Hưng Đạo vương cũng cười sáng khoái:

- Sư cụ giải thích thật chí lý! Chí lý!
- Tiết chế đã hỏi, vậy tiện thể đây bản đạo cũng muốn hỏi lại một câu mong Ngài đừng trách là bản đạo “thóc mách” nhé!
- Xin sư cụ cứ hỏi. Việc gì không ảnh hưởng đến sự an nguy của Đại Việt, bản vương xin trả lời hết.
- Chẳng là đệ tử của bản đạo vốn không thạo về thủy chiến. Mà chiến cuộc theo như Quốc công Tiết chế nói chủ yếu sẽ diễn ra trên dọc sông Cái. Vậy thì đệ tử của bản đạo trở thành kẻ vô dụng mất rồi sao?
- Sư cụ quả thật là quá lo xa.
- Dạ, không phải. Chẳng là khi xưa, bản đạo vốn mồ côi cả cha lẫn mẹ từ lúc mới lên ba. Nhờ ăn mày cửa Phật mà sống được tới bây giờ. Sư phụ của bản đạo là người học rộng, văn võ song toàn. Từ lúc năm tuổi bản đạo đã được sư phụ dạy chữ và dạy võ. Qua mấy chục năm khổ luyện cũng thu được kết quả không đến nỗi nào. Trước lúc lâm chung, sư phụ của bản đạo cầm tay mà trăng trối rằng: “Tất cả học vấn về văn võ của ta đã truyền hết cho con. Di nguyện của sư phụ là sau này con sẽ truyền lại được tất cả các thứ đó cho người có thể giúp được nước, cứu đời”. Nay Ngũ Lão cũng có thể coi là thành tài. Ấy vậy mà cái tài ấy đành “xếp xó” thì sau này “hai năm mươi” gặp lại sư phụ, thử hỏi bản đạo sẽ nói năng với người thế nào đây?
- Có phải thanh đại đao và cây cung mà Ngũ Lão đang dụng là của sư phụ của ngài trao lại? - Hưng Đạo vương hỏi.
- Dạ! Quả đúng là như vậy.
- Như vậy là “y phục xứng kỳ đức” rồi! Với thanh đại đao và cây cung này, bản vương chắc chắn là Ngũ Lão sẽ lập được kỳ công lớn.
- Nhưng...
- Bản vương hiểu được nỗi băn khoăn của sư cụ rồi! Ở đây chỉ có bốn người, đều là chỗ người nhà cả, bản vương sẽ nói đại để về kế phá Nguyên Mông mà bản vương đã nung nấu suốt hơn một tháng qua. Sư cụ là người

học rộng, tài cao. Biết đâu có thể chỉ giáo cho bản vương được điều gì thì thật là “nhất cử lưỡng tiện”.

- Dạ! Bần đạo không dám! Không dám!...

Hưng Đạo vương rút từ túi áo ngực ra một tấm bản đồ bằng lụa trắng hình chữ nhật, chiều dài gần gấp đôi, chiều rộng trải trên mặt bàn. Người bắt đầu nói:

- Hiện tại 15 vạn quân của Nguyên sủng Toa Đô đang chinh phạt Chiêm Thành. Dù thắng hay bại cánh quân này sẽ men theo đường biển đánh phá vùng Hoan - Ái của ta trước. Sau đó sẽ vào cửa biển Đại Hoàng ngược theo sông Cái để đến kinh đô Thăng Long. Sở dĩ Thoát Hoan đã được phong làm Trấn Nam vương nhưng chưa khởi quân đánh Đại Việt vì còn chờ kết quả chinh phạt của Toa Đô. Song chẳng chóng thì chầy năm mươi vạn quân sĩ Thái tử Thoát Hoan sẽ tràn xuống nước ta.

Bước đầu ta phải lui về phòng ngự. Thậm chí cả kinh đô Thăng Long cũng phải để cho chúng vào “ở nhờ”. Đại quân của ta sẽ lui về bên này sông Cái. Thoát Hoan muốn sang ta phải đánh quyết liệt, buộc hẳn phải bật trở lại. Đồng thời các mũi vận lương của chúng ở cả hai ngả thủy bộ ta cùng phải “khóa chặt”. Cái gì cướp được thì cướp. Cái gì không cướp được thì đốt và đánh chìm hết. Vùng Quế Sơn gần cửa Lục Đầu giang vừa tiện cho việc nhận lương cả thủy lẫn bộ. Đất ở đây rộng. Chủ yếu là đất đồi sẽ rất thích hợp cho kỵ mã của chúng tung hoành. Như vậy đại để có thể ví Thoát Hoan ở kinh thành Thăng Long là phần mình của con cua. Quế Sơn nơi tập trung binh lực rất mạnh có thể ví như một chiếc càng cua. Cánh quân của Toa Đô ngược sông Cái lên là chiếc càng thứ hai. Bước một khi Toa Đô từ Chiêm Thành ra, Thái sư thượng tướng quân Chiêu Minh vương Trần Quang Khải đang cầm mười vạn quân Hoan - Ái phải bám đuổi theo, đánh quyết liệt khiến cho chúng bị tiêu hao và mỏi mệt. Từ cửa Đại Hoàng trở ra Thăng Long thì việc này đã được giao Đô tướng Nguyễn Khoái, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật cùng đội binh sĩ Tống và đội đặc nhiệm của gia tướng Yết Kiêu. Nguyễn Khoái phải làm thế này, thế này. Chiêu

Văn vương Trần Nhật Duật phải dùng kế ly gián thế này, thế này... Gia tướng Yết Kiêu sẽ gây cho giặc sự kinh hoàng trong suốt ngày đêm như bị “quỷ ám” bằng cách này cách này... Đến bến Chương Dương trước cửa thành Thăng Long tất cả phải hợp lực quyết không cho chúng vào được thành. Thoát Hoan tất nhiên sẽ thả năm vạn kỵ binh Mông Cổ trong mười vạn tên thiện chiến nhất từ trong thành ra tiếp ứng cho Toa Đô. Đây là lúc dụng võ của Phạm Ngũ Lão. Ngũ Lão sẽ phục binh ở đây... dùng câu liêm thương chặt đứt vó ngựa Nguyên Mông và tiêu diệt chúng. Thoát Hoan muốn tung quân ra nữa thì cửa Nam năm vạn quân của Quốc Tảng phải chặn chúng lại. Còn cửa Đông được giao cho năm vạn quân mã Quốc Nghiễn. Ngũ Lão sau khi tiêu diệt đội kỵ binh thiện chiến đó thì toàn bộ quân tràn lên thuyền của Toa Đô cùng Nguyễn Khoái, Trần Nhật Duật phải “chặt đứt được chiếc còng của này”. Với Toa Đô, không bắt sống được thì phải giết chết, quyết không để hãn trốn chạy về Quế Sơn. “Con của Thoát Hoan” bị gãy một còng, phải bỏ Thăng Long chạy về phương bắc. Lúc đó toàn bộ hai năm vạn quân Đại Việt do Ngũ Lão làm tiên phong, bên phải có Quốc Tảng, bên trái có Quốc Nghiễn sẽ đánh thẳng vào cổng chính của Quế Sơn. Thủy quân của Nguyễn Khoái từ cửa Lục Đầu giang sẽ xông lên trợ chiến. Với lực lượng hùng hậu như vậy chiếc “còng của” thứ hai chắc chắn sẽ phải bị chặt đứt. “Con của Thoát Hoan” chỉ còn “tám còng” thì chỉ còn cách “bò nhanh” về nước. Tất nhiên là quân ta sẽ truy kích đến tận ải Nam Quan. Ngũ Lão vẫn sẽ là tướng tiên phong trong cuộc truy đuổi này. Dĩ nhiên người Nguyên chắc chắn chưa chịu thất bại. Nhưng lần thứ ba bọn chúng sang thì chắc chắn là ta đánh dễ rồi. Song cũng phải bày binh bố trận để đánh một trận tiêu diệt lớn... Trận này có thể diễn ra ở cửa sông Bạch Đằng. Đánh cho chúng phải dựng tóc gáy khi nghĩ đến chuyện phải sang Đại Việt xâm lăng một lần nữa... Đó là toàn bộ kế sách của bản vương chỉ có vậy. Mong sự cụ chỉ giáo thêm. Hưng Đạo vương theo thói quen vừa cười vừa vuốt râu nói câu sau cùng.

Nghe xong sự cụ vội vàng xòe bàn tay đặt trước ngực ngón cái hướng vào phía trong, đầu hơi cúi xuống theo nghi thức của nhà Phật, chân thành

nói:

- Ngài không phải là người thường mà thực sự là Đức Thánh nhân. Được nghe Đức Thánh giảng giải về kế sách phá giặc dữ quả thực là không uổng sống một đời. Còn Ngũ Lão, đệ tử của bản đạo được cầm roi, dắt ngựa theo hầu Đức Thánh thì còn vinh hạnh gấp vạn lần... Từ nay xin cho phép bản đạo được gọi vương là Đức Thánh Trần...

- Chẳng qua là “kế mọn” có gì đáng kể đâu. Hưng Đạo vương khiêm tốn đáp - Còn việc có thực hiện được hay không còn nhờ vào sự xả thân của tướng sĩ và sự đóng góp hết lòng của toàn thể dân chúng Đại Việt.

- Phải nói thật là hai vua Trần quả thực là vua sáng. Nếu không hôm nay làm gì có người cầm quân chống giặc dữ.

- Mọi người đều hiểu oan cho bản vương cả. - Giọng Hưng Đạo vương trầm xuống. Họ chỉ thấy bản vương cướp công chúa Thiên Thành trong ngày rước dâu về nhà chồng mà không biết được rằng từ thuở thiếu thời mười sáu, mười bảy, bản vương và công chúa đã yêu nhau như thế nào. Một người mà ngay cả đến người yêu của mình cũng không bảo vệ được thì còn nói gì đến việc cứu nước, cứu dân sau này... Ngoài hai mâm vàng trả lại đồ sính lễ, hai vua Trần còn phạt bản vương “bồi thường danh dự” cho Trung Thành vương hai ngàn mẫu ruộng ở phủ Mỹ Đức - Hà Tây. Có nghĩa là toàn bộ điền sản của cả gia đình. Nhưng có hề chi... - Nói đến đây Hưng Đạo vương cười lớn - Cái chính là đã thực hiện được lời “thề non - hẹn biển” từ thuở thiếu thời với nhau. Chứ hai ngàn đến hai mươi ngàn mẫu ruộng cũng có xá gì. Và bây giờ thiên hạ cũng đều thấy “sự hy sinh” ấy đâu có uổng phí. Thiên Thành đã sinh cho bản vương bốn hổ tướng để bảo vệ Đại Việt... Đó mới thực sự là điều quan trọng.

Nói tới đây Hưng Đạo vương đẩy ghế ra sau đứng dậy. Rồi người bảo:

- Thôi đã đến lúc bản vương phải tạm biệt sự cụ rồi. Quà không có gì nhiều, chỉ có một xúc lụa tơ tằm Vạn Phúc Hà Đông biếu sự cụ và một trăm lượng vàng cung tiến cho nhà chùa để tu sửa lại những chỗ đã bắt đầu hư hỏng.

- Tạ ơn Đức Thánh Trần. - Sư cụ chấp hai bàn tay xương xấu nhưng vẫn còn rất cứng cáp và nói: - Lạ thì bần đạo xin nhận còn vàng thì không dám vì quốc khố đang phải gánh vác công cuộc phòng chống giặc ngoại xâm.

Hai bên đùn đẩy nhau một lúc. Cuối cùng sư cụ đưa ra giải pháp:

- Thôi thì bần đạo thay mặt nhà chùa xin nhận một lượng tượng trưng cho Đức Thánh Trần vui lòng, số còn lại thì bần đạo không dám.

Hưng Đạo vương cả cười bảo:

- Ngài khí khái quá.

Rồi tất cả kéo ra bàn thờ chính. Cả bốn người vái lạy Phật Tổ, sau đó sư trụ trì gói lại chín mươi chín lượng vàng, đích thân nâng ngang mặt trao lại. Hưng Đạo vương đỡ lấy, rồi trao lại cho Dã Tượng.

- Dạ, bẩm thưa cha! Cha cho phép con tối nay được ở nhà thăm mẹ. Sáng sớm mai sẽ trở về Vạn Kiếp ngay ạ!

- Được! Cha cũng có ý đó. Chưa kịp bảo thì con đã xin... Ta có quà cho mẹ con. Cũng là một tấm lụa tơ tằm Vạn Phúc, một trăm hai mươi quan này là cấp cho sáu tháng lương chức Đô úy của con.

- Sao lương nhiều vậy cha? - Ngũ Lão hỏi lại.

- Không nhiều đâu con. Nhiều quan lại trong triều còn lĩnh hơn con cả trăm lần - Hưng Đạo vương giải thích rồi bảo Dã Tượng lấy từ trong hòm “công vụ” mang theo.

Ngũ Lão dắt ngựa vào sân. Vừa lúc đó mẹ Ngũ Lão cũng từ trong bếp bước ra. Hai mẹ con ôm chầm lấy nhau cùng nghẹn ngào trong nước mắt.

- Mẹ! Mẹ ở nhà có khỏe không?

- Mẹ khỏe. Chỉ lo cho con thôi.

- Mẹ thấy con cứng cáp thế này... Và còn cứng cáp hơn nữa nên mẹ đừng lo nghĩ gì... mà ảnh hưởng đến sức khỏe.

Ngũ Lão buộc ngựa vào một cây cau rồi cùng mẹ bước lên nhà. Chàng đưa tấm lụa Hưng Đạo vương biếu cho mẹ và đặt một trăm hai mươi quan

tiền lên bàn thờ, thắp hương cúng gia tiên và cha.

Mùi hương vừa ngào ngạt bay trong ngôi nhà tranh thì ngoài sân đã ồn ào, lố nhố cả trăm người đủ các thành phần nam, phụ, lão, ấu...

Tiếng mọi người nhao nhao, không còn phân biệt được tiếng ai vào với ai. Nhưng đại để là:

- Xem tân Đô úy Ngũ Lão bây giờ mặt mũi ra sao nào?

- Làng ta sau bao nhiêu đời nay mới có được một người làm quan to đến như vậy.

Xen vào đó cũng có những câu châm chọc, ghen tị:

- Kỳ này về, tân Đô úy Ngũ Lão sẽ đưa mẹ lên kinh sống cho sung sướng chứ?

- Đúng là để con khôn...

Mọi người chỉ im lặng khi thấy hai vị chức sắc là hương lý và phó lý bước vào. Hai ông này cung kính chấp tay:

- Xin chào quan Tân Đô úy.

- Xin hai vị và bà con đừng làm vậy! Lúc nào Ngũ Lão này cũng là con dân trong làng, trong hương - Đứng trên bậc thềm Ngũ Lão cung kính đáp lại.

- Tôi nói thế này, các vị bô lão và bà con nghe có phải không?... Chẳng mấy khi tân Đô úy ghé về làng. Bởi thế làng phải mổ trâu, mổ lợn để khao tân Đô úy chứ!

Viên hương lý vừa nói xong thì tiếng mọi người nhao lên như ong vỡ tổ hưởng ứng.

Ngũ Lão lại chấp tay thưa:

- Kính thưa các vị chức sắc, các bậc phụ huynh. Tôi chưa có công tích gì với dân với nước, sao dám để dân làng lại phải giết trâu, mổ bò, mổ lợn để khao. Bởi thế tôi xin được khao làng một bữa cơm nhạt.

Tiếng mọi người lại nhao nhao lên, người ủng hộ, kẻ phản đối không ai chịu ai. Hai vị hương lý và phó lý phải bàn bạc với nhau một lúc lâu rồi mới đưa ra quyết định:

- Đô úy đã có lòng... bà con ta cũng có bụng.

Thế là sau một canh giờ rượu thịt đã được ê hề bày ra ở giữa sân. Riêng hai vị chức sắc và các cụ bô lão cùng mẹ con Ngũ Lão được ngồi “chiếu trên” ở trong nhà. Phải tới gần nửa đêm tiệc mới tàn. Mọi người đã ra về vẫn cả thì bỗng xuất hiện một thiếu phụ bồng trên tay một đứa con trai trên dưới một tuổi tiến vào nhà hỏi Ngũ Lão:

- Tân Đô úy có nhận ra tôi là ai không?

Sau một phút định thần Ngũ Lão vội reo lên:

- Chị Lưu! Chị Cả Lưu đấy ư? Sao bây giờ mới lên tiếng?

- Tôi tưởng Ngũ Lão giờ đã là quan to của triều đình thì quên người con gái đáng thương này?

- Chị nghi oan cho Ngũ Lão rồi! Vụ cày một ngày xong năm mẫu ruộng cho thân phụ chị, cả đời này Ngũ Lão đâu dám quên.

- Không, tôi muốn nhắc đến chuyện khác cơ!... Nhưng mà thôi bây giờ Đô úy thấy đó tôi đã có con bồng, con bé có kém ai?

- Anh ấy tối nay có sang đây không?

- Con hoang làm gì có bố... Nhưng mà mừng một cái là cháu rất khỏe mạnh và mới một tuổi đã nghịch như quý sứ. - Chị vừa nói vừa cười và trao đứa bé cho Ngũ Lão và nói nựng với con:

- Con ra với chú đi... Để lấy cái khước... Sau này cũng có thể làm được đến chức đô úy...

Phải nói là đứa trẻ rất bạo. Vừa sang tay Ngũ Lão nó đã đưa đôi bàn tay nhỏ xíu vuốt má, sờ mũi và béo tai chàng. Còn đôi chân khá dài so với tuổi tôi của nó thì nhảy như chơi chơi.

- Chị xin giống ở đâu? Và có bị làng phạt vạ không? - Khi mọi chuyện đã trở nên thân mật Ngũ Lão cất tiếng hỏi.

Chị Cả Lưu (dân làng vẫn gọi chị như vậy - vừa là tên và cũng là họ) cười xởi lởi:

- Bố bảo hai vị hương lý và phó lý vừa về dám động vào... lông chân của cái con Cả Lưu này. “Không chồng mà chữa mới ngoan - Có chồng mà chữa thể gian thường tình”. Dân gian đã có câu ca như vậy, chú thấy có đúng không?

- Chắc chị đánh đá quá nên họ ngại chứ gì? - Ngũ Lão hỏi lại.

- Này! Đánh đá với to mồm thì họ có mà xé xác ra! Cái chính là thân phụ của chị bây giờ đường đường là một vị quan huyện... Thử hỏi trong cái làng này, cái hương này... ai to hơn quan huyện nào. Không những chẳng bị phạt vạ mà ngày cháu “đầy tháng” hai vị còn có quà mừng.

- Thế bác thi cử vào hồi nào mà lại đỗ đạt để được bố làm quan huyện? - Ngũ Lão ngạc nhiên hỏi lại.

- Cần gì phải thi cử với chả đỗ đạt! Bây giờ cứ bỏ ra một trăm lượng vàng ròng và một ngàn thúng thóc là có cái chức ấy ngay. Còn quan phủ thì phải gấp ba lần thế!

- Chị nói thế nào ấy chứ? Làm gì có chuyện ấy?

- Này thẻ bài là do chính Tiết chế nhà chú ký nhé. Chỉ có điều quan huyện như cha chị thì không được cấp triện thôi... Xuân thu nhị kỳ có lính lệ về làng rước kiệu đưa cha chị lên huyện. Tại huyện viên quan huyện chính hiệu tiếp đón các quan huyện không có triện. Ai nhiều tuổi như cha chị thì được gọi là “quan bác”. Những người đồng tuế thì được gọi là “quan anh”. Ăn chơi mấy hôm thì lính lệ lại khênh kiệu trả về chú đừng tưởng “có tiếng mà không có miếng” đâu nhé! Mấy tay hương lý và phó lý xử lý oan sai với dân, cha chị cho người lên “tố” với “quan huyện thật”. Lập tức lính lệ về lôi ra sân đình vật cổ nọc ra đánh mấy chục roi. Bởi thế bọn lý cũng “gờm” cái chức quan của cha chị lắm!

- À, ra thế! Bây giờ thì em đã hiểu. Thì ra Tiết chế muốn huy động vật lực của các hào phú nên mới nghĩ ra cách “bán tước” đó. Chỉ có lợi chứ chẳng có hại gì.

- Thế chú có thích nghe nghị kể chuyện chị đi “mua giống” để sinh ra cái thằng “cún con” này không?

- Nếu chị thấy không có gì ngại thì em sẵn sàng nghe.

- Vốn là vào tiết thu năm ngoái, chị với đám gia nhân lên bến Bình Than mua than và củi cho cha chị đốt lò gốm. Hôm ấy trời mưa dầm dề đến nỗi lòng. Từ trong quán nhìn ra chị thấy một chàng trung niên, áo tơ, nón lá ngồi bên con thuyền ngáp dài vẻ nể nể lắm. Con chim ưng cực lớn bằng con ngỗng ấy! Lông đỏ, mỏ quặp lúc nhảy lên nóc thuyền, lúc chuyền trên vai người đàn ông đó. Bên cạnh anh ta còn có thanh kiếm dài vỏ bạc. Chị ngắm kỹ thấy người này cũng có vẻ “tráng sĩ” lắm! Chắc thất cơ lỡ vật thể nào mới phải làm cái nghề đốt than thế này. Chị cho một viên đầy tớ ra mời anh ta vào quán. Anh ta đứng dậy, vươn vai một cái, dáng vẻ đờ đẫn lúc trước vụt biến đi đâu mất. Một người cao lớn, xách kiếm hiên ngang bước vào.

- Xin chào tráng sĩ. - Chị lên tiếng trước. - Tôi có đôi điều muốn làm phiền tráng sĩ có được chăng?

- Cần gì chị cứ nói - Giọng anh ta đanh gọn và rất sang, khác với vẻ mặt lem luốc cùng chiếc áo tơ, nón lá trên mình.

- Xin mời tráng sĩ cởi áo tơ rồi ngồi xuống, dần dà tôi xin thưa chuyện.

Anh ta cởi áo tơ, nón lá để gọn vào một góc và ngồi xuống ghế đối diện với chị, thanh trường kiếm vỏ bạc đặt trên bàn.

Chị bảo gia nhân rót một bát rượu lớn mời nhưng anh ta gạt sang một bên và bảo:

- Tôi không uống rượu bổ thí khi chưa biết lý do.

- À, tôi muốn mua một thứ... không biết tráng sĩ có bán không? - Chị rảnh rỗi đặt vấn đề.

- Ngoài thuyền than và củi... Tôi còn có gì bán cho chị đây? - Anh vẫn giọng sang sảng hỏi lại.

- Tất nhiên chúng tôi đến bến Bình Than này là để mua than và củi rồi. Thuyền than củi đó chắc chắn chúng tôi sẽ mua. Ngoài ra muốn hỏi mua thêm một vài thứ nữa của tráng sĩ.

- Vài thứ là thứ gì?

- Thí dụ như thanh trường kiếm này chẳng hạn. - Chị hỏi không có ý đùa cợt một chút nào.

- Chắc chắn là chị không có đủ ngân lượng. Mà một ngàn lượng tôi cũng không thể bán được.

- Vậy tôi muốn hỏi mua con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp... thì giá bao nhiêu?

- Giá bình thường là ba mươi lượng. Nhưng chị chõng ra một trăm lượng tôi cũng không bán.

Nói xong anh ta vội đứng lên. Chị bèn cuống quýt chèo kéo anh ta.

- Anh hãy ngồi xuống một lát! Tôi hỏi mua thứ này, chắc chắn là anh... bán được. - Nói tới đó mặt chị đỏ lựng lên. - Chuyện hơi tế nhị một chút... Nhưng cũng phải nói thật ra thì anh mới hiểu... Tôi muốn mua... một đứa con của anh.

- Mua con... của tôi? - Anh ta bỗng cười lên sáng sủa và ngồi xuống. Quơ tay lấy bát rượu uống một hơi cạn sạch.

- Tôi tuy hơi cứng tuổi một chút... Nhưng vẫn còn “con gái”... Tôi không muốn lấy chồng mà chỉ muốn có một đứa con trai... Nếu anh thuận tình bán cho tôi... Sau ba đêm tôi xin trả anh đủ một trăm đồng... Anh thấy đấy! Trông tôi đâu đến nỗi nào mà phải nói là đẹp gái nữa là đấng khác... Chỉ có điều hơi danh đá một chút.

- Nếu cô còn trinh nguyên thật... thì như trước đây sau khi ngủ một đêm, tôi phải trả cho cô một trăm đồng... Nhưng hoàn cảnh của tôi bây giờ cô

biết đấy! Bởi thế tôi đồng ý.

- Nhưng với một điều kiện thế này!

- Còn điều kiện lằng nhằng gì nữa?

- Đơn giản thôi! Sau khi “tiền chao cháo múc” xong việc “đường ai người nấy đi”. Nếu có tình cờ gặp lại thì cũng coi như “người chưa từng quen biết”.

- Ôi! Tưởng điều gì? Chính tôi cũng muốn đề nghị với cô như vậy!

- Bây giờ tôi xin đặt trước anh ba mươi đồng. Ba mươi đồng còn lại “xong việc” sẽ xin đưa nốt. À... Còn một chuyện nhỏ thế này...

- Lại còn cái gì nữa đây? - Anh ta tỏ vẻ sốt ruột.

- Chả là lúc đầu tôi đã có nói... Tôi còn “con gái”. Nên sau đêm đầu tiên... Xin anh nghỉ cho hai ngày. Còn hai đêm sau...

- Tôi hiểu rồi! Nói thẳng ra là cô sợ đau chứ gì? Không biết chuyện đùa hay là thật đấy. Nhưng mà đùa hay thật với tôi chưa bao giờ là quan trọng. Nhất là việc như thế này.

Chị móc hầu bao đặt lên bàn trước mặt anh ta. Anh ta không vồ vập mà rất bình thản vợ lấy và hắng giọng khá sang trọng quát:

- Chủ quán đâu! Bắt cho ta một chú vịt béo nhất. Rồi thả ra sân... làm mồi cho chú chim ưng của ta.

Viên chủ quán dạ một tiếng và chỉ loáng một cái một chú vịt bầu đã được thả ra sân. Từ trên mũi thuyền chú chim ưng lông đỏ, mỏ quặp dang rộng đôi cánh xà xuống, nhanh như chớp hai chân đẩy những vuốt sắc quặp lấy chú vịt, nhẹ nhàng bay trở lại nóc thuyền. Đầu tiên nó vạt giữa chú vịt ra. Mổ vào bụng lôi ra bộ lòng gan nuốt lấy nuốt để. Sau đó nó chậm rãi vạt lông ở mình và ở cánh. Vạt tới đâu nó xé ra từng miếng thịt lớn, ngứa cổ nuốt một cách ngon lành. Lần đầu tiên chị thấy một cảnh vừa man rợ, vừa lạ lẫm và thích thú như thế.

- Tuổi thọ của loài chim ưng này là bằng với loài người. Khoảng trên dưới bảy mươi năm. - Anh ta thấy tôi chăm chú nhìn thì giải thích. - Khoảng bốn mươi tuổi, nó sẽ bay về rừng. Đập mỏ vào vách đá cho bung lớp sừng bên ngoài ra. Chờ năm bảy ngày sau chiếc mỏ mới được mọc lại. Nó bắt đầu lấy chiếc mỏ ấy rút từng chiếc móng vuốt ở chân ra. Khi móng vuốt mọc lại, nó bắt đầu rút hết lớp lông cánh lúc đó rất rậm rạp. Và chừng mười ngày sau, nó thực sự lột xác, bay trở về với một vẻ tráng kiện mới... Và tiếp tục sống khoảng trên dưới ba mươi năm nữa. Tôi nuôi nó lúc nó mới bằng nắm tay cách đây hai mươi năm. Bởi thế nó sẽ là người bạn thân cận suốt cả cuộc đời tôi. Ngoài ra nó còn là cứu tinh của tôi. Nhân một chuyến đi săn, con ngựa bạch của tôi vừa bước vào vùng cỏ tranh thì bỗng xuất hiện một con rắn chúa cực lớn. Nó dựng nửa thân lên, cao tới đầu ngực, thè lưỡi như chiếc búp chè, miệng thở phì phì, phun ra nọc độc. Cả người lẫn ngựa đều hốt hoảng chưa biết xử trí thế nào thì vù một cái, chú chim ưng bay vọt lên, chiếc mỏ quặp của nó mổ xuống một nhát trúng gáy, khiến con rắn chúa gãy cổ, chết đứt đừ tuy khúc thân phía dưới của nó còn quần quại một lúc lâu. Lính bắt lên xem thì là con rắn chúa đực. Chắc nó đang canh chừng cho con cái lột xác. Dù tôi có đói khát mà cô trả tôi, cả trăm lượng vàng tôi cũng không thể bán nó. Món nó khoái nhất là vịt...

Đêm đầu tiên tôi hé mắt nhìn. Không biết của những người đàn ông khác thế nào, chứ của anh ta gần bằng chiếc chày giã cua. Nó liên tục giã. Tôi quần quại đau đớn nhiều lúc tưởng chừng như tắc thở. Sau trận đòn thứ nhất tôi lồm cồm bò dậy, vớ lấy bình rượu tu một hơi hết sạch. Mượn *ma men* làm cho tôi lịm đi, để anh ta muốn làm gì tiếp thì làm.

Sau hai ngày *ngủ nghỉ* đến đêm thứ ba, cảm giác đã trái ngược lại hoàn toàn. Tôi có cảm tưởng chiếc *chày giã cua* của anh ta đã được bọc nhung. Êm ái vô cùng. Đã có lúc tôi nhồm hăn người lên khiến anh ta cũng phải bật cười sảng sặc. Đến đêm cuối cùng cảm giác *sung sung* đã lên tới đỉnh điểm. Đã có lúc tâm trí tôi đã lung lay và tự hỏi *của nả có là cái gì, chỉ có mình ngu dại mới không chịu lấy chông?* Nhưng sáng ra, nhìn bộ mặt có nhiều cá tính mạnh của anh ta với chiếc mũi mỏ điều, hai cánh mũi mỏng

khoét sâu đầy vẻ dâm dăng và chiếc miệng rộng với hai khóe môi thu lại rất gọn gàng đầy vẻ cương quyết và trịnh thượng đã khiến cho sự kiên nghị lúc đầu của tôi trở lại.

Cuộc chia tay thật chóng vánh. Tôi trả con thuyền và đồng than, củi của anh ta với giá ba mươi đồng.

- Con thuyền này rất chắc chắn được phết sơn ta rất kỹ lưỡng nên khi dặt. Chứ chỗ than, củi có đáng là bao trị giá chỉ hai ba đồng.

Anh ta giải thích xong xuống thuyền thu dọn đồ dùng cá nhân, buộc vào chiếc tay nải khoác lên vai. Tay kia cầm chiếc kiếm dài, đầu cất cao (lúc này trời đã hửng nắng) rải những bước rộng rãi bằng đôi chân dài chắc nịch. Nghe tiếng huýt sáo con chim ưng lông đỏ mỏ quặp từ nóc thuyền liệng xuống đậu trên một bên vai anh. Còn cách mấy ngày thì đầy chín tháng tôi sinh ra thằng *cún con* này. Mới đẻ ra đã biết ngay là “giỏ nhà ai quai nhà ấy”. Đầu tiên là đôi chân dài, rồi đến cái mũi, cái miệng, đôi mắt hơi lồi, giống anh ta như đúc. Cha tôi ngắm nghía nó hồi lâu rồi bảo: “cái ngữ này không kèm cặp thì lớn lên dễ thành tướng cướp lắm đây!”. Bế nó mệt lắm! Hai chân nhảy như con *choi choi* suốt ngày.

Chị Cả Lưu là vị khách cuối cùng rời khỏi nhà Phạm Ngũ Lão. Ở đầu cổng đã có ba bốn gia nhân soi đèn lồng đưa chị về.

Trăng cuối tuần đã lên tới đỉnh đầu trước khi giục Ngũ Lão đi nghỉ, mẹ hỏi một câu thăm dò:

- Trong lúc còn đang yên hàn thế này, anh có *ý trung nhân* nào chưa thì đưa về đây cho mẹ mừng?

- Cũng sắp có rồi mẹ ạ!

- Con cái nhà ai? Con ông cả, bà lớn là mẹ mất cháu đấy! Vì cái thân xác quê mùa này sao dám bước vào cửa nhà người ta.

- Mẹ yên trí mà! Cô ấy cũng là con nhà nông dân như nhà mình. Mặc dù bây giờ là con gái nuôi của Quốc công Tiết chế.

- Ối trời ơi! Cái đám cành cao, lá vàng ấy làm sao mà con với tới được?

- Mẹ đừng cả nghĩ làm gì cho mệt. Tiết chế nhận con làm con nuôi. Luôn được ở bên Người... được Người dạy dỗ hàng ngày. Ngay như chuyển về đây. Phải như thế nào thì Tiết chế mới cho theo hầu. Chứ có phải ai muốn cũng được đi đâu.

- Đây là mẹ nói thế thôi! Mọi việc mẹ nghĩ đều do ông Giời sắp đặt cả rồi. Có muốn cũng không được mà có từ cũng không xong.

Chộp mắt được một canh giờ, Ngũ Lão trở dậy đã thấy mẹ đang lọ mọ dưới bếp.

- Mẹ làm gì mà dậy sớm thế?

- Mẹ dậy luộc cho anh nồi khoai lang và nấu cho anh nồi nước chè tươi. Những thứ mà lúc ở nhà anh vẫn thích...

- Cám ơn mẹ! Đúng là những món ăn mà con đương thèm.

Rồi Phạm Ngũ Lão ra giếng múc nước rửa mặt và lấy nước cho ngựa uống. Con Tía bỗng dựng hai chân trước lên thành giếng, cúi cái mõm xuống rồi hí lên mấy tiếng rất khác thường. Phạm Ngũ Lão lôi nó ra buộc vào gốc cây thì rồi bê chậu sành nước lớn đặt trước mõm. Nhưng nó chỉ thọc mõm xuống rồi lắc lắc sang hai bên mà kiên quyết không uống. Thấy con Tía *dở chứng* Phạm Ngũ Lão vừa tát nhẹ vào mặt nó, vừa nựng: “Tía ngoan nào! Có chuyện gì làm mày không vừa lòng ư?” Nó lại quay đầu về phía thành giếng, dựng hai chân trước lên bõn chồn hí hai ba tiếng nữa. Phạm Ngũ Lão quay lại, nhìn xuống thấy lòng giếng tối om, toát lên một vẻ gì đó rờn rợn. Khi đào và xây thành giếng, Ngũ Lão đã cẩn thận xây thành lên khá cao tới trên ngực mẹ, khiến mẹ kéo gàu nước lên khá vất vả. Không phát hiện có gì lạ, Ngũ Lão quay lại mắng con Tía. Trong lúc Phạm Ngũ Lão ngồi ăn khoai và uống nước chè tươi thì bà mẹ dùng quạt nan quạt cho con. Ngũ Lão bảo:

- Bây giờ con đã có lương bổng của triều đình rồi. Mẹ nên đón mấy đứa con nhà chú hai lên ở cho vui cửa vui nhà. Chứ lủi thủi một thân một bóng thế này con thấy ái ngại quá!

- Từ ngày anh lên kinh, làm đến chức đô úy, hàng xóm láng giềng... kể cả các vị chức sắc trong làng, trên hương thỉnh thoảng cũng có ghé qua... nên cũng không cảm thấy quạnh quẽ.

- Nhà chú hai đông con, mẹ cứ đón hai ba đứa lên nuôi đỡ cho chú thím ấy. Đứa nào muốn học chữ thì cho nó đi. Vừa san sẻ miệng ăn được cho gia đình chú thím ấy. Lại có người í ới lúc mẹ trái gió trở trời.

- Được rồi! Anh cứ đi đi! Ngay hôm nay mẹ sẽ xuống đón mấy đứa về.

Trời rạng sáng, Phạm Ngũ Lão đã lên yên, mẹ dặn với theo:

- Con phải sang chào sư phụ một câu chứ!

- Vâng, nhất định phải thế rồi... Hôm qua cùng tiếp Quốc công Tiết chế nên con chưa nói gì được với sư phụ cả.

Từ biệt sư phụ xong lúc đầu Phạm Ngũ Lão định phóng thẳng một mạch về Vạn Kiếp. Nghĩ thế nào, Ngũ Lão lại rẽ qua nhà.

- Con quên cái gì à? - Thấy Phạm Ngũ Lão dắt ngựa vào sân, mẹ hỏi.

- Không, con muốn vào chào mẹ lần nữa. - Ngũ Lão tần ngần nhìn cái dáng gầy gò, tất tả một lúc lâu mới dắt con Tía ra đường. Mẹ níu vào vai Ngũ Lão nói:

- Mong sao ông trời phù hộ độ trì cho đất nước được yên hàn mãi như thế này!

- Dân ta tất thủy đều muốn như vậy. Nhưng cây muốn lặng, mà gió chẳng muốn dừng, chẳng chóng thì chày là giặc Nguyên Mông hung hãn sẽ tràn xuống nước ta. Nhưng mẹ yên tâm đi! Đã có Tiết chế, Ngài đã có kế sách đánh đuổi chúng rồi.

- Phận nam nhi phải đi báo đền nợ nước là đúng rồi! Nhưng con cũng phải bảo trọng con nhé!

- Ở nhà mẹ cũng phải bảo trọng mẹ ạ!

Phạm Ngũ Lão không thể ngờ được rằng đây là lần cuối cùng hai mẹ con được nói chuyện với nhau. Biết Hưng Đạo vương có ý định gả quận chúa

An Nguyên, có kẻ trong giới quý tộc đã nghĩ ra một độ kế hãm hại mẹ Ngũ Lão để phá bằng được...

Giữa trưa, Phạm Ngũ Lão phóng ngựa về đến đại bản doanh Vạn Kiếp. Không khí hôm nay tấp nập khác thường. Ngoài phu nhân và quận chúa An Nguyên, bốn con trai của Hưng Đạo vương là Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Hiếu vương Trần Quốc Uẩn, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng và Hưng Trí vương Trần Quốc Hiện đều có mặt. Dĩ Tượng cho Ngũ Lão hay “hôm nay là ngày giỗ của Yên Sinh vương Trần Liễu, cha đẻ Hưng Đạo vương”.

Thật “con nhà tông chả giống lông, cũng giống cánh”, bốn người con của Tiết chế đều cao lớn, vạm vỡ, từ dáng đi đứng đến các cử chỉ đều rất oai phong凛冽. Hai người anh đều có vẻ mặt cương nghị và trầm tĩnh. Riêng Trần Quốc Tảng mặt đỏ, có phần bộc trực và nóng nảy. Còn Quốc Hiện trắng trẻo, có vẻ lạnh lùng, khó hiểu. Quốc Tảng có vẻ hợp với Phạm Ngũ Lão hơn cả. Hưng Nhượng vương đặt bàn tay nặng trĩu lên vai Ngũ Lão vừa cười vừa hỏi:

- Đệ học cách ở đâu mà luyện binh nghiêm cẩn, tinh thông và lanh lợi như vậy?

- Sao huynh biết? - Phạm Ngũ Lão hỏi lại.

- Ta lên đây đã mấy ngày rồi. Có người khen đệ rèn quân giỏi lắm! Đúng là trăm nghe không bằng một thấy. Suốt cả một ngày ta đến chỗ quân doanh của đệ. Bởi thế ta mới hỏi đệ học ở sách nào?

- Dĩ nhiên là đệ cũng có đọc rất nhiều. Sách binh thư từ cổ chí kim của Tàu cũng nhiều mà của ta cũng lắm. Nhưng đệ thấy dễ áp dụng nhất là cuốn “Vạn Kiếp tông bí truyền thư” của Tiết chế.

- Cái lưỡi người uốn cũng dẻo lắm! Thảo nào cha ta mỗi lần nhắc đến người đều “tâng lên tận mây xanh”. - Quốc Tảng có ý chế nhạo.

- Đệ từ nhỏ đến giờ chưa học được cách *lấy lòng* ai bao giờ. Có thể tại huynh thấy “Bụt chùa nhà không thiêng” mà thôi. - Ngũ Lão cứng cỏi đáp lại.

Quốc Tảng tuy có hơi giận nhưng vốn tính bộc trực cũng bỏ qua, nhưng cũng vận lại:

- Thế cách bày trận “bát quái” mà quân của đệ thực hiện, ta phá nửa buổi không được thì trong sách của cha ta đâu có?

- À, cái “trò chơi” vật vãnh đó, đệ “chế ra” từ sách nọ, sách kia theo lối “đâu Ngô, mình Sở” ấy mà!

- Được! Ta xin chịu đệ. Kỳ này về miền đông ta cũng phải rèn quân theo cách của đệ mới được.

- Ấy chết! Huynh mà nói vậy là ghép cho đệ cái tội bất kính, bất trung với Tiết chế đó!

- Thôi! Anh em nhà các người “cãi cọ” thế cũng đủ rồi! - Hưng Đạo vương ra giọng giảng hòa - Vào lễ tạ ông nội đi, để còn ngả mâm xuống... Xin lộc của ông nội.

Chiều phu nhân bảo Phạm Ngũ Lão đưa mình đi dạo, tất nhiên bên cạnh Người có quận chúa An Nguyên.

Đi được một lúc, phu nhân kêu đau đầu bảo thị nữ đưa về trước. Chỉ còn lại hai người. Ngũ Lão thấy mình quá kèn càng so với tấm thân có chiều cao nhưng hơi ẻo lả của An Nguyên. Nàng khẽ tựa vào vai Ngũ Lão. Ngũ Lão thấy ngỡ ngàng vì bờ vai vừa rộng vừa rắn chắc như một tấm gỗ lim, có thể làm cho An Nguyên không được êm ái.

- Chàng có biết thiếp sợ nhất điều gì không? - An Nguyên thì thầm hỏi.

- Ngũ Lão này chỉ là anh nhà quê đan sọt có chút dững phu làm sao biết được những điều thầm kín của Quận chúa.

- Xin chàng đừng gọi thiếp là Quận chúa! Thiếp thêm hổ thẹn. Thiếp cũng xuất thân từ con nhà nông dân như chàng, ở cùng làng với Tiết chế.

Cha mẹ thiếp mất sớm. Tiết chế thương tình đem về nuôi, rồi nhận là nghĩa nữ. Cả Tiết chế lẫn phu nhân đều đối xử rất tốt. Coi như con đẻ. Nhưng điều mà thiếp sợ nhất là *bị gả* vào nhà vương tôn quý tộc khác. Cũng đã có nhiều đám “rắp ranh bắn sẻ” (ý ướm hỏi) nhưng phu nhân phản đối quyết liệt. *Chúng nó* muốn lấy ông (chỉ Hưng Đạo vương) chứ thiết gì *cưới* con An Nguyên. Thiếp nghĩ phu nhân đã nói đúng. Khi Tiết chế còn sống có thể họ đối xử tốt với thiếp. Sau này, khi Tiết chế “hai năm mươi” rồi họ sẽ quẳng thiếp vào sọt rác, như quả cam đã vắt hết nước... Cho tới khi lần đầu tiên chàng xuất hiện ở phủ, phu nhân đã đưa mắt cho thiếp. Và tự dưng hai má thiếp bỗng đỏ lựng lên...

- Vợ chồng là cái duyên, cái số. Là “*cuộn chỉ ông trời se, cái que ông trời buộc*”. Nhưng mà... - Lúc đầu Ngũ Lão định gọi hai từ Quận chúa, nhưng đã kịp thời đổi lại... - nàng lấy ta thì suốt đời sẽ khổ đấy! Ta là võ tướng... quanh năm suốt tháng phải “Nam chinh - Bắc chiến”... Ấy là chưa kể sinh mạng lúc nào cũng như “trứng để đầu đàng”.

- Trai thời loạn. Thiếp khinh những người được gọi là “trang nam tử” mà giặc đến thì lại “núp dưới váy vợ”...

Ngũ Lão ngại ngần mãi mới dám đưa đôi tay dài và cuộn cuộn những cơ bắp vòng qua ôm lấy lưng An Nguyên. Nàng khẽ rùng mình run rẩy. Ngũ Lão thật thà hỏi:

- Nàng lạnh à! Để ta mau đưa nàng về!

- Không!... Thiếp có lạnh đâu. Chẳng qua là... thiếp hồi hộp... Và sung sướng quá... đó mà.

Sáng sớm hôm sau, trong phòng trà của Tiết chế ở Đại bản doanh Vạn Kiếp, trước khi “ai về nhà nấy” thì Quốc Tảng cất giọng nói oang oang:

- Thưa cha! Con nghe nói cái thằng Khánh Dư ở Vân Đồn... *nó* làm nhiều chuyện *bậy bạ* lắm! Cha hãy phái con và Dã Tượng... làm *giám quân* ra đó một chuyến xem sao?

- Tất cả những chuyện Khánh Dư làm cha đều biết cả. Nay con muốn đi một chuyến ra đó cũng là điều cần. Tuy nhiên con không được nóng nảy quá!

Trở lại chuyện Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư được Tiết chế cho thống lĩnh ba vạn thủy quân ra trấn thủ ở ải Vân Đồn thì như “mãnh hổ được trở về rừng xanh”.

Vân Đồn là quan ải trọng yếu ở vùng đông bắc. Nằm trong khu vực lộ Hải Đông (vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh bây giờ). Đồng thời cũng là thương cảng sầm uất, nơi giao thương hàng hóa với các cửa hàng cửa hiệu lớn nhỏ, bao gồm cả các tụ điểm ăn chơi như lầu xanh, sòng bạc, trường gà... mọc lên như nấm. Số dân cư bản địa ăn hàng từ các thuyền buôn Trung Quốc để tủa sâu vào nội địa, tạo nên một mạng lưới, một hệ thống chân rết vô cùng đông đảo. Các thứ hàng hóa lái buôn người Hoa cần tải về phương bắc cũng do mạng lưới này cung cấp. Thật đa dạng, nhộn nhịp nhưng cũng không kém phần lộn xộn. Để lập lại trật tự, lệnh đầu tiên của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ban ra là “Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc Hồ (chỉ quân Nguyên Mông) nên các thương nhân không thể đội nón phương bắc, sợ khi giặc sang trong lúc vội vàng khó lòng phân biệt. Bởi thế nên đội nón Ma Lô (Ma Lô là tên một hương ở lộ Hải Đông, hương này có nghề đan cột tre làm nón rất khéo, nên lấy tên hương làm tên nón) ai trái lệnh sẽ bị phạt nặng bằng tiền, thậm chí bị phạt đánh đến năm mươi roi.

Trước lúc đó Khánh Dư đã ngầm cho người của mình đến hương Ma Lô mua vét sạch tất cả số nón ở đây. Được cả chục thuyền lớn chở về còn đặt làm thêm vài thuyền nữa. Lúc đầu mỗi chiếc Ma Lô giá chỉ nửa quan tiền. Sau lên đến trên một quan. Cung không đủ cầu, nên có lúc một chiếc nón đổi được một xúc lụa. Số lụa đổi được lên cả ngàn tấm.

Tiếp đó Khánh Dư cho mở các sòng bạc, trường gà. Chỉ có người có “máu mặt” mới được vào chơi. Các lái buôn người Hoa, người Việt có “máu me” đều bị nuốt vào đây thâu đêm suốt sáng. Không kể các trò “cờ

bạc bịp”, riêng tiền “hồ” mỗi ngày cũng thừa vài ngàn đồng. Riêng trò đá gà, Khánh Dư có cả vài chục con. Gà của người khác đem đến chơi, nếu thua mất tiền cược là đương nhiên. Nhưng nếu có dấu hiệu chiến thắng, quân gia của Khánh Dư ra hiệu cho tay chân thả con chim ưng lông đỏ mỏ quặp ra. Thế là “vù” một cái, con chim ưng sà xuống cắn chú “gà nòi” của đối phương bay mất tăm. Thế là đành xử huề. Chú chim ưng rất tinh quái biết được gà nhà, gà lạ...

Riêng về khoản “ăn chơi” Khánh Dư không bao giờ lai vãng đến các quán lâu xanh. Mặc dù ở đó các chủ người Hoa “sưu tầm” được rất nhiều gái đẹp bốn phương với các “ngón nghề” phục vụ “thượng đế” tới bến. Để lấy lòng Khánh Dư mỗi lần có “hàng mới” các chủ đều ân cần, niềm nở mời chào “miễn phí”, nhưng Khánh Dư đều cự tuyệt thẳng thừng. Cái thú của Nhân Huệ vương là các thiếu nữ trắng trong theo kiểu “hoa đồng nội”. Vừa mắt cô nào là Khánh Dư trước dùng tiền bạc dụ dỗ, mua chuộc. Cách này không xong thì dùng quyền uy, cộng tiền bạc vũ lực để khuất phục.

Tất cả những việc làm trái với luân thường đạo lý khi đó khiến dân tình kêu ca, oán thán. Ngay cả khách buôn phương bắc cũng không chịu đựng được. Bởi thế có người đã làm thơ mừng Khánh Dư lên tuổi bốn mươi trong đó có câu có ý chê bai, xỏ xiên là: “*Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh*”. Có nghĩa là “*Vân Đồn gà chó đều kinh*”. Song không phải chuyện gì Nhân Huệ vương muốn là đều được. Vụ việc làm Khánh Dư bẽ mặt nhất là vụ với cha con ngư phủ. Số là một hôm Khánh Dư trên lưng con ngựa bạch dạo chơi trên phố. Qua cửa chợ chợt “giật mình” thấy một cô gái vận đồ đen với hai sọt cá tươi lớn. Cô gái có khuôn mặt trái xoan nhẹ nhõm với đôi mắt to đen dưới đôi lông mày lá liễu cong vút. Chiếc mũi dọc dừa cao ăn khớp với đôi môi chúm chím đỏ mọng ôm lấy hàm răng trắng lấp lánh đều tăm tắp. Cô niềm nở, nhanh nhẹn mời chào, lựa chọn và xâu cá lại cho khách bằng những chiếc lạt giang rất mềm dẻo mà chắc chắn. Từ xa Nhân Huệ vương đã “tia” được “bông hoa lạ”. Khánh Dư ghé tai nói nhỏ với một tên lính hầu. Tên này “vâng dạ” rồi tiến đến cổng chợ. Hắn nói với bố con ông lão ngư phủ “Nhân Huệ vương muốn mua cả hai xáo cá. Nhưng muốn

cô nường đây gánh giùm về phủ.” Cô gái tủm tủm cười, càng làm cho khuôn mặt thêm rạng rỡ, khiến Khánh Dư càng thêm mê mẩn. Song le câu trả lời của lão ngư đã khiến như một gáo nước lạnh dội xuống đầu Nhân Huệ vương:

- Cha con tôi bán cá chứ không bán thân! Người về nói với chủ người như vậy.

Không chờ tên gia nô quay lại (Khánh Dư đã nghe thấy hết) liền thúc ngựa phóng đi.

Ngày hôm sau, đứng suốt cả buổi chợ sáng đến buổi chợ chiều, không có một khách nào lai vãng đến hỏi mua cá. Ông lão bảo con gái xâu từng con lại “cho không” những người đi chợ có vẻ “tầm tầm” không có nhiều tiền lắm. Thế là loáng một lúc, gánh cá đã được “tiêu thụ” hết. Nhưng đến ngày hôm sau, mặc cho cô gái đẹp như “tiên sa” luôn nở miệng tươi cười đon đả: “Lấy cá đi! Cá chim, thu, nụ, đế còn tươi rói đây! Nhanh chân đến lấy... biểu không đây!” Nhưng tịnh cũng không thấy bóng người nào lai vãng lại gần. Chiều tối một gã gia nô đến chỗ cha con cô gái, ân cần bảo:

- Cha con lão việc gì phải vất vả, nhọc lòng làm vậy! Nhân Huệ vương mời cha con ông tới phủ... từ mai có bao nhiêu cá Nhân Huệ vương mua tất...

Cô gái thì vẫn tủm tủm cười, hàm răng trắng lấp lóa sáng trắng dưới bóng hoàng hôn. Còn ông lão ngư phủ thì bảo:

- Người về nhắn với chủ nhân của người rằng. Nếu có tài tử thí võ nghệ với con gái lão. Nếu thắng con gái lão sẽ theo không.

Khánh Dư cho chuyện ấy là “hoang đường”, mắng tên gia nô:

- Người có ăn phải “bùa mê thuốc lú” mà nghe nhầm không đấy!

- Dạ! Thưa chủ nhân... Con đâu dám nói sai với chủ nhân một lời.

- Được muốn vậy thì sáng mai ta tới đó xem sao?

Chợ đang đông thì Khánh Dư lững thững cưỡi ngựa cùng mấy tên gia nô tới, chàng bận võ phục trông rất gọn gàng và oai vệ.

Lão ngư phủ tiến lại gần và hỏi:

- Nhân Huệ vương có dám nhận lời tử thí chăng?

- Lão không đùa bản vương đấy chứ? - Khánh Dư niêm nở hỏi lại.

- Ngài xem tôi đã ngần này tuổi đầu lại đi nỡm vương à?

- Thế cách thức tử thí thế nào? - Khánh Dư hỏi lại.

- Vương gia cứ việc dụng thanh trường kiếm của mình. Còn con gái lão phu thì dụng chiếc đòn gánh tre gánh cá!... Xin vương gia cứ trở hết bản lĩnh của mình. Con gái tôi lỡ có thiệt thân tôi cũng không dám oán thán gì.

- Bản vương sao nỡ làm tổn thương tới thân ngà vóc ngọc của con gái lão ngư được! Song nếu bản vương thắng! Cha con lão có giữ đúng lời hứa như đã nói với gia nô của ta chăng?

- Dù cha con lão ngư có là dân... thấp hèn. Song quyết không bao giờ nuốt lời nói của mình.

- Thế thì xin mời! - Khánh Dư lạnh lùng nói rồi xuống ngựa. Hai chân hơi xuống tấn. Một tay nắm chặt chuôi thanh trường kiếm, tay kia xò ra chặn lấy mũi kiếm lúc đó đã đưa cao lên ngang mặt, theo thế “kiếm thủ” có ý nhường nhịn.

Cô gái vận đồ đen, sau khi vấn lại mớ tóc dài thật chặt và gọn ra sau gáy, dùng một chân hất chiếc đòn gánh bay lên. Rồi nhanh như chớp một tay nắm lấy một đầu và ra ngay một chiêu mở hàng nhằm trúng cổ Khánh Dư phạt tới. Chiếc đòn gánh lia như chớp khiến Khánh Dư hơi giật mình vội đưa kiếm ra đỡ. Những tưởng sau cú “ra kiếm” đó, chiếc đòn gánh trong tay cô gái sẽ bị chặt phăng làm đôi trước lưỡi kiếm chém sắt như chém bùn của Trần Khánh Dư. Nhưng không, chiếc đòn gánh đó dường như không phải bằng tre mà bằng một thứ vật liệu gì đó hết sức mềm, dẻo nhưng độ cứng không thua bất cứ loại thép quý nào. Sau đòn thứ nhất, chiếc đòn gánh lộn đầu thúc từ ngực Khánh Dư lên mặt. Khánh Dư phải lùi lại vung

kiếm lên gạt ra. Lúc đầu Nhân Huệ vương vốn “thương hoa, tiếc ngọc” chỉ thiên về phòng ngự. Chàng giở bài “Kiếm pháp mai hoa” ra, lưỡi kiếm như hoa mai bay lấp lóe, phủ khắp người. Nhưng chiếc đòn gánh tre trong tay người đẹp lại như một con mãng xà đã thành tinh, trở ra những đòn đánh mỗi lúc một hóc hiểm, một dồn dập khiến Khánh Dư phải đón đỡ đến toát mồ hôi. Biết gặp phải cao thủ không thể đùa rờn với cái chết được. Nhân Huệ vương bắt đầu tung ra những chiêu tấn công ác hiểm nhằm vào ngực, vào cổ đối phương mà phóng tới. Song Khánh Dư càng trở hết tài nghệ ra bao nhiêu thì cô gái lại càng tỏ ra phần chần hơn. Khách đi chợ đã đứng thành vòng trong vòng ngoài, tầng tầng lớp lớp tận mắt chứng kiến trận “tao ngộ đấu” có một không hai tại vùng biển biên thùy này. Biết dùng sức không được bởi mỗi lúc Khánh Dư càng yếu thế hơn. Không có gì quý bằng danh dự và tính mạng của mình, cuối cùng Nhân Huệ vương phải “nén lòng” giở ra chiêu “Hồi mã gươm” vô cùng lợi hại của mình. Đối thủ dính phải chiêu này thì chắc chắn là mạng vong. Đầu tiên Khánh Dư vung thanh trường kiếm nhằm đầu đối phương bổ xuống theo thế “Thái sơn áp đỉnh”. Đối thủ chỉ có cách lùi lại. Khánh Dư vờ như bị lỡ chớn, mũi kiếm cắm xuống đất. Đối thủ, dù là cao thủ đi nữa tất nhiên triệt để lợi dụng “sơ hở” này để lia “hung khí” vào cổ phía bên kia. Chỉ chờ có vậy, bất ngờ mũi kiếm của Khánh Dư lộn ngược lên, xuyên qua ngực hoặc cổ đối phương. Song le, khi Khánh Dư cắm mũi kiếm xuống đất thì cô gái lại lùi lại. Bất ngờ và thật bất ngờ... móc từ cặp quần ra một vật đen tròn to hơn quả quýt một chút. Và ném về phía Nhân Huệ vương. Quả quýt nở bung ra thành một tấm lưới trùm lấy toàn bộ người và kiếm của Khánh Dư. Cô gái cầm đoạn đuôi lưới giật mạnh một cái khiến Nhân Huệ vương như bị trói chặt và ngã quay lơ ra đất. Chưa hết, cô ta cầm đầu lưới nhanh nhẹn chạy đến bên con ngựa bạch của Trần Khánh Dư. Nhẹ nhàng, khéo léo và rất thiện nghệ của một kỵ sĩ, nàng nhảy lên lưng con ngựa quý và cực kỳ khôn ngoan, từ xưa tới giờ chưa ai có thể cười được trên mình nó. Song lần này rất ngoan ngoãn, con bạch mã dưới sự điều khiển thuần thục của cô gái rẽ đám đông đang vây quanh ra, kéo theo chủ nhân của nó quét lê trên mặt đất.

Sau khi đã phóng quanh các phố chính của thương cảng Vân Đồn, cô gái thúc ngựa trở lại cổng chợ.

Lão ngư nói với con gái:

- Thôi thế đủ rồi! Con hãy thả vương gia ra!

Cô gái nhẹ nhàng nhảy xuống ngựa, giật mạnh đầu lưới một cái. Tấm lưới vội xòe ra. Cô thu lại vo thành “quả quýt” lớn, giắt vào cặp quần. Nhân Huệ vương lồm cồm chống kiếm đứng lên. Đầu óc lơ mơ như tỉnh như mơ. Khi đã tỉnh hẳn thấy lão ngư khoanh tay đứng trước mặt. râu tóc bạc như cước, dáng người nhỏ bé nhưng rắn rỏi. Đặc biệt giọng nói chắc nịch như tiếng chày gỗ thúc vào chuông đồng lớn.

- Ta nói cho người hay! Thiên hạ nhân. Thiên hạ tài. Cao nhân ắt có cao nhân trị. Tiếc rằng triều đình không tuyển mộ nữ nhi vào lính. Bởi thế cha con ta tiếc chút tài người có lúc sẽ giúp ích cho Đại Việt. Nên tạm tha cái mạng của người lại. Nhưng chớ có tiếp tục chèn ép người ta quá đáng!

Nhân Huệ vương đưa mắt cho mấy tên gia nhân có tài “chó săn” bám gót theo hai cha con lão ngư. Dăm bảy ngày sau chúng về bẫm:

- Dạ! Thừa vương gia! Chỗ ở của hai cha con lão ở cách đây chừng năm dặm, trong một hồ nước sâu, đen thăm thẳm ăn thông ra vịnh. Phía bên kia hồ có một quả núi. Ở lưng chừng có một mái nhà lợp tranh đơn sơ. Vào đêm có ánh trăng dưới hồ nước đen sâu thăm thẳm thấy xuất hiện ba con giao long đen, ngụp lặn đùa rờn với nhau rất vui vẻ. Còn vào các đêm mưa gió, dưới mái nhà tranh có ánh lửa bập bùng, hiện rõ hai vợ chồng già với cô con gái vừa xiên cá nướng ăn, vừa cười đùa với nhau rất tình cảm.

Nhân Huệ vương quát:

- Đồ ăn hại! Làm gì có chuyện hoang đường đó! - Song trong tâm trí Trần Khánh Dư lờn vờn một ý nghĩ: “Hay là quỷ thần xuất hiện để đe nẹt, răn dạy ta!”

Và từ đó các trò lộng hành của Nhân Huệ vương có bớt đi. Nhất là các việc bắt ép con nhà lành. Song cái thói hay là cái thú “trăng hoa” thì không

thể bỏ được. Khánh Dư bèn nghĩ ra một kế, sai gia nhân đến tiệm buôn lớn của người Hoa rỉ tai rằng: “Muốn được làm ăn” nhất bản vạn lợi được suôn sẻ may mắn nên chọn mỹ nữ còn trinh trắng dâng cho Nhân Huệ vương”. Vì cái “khoản” này thì người Hoa ở bậc “tiên sư” nên Khánh Dư không phải “lao tâm khổ tứ” săn tìm “của lạ” nữa.

Lại nói Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng đem theo gia tướng Dã Tượng cùng một chục tên lính nhanh nhẹn xuống Vân Đồn thanh sát việc luyện quân của Phó đô tướng Nhân Huệ vương theo lệnh của Tiết chế. Để đảm bảo bí mật, bất ngờ đoàn thanh sát của Quốc Tảng đóng giả làm cánh lái buôn đến ăn hàng thuốc bắc của các lái buôn người Hoa. Quốc Tảng dự định sẽ ăn nghỉ ở một nhà trọ “tầm tầm” nào đấy ở một con phố nhánh. Nhưng vừa đặt chân đến tới hôm trước thì tờ mờ sáng hôm sau có một đội quân ăn mặc rất chỉnh tề đến:

- Bẩm Hưng Nhượng vương. Nhân Huệ vương có lời mời đoàn thanh sát của Tiết chế đến bản doanh của Phó đô tướng quân Trần Khánh Dư để làm việc. - Tên này có vẻ là một tên đội, ăn nói rất kính cẩn và lưu loát.

Hưng Nhượng vương hơi giật mình nhìn Dã Tượng. Dã Tượng nói thầm vào tai Quốc Tảng:

- Được ta cứ đến đó xem sao? Trước sau gì cũng phải tới đó mà.

Tại bản doanh của vùng biên ải Vân Đồn Trần Khánh Dư đã trống dong, cờ mở, lính đứng thành hai hàng với gươm giáo sáng lòe sẵn sàng nghênh đón đoàn thanh sát. Chủ khách vừa phân ngôi tại vị, Khánh Dư đã nhanh nhẩu nói:

- Hưng Nhượng vương nhận sự ủy thác lớn lao của Tiết chế xuống thanh sát vùng biên ải quan trọng này, sao không đến ngay bản doanh để chúng tôi được trân trọng đón tiếp, lại nhọc lòng đến quán trọ tồi tàn đó làm gì?

- Chúng ta không muốn làm khinh động mọi người vì lúc ấy trời đã tối rồi. - Hưng Nhượng vương đáp qua quýt.

- Thế thì Hưng Nhượng vương làm rồi! Tướng sĩ ở đây lúc nào cũng túc trực ngày đêm để “nghe đón” mọi tình huống có thể xảy ra.

- Vậy thì chúng ta muốn ra duyệt đoàn chiến thuyền ngay bây giờ, Nhân Huệ vương nghĩ sao? - Quốc Tảng bất ngờ đưa ra đề nghị đó.

Khánh Dư ngả người ra phía sau ghế cười ha hả rồi khẳng khái đáp ngay:

- Xin mời Hưng Nhượng vương!

Tất cả lên ngựa đi tắt ra cửa cảng Vân Đồn.

- Gọi “súy thuyền” đến đây! - Khánh Dư ra lệnh.

Lập tức một tên lính đứng cạnh dùng cờ lệnh phát hai lần lên đầu. Loáng một cái con thuyền chỉ huy màu trắng, kích cỡ không lớn lắm, chở chỉ khoảng dăm bảy chục người đã dong buồm phóng như bay vào bãi cát. Những tên lính trên thuyền nhanh nhẹn lao ván bắc cầu cho đoàn người lên thuyền!

- Xin mời Hưng Nhượng vương! - Khánh Dư làm một cử chỉ rất điệu bộ và lịch thiệp.

Thuyền vừa lướt sóng xa bờ chưa xa thì Quốc Tảng đã nói như ra lệnh:

- Ta muốn xem Nhân Huệ vương tập hợp các chiến thuyền lại để chờ lệnh.

- Quân bay đâu! Có nghe thấy lệnh của Hưng Nhượng vương không?

Lập tức một tên lính đứng ở mũi thuyền rút ra hai cây cờ xanh, đỏ ở bên sườn, phát một bài lên xuống, qua phải qua trái hết sức nhịp nhàng như đang biểu diễn một bài múa. Trên mấy hòn đảo ở phía xung quanh, trên các điểm cao, lập tức có các tín hiệu cờ hưởng ứng. Chỉ bằng một phần hai mươi khắc giờ, các chiến thuyền từ khắp các ngả nhộn nhịp hối hả nhưng rất có trật tự lướt sóng ra xếp hàng thành hình chữ nhất ở giữa vùng vịnh chờ lệnh khiến Hưng Nhượng vương không khỏi thán phục. Nhưng với con mắt rất tinh tường của một vị tướng, Quốc Tảng hỏi luôn:

- Triều đình giao cho Phó đô tướng thống lĩnh ba vạn thủy quân. Nhưng với số lượng bốn trăm chiếc thuyền thế này chỉ độ hai vạn. Vậy còn một vạn nữa đi đâu?

- Tiết chế đã từng dạy phải biết “Ngụ binh ư nông” Bây giờ còn đang yên hàn, tôi rút ra một vạn quân, quay vòng ba tháng một lần để đi đánh cá, nuôi trồng hải sản, lên rừng đốn gỗ đóng thuyền, chặt tre rừng vót cung tên... Và làm một số công việc khác. - Khánh Dư ứng đối rất trôi chảy khiến Quốc Tảng không thể vặn thêm được gì về điểm này.

- Thế “hoa lợi” thu được Phó đô tướng dùng vào việc gì. - Quốc Tảng xoay qua việc khác.

- Một phần ba gửi về nộp cho triều đình. - Có giấy biên nhận của quan coi sóc công khố. Số còn lại để nuôi quân và trang trải việc mua sắm các đồ dụng cho thuyền bè. Khánh Dư này không tư hào một xu.

- Phải giống như vụ nón Ma Lôì chứ gì? - Quốc Tảng giễu cợt.

- Hừm! Làm tướng mà không linh hoạt thì có mà... đỏi đã hòng ra à? - Khánh Dư đốp chát thẳng thừng.

- Thôi được rồi, chuyện đó không quan trọng! Bây giờ ta muốn Phó đô tướng cho triển khai việc tấn công đoàn thuyền vận tải lương của giặc Hồ trong điều kiện có quân hộ tống rất đông đảo và tinh nhuệ.

- Quân bay! Hãy triển khai cho Hưng Nhượng vương xem!

Các hiệu lệnh cờ từ “súy” truyền lại được phát ra và tại mồm cao trên các đài, tín hiệu cờ lại được truyền tới từng đội chiến thuyền.

Hơn bốn trăm chiến thuyền đang xếp theo hình chữ nhất vội tản ra. Khoảng năm chục chiếc chở các chiến binh tinh nhuệ nhất với gươm giáo, cung tên đề sóng lướt như bay ra phía trước. Phía đối diện đã thấy có một đội thuyền khác màu xông ra nghênh chiến... Hai đoàn chiến thuyền hòa vào nhau. Sau đó đoàn thuyền mang cờ Đại Việt vừa đánh vừa chạy, như cho chiến thuyền “Nguyên Mông” đuổi theo. Khi cuộc rượt đuổi đã khá xa, từ “súy” thuyền cờ hiệu lại được phát lên. Các đội thuyền nhỏ, mỗi đội

chừng hai ba chục chiếc lao tới khu vực thuyền vận tải hàng của địch. Dù các đội thuyền với nhiệm vụ khác nhau. Có đội chuyên dùng tên lửa tầm đầu bắn vào thuyền tải lương của giặc. Có cả đội “hỏa thuyền” lửa cháy rùng rục cứ thế lao thẳng vào “lòng địch”.

Trận thao diễn thật sôi động và nhịp nhàng khiến Quốc Tảng phải khen thầm: “Thật cha ta nhìn không lầm. Dụng nhân như dụng mộc là thế này đây”.

Cuộc diễn tập suốt từ sáng đến chiều tối, “súy” thuyền vừa cập bờ thì Quốc Tảng lại đề ra yêu cầu tức thì:

- Đó là tình huống đoàn thuyền vận lương của giặc đi qua giữa thanh thiên bạch nhật. Còn vào đêm tối trời thì sao?

Khánh Dư bèn cho thổi một hồi tù và, dài ngắn, cung bậc khác nhau. Thế là các đội chiến thuyền liền lập tức quay mũi trở lại. Tiếng tù và từ “súy” thuyền phát ra thế nào, tại vị trí “tiền tiêu” trên các hòn đảo phát lại như thế, khiến vùng vịnh âm vang một không khí thúc giục rộn rã. Và tất cả lại nghiêm chỉnh quay trở lại đội hình như buổi sáng, không có thuyền nào tỏ ra mệt mỏi sau một ngày diễn tập căng thẳng.

- Hưng Nhượng vương có muốn xem ký hiệu đèn không?

- Có gì người cứ trở hết ra đây!

Thay tiếng tù và hiệu lệnh lần này được sử dụng là những chiếc đèn lồng đủ màu sắc sặc sỡ, xanh, đỏ, tím, vàng. Theo cách phát từ “súy” thuyền các đội thuyền tiến, lui, rẽ phải, sang trái, tấn công hay rút chạy... theo một trật tự đã được tập dượt kỹ càng.

- Trong đêm giông bão, có lúc phải dùng tù và, có lúc phải dùng đèn để đối phương rối mắt, rối tai, không biết thế nào để chống đỡ. - Trần Khánh Dư giải thích và nói tiếp. - Thực tức thì binh cường. Hưng Nhượng vương có thấy thủy quân của tôi mệt mỏi không? Sở dĩ có được như vậy bởi suốt ăn hàng ngày của họ vô cùng tốt. Tôi đảm bảo đội quân Thánh dực bảo vệ

hai Thánh thượng do Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng cũng không thể tốt hơn.

Suốt ba ngày Trần Quốc Tảng theo Trần Khánh Dư đi kiểm tra từng trận địa phục kích, từng kho chứa quân lương, tên đạn... Và cả các đội thuộc “binh chủng” “ngụ binh ư nông”. Đi tới đâu Quốc Tảng đều tấm tắc khen thầm tài thao lược của Khánh Dư.

Rồi sáng ngày chia tay cũng đến. Tại sảnh lớn tại quân doanh Khánh Dư mở tiệc chiêu đãi đoàn giám binh do Hưng Nhượng vương dẫn đầu. Rượu được vài tuần, Nhân Huệ vương đưa ra một túi gấm màu xanh, có đóng xi bốn góc trao cho Quốc Tảng:

- Đây là công văn trình Tiết chế mong Hưng Nhượng vương chuyển giùm.

Quốc Tảng đưa mắt cho Dã Tượng. Dã Tượng đưa hai tay đón lấy, rồi cho vào bọc giấu trong người.

- Chẳng mấy khi có đoàn giám binh do đích thân Hưng Nhượng vương quá bộ xuống đây. Bản vương cũng có chút quà mọn. Mong Hưng Nhượng vương đừng nghĩ là Nhân Huệ vương này có gì sai sót nên phải hối lộ.

- Quà cáp gì! Tiết chế và chúng ta, dù không dư dả bằng ở đây, nhưng nói thật là cũng không đến nỗi thiếu thốn gì. - Quốc Tảng khảng khái trả lời.

- Xin Hưng Nhượng vương cứ thư thả... Quà này chỉ là các đồ kỷ niệm thuộc “cây nhà, lá vườn” chứ không phải bỏ tiền công quỹ ra mua sắm đâu mà Hưng Nhượng vương phải lo.

Nói rồi Nhân Huệ vương vỗ tay làm ám hiệu. Bốn tên lính khiêng ra một cây san hô đỏ lớn như một hòn non bộ, đặt ở các nhà quý tộc.

- Cây san hô này để kính biểu Tiết chế. Mong Tiết chế luôn phát sáng như cây san hô này.

Tiếp đó một tên lính hầu khác bưng ra một chiếc hộp bọc nhung. Khánh Dư mở ra bên trong hộp lót gấm Tây Xuyên Trung Quốc màu xanh làm nổi

bật ba chiếc vòng cổ bằng hạt trai đỏ, hạt trai đen và hạt trai trắng.

- Món quà này xin kính gửi tới quý phu nhân của Tiết chế.

Rồi Nhân Huệ vương lại vỗ tay. Lần này sáu tên lính hai tên một cặp khênh ra ba chiếc lu lớn bằng sành, đặt trong các sọt mây có lót rơm rất chặt chẽ, khi mang vác, di chuyển không thể làm ảnh hưởng tới các lu sành.

- Đây là năm mươi đôi cá ngựa đỏ, năm mươi đôi cá ngựa đen và năm mươi đôi cá ngựa trắng. - Khánh Dư vừa giới thiệu quà vừa mỉm cười khoái trá. Đây đều là các đôi cá “đại tướng” dài hơn gang tay. Khách tầm “sành điệu” muốn mua một lượng một đôi cũng không có... Quà này xin tặng Hưng Vũ vương. Rượu cá ngựa mọi người đều nói rằng “ông uống bà khen!” Hy vọng Hưng Vũ vương sử dụng sẽ làm hài lòng... công chúa Thiên Thụy...

Trần Khánh Dư phải nói thật luôn luôn thể hiện đúng với chất của mình. Hai món quà tỏ lòng kính bao nhiêu thì món thứ ba đây tính khiêu khích giấu cợt bấy nhiêu. Và tất nhiên với Trần Quốc Tảng tính tình tuy có chút nóng nảy nhưng lòng dạ trung thực, ngay thẳng không thể chịu nổi tài “khiêu khích” đó của Khánh Dư. Hưng Nhượng vương liền quay lại, vớ cây đao của mình do tên lính hầu đang cầm, đứng bật dậy lia đao chém vỡ tan ba chiếc bình sành cá ngựa. Đến cả cây san hô đỏ, lẫn hộp ngọc trai, Quốc Tảng cũng vung đao chém vụn tất.

- Đồ tiểu nhân bỉ ổi! Người định khiêu chiến với bản vương sao? - Quốc Tảng giận dữ quát.

Trần Khánh Dư lúc này đã tuốt kiếm ra khỏi vỏ. Tuy nhiên vẫn ngồi trên chiếc tràng kỷ đối diện. Hai bàn tay cùng chống bên chuôi kiếm vừa cười vừa bảo:

- Ta cũng muốn tỉ thí với Hưng Nhượng vương. Tuy nhiên, hôm nay không có hứng. Song ta cũng nói cho Hưng Nhượng vương biết rằng về mặt kiếm thuật đến Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng, tay thương số một của Đại Việt hiện nay cũng phải nhường ta hai, ba phần.

Nói rồi Trần Khánh Dư lên giọng quát lớn:

- Bay đâu! Tiễn khách!

Hưng Nhượng vương định vung đao nhảy bổ sang thì bất ngờ quân phục rất khéo từ bốn xung quanh đồng loạt bật dậy, gươm giáo sáng lòe, chặt như nêm cối khiến Quốc Tảng không thể lao sang chỗ Khánh Dư được.

- Quân bay! Chuẩn bị ngựa! Ta phải đi săn để giải mấy ngày căng thẳng vừa rồi.

Vốn cao hơn bọn lính nửa cái đầu, Quốc Tảng nhìn thấy rất rõ Khánh Dư nhảy tót lên mình con bạch mã. Thanh trường kiếm đeo bên sườn, trên vai là con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp, trông dáng rất phong lưu và oai vệ khiến Quốc Tảng tức đến “nổ mọt”. Nhưng hàng rào binh lính chặt như nêm cối nên Quốc Tảng chỉ còn cách đứng nhìn con ngựa bạch trên đó có Khánh Dư cùng đoàn tùy tùng và đàn chó săn mỗi lúc một rời xa.

- Thôi! Ta nên về gấp! Kẻo Tiết chế ở nhà đang ngóng trông! - Dã Tượng đưa ra lời khuyên. Quốc Tảng nghe theo. Ngay lập tức cùng đoàn tùy tùng trở về Đại bản doanh Vạn Kiếp.

Hưng Đạo vương nhìn vẻ mặt còn hầm hầm tức giận của Quốc Tảng bèn hỏi luôn:

- Thằng Khánh Dư lại giở trò gì ra để lờm con chứ gì?

Quốc Tảng lặng thinh không đáp. Dã Tượng thuật lại mọi việc. Hưng Đạo vương bảo:

- Chắc thằng chân dài vẫn còn cay cú gần bốn năm phải đi đốt than đấy mà!

Dã Tượng trình công văn có gấn xi bốn góc trên chiếc túi gấm. Hưng Đạo vương vuốt râu cười hóm hỉnh:

- Ta cam đoan trong đó không viết gì?

Quốc Tảng giật lấy chiếc túi gấm trên tay Dã Tượng, rút con dao găm bên mình rạch chiếc túi gấm. Một vuông lụa trắng tinh rơi ra. Quốc Tảng

gầm lên:

- Ông ta quá vô lễ với cha. Để con đem quân bản bộ của mình ra Vân Đồn bắt nó về đây cho cha trị tội.

Hưng Đạo vương vẫn vuốt chòm râu đen tùm tùm cười và bảo:

- Con không nên nóng nảy thái quá! Công văn này trình như vậy là quá đủ và quá rõ. Thứ nhất vuông lựa trắng trình rằng mọi việc đều yên tĩnh. Thứ hai chưa có gì cần phải bấp vào lúc này. Nếu có sự cố xảy ra xin cho hãn toàn quyền ứng phó. Thứ ba là hãn tề là mình vẫn trong trắng. Đặc biệt vẫn trung với nước với vua. Không có gì có thể lay chuyển được lòng trung đó.

- Mấy ngày ở ngoài đó, tận mắt con thấy dân chúng có rất nhiều oán hận bởi sự hà khắc, lộng quyền của hãn. Thậm chí con còn nghe câu “*Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh*”.

- Khánh Dư là kẻ lắm tài, nhiều tật. Nhưng thực sự là một viên tướng văn võ song toàn. Hãn con còn nhớ chính hãn đã viết lời tựa cho cuốn “*Vạn kiếp tông bí truyền thư*” chứ. Phải nói thật là không tướng nào hiểu sâu sắc như hãn khi hãn viết lời tựa. Chỉ cần vài câu mở đầu đã toát lên điều đó: “*Người giỏi cầm quân thì không bày trận, người giỏi bày trận thì không phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết...*” Đấy con người của Trần Khánh Dư là như vậy đấy! Ta tin chắc rằng, rồi trong các trang sử viết về đời Trần của chúng ta hiện nay, dù rất kiệm lời, nhưng trong số các con người làm nên lịch sử có tên Trần Khánh Dư với một dấu son chói lọi. Song hành với một vết mực đen. - Nói tới đây Hưng Đạo vương dừng lại một lát rồi hỏi Quốc Tảng:

- Có nên lưu lại Khánh Dư tiếp tục trấn thủ ở vùng biên ải quan trọng và đầy sôi động đó, hay rút hãn về, thay bằng tướng khác?

- Về mặt đánh thủy, Nguyễn Khoái chỉ giỏi chiến trên sông. Còn trên biển, Khánh Dư là số một.

- Con đã nói ra được điều đó là cha rất mừng rồi! Không vì oán thù, định kiến mà nói sai về người ta. Cha cũng đồng ý với con như thế.

Rồi người quát lớn:

- Quân bay đâu! Mang ấn kiếm của ta ra Vân Đồn phong cho Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư từ Phó đô tướng Thủy quân lên Đô tướng Thủy quân.

- Con chỉ sợ sau này... Khi đã phá tan giặc Nguyên Mông. Khánh Dư sẽ cậy có công lớn mà trở thành một con sâu mọt thành tinh, thành quái... hãm hại bách tính Đại Việt - Quốc Tảng thở dài than.

- Điều đó không phải cha không nghĩ đến - Giọng Hưng Đạo vương trầm xuống - Nhưng mà điều đó cha con ta không thể cản được. Chúng kéo bè kết cánh, tìm đủ mọi thủ đoạn xấu xa, bỉ ổi thậm chí là trắng trợn, dối vua lừa dân... cố làm sao để vơ đầy lòng tham vô đáy của chúng... Con gần đây có nhiều sự đổi thay đáng mừng. Cha mong con sẽ là viên tướng dũng cảm trong việc chống quân Nguyên Mông trước mắt. Và trở thành vị vương tốt, quan giỏi, quan thanh liêm cho xã tắc sau này. Có Dã Tượng ở đây làm chứng cha tuyên bố xóa bỏ lời nguyện “khi ta chết, chỉ sau khi đập nắp quan tài mới cho thăng Quốc Tảng đến viếng”. Thời đó chẳng qua vì nóng nảy mà con nghĩ chưa chín, chưa thấu đáo mà thôi. Chứ còn cái tâm biết lo cho dân, cho nước của con sẽ có trời xanh chứng giám...

Năm 1284, mùa thu tháng Tám Hốt Tất Liệt phong cho Thái tử Thoát Hoan làm Trấn Nam Vương đem theo năm mươi vạn hùng binh cùng nguyên soái Ô Mã Nhi và các tướng lừng danh từng đánh đông, dẹp bắc như Áo Lỗ Xích, Tích Lệ Cơ Ngọc, Phàn Tiếp, Trương Hiến, Lý Hăng, Lý Quán... Và tên Hán gian Phạm Nhan (vốn rất quen thông thổ Đại Việt) làm tham quân kiêm hướng đạo.

Được tin hai vua Trần tổ chức họp các cụ bô lão ở khắp các miền về Điện Diên Hồng để trả lời câu hỏi nên hòa hay nên đánh. Hàng ngàn bô lão đều đồng thanh hô “Sát Thát” (có nghĩa là giết chết giặc Nguyên Mông). Được lời như cởi tấm lòng, hai vua Trần cùng Quốc công Tiết chế càng vững tâm hơn với chủ trương đã chọn của mình...

Trước khi vào trận chiến sống còn, Hưng Đạo vương đã quyết định tác thành mối lương duyên giữa Phạm Ngũ Lão với con gái nuôi của mình là quận chúa An Nguyên, bởi mọi thứ đều đã “chín muồi”... Chủ hôn là Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, hai phù rể là Yết Kiêu và Dã Tượng. Phía nhà trai sang rước dâu gồm quan Hồng lộ^[3], quan châu Thượng Hồng, trưởng làng Phù Ứng cùng rất nhiều nam, phụ, lão, ấu. Trong số đó tất nhiên có cha con chị Cả Lưu và cháu bé chị “tậu” được ở bến Bình Than. Định qua rằm tháng tám thì ăn hỏi và rước dâu luôn.

Nhưng một tai họa bất ngờ đã đổ ập xuống đầu Phạm Ngũ Lão. Giữa buổi chiều ngày mùng 5 đích thân trưởng làng Phù Ứng phi ngựa lên Vạn Kiếp báo hung tin mẹ Phạm Ngũ Lão bị sa xuống giếng chết đuối... Như bị sét đánh Ngũ Lão thét lên một tiếng xé lòng rồi ngất lịm đi. Gần nửa canh giờ mới tỉnh nhưng người rũ ra như tàu chuối héo, chỉ có xác chứ không có hồn... Rồi bất chợt chàng lồm lên, hai tay tự đâm vào ngực mình, gào thét “Ta thật ngu dại tại sao lại đào chiếc giếng đó chứ!... Mà con Tía, con Tía buổi sáng hôm đó đã linh cảm báo trước cho ta chuyện chẳng lành. Sao ta

không nén lại ít phút, đập đổ thành giếng và xúc đất lấp đi. Trời ơi! Chỉ có một chút xíu thời gian thôi, thì mẹ ta đâu đến nỗi này! Ôi ông trời ơi! Ngũ Lão đã phạm tội gì mà ông lại nỡ hành hạ, giết hại mẹ ta... tàn khốc đến như vậy! Hồi thần phật ở chùa Bảo Sơn, Ngũ Lão gần hai chục năm ăn mày cửa Phật đã phạm lỗi lầm gì mà bây giờ bị... quả báo như vậy...”

Hưng Đạo vương biết là có kẻ ngầm phá mối lương duyên này. Và thủ đoạn của chúng thật là tàn độc. Chúng nghĩ rằng mẹ Ngũ Lão mất thì ắt đám cưới sẽ phải lùi lại ba năm, cho đến ngày mãn tang. Để trả lời nghi vấn đó là thực hay hư, Người đã phái thám mã tức tốc xuống nhà Ngũ Lão. Mới hơn nửa ngày chúng đã về tâu hết sức tường tận. Rằng thành giếng rất cao, mẫu thân Ngũ Lão không thể tự ngã xuống giếng được. Thứ hai ở sau gáy nạn nhân có một vết đánh của một vật cứng, hình tròn. Và ở bờ sông, dân làng phát hiện thấy một xác chết, vận đồ đen không phải người trong hương.

Như vậy là mọi việc đã rõ. Nhưng Hưng Đạo vương là người đa mưu, túc trí. Người không thể chịu bó tay trước một việc còn con nhưng vô cùng độc ác này. Quân lệnh như sơn người quyết định tổ chức đám cưới trước, ba ngày sau mới làm lễ phát tang. Phạm Ngũ Lão dù đau đớn đến tột cùng cũng không thể trái lệnh.

Đêm tân hôn, quận chúa An Nguyên nằm bên, và chỉ làm mỗi một việc là thấm nước mắt cứ tự nhiên ứa ra như suối của chồng. Những dòng nước mắt không trong mà có pha lẫn cả máu...

Ba ngày sau, mặc dù bận vô vàn công việc, nhưng đích thân Hưng Đạo vương đã về làng Phù Ủng, đặt tay lên hòm áo quan đưa mẹ Ngũ Lão về nơi an nghỉ cuối cùng. Hưng Đạo vương biết rất rõ có thể lực trong triều sợ Phạm Ngũ Lão thành rể của mình thì khác nào “hổ mọc thêm cánh” nên quyết phá đến cùng. Song le tình thế lúc này, năm mươi vạn quân Nguyên Mông đã áp sát biên thù phía bắc nên Người phải nuốt giận cho con rể của mình. Lời trăng trối của cha không dám báo, hận của con trai không dám trả, bây giờ lại đến thù của con rể, tất cả Hưng Đạo vương đều gạt sang một

bên, để toàn tâm, toàn sức vào việc bảo vệ Đại Việt. Người đời xưa nay chỉ thấy Hưng Đạo vương có quyền uy lịch nước. Ít người thấy Quốc công Tiết chế cũng có những tâm trạng cháy lòng...

Đắp cho mẹ “mồ yên, mả đẹp” Ngũ Lão vào chùa Bảo Sơn, dập đầu lạy sư phụ Hồng Quang lo hộ các nghi thức đưa mẹ lên chùa, cùng hai ngày 49 và 100 vốn rất trọng đại với người đã khuất của phong tục Đại Việt.

Sư cụ Hồng Quang nắm tay đệ tử, buồn rầu nói rằng:

- Chốn quan trường vốn hiểm ác! Con phải lưu tâm đề phòng. Giặc Nguyên Mông đã ở sát biên thù rồi. Mọi việc của mẫu thân con, ở nhà sư phụ và dân làng sẽ chăm lo chu đáo.

Phạm Ngũ Lão gạt nước mắt tạ ơn, lên ngựa, chia tay sư phụ trở về Vạn Kiếp.

Quốc công Tiết chế đã đón Ngũ Lão ở trước Đại bản doanh. Ngũ Lão chưa kịp xuống ngựa thì đã nhận được lệnh sang sảng của Người:

- Nay phong cho Phạm Ngũ Lão làm Đô tướng. Thống lĩnh ba vạn quân làm tiên phong lên trấn giữ ải Chi Lăng. Hẹn phải giữ được quan ải trong mười ngày. Chín ngày mà để mất quan ải thì sẽ mắc tội chém.

Ngay chiều hôm đó, Phạm Ngũ Lão lĩnh mệnh dẫn quân đi ngay...

Lại nói nguyên soái Ô Mã Nhi dẫn mười lăm vạn quân Nguyên Mông làm tiên phong đánh thẳng xuống Đại Việt. Thế giặc như chẻ tre, chỉ hơn một ngày cánh quân kỵ Mông Cổ đã tới trước cửa ải Chi Lăng. Ô Mã Nhi hạ trại cách quan ải năm dặm. Một mình một ngựa đến trước cửa quan nói lớn lên rằng:

- Nay quân Thiên triều đã đến đây. Chúng ta chỉ mượn đường sang đánh Chiêm Thành. Bây giờ các người chỉ có hai lựa chọn: Chống lại thì chết. Mở cửa quan cho quân ta qua thì sống.

Phạm Ngũ Lão giáp trụ uy nghi đứng trên quan ải nhìn xuống. Thấy Ô Mã Nhi quả là “danh bất hư truyền”. Người to lớn như một vị hộ pháp. Mặt to, tai lớn, trán rộng, mắt hơi nhỏ nhưng đuôi con mắt dài và sắc. Mũi sư tử,

hai má phính phớt hồng. Miệng rộng hàm vuông, với những chiếc răng chắc khỏe. Ra trận mà chỉ có một mảnh giáp che ngực. Phía dưới để lộ ra cái bụng căng tròn trắng như lợn vừa cạo sạch lông. Không hiểu mặc quần hay mặc váy, chỉ thấy hai vuông vải rộng thùng thình che dưới chân. Hai cánh tay để trần cùng bả vai núng nính những thịt, vâm váp như hai cột đình. Tay phải cầm một thanh đao to bản, rất dày, chuôi ngắn. Cưỡi trên mình một con ngựa ô cao lớn, có đốm sao trắng ở giữa trán và bốn vó to trắng như tuyết.

Lính cung thủ định giương cung lên bắn, nhưng Ngũ Lão nghĩ chắc chắn Ô Mã Nhi đã có đề phòng nên giơ tay ngăn lại.

- Thế nào? Chúng bay suy nghĩ xong chưa? Còn nếu không tin sức mạnh của quân Thiên triều thì có tên nào xuống đây đấu với ta năm chục hiệp. Nếu cầm cự nổi, Thiên triều sẽ rút binh ngay. Bằng nếu thua sớm thì hãy mở cửa quan. - Ô Mã Nhi lại lớn tiếng thách đấu.

- Người đừng khoác lác, huênh hoang quá! Có ta xuống tiếp chiến với người đây! - Sau một phút suy nghĩ, Ngũ Lão quyết định chấp nhận lời thách đấu.

Hai cánh cửa sắt nặng trịch cửa quan ải được mở ra. Cầu treo được hạ xuống. Phạm Ngũ Lão trên mình con Tía lao thẳng ra. Mặt đối mặt với Ô Mã Nhi.

- Tướng kia hãy xưng chức danh, tên họ. - Ô Mã Nhi quát. - Ta không thèm đấu với kẻ vô danh tiểu tốt, làm bẩn lưỡi đao báu của ta.

- Ta họ Phạm, tên Ngũ Lão. Là Đô tướng xuất thân từ thợ cày kiêm nghề đan sọt. Được Quốc công Tiết chế cử lên trấn thủ ải này. Nếu muốn phá được quan ải, người phải qua xác ta trước. - Ngũ Lão đồng dục đáp.

Ô Mã Nhi bỗng ngửa mặt lên trời cười sảng sặc, rồi hản đáp:

- Hào khí Đông A của nhà Trần các người tan hết đâu rồi, mà lại sai một tên nhà quê ra đấu với ta! Người về gọi vương tôn, công tử nào danh giá hãy ra đây! Ta không thèm đấu với người.

- Người nói mượn đường Đại Việt để đánh Chiêm Thành. Kế “mượn đường diệt Quốc” của Bàn Quyên từ thời Xuân Thu chiến quốc đã quá “xưa” rồi! Còn ở Đại Việt ta có câu “giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”. Vậy một tay thợ cày sức vóc như ta làm sao lại đứng nhìn được! Để thanh đại đao trong tay ta nói cho người hiểu thêm.

Nói rồi Ngũ Lão nhanh như chớp lia một đao chém ngang qua chiếc cổ to bự như cổ trâu mộng của Ô Mã Nhi. Quân lính đứng trên quan ải tưởng đầu Ô Mã Nhi sẽ lăn lông lốc dưới đất vì thấy lưỡi đao của Ngũ Lão đã sẵn tới nơi mà Ô Mã Nhi vẫn chưa động tay đón đỡ gì. Nhưng thật nhẹ nhàng, nhanh nhẹn đến bất ngờ, cánh tay nung núc thịt to chắc như cột đình của hắn đã vụt giơ lên gạt nhẹ một cái. Sắt thép chọi với sắt thép khiến cả hai cây đao đến tóe lửa. Sức mạnh của Ô Mã Nhi quả là kinh hồn, khiến con Tía phải hí lên một tiếng, đồng thời dựng hai vó trước lên để triệt tiêu một phần. Hai cánh tay rắn chắc của Ngũ Lão cũng có phần tê dại. Biết gặp phải đôi thủ quá mạnh, Ngũ Lão nghĩ chỉ có lăn xả vào đánh mới giữ được thế cân bằng. Bởi thế chàng liền khởi thế công, vung đao phạt qua trái, rồi lại lộn qua phải, lúc đánh thốc từ ngực lên mặt đối phương. Con Tía cũng theo sự điều khiển của Ngũ Lão, di chuyển hết sức uyển chuyển, nhanh nhẹn quanh cơ thể “con quái vật” Ô Mã Nhi. Thanh đao chuôi ngắn trong tay Nguyên soái Ô Mã Nhi cũng tỏ ra có sức vươn rất dài với sự biến hóa mau lẹ đến khôn cùng. Vừa gạt lưỡi đao của Ngũ Lão đã lập tức phạt chéo sang đập trả luôn. Mới đầu Ô Mã Nhi còn vừa đánh vừa đùa theo kiểu “mèo vờn chuột”. Nhưng rồi thấy thanh đao của Ngũ Lão nguy hiểm như một con măng xà đã thành tinh, cứ nhắm vào những chỗ hiểm yếu nhất của cơ thể hắn mà phóng tới thì hắn đã chợt nghĩ. “Cái thằng nhà quê này không thể đùa dai được rồi”. Thế là hắn bắt đầu trở thần oai, vung lên những đường đao nhanh như ánh chớp và mạnh như sấm sét. Lúc này cả người lẫn ngựa của Ngũ Lão cũng đã như “bốc” lên, ăn miếng trả miếng rất linh hoạt. Chả mấy chốc đã hết năm mươi hiệp Ngũ Lão giật ngựa lùi lại và bảo:

- Đã sang hiệp thứ năm mươi lăm rồi! Ô Nguyên soái hãy giữ đúng lời hứa chứ?

Ô Mã Nhi cũng dừng tay và lại ngựa cổ lên trời cười sảng sặc và đa sự rằng:

- Ôi! Tên nhà quê thực thà kia. Đại Việt làm hàng xóm với Trung Quốc đại lục cả ngàn năm rồi mà không hiểu câu châm ngôn của “láng giềng tốt” là “Quân tử nói đi là là quân tử đại! Quân tử nói lại là quân tử khôn” à? Người có giỏi thì đấu với ta năm mươi hiệp nữa. Phải nói thực là lâu lắm rồi ta mới gặp được đối thủ rất đáng nể như người.

- Đánh thì đánh! Năm mươi chứ một trăm hiệp nữa ta cũng xá gì? - Ngũ Lão hăng hái đáp lại, và lại thúc con Tía sẵn tới, vung đao chém liền.

Cả hai cùng hăng hái trở hết tài năng và sức mạnh ra, quyết đánh thắng thua. Ba mươi hiệp nữa trôi qua. Vẫn chưa phân kẻ thắng, người thua. Bỗng Ô Mã Nhi chém bậy một đao rồi giật ngựa, quay đầu chạy. Ngũ Lão quát to:

- Người định dùng kế đà đao chứ gì? Ta đâu có sợ! - Rồi thúc ngựa đuổi theo. Nhưng kế đà đao hai ngựa phải đuổi sát nhau, rồi bất ngờ kẻ chạy trước chém quặt lại. Đẳng này ngựa của Ô Mã Nhi chạy xa tới ba chục thước và trên lưng không thấy Ô Mã Nhi đâu. Ngũ Lão vội chột tỉnh, dừng ngựa lại. Đúng như dự đoán của chàng, Ô Mã Nhi xoay người tụt dưới bụng ngựa. Khéo léo lấy cung ở bên sườn ra, lắp tên. Rồi bất ngờ nhòm nghiêng người kéo dây cung. Mũi tên xé gió nhằm giữa ngực Ngũ Lão vút tới. Nhanh như chớp Ngũ Lão kịp thụp người, hai tay ôm lấy cổ ngựa. Và khi mũi tên vừa xé qua mang tai thì hai tay của Ngũ Lão cũng đầy đủ cung tên rồi. Ngũ Lão giương cung, đặt tên, chờ đúng lúc Ô Mã Nhi ngồi thẳng dậy, ngoảnh lại xem “chiến quả” của mình thế nào thì Ngũ Lão buông dây. Mũi tên của Ngũ Lão cũng căng không kém gì mũi tên của Ô Mã. Phải nói là tướng thiện chiến mới thoát khỏi mũi tên đó. Ô Mã Nhi nhanh như chớp lộn ngược xuống bụng ngựa. Nhưng mũi tên thì vẫn bay thẳng, xé rách tai phải con ngựa ô của tướng giặc. Con ngựa đau quá, lồng lên mang cả Ô Mã Nhi trên mình, phi thẳng về trại nhà.

Lính Đại Việt đứng trên quan ải theo dõi trận đấu, nhiều lúc đứng tim, nín thở trước các đòn đánh ác hiểm và như vũ bão của Ô Mã Nhi cũng như những miếng đánh trả hết sức dũng mãnh của Phạm Ngũ Lão nhất là pha “đấu cung” căng thẳng vừa rồi. Bây giờ thì hàng ngàn lính sung sướng, nhiều người đưa cả gươm, cả giáo lên trời và đồng thanh hô to: Sát Thát! Sát Thát!...

Phạm Ngũ Lão phóng ngựa vào trong quan ải trao dây cương con Tía cho tên giám mã rồi vừa thở dốc vừa quát lớn ra lệnh:

- Chuẩn bị chống máy bắn đá!

Tất cả rầm rập chạy vào phía trong. Và những giàn sắt có bánh xe đẩy, phía trên xếp các khúc gỗ lim, gỗ nghiến dày đến cả gang tay được đẩy ra. Có cả mái lim di động che chênh chếch, cho tường quan ải. Sau trận chiến nảy lửa bất phân thắng bại với Ô Mã Nhi đã khiến cho ba vạn lính Đại Việt thêm tin tưởng vào Phạm Ngũ Lão. Các mệnh lệnh của chủ tướng phát ra được lính thi hành rầm rập.

Những tảng đá to bằng chiếc cối đá lổ từ phía trại Ô Mã Nhi được máy bắn đá “choảng” xuống, tạo nên sự thử thách đầu tiên với các giàn sắt trên có đặt các thớt gỗ nghiến, gỗ lim. Những chiếc cối đá lổ dồn dập giáng xuống. Các thớt gỗ lim, gỗ nghiến rung lên bần bật, nhưng không có giàn sắt nào bị sụp xuống. Sau trận “mưa cối đá lổ” chừng nửa khắc thì trận “oanh tạc” đột ngột dừng lại. Gần như nửa trái núi đá được “bồi đắp” cho cửa quan cao vồng lên.

- Chuẩn bị chống giặc đánh thành.

Ngũ Lão vừa hô xong đã thấy hàng vạn tên vác thang mây, gươm, mã tấu cùng cung tên như một đàn kiến khổng lồ xông đến cửa quan.

- Cung thủ bắn tên!

Ngũ Lão vừa ra lệnh thì hàng trăm mũi tên bay xuống. Những thằng giặc Nguyên Mông đầu tiên đã ôm ngực, ôm bụng, thậm chí ngã bập ngửa ra

trước quan ải. Nhưng lớp này chết, thì có cả chục lớp khác lao lên. Chúng đã gác được thang mây vào tường thành và thoăn thoắt trèo lên.

- Ném đá xuống! Bắn tên lửa tẩm dầu xuống!

Ngũ Lão liên tục ra các mệnh lệnh.

Đá của chính quân Nguyên Mông bắn tới, giờ lại được lính Đại Việt hò nhau đẩy xuống. Những tên lính kỵ Mông Cổ từ phía sau đã liên tục bắn tên lên thành, hỗ trợ cho bọn lính bộ leo lên. Đã có những người lính Đại Việt trúng tên đổ gục xuống.

- Chuẩn bị gươm và mã tấu!

Những tên lính Nguyên Mông đầu tiên vừa leo lên mặt quan ải đã bị chém rụng xuống như chém chuối. Nhưng bọn chúng dường như không biết “cái chết” là gì! vẫn cần mẫn và dũng cảm vô song, cây đao của Ngũ Lão lia hết đợt này đến đợt khác, xác giặc đổ xuống hào từng đồng, từng đồng một. Đã có những tên lọt được lên mặt thành. Những cây gươm cong vung lên rất thiện nghệ, khiến lính Đại Việt phải lùi lại hoặc dạt ra. Ngũ Lão vừa chiến đấu vừa hò hét ra lệnh, vừa phải bao quát. Ở những chỗ gay cấn nhất Ngũ Lão đều có mặt. Những tên lính Nguyên Mông dũng cảm và thiện chiến nhất, dù đã chiếm được một khoảng trống trên mặt thành, đều không trụ được trước những đường lia ngọt sớt của thanh đại đao trong tay Ngũ Lão!

- Dầu sôi! Dầu sôi đổ xuống! Tên lửa bắn theo!

Những chiếc thang mây cháy rùng rục, đổ gục kéo theo những tên lính bị bỏng nặng, bò lê, bò càng dưới chân quan ải.

Đoạn hào rộng và sâu như một khúc sông nhỏ đã lấp đầy xác giặc.

Sau một khắc giờ đợt công kích thứ nhất của giặc đã tạm lui.

Sau khi ra lệnh chuyển những người đã chết và bị thương xuống phía dưới, Ngũ Lão ra lệnh tiếp:

- Chuẩn bị xếp các bè chuối rừng tươi lên mặt quan ải!

Những chiếc “cối đá lỗ” đã được ném vọi đi. Và bây giờ thay thế lên trên là các bè chuối rừng tươi. Binh lính Đại Việt vừa “lộp xong mái nhà” thì cũng là lúc các thùng dầu sôi sùng sục được bắn tới.

- Tất cả vào chỗ nấp!

Tuy nhiên các thùng dầu không thể bắt lửa, bởi các bè chuối tươi đã “triệt tiêu” một phần sức nóng. Sau nửa khắc giờ “oanh tạc” kiểu mới, hàng vạn quân Nguyên Mông lại hò nhau vác thang mây xông lên. Xong lần này thì quá dễ cho lính Đại Việt.

Tường quan ải còn ướt sũng dầu, được bụi nhùi lửa quăng xuống. Thương thay cho những tên lính đi đầu giãy giụa trong ngọn lửa và thiêu cháy còng queo. Sau hai lần “tổng công kích” không có kết quả. Ô Mã Nhi cho giở chiêu thứ ba ra. Lần này là một thân cây cổ thụ bọc sắt được hàng trăm tên lính cũng bọc giáp sắt từ đầu đến chân đẩy ra. Đến đoạn hào dẫn vào chân thành, một chiếc cầu phao được ngả ra. Hàng vạn lính lại tiếp tục công thành để hỗ trợ cho tốp lính đẩy cây lim cổ thụ đầu bọc sắt nhọn thúc vào cổng quan. Mỗi lần cây gỗ được rút ra và lao vào là hai cánh cửa sắt rất dày của quan ải lại rung lên bần bật.

Đá ném xuống, tên bắn xuống tới tấp. Nhưng những tên lính đẩy xe có khiên sắt, áo giáp sắt bảo vệ nên dường như chỉ như “muỗi đốt gỗ”. Hai cánh cửa sắt đã bắt đầu lung lay bản lề. Trước muôn vàn nguy cấp Phạm Ngũ Lão đã ra lệnh:

- Đổ dầu sôi! Đổ thật nhiều dầu sôi! Bắn tên lửa xuống.

Dầu như tưới như tắm lũ lính được bọc sắt, bắt lửa cháy lên đùng đùng. Những cây đuốc sống bỏ chạy tán loạn, rồi gục xuống, chết trong đau đớn. Cây gỗ khổng lồ cũng bén lửa cháy từng đoạn... Ô Mã Nhi lồng lộn gầm lên ra lệnh lui quân.

Sau một ngày thử lửa, Ngũ Lão và ba vạn lính Đại Việt đều “bở hơi tai”. Chưa kể hơn một ngàn lính bị thương và hơn một ngàn lính tử trận. Ngũ Lão sai giám quân tập hợp các đầu lĩnh các đội lại. Tất cả khoảng hơn một trăm người. Sau khi khen ngợi, động viên tất cả mọi người, Ngũ Lão nói:

- Nếu cứ tiếp tục thế này, chúng ta không thể trụ nổi sau năm ngày. Mà lệnh của Quốc công Tiết chế là phải giữ được ải trong mười ngày. Bởi thế quân phải chia làm ba đội. Một đội nghỉ ngơi lấy sức, hai đội giữ quan ải. Riêng Ngũ Lão tôi, ăn nghỉ ngay trên quan ải.

Mọi người không ai có ý kiến gì.

Ngũ Lão gọi riêng quan coi lương thảo và hậu cần lại hỏi:

- Các thổ hào địa phương đã cấp đủ lương thảo, tên bắn và bè chuối cho ta chưa?

- Bẩm thống tướng! Rất đầy đủ ạ! Riêng Nguyễn Lĩnh còn hăng hái xin đưa quân lên giữ ải.

- Quốc công Tiết chế đã tính toán như thần. Không có các đầu lĩnh địa phương... thì không thể giữ nổi quan ải trong ba ngày. Còn với Nguyễn Lĩnh người nói với ông ta, đêm nay đưa người đến tập kích... và nếu đốt được một góc nhỏ của trại giặc thì cũng rất tốt... Vấn đề là gây thanh thế... Và làm cho giặc Nguyên Mông hoang mang...

Phạm Ngũ Lão vừa nói với viên quan coi lương thì Nguyễn Lĩnh và Nguyễn Địa Lô đến. Thật là mừng hơn bắt được vàng. Phạm Ngũ Lão thân ra ngoài đón hai vị đầu lĩnh. Hai vị này không đi người không, mà đem theo đến cả chục người khênh cho mấy đùi nai, rượu và các thứ đồ nhắm khác, Nguyễn Địa Lô giọng oang oang:

- Phạm Tướng quân đánh một trận hay quá! Chúng tôi trên sườn núi theo dõi suốt cả ngày. Chờ bây giờ yên ả mới xuống! Tiện có rượu và thịt nai khô đây! Chúng ta làm vài bát rồi bàn việc cũng không muộn.

- Ấy chết! Xin các đầu lĩnh cho hai chữ “đại xá” cho. Lúc này làm gì có tâm trí đâu mà ăn mới uống được. Vả lại còn quân lính nữa... Cả ngày chiến đấu giữ ải, người chết người bị thương cũng khá nhiều. Cơm chỉ có hai năm với muối vừng, muối lạc. Ta chèn chén lúc này thật là bất tiện.

- Phong tục của chúng tôi ở đây là thế! Phải có bát rượu để mở đầu câu chuyện - Nguyễn Lĩnh để thêm vào.

- Nếu vậy thì mỗi người một bát thôi nhé! Còn thịt nai... chuyển xuống nhà ăn... chuyển tới các binh lính bị thương ăn...

- Thôi thế này cũng được! - Vị quan coi lương tán đồng vào hùa với Ngũ Lão.

Sau khi mỗi người uống cạn một bát rượu Phạm Ngũ Lão vào việc luôn:

- Ngày mai... à không “có thể là ngay bây giờ lúc giặc Thát sẽ cho máy bắn đá, bắn dầu sôi... bắn sâu vào quan ải. Nếu như thế kho tàng lương thực sẽ bị cháy rụi, phá hủy hết. Ngay cả ngựa nữa... cũng sẽ bị thương vong. Bởi thế ngay bây giờ tôi nhờ hai vị đầu lĩnh đưa người tới chuyển các lính bị thương trước, rồi đến kho tàng, ngựa nghèo... lù sâu vào quan ải khoảng hai mươi dặm. Bây giờ đang là mùa đông, mưa phùn gió bắc còn phải giữ cỏ cho khô, lương không bị ướt... Các vị có thể giúp được không? Nếu cần thì nói với quan coi lương huy động thêm vài trăm người của quân triều đình cùng bắt tay vào làm ngay...

- Làm ngay thì không kịp! Ít nhất là phải một canh giờ nữa chúng tôi mới huy động được người. - Nguyễn Lĩnh nói. - Nhưng cùng với khoảng ba trăm lính của Phạm tướng quân chúng tôi bảo đảm đêm nay sẽ làm xong mọi việc tướng quân giao.

- Thế thì tốt quá rồi! Nhưng sớm được chút nào, hay chút ấy!... Còn một việc nữa, từ nửa đêm đến gà gáy, làm sao các vị đầu lĩnh cho các tay thợ săn linh lợi, đột nhập vào các trại của Ô Mã Nhi, đốt lửa ở một số nơi... Nhất là các kho lương thực của chúng thì rất tốt. Gây thiệt hại là một phần, cái chính là làm cho chúng mệt mỏi, dẫn đến hoang mang...

- Chúng tôi đã chuẩn bị mấy đội cảm tử theo lời dặn của Quốc công Tiết chế rồi! Đêm nay sẽ tiến hành luôn. Anh em trèo núi, luồn rừng như con sói, con hổ... chúng nó không thể ngờ và trở tay, đối phó kịp.

Mọi người vừa bàn tới đó thì trước quan ải đuốc đốt sáng trưng, Ô Mã Nhi ngồi xe, xúm xít xung quanh có đến hàng trăm tên xúm vào đây. Đứng ngoài tầm tên bắn thì bọn chúng dừng lại. Một tên bắc loa gọi lớn:

- Nguyên soái Ô Mã Nhi của thiên triều mời tướng quân Phạm Ngũ Lão ra nói chuyện.

- Ô Nguyên soái về nghỉ đi! Chúng ta không có chuyện gì để nói với nhau nữa. Bây giờ chỉ có thể nói bằng cung tên, giáo mác, đao kiếm mà thôi! - Phạm Ngũ Lão đứng trên quan ải quát vọng xuống.

- Xin Phạm tướng quân đừng làm mất cái tình của Nguyên soái chúng tôi! - Tên phát loa vẫn lải nhải.

- Người nói với Ô Nguyên soái hãy về đi! Thích thì đánh tiếp ngay bây giờ... Không thì ngày mai lại quyết một trận tử chiến nữa. - Phạm Ngũ Lão nói tiếp.

- Người đã cạm tình như vậy thì đừng có mà hối hận đấy!

- Ô Nguyên soái và các người nghĩ rằng đang đứng ở ngoài tầm cung của ta chẳng? Ta có thể lấy mạng Ô nguyên soái ngay lúc này. Nhưng như các người nói... còn có chút tình nên mũi tên của ta chỉ bắn vào tay vịn của xe đây Ô Nguyên soái mà thôi!... Các người hãy xem đây! - Nói rồi Phạm Ngũ Lão giương cung, kéo căng hết dây nhằm đúng vào tay ngai của xe Ô Mã Nhi và buông dây. Mũi tên lao vun vút. Chưa đầy một cái chớp mắt đã cắm ngập vào tay vịn bằng gỗ của chiếc xe. Ô Mã Nhi và đám tùy tùng cả kinh hò nhau đẩy xe ngược trở lại.

- Phạm Ngũ Lão! Khá khen cho người! Nhưng người hãy đợi đấy! Quan ải của người dù có là cổng trời thì trong ngày mai ta cũng phá nát được. - Sau khi đã lùi xa, đích thân Ô Mã Nhi cầm loa gọi lại.

Trên quan ải, Phạm Ngũ Lão và binh lính được một đêm yên ả. Nhưng phía trại Nguyên Mông lửa rực cháy ở khắp nơi. Các đám cháy không lớn lắm. Nhưng cứ xảy ra chỗ này một ít, chỗ kia một ít. Đến khoảng canh ba thì rực sáng cả một góc trời. Trại cỏ cho ngựa bị đốt ủ từ trong lõi, âm ỉ suốt một canh giờ. Đến lúc bùng lên thì không tài nào có thể dập tắt được.

Tờ mờ sáng, binh lính vừa ăn sáng xong thì máy bắn đầu sôi từ trại Ô Mã Nhi xối xả trút sang. Đúng như dự đoán của Phạm Ngũ Lão, hôm nay

chúng bắn sâu vào trong quan ải. Đã có một số đám cháy bùng lên. Nhưng lương thảo, ngựa và các đồ dùng thiết yếu như cung tên đã được chuyển ra xa. Phạm Ngũ Lão ra lệnh cho quân lính không cần dập lửa để tránh thương vong, trừ chỗ nào quá quan trọng. Sau trận dội lửa chừng nửa khắc giờ là trận oanh kích bằng “cối đá”, “đạn bắn” lúc lên mặt quan ải, lúc sâu vào phía trong, không theo một trật tự nào. Trừ Phạm Ngũ Lão và một số lính đứng bên ngoài cảnh giới. Tuyệt đại đa số đều núp vào các vị trí an toàn. Sau năm trận “oanh kích” tới bởi là tiếng hò reo dậy đất của hàng vạn binh lính đen đặc cả thung lũng trước mặt quan ải. Tiếng trống trận phía sau cũng thúc lên rộn rã. Hết chiếc thang này bị chém rơi xuống thì lập tức lại có hàng loạt chiếc thang khác được móc vào tường thành. Hôm nay đa số lính công ải là lính Mông Cổ đầy vẻ hung hãn.

Đã qua một ngày thử lửa Phạm Ngũ Lão có phần điềm tĩnh hơn, ít quát tháo lớn mà thường ra lệnh bằng các động tác chỉ trỏ. Chỗ nào nguy cấp lắm thì đích thân Ngũ Lão xách đao chạy đến. Chỉ vài đường đao là “trật tự được vẫn hồi”. Binh sĩ có gầy rộc đi, nhưng vẻ rắn rỏi, tự tin hơn. Như nước triều dâng, lính Nguyên Mông hết lớp này bị đẩy xuống, lớp khác lại ào ạt xông lên. Đến quá giờ Ngọ, Ô Mã Nhi mới đánh chiêng thu quân ăn trưa.

Sau hơn một khắc giờ yên ả, quan ải lại sôi lên với các trận bắn đá và đầu sôi. Và điệp khúc xung phong công ải lại tiếp tục diễn ra.

Tối, đèn đuốc trước quan ải được quân Nguyên đốt sáng như ban ngày. Và bọn chúng đã đổi chiến thuật công kích không ngừng nghỉ đến tận canh ba. Phía bên này, Ngũ Lão đã lường trước nên cho lính quay vòng nhíp nhàng. Chỉ mình chàng là ăn, nghỉ và chiến đấu suốt ngày đêm trên quan ải. Người đen xạm, tanh tưởi bởi mùi máu và mồ hôi. Ba năm cơm với mấy ống bương nước đã cho Ngũ Lão tinh táo, dũng mãnh và dẻo dai đối chọi với đủ mọi tình huống tấn công của kẻ thù.

Ba ngày. Rồi năm ngày trôi qua. Hai hố mắt to trũng sâu xuống. Hai gò má nhô cao, nhọn hoắt chỉ còn da. Nhưng càng đánh Ngũ Lão càng thấy

tinh táo vô cùng. Hai đầu lĩnh Nguyễn Địa Lô và Nguyễn Lĩnh buổi chiều tối thường tạt qua. Trao đổi và nhận nhiệm vụ từ Phạm Ngũ Lão. Họ cũng thường mang các ống giang chè lam và các miếng thịt nai khô vừa nướng lại. Nhưng Ngũ Lão thường nhường cho các người lính xung quanh. Thi thoảng chàng mới cầm một khúc chè lam và một miếng thịt nai. Nhai thong thả như để tận hưởng hết vị thơm dẻo của gạo nếp nấu trong ống giang và vị đậm đà, ngon ngọt của thịt thú rừng.

Qua ngày thứ chín thì có lệnh từ Đại bản doanh Vạn Kiếp, sáng ngày thứ mười thì tập trung tất cả những gì có thể đốt được, thì chất chặt trong quan ải. Tờ mờ sáng, Ngũ Lão cho bộ binh rút trước. Kỵ binh rút sau. Ngũ Lão cùng năm mươi kỵ binh châm lửa đốt quan ải rút sau cùng.

Quốc công Tiết chế và Dã Tượng đón Ngũ Lão ở ải Nội Bàng (vùng giữa Bắc Giang bây giờ). Không có thời gian trao đổi nhiều, Hưng Đạo vương sau khi úy lạo, khen ngợi thì lệnh cho Ngũ Lão:

- Con đem quân về Vạn Kiếp nghỉ ngơi. Ở Đại bản doanh chỉ còn một vạn. Bảy vạn cha mang lên đây. Để cha thử sức với bọn chúng một trận xem sao?

Vượt qua ải Chi Lăng, hơn mười vạn quân của Ô Mã Nhi tràn xuống Nội Bàng như nước vỡ bờ. Hưng Đạo Vương dàn quân ra ngăn cản. Nhưng quân kỵ của Ô Mã Nhi không chỉ tấn công trước mặt mà tỏa ra đánh vòng từ bốn phương tám hướng. Đất đồi khá bằng phẳng khiến các vó ngựa bị kìm hãm ở Chi Lăng thả sức tung hoành. Các kỵ sĩ Mông Cổ với những thanh gươm cong, thường đứng trên bàn đạp rồi chém bổ xuống khiến binh lính nhà Trần không tài nào chống đỡ được. Hơn một vạn lính chết trận. Hơn một vạn bị bắt làm tù binh. Bọn giặc bắt cởi áo ra, thấy ai có thích chữ Sát Thát là chém chết ngay tại chỗ. Gần năm vạn quân Trần còn lại bỏ chạy tán loạn. Hưng Đạo vương cùng Dã Tượng phải liều chết mới tháo chạy được về phía sông Lục Nam. Nhưng tới nơi thì thủy quân cũng đã tháo chạy hết từ lúc nào. Hưng Đạo vương định đi men theo sườn đồi về Vạn Kiếp. Dã Tượng thưa:

- Yết Kiêu chưa thấy Quốc công Tiết chế về thì chắc chắn là chưa đi đâu!

Hưng Đạo Vương cùng Dã Tượng và mấy tên lính hầu men theo bờ sông ra bãi Tân, thấy chỉ còn trơ trọi một chiếc thuyền của Yết Kiêu cắm đờ.

Hưng Đạo vương cảm động nói:

- Chim hồng hộc muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng chỉ là chim thường thôi.

Yết Kiêu đưa Hưng Đạo vương trở về Vạn Kiếp, thấy xác người, xác ngựa chết la liệt ở trước Đại bản doanh. Phạm Ngũ Lão ra rước Người vào trong trại. Lính theo sự chỉ huy của Phạm Ngũ Lão đang đào hào và đóng cọc làm hàng rào che chắn kiên cố bên ngoài.

- Không ngờ kỵ binh của bọn chúng lợi hại thế! - Lần đầu tiên Hưng Đạo Vương than. - Vả lại quân ta gần hai mươi năm không tham chiến nên cũng có phần nao núng.

- Số tàn binh gần ba vạn chạy về đây, con đã cho gom cả lại. Biên chế theo đội ngũ mới. Một quân từ Chi Lăng về ghép với một tàn binh, số quân hiện giờ cũng trên năm vạn. Nếu giặc đến, ta cố thủ cũng có thể trụ được năm, bảy ngày. - Phạm Ngũ Lão thưa với Hưng Đạo vương.

- Bọn chúng sẽ không muốn mất thời gian đánh vào đây nữa đâu! - Hưng Đạo vương đáp. Chúng sẽ đánh thẳng xuống Thăng Long... Không biết hai Thánh thượng đã kịp rút chạy chưa? - Giọng Người trầm hẳn xuống.

Một đêm dài giá rét trôi như vô tận trong Đại bản doanh ở Vạn Kiếp. Mọi người đều im lặng, ưu tư. Rạng sáng tiếng quân reo, ngựa hí vang động cả một vùng. Phạm Ngũ Lão vác đao nhảy bổ ra. Ồ, thì ra quân mình.

Đầu tiên là Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng đem năm vạn quân từ vùng Đông Triều đến. Tiếp đó là Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn. Gần trưa là Minh Hiếu vương Trần Quốc Uẩn và Hưng Trí vương Trần Quốc Hiện. Mọi người đều dẫn theo năm vạn quân. Hưng Đạo vương cười lớn mà rằng:

- Thế là lại có đủ sức để chọi với giặc dữ rồi!

Lại nói mặc dù đã có sự chuẩn bị trước, nhưng vua tôi nhà Trần không thể ngờ được quân Nguyên Mông lại tiến nhanh đến vậy. Chưa đầy một ngày hơn mười vạn quân tiên phong của Nguyên soái Ô Mã Nhi đã từ ải Nội Bàng tràn xuống đến Gia Lâm, đóng trại và dựng một lá cờ lớn. Hai mươi vạn quân của Thái tử Thoát Hoan tiến theo đóng ở vùng Yên Viên. Mười lăm vạn quân còn lại đóng ở Quế Sơn gần cửa Lục Đầu giang, để đón hàng tiếp tế thủy bộ đều rất tiện.

Tình hình vô cùng nguy cấp. Chập tối vua Trần Nhân Tông muốn sai người sang trại giặc để dò tin tức mà chưa biết chọn ai. Chi hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung bước ra tâu:

- Thần là kẻ ti tiện không có tài gì xin đi!

Vua mừng lắm nói:

- Biết đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ ngựa ký.

Rồi bèn sai Đỗ Khắc Chung đem thư đến trại Ô Mã Nhi xin giảng hòa. Ô Mã Nhi hỏi như trách mắng:

- Vua nước người vô lễ, sai người thích chữ “SÁT THÁT”, khinh nhờn quân thiên triều, lỗi ấy to lắm. Lại sai tên nhà quê Phạm Ngũ Lão đón đánh quân ta ở ải Chi Lăng. Cái thằng nhà quê ấy đã bắn rách tai ngựa quý của ta. Cái tội ấy là to lắm.

Đỗ Khắc Chung lựa lời mềm dẻo nhưng cứng cỏi đáp:

- Chó trong nhà cắn người lạ vì không phải là chủ nó. Do lòng trung thành tức giận họ tự thích chữ SÁT THÁT. Quốc vương tôi có biết đâu. Tôi là người hầu gần, sao việc ấy lại không có! - Rồi giơ cánh tay vạch áo cho Ô Mã Nhi xem.

Ô Mã Nhi giận dữ nói:

- Đại quân ta ở xa đến đây, nước người sao không trở ngược giáo, đến ra mắt, mà lại dàn quân chống cự lại. Càng con bộ ngựa chống lại bánh xe, rồi sẽ ra sao?

Đỗ Khắc Chung bình tĩnh đáp:

- Hiền tướng không theo kế sách của Hàn Tín bình nước Triệu ngày xưa, đóng quân ở đầu địa giới, đưa thư đến trước, nếu không chịu hòa hiếu mới là có lỗi. Nay đem quân bức nhau, tức như người ta nói: “Muông thú cùng phải đánh lại, chim cùng phải mổ lại” huống chi là người.

Ô Mã Nhi vờ dịu giọng:

- Đại quân nước ta mượn đường nước người để đánh Chiêm Thành, giống như khi xưa ta và Nguyên soái Toa Đô mượn đường nước Tiểu Nga-la-tư (tức Ukraina bây giờ) để đánh Bảo-gia-lợi (tức Bungagi) và Hung-gia-lợi (tức Hunggari ngày nay). Song vua tôi xứ Tiểu Nga cũng đem binh chống lại. Kết cục là kinh đô Kiev tráng lệ với các mái nhà thờ dát vàng, cung điện dát ngọc bích đều biến thành gạch vụn cả. Bản thân từ vua đến các vương công quý tộc đều biến thành nô lệ. Đây, người hãy xem bức tranh này thì rõ. - Nói tới đây, Ô Mã Nhi sai lính hầu đưa ra mấy bức tranh vẽ trên thảm và trải rộng trước mặt Đỗ Khắc Chung. Đó là một bức tranh màu khá đẹp - Đây người thấy chưa, từ vua đến các quý tộc đều phải lấy đầu để quân ta kê ván lên làm sàn nhảy. Còn phía trên là quân thiên triều đang khiêu vũ với các thiếu nữ Tiểu Nga khóa thân, da trắng, mắt xanh, tóc vàng, đẹp không kém gì tiên nữ. Người có muốn chiêm ngưỡng không? - Rồi không đợi Đỗ Khắc Chung có đồng ý hay không, Ô Mã Nhi vỗ tay mấy cái lập tức có bốn năm thiếu nữ vận váy ngắn đến bên, để lộ ra những cặp đùi trắng nõn nà, trông ngon như khúc giò lụa: - Theo ta thì sống, chống ta thì chết. Nếu vua người quả thật muốn hòa thì sang đây gặp nhau thì trong nước yên ổn, không xâm phạm mảy may. Còn nếu cứ chấp nê thì trong khoảng giây phút núi sông sẽ hóa đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ mục. Cũng như thằng Ngũ Lão ấy ta muốn mời hẳn ra nói chuyện, hẳn đã thẳng cánh giương cung bắn vào tay vịn xe đẩy của ta. Thật là vô lễ. Nhưng nếu hai

bên hòa hiếu, nếu hãn nhận làm tiên phong, trước đánh Chiêm Thành, sau tràn xuống Lục Chân Lạp rồi Thủy Chân Lạp rồi ngược lên nước Ai-lao, và vượt sông Mê Kông sang Xiêm La và xuống Mã Lai... Và tiến xa hơn nữa. Nói cho nó biết, nếu được như thế, một tước vương cho hãn, vua nước ta chẳng hẹp hòi gì mà không ban... Ngoài kia, gió đông bắc, mưa phùn rét lắm. Trong lều trại bằng lông cừu của ta, người có thấy ấm không? - Đột ngột Ô Mã Nhi hỏi Khắc Chung, rồi lại tự trả lời - Nhưng nếu ngay phút này, Thái tử ra lệnh ta sẽ cất quân vượt sông Cái (tức sông Hồng) tiến vào Hoàng thành Thăng Long ngay!

Đỗ Khắc Chung đáp:

- Tôi sẽ xin về tâu lại với vua tôi.

Khi Đỗ Khắc Chung đi rồi, Ô Mã Nhi nói với thủ hạ:

- Người ấy đương lúc bị uy lực áp chế mà sắc mặt vẫn tự nhiên. Thậm chí còn thích thú, ngăm đui mắt cô đầm Tiểu Nga-la-tư. Không hạ chủ nó là chính, không nịnh hót ta là Nghiêu, về văn như thế cũng coi là giỏi. Về võ có Phạm Ngũ Lão. Đại Việt có những người như thế chưa dễ lấy được - Rồi sai người đuổi theo nhưng Đỗ Khắc Chung đã biến vào bóng đêm.

Trở lại Kinh thành, Đỗ Khắc Chung nói lại tất cả mọi chuyện với hai vua Trần. Giữa lúc bán loạn thì thấy công chúa An Tư bước ra:

- Hưng Đạo vương có lần nói với ta “Mỹ nhân tự cổ như danh tướng”. Bây giờ chưa có danh tướng nào chặn được giặc. Ta xin sang trại Thoát Hoan làm “thư giãn loạn nước” vậy.

Hai vua Trần ưng thuận sai kẻ cận thần là Đào Kiên cùng hai thị nữ đưa An Tư sang trại Thoát Hoan.

Lính hầu vào bẩm với Trấn Nam vương Thoát Hoan. Vốn đã quen với việc được dâng mỹ nữ nên Thái tử Thoát Hoan truyền cho vào. Bước vào căn lều cao rộng, đèn đuốc sáng trưng, quân thị vệ gươm tuốt sáng lòa, nhưng công chúa An Tư vẫn ngẩng cao đầu, bước những bước kiêu sa đến trước mặt Thoát Hoan và nói:

- Thái tử đã biết cả ngàn con gái Mông, Hoa, Kim, Hạ, Liêu... Hôm nay Thái tử thử xem mùi vị con gái Đại Việt thế nào?

Nói rồi nàng cởi chiếc áo choàng bằng da thú trắng vứt xuống sàn và ra hiệu cho Đào Kiên và hai thị nữ quay về. Thoát Hoan có phần ngây ngất trước vẻ đẹp kiều sa mà rần rỏi của An Tư. Hắn tiến đến định đưa đôi tay dài ôm lấy thân thể tròn lẳn với cặp tuyết lê căng tròn thì An Tư lùi lại và nói, giọng kiên quyết:

- Xin Thái tử dừng cho một phút. - Tiếp theo, nàng làm một động tác nhanh đến bất ngờ là rút phăng con dao cong chuôi ngọc áp sát vào bầu vú trái của mình.

- Thái tử hãy nghe ta nói một lời. Bây giờ Thái tử đã là Phò mã của Đại Việt. Bởi thế ta nói với Phò mã hãy ra lệnh cho tướng sĩ rằng: “Thăng Long phi chiến địa. Bởi thế ngày mai vào thành, ta cấm tướng sĩ không được cướp phá, hãm hiếp đàn bà, con gái. Ai trái lệnh ta chém”. Nếu Thái tử không ra lệnh ấy An Tư xin chết ngay trước mặt Thái tử.

Nhìn lưỡi dao sắc lẹm đặt ngay dưới bầu vú căng tròn đã khiến Thoát Hoan động lòng “thương hoa - tiếc ngọc”.

Thoát Hoan thét lớn:

- Quân bay đầu! Truyền khắp các trại lệnh của ta. Ngày mai vào Thăng Long tướng sĩ không ai được cướp bóc, đốt phá, hãm hiếp đàn bà, con gái. Ai trái lệnh. Chém!

Được lời như cởi tấm lòng. An Tư vội vứt con dao găm chuôi ngọc xuống đất rồi ngã người đổ vào vòng tay đang chờ sẵn của Thoát Hoan.

Mặc dù chưa có tí kinh nghiệm nào, nhưng đêm ấy An Tư hầu hạ Thoát Hoan hết lòng. Trời đã sáng rõ, nhưng An Tư vẫn nũng nịu kéo Thoát Hoan nằm xuống tấm nệm da cừu ấm áp:

- Còn sớm mà! Thái tử đã vội gì! Hai Thánh thượng đang chờ Thái tử - Phò mã trưa nay sang dự yến tiệc ở điện Kính Thiên trong Hoàng Thành...

Quá giờ Ngọ đại quân của Thoát Hoan mới tiến vào Hoàng Thành. Nhưng tất cả đã vờn không nhà trống.

Không thấy hai vua Trần ra đón như lời của An Tư đem qua. Nhưng Thoát Hoan cũng không tỏ ra giận dữ gì. Ô Mã Nhi thì nói:

- Hai vua Trần có chạy tới đâu thì ta cũng sẽ đuổi theo tới đó.

An Tư đã dùng tấm thân ngà ngọc, trong trắng của mình để hoàn thành kế “giãn binh”. Nhưng tiếc thay hai vua Trần không tận dụng đêm dài vàng ngọc đó để lên thuyền chạy xuống Thiên Trường, ra biển vượt vào châu Ái mà lại nghe lời Đỗ Khắc Chung dùng thuyền Ngự ra vùng Ngọc Sơn Móng Cái để đánh lạc hướng. Còn thuyền nhỏ chạy ra vùng Tam Trì thuộc Ba Chẽ - lộ Hải Đông (tức tỉnh Quảng Ninh bây giờ).

Tên Hán gian tham quân kiêm hướng đạo, ranh ma tâu với Thoát Hoan:

- Ngộ biết rồi! Thuyền rồng ra Móng Cái để đánh lừa thôi. Thuyền nhỏ ra Tam Trì... mới là thuyền chở hai vua Trần chạy trốn.

Thoát Hoan nghe theo, liền cử tướng A Bát Xích đem năm ngàn quân kỵ, phóng như bay ra hướng Ba Chẽ.

Trở lại chuyện Hưng Đạo vương vừa ổn định được số binh sĩ do bốn con trai đem đến thì nhận được tin cấp báo của thám mã như thế, như thế. Quốc công Tiết chế tái mặt cả sợ. Vỗ tay xuống án thư quát lớn:

- Đứa nào hiến kế để hai vua Trần chạy trốn ra Ba Chẽ nên đem chém. Kế cũ là theo dòng sông Cái, rồi vượt biển vào Ái châu cơ mà!

Rồi lập tức sai Phạm Ngũ Lão điếm ba ngàn quân kỵ tinh nhuệ nhất đi cứu giá hai vua Trần. Đồng thời sai Trần Quốc Tảng đem ba vạn quân ra chặn đường về Thăng Long của A Bát Xích và đón đánh quân tiếp viện nếu có. Phạm Ngũ Lão thúc con Tía dẫn đầu đoàn kỵ binh nhằm hướng Hải Đông phóng tới. Phóng suốt từ gần trưa ngày hôm trước tới giờ Sửu ngày hôm sau thì thấy phía trước mặt đèn đuốc sáng trưng, tiếng quân hò reo vang động cả một góc trời. Thì ra năm ngàn kỵ binh của A Bát Xích đang vây bắt hai vua Trần trên một ngọn đồi thuộc vùng Ba Chẽ. Bảo Nghĩa

vương Trần Bình Trọng sai giám binh Đỗ Hành giữ gìn bảo vệ hai vua. Còn mình đích thân chỉ huy tám trăm quân Thánh dực giao chiến với năm ngàn quân Mông Cổ. Trận đánh đã diễn ra hơn một canh giờ. Thế của quân Trần đã có phần nao núng. Bỗng thấy hậu quân của A Bát Xích rối loạn. Rồi thấy một tướng cao lớn, múa đao cắt đôi đội hình quân Mông Cổ đánh thốc lên đồi. Tướng ấy xông xáo tới đâu quân Mông Cổ rã ra đến đấy, như phi ngựa vào chốn không người. Theo sau là đội quân kỵ vô cùng dũng mãnh.

- Có viện binh rồi. - Trần Bình Trọng reo lên và thúc ngựa múa thương đánh thốc xuống.

- Có Phạm Ngũ Lão đến đây! Xin hai thánh thượng chớ lo. - Ngũ Lão cũng hét lớn.

A Bát Xích là tướng Mông Cổ vô cùng thiện chiến, cũng đã từng theo Ô Mã Nhi và Toa Đô chinh phục tại châu Âu. Nhưng A Bát Xích cũng đã biết võ nghệ và sức khỏe phi thường của Phạm Ngũ Lão ở ải Chi Lăng mấy ngày trước nên lui quân tháo chạy. Phạm Ngũ Lão thúc quân đuổi riết hơn hai mươi dặm, giết gần năm trăm quân địch, bắt được vô số ngựa không còn chủ, rồi mới quay lên đồi.

- Tội Ngũ Lão đến cứu giá muện, đáng muôn chết! - Ngũ Lão dập đầu cúi lạy hai vua Trần.

- Ôi! Ngũ Lão có mặt ở đây là trăm an tâm rồi! - Vua Trần Nhân Tông vỗ về - rồi người hỏi tiếp - Có gì ăn được không?

- Dạ! Bẩm... - Ngũ Lão nói rồi móc từ ngực ra một vắt cơm nắm trộn muối vừng, bẻ đôi rồi quỳ hai chân xuống đất, mỗi tay dâng một nửa nắm cơm cho Thái thượng hoàng và vua Trần Nhân Tông.

Cơm khô và cứng nhưng vua Trần lại khen:

- Cơm dẻo và muối vừng thơm quá! Có nước uống không?

- Dạ! Bẩm!... - Nói rồi Ngũ Lão ra chỗ con Tía tháo từ cổ ngựa ra một túi da dê. Lắc thấy còn được một nửa vôi dăng cho Thái thượng hoàng trước, rồi đến vua Trần sau.

- Không có Ngũ Lão đến kịp thời thì hai Thánh thượng nguy mất! Không biết kẻ nào tiết lộ hướng chạy của hai Thánh thượng nhỉ? - Trần Bình Trọng đứng bên nói.

- Quốc công Tiết chế nghe thám mã phi ngựa về báo đã thét lớn: “Kẻ nào đưa ra hạ sách này, nên chém đi!” - Ngũ Lão nói.

Đỗ Khắc Chung vừa đói, vừa khát, vừa sợ, nghe thấy Ngũ Lão nói thế thì mặt cắt không còn hạt máu. Song không thấy hai vua Trần nói gì thì có phần vững dạ. Nhưng từ đó đem tâm thù Phạm Ngũ Lão và thì thầm trong bụng: “Rồi có ngày ta sẽ cho thẳng đan sọt này biết tay”.

Phạm Ngũ Lão bàn với Trần Bình Trọng:

- Bảo Nghĩa vương có chơi với Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư. Từ đây đến Vân Đồn khoảng gần một trăm dặm. Việc bảo vệ hai thánh thượng xin cứ giao cho giám quân Đỗ Hành và Ngũ Lão. Bảo Nghĩa vương hãy đem hơn trăm quân kỵ khỏe nhất phóng ra Vân Đồn. Nói với Nhân Huệ vương điều cho hai năm thuyền chiến lớn và khoảng năm trăm thủy thủ thạo nghề đi biển, tập kết ở vùng vịnh Hải Đông, rồi đưa hai Thánh thượng vượt biển vào Ái Châu sớm lúc nào hay lúc ấy.

- Cũng không còn cách nào khác! Ta tin vào thanh đao của người đó!... Nhưng quân địch cho thêm tiếp viện quay trở lại thì làm thế nào? - Trần Bình Trọng đáp.

- Quốc công Tiết chế đã sai Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng đem ba vạn quân chặn quân tiếp viện và đón đánh bại quân của A Bát Xích, không để chúng trở về Thăng Long báo tin cho Thoát Hoan...

- Như vậy thì ta yên tâm được rồi! - Nói xong Trần Bình Trọng sụp lạy hai vua Trần, dẫn theo một trăm quân kỵ nhằm hướng Vân Đồn phi như gió lốc.

Phạm Ngũ Lão sai lính vợ cô khô trên đồi, trải thành đệm để hai vua Trần nằm, rồi sai lính vào thôn xóm lân cận tìm mua gạo và thức ăn nấu nướng cho hai thánh thượng ăn. Riêng mình và ba ngàn binh lính Ngũ Lão

sai giết các con ngựa bị thương của giặc, mổ lấy thịt nướng ăn, số còn lại phân phát cho mỗi người một hai cân làm lương khô. Giám quân Đỗ Hành người cao lớn. Vốn cùng quê Thiên Trường Nam Định nên mới được xung vào đội quân Thánh dực. Đỗ Hành vốn rất mến mộ Ngũ Lão nên nói:

- Tướng quân còn trẻ mà sao việc gì cũng tháo vát vậy.

- À, vốn là một năm nay được ở gần Quốc công Tiết chế nên được người dạy dỗ, chỉ bảo cho nhiều. - Ngũ Lão thật thà đáp.

Làng mạc ở cách đây khá xa. Quân lính không tài nào tìm mua được gạo. Có một bác nông dân già, hay tin đem đến một niêu cơm, dâng lên hai vua Trần. Cơm thối vội nên hơi khô, tuy nhiên vua Trần vẫn khen:

- Cơm sao mà dẻo và thơm thế!

Sau khi hai Thánh thượng “dùng bữa” xong. Ngũ Lão quỳ bên cạnh thưa:

- Dạ! Khởi bẩm hai Thánh thượng. Tình hình ở Vạn Kiếp bây giờ đã rất vững... Vững như bàn thạch rồi ạ! Bốn vị vương con của Quốc công Tiết chế đã đem hai chục vạn quân về. Cộng với số quân còn lại là khoảng hai trăm hai mươi vạn. Số quân của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật là năm vạn. Số quân của đô tướng Nguyễn Khoái cũng là năm. Đều là quân tinh nhuệ cả... Như vậy là ta có ba trăm, ba bảy vạn đủ để Quốc công Tiết chế địch với năm mươi vạn của giặc Hồ (chỉ quân Nguyên Mông) Quốc công Tiết chế có bẩm với hai Thánh thượng là... Sau kiếp nạn này... chỉ đến mùa hè sang năm là... Quốc công Tiết chế sẽ rước hai Thánh thượng trở lại kinh thành Thăng Long... thôi ạ!

Hai vua Trần nghe Phạm Ngũ Lão trình bày. Nhưng trong lòng thì còn đang ngổn ngang hàng trăm nỗi lo, nên gần như chỉ “Ờ! Ờ! Ờ...” cho qua chuyện. Trời mùa đông, nắng hanh, ngày ngắn nhưng hai vua cảm thấy dài như vô tận. Đến giờ Dậu thì Trần Bình Trọng cùng một trăm quân kỵ thờ hồng học quay ngựa trở về.

Phạm Ngũ Lão nhanh nhẩu chạy xuống đón và hỏi:

- Mọi việc thế nào?

- Có hai năm thuyền lớn và năm trăm thủy thủ khỏe mạnh. Hơn một canh giờ nữa... hẹn nhau ở vùng vịnh Hải Đông. - Trần Bình Trọng vừa thở dốc vừa đáp.

- Như vậy là tốt quá rồi! Phải đưa hai Thánh thượng đi ngay thôi! - Ngũ Lão đáp rồi cầm cổ bước gấp lên đồi, hô quân lính tập hợp đội ngũ.

Trần Bình Trọng bầm với hai vua Trần:

- Dạ! Bẩm thưa hai Thánh thượng! Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư tâu: “Mong hai Thánh thượng tha cho tội chết. Bởi Khánh Dư không thể bỏ quan ải trọng yếu do Quốc công Tiết chế sai trấn giữ để đi theo hộ giá hai Thánh thượng được, nhất là nay giặc Hồ (chỉ quân Nguyên đã đánh sang). Thuyền, lương thực, nước uống và lính tinh nhuệ thần đã bàn giao cho Bảo Nghĩa vương đầy đủ như chỉ dụ của hai Thánh thượng”

- Thôi được thế là tốt quá rồi - Vua Trần Nhân Tông đáp. Thực ra khi nghe tin hai vua Trần có mặt ở Tam Tri Trần Khánh Dư đã rụng rời hết vía. Chuyện bỏ quan ải đi phò giá hai vua là việc trọng, không ai có thể trách cứ được. Nhưng liệu vài chục, thậm chí vài trăm chiến thuyền của Đại Việt thì so bì thế nào được với những thuyền lớn của rợ Hồ. Rủi gặp nhau ở vùng biển lạ thì chỉ có mà... Trời thì rét căm căm, ở đây chần ấm nệm êm. Rượu ngon, gái đẹp... Sơn hào, hải vị, không thiếu gì. Không có vua này thì lập vua khác. Sau khi đã cân nhắc đủ mọi nhẽ, Khánh Dư mới “tạ sự” ra như thế để thoái thác trọng việc.

Mùa đông, tháng Mười, dưới ánh trăng đầu tuần lạnh lẽo đoàn quân do Trần Bình Trọng và Phạm Ngũ Lão ngựa tháo nhạc, người ngậm tăm hộ giá hai vua Trần ra vịnh.

Hai năm chiến thuyền đã quay đuôi vào bờ nghênh đón. Phạm Ngũ Lão công Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông xuống thuyền trước. Khi quay lại đã thấy Đỗ Khắc Chung đang lập cập dò từng bước một dưới các bậc đá gập ghềnh, trên lưng cũng đang công vua Trần Nhân Tông. Thấy vậy Ngũ Lão nói với nhà vua:

- Xin Thánh thượng cứ ngự trên lưng Đỗ Khắc Chung. Thần tuy bất tài cũng xin công cả hai xuống thuyền.

Miệng nói tay làm, Ngũ Lão quay lưng lại bốc cả hai người bước đi phăm phăm. Đến đầu thanh ván bắc xuống thuyền bập bênh. Ngũ Lão co chân nhảy vọt xuống, nhẹ như cánh chim.

Vua Trần Nhân Tông có ý muốn giữ Ngũ Lão ở lại dưới thuyền cùng Trần Bình Trọng hộ giá vào Ái châu nhưng Đỗ Khắc Chung đã bám vào vế nhà vua. Vua biết Khắc Chung có ý can ngăn, nên phân vân không biết thế nào, đành nín lặng. Lúc thuyền đã rời bến Khắc Chung nói nhỏ: “Phạm Ngũ Lão bây giờ đã là con rể của Quốc công Tiết chế. Nhờ Quốc công Tiết chế có lòng đổi thay, thì ngay cả đến Trần Bình Trọng cũng không phải là đối thủ của hắn”.

Trước lúc chia tay, Phạm Ngũ Lão nói với Trần Bình Trọng:

- Sự an nguy của hai Thánh thượng nhờ tất cả vào ngọn thương vô địch của Bão Nghĩa vương đó!

Trần Bình Trọng khàng khái đáp:

- Nhờ người về báo với Quốc công Tiết chế rằng Bình Trọng này có thịt nát, xương tan, gan óc lầy đất cũng không để giặc Hồ đụng được đến một sợi lông chân của hai Thánh thượng.

Vua Trần Nhân Tông nghe Trần Bình Trọng nói thế thì cảm khái thành thơ:

Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ,

Hoan Diễn còn kia chực vạn quân.

Nghe xong Phạm Ngũ Lão vỗ tay khiến quân sĩ cũng vỗ theo, rồi cùng reo reo ầm ầm cả lên:

- Hai Thánh thượng vạn tuế! Vạn vạn tuế... Mong hai Thánh thượng bảo trọng! Kính chúc hai Thánh thượng thượng lộ bình an!

Hai mươi lăm chiến thuyền chở theo một ngàn ba trăm binh lính và hơn một trăm ngựa chiến. Giám quân Đỗ Hành đi trước. Trần Bình Trọng cùng hai vua Trần đi ở thuyền giữa. Buồm căng gió đông bắc gổi sóng, lướt như ngựa phi trên biển cả. Tới tang tảng sáng thì tới cửa sông Cái, dẫn vào phủ Thiên Trường. Trần Bình Trọng cho đoàn thuyền quây lại và hỏi:

- Ai dám ở lại chặn giặc cùng ta.

Tám trăm quân Thánh dực đều hô to “Sát Thát”.

Trần Bình Trọng giữ lại năm trăm người cùng tám chiến thuyền, số còn lại giao cho giám quân Đỗ Hành hộ giá hai vua chạy vào châu Ái. Vua Trần Nhân Tông cầm tay Trần Bình Trọng, nước mắt lưng tròng nói:

- Người không khác gì Kỷ Tín cứu chúa Lưu Bang khi xưa!

Tám chiến thuyền cùng năm trăm quân ngược lên Thiên Trường. Đến bãi Mạn Trù, Bình Trọng cho ghé thuyền lên, sai quân lính dựng lều trại. Có cắm cờ long, phụng như có hai vua đang nghỉ chân ở đó.

Trở lại chuyện A Bát Xích bị Phạm Ngũ Lão đánh tan, là viên tướng rất từng trải, khôn ngoan nên biết quay lại đường cũ ắt có quân chặn nên nhằm hướng Quế Sơn, cắt đường phi ngựa tới. Về tới nơi A Bát Xích sai thám mã phi ngựa cấp tốc về Thăng Long báo cho Thoát Hoan việc hai vua Trần có thể vượt biển trốn vào Ái châu. Thoát Hoan muốn sai Ô Mã Nhi đem chiến thuyền lớn đuổi theo, thì Lý Hăng, Lý Quán bước ra thưa.

- Giết gà việc gì phải dùng đến dao mổ trâu. Hai mặt tướng xin đi! Quyết bắt được hai vua Trần mới nghe.

Hơn một trăm chiến thuyền với năm ngàn quân xuôi theo sông Cái (tức sông Hồng). Đến cuối giờ Thìn (khoảng 9 giờ sáng) thì Lý Hăng, Lý Quán phát hiện thấy cờ long, phụng cắm trên bãi Mạn Trù bèn cho thuyền dừng lại. Tham quân kiêm hướng đạo Phạm Nhan nheo mắt quan sát rồi nói:

- Trong đám quân kia không có hai vua Trần!

Lý Hăng bảo:

- Bọn chúng chỉ có một dúm! Ta cứ lên chỉ loáng một cái là tóm sống tất cả. Có hai vua Trần thì tốt. Không có đuổi sau cũng không muộn.

Rồi hô năm ngàn quân nhất tề xông lên. Năm trăm quân Thánh dực xếp thành năm khối vuông. Ở giữa là trại có cắm cờ long, phụng. Trần Bình Trọng thúc ngựa ra tận mép nước thách Lý Hằng, Lý Quán cùng vào giao chiến. Hai tướng giặc không nói không rằng cùng thúc ngựa, múa đao xông vào. Ngọn thương của Trần Bình Trọng lúc hăng hái, lúc ngập ngừng lui dần vào trong. Khi Lý Hằng, Lý Quán vào đến giữa trận thì năm khối vuông quây chặt lấy chúng. Một nửa quay mặt ra ngoài chống với năm ngàn quân giặc. Lúc này ngọn thương của Trần Bình Trọng mới thể hiện là đệ nhất Đại Việt. Lúc đâm vào giữa ngực Lý Hằng, lại trở sang phải nhằm vào mặt Lý Quán như một mãng xà mổ tới. Hai tướng bị quây chặt vào các đường thương của Trần Bình Trọng và hàng trăm quân vây quanh biết là bị mắc kế “điệu hổ ly sơn” muốn thoát ra, để hô quân lính xuống thuyền đuổi theo hai vua Trần, nhưng không tài nào thoát ra nổi. Trần Bình Trọng càng đánh càng hăng, mặc cho số quân cứ mỗi lúc một vơi dần. Nhưng giờ Ty, giờ Ngọ đã qua mà các khối vuông có ngót đi, nhưng ngọn thương và số quân của Trần Bình Trọng vẫn cứ bám riết lấy cả hai tướng giặc, không tài nào dứt thoát ra được. Hằng tiết Lý Hằng, Lý Quán quyết “ăn thua” với Trần Bình Trọng mà không nghĩ đến việc đuổi theo hai vua Trần nữa. Mà thực tế cũng không tài nào thoát ra để xuống thuyền được.

Trời nắng hanh, tiết trời tuyệt đẹp của những ngày đầu đông, khi năm trăm quân lính đã gục cả xuống, bản thân Trần Bình Trọng đã bị mấy vết thương ở sườn, ở đùi nhưng ngọn thương vẫn tung hoành giữa đám giặc dữ. Bọn chúng không thể hiểu nổi một chàng trai có dáng dấp thư sinh hơn là một võ tướng mà gân sức lại dẻo dai đến lạ kỳ như vậy. Cuối cùng bị một mũi tên bắn vào hạ sườn. Trần Bình Trọng mới gục xuống. Bọn giặc định phóng giáo để giết chàng thì Lý Hằng giơ tay ngăn lại. Hằng sai lấy bàn ghế từ dưới thuyền lên, rồi đích thân dìu chàng lên ghế. Hằng bưng nước mời Trần Bình Trọng uống. Bình Trọng lấy tay gạt phăng âu nước trong tay Lý Hằng. Nhưng Hằng vẫn kiên trì nhỏ nhẹ khuyên chàng:

- Người còn trẻ tuổi, tài cao, trí dũng song toàn. Nếu theo về với nhà Nguyên thì vinh hoa, phú quý không thể kể xiết. Thậm chí còn hơn cả ta bây giờ...

Trần Bình Trọng đã khảng khái quát vào mặt giặc:

- Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc.

Rồi cố thu hết sức còn lại, đứng bật dậy nắm lấy ngọn giáo của tên lính đang chĩa vào mình, đâm xuyên qua bụng.

Trần Bình Trọng ngã ngửa ra. Hé mắt thấy mặt trời mùa đông đã gác về phía tây. Miệng chàng khẽ mỉm cười. Chàng đoán lúc này chắc chắn hai vua Trần đã vượt biển vào đến Ái châu, nơi Chiêu Minh vương Thái sư Trần Quang Khải đang nắm giữ mười vạn quân tinh nhuệ.

Trần Bình Trọng chết lúc mới hai mươi sáu tuổi. Để lại công chúa Thụy Bảo góa bụa lần thứ hai...

Trần Bình Trọng vốn dòng dõi vua Lê Đại Hành. Thời đầu nhà Trần ông cha có công lớn trong việc gây dựng triều chính và chống Nguyên Mông lần thứ nhất nên được đổi quốc tính, mang họ vua...

Lý Hằng, Lý Quán quay thuyền về báo lại sự tình với Thoát Hoan. Thoát Hoan chưa kịp trách cứ thì Ô Mã Nhi đã nói thêm một lần nữa:

- Được rồi! Hai vua Trần chạy trốn tới đâu, ta sẽ đuổi theo tới đó!

Năm mươi vạn quân Nguyên đóng trại suốt từ Quế Sơn qua Từ Sơn (Bắc Ninh) xuống Yên Viên, Gia Lâm và Thăng Long. Hưng Đạo vương để Minh Hiếu vương Trần Quốc Uẩn và Hưng Trí vương Trần Quốc Hiện cùng mười vạn quân ở lại đại bản doanh Vạn Kiếp chống với mười lăm vạn quân của A Bát Xích, Tích Lệ Cơ Ngọc và Phàn Tiếp ở Quế Sơn. Gần hai mươi vạn quân còn lại Người rút về mạn bắc sông Cái, đối diện với Thăng Long cùng năm vạn quân của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật và năm vạn quân của Đô tướng Nguyễn Khoái chống với ba lăm vạn quân của Thoát Hoan ở kinh thành Thăng Long và vùng phụ cận.

Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi, Trương Hiến, A Lạt, A Lý Hải Nha cùng bọn Lý Hăng, Lý Quán dùng thuyền lớn ghép lại thành cầu phao vượt sông Cái sang đánh nhau với quân Trần. Nhiều trận chiến ác liệt đã diễn ra. Mùa đông nước sông Cái cạn, quân Nguyên bắn tên xuống nước. Chỗ nào tên không nổi lên thì biết là chỗ ấy cạn thúc ngựa vượt qua. Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Tảng, Trần Quốc Nghiễn phải căng sức ra chống đỡ với quân giặc.

Có lần Ô Mã Nhi đã ghép thuyền gàn vượt được sông thì Nguyễn Khoái từ phía bắc thả thuyền xuôi xuống. Hai bên đánh nhau hết sức dữ dội. Ô Mã Nhi đấu với Nguyễn Khoái hơn năm mươi hiệp mà không đánh đổ được gã mặt đen, râu quai nón, mắt nhỏ, cằm bạnh, người tròn to như một gốc lim cổ thụ. Ô Mã Nhi vừa đánh vừa nghĩ thầm: “Tưởng là Đại Việt chỉ có một tên Phạm Ngũ Lão, giờ lại nẩy nòi ra thằng này. càng thêm khó gặm...”. Vừa nghĩ tới đó thì có tiếng Phạm Ngũ Lão gọi to:

- Hiền huynh Nguyễn Khoái! Có Ngũ Lão đến trợ chiến đây!

Ô Mã Nhi cả sợ nếu bị hai tướng Đại Việt giáp công hai mặt nên vội rút về. Nguyễn Khoái đánh cắt đôi đoàn thuyền của Ô Mã Nhi, quân Nguyên

phần bị giết phần bị ngã xuống sông lạnh, chết đuối vô kể.

Sau trận ấy hai bên gần như cầm binh cầm cự.

Nhưng những ngày đông rét mướt tưởng dài như vô tận. Ngựa không có thóc đã đành, cỏ khô cũng thiếu. Còn khẩu phần cho lính cũng rút đi một nửa. Nhiều đêm đi tuần Ngũ Lão thấy lính đốt lửa sưởi, lại ngửi thấy mùi khét. Hóa ra đói quá, binh lính phải lấy lại da ngựa, da trâu đã thuộc khô nướng ăn. Ngũ Lão cũng sà xuống. Hơ đôi bàn tay lạnh cứng trên bếp lửa. Binh lính cắt cho chàng một miếng da bằng bàn tay. Ngũ Lão đưa lên miệng thấy chan chát và dai ngoách vô cùng. Nhưng nhai kỹ cũng thấy đường được. Hai hàm răng phải cố nghiền cho miếng da khô mềm ra rồi mới dám nuốt xuống dạ dày trống không. Hai gò má nhô cao khiến cho hai má hóp lại. Chỉ có đôi mắt to dưới đôi lông mày lười mác của chàng là vẫn bừng lên ánh sáng kiên nghị. Đói, rét... khổ sở trăm bề, nhưng Ngũ Lão luôn giữ tác phong nghiêm chỉnh, lúc nào cũng ăn vận võ phục gọn gàng. Lính dưới quyền Ngũ Lão cũng một mực giữ quy củ như thế. Bất kể sáng, trưa, chiều tối hay đêm khuya, chỗ nào giặc đánh sang mà quân Đại Việt có phần núng là Ngũ Lão cùng đoàn quân của chàng có mặt. Thấy bóng chàng là bọn giặc hò nhau rút chạy.

Trong khi đó thì ba ngàn hàng binh Tống vẫn án binh bất động, chỉ luyện tập ở trong trại. Xuất ăn vẫn như bình thường. Quân phục sạch sẽ tinh tươm, sắc mặt rất “trơn lông, đỏ da”. Tướng Triệu Trung thì sốt ruột vô cùng, luôn vào bẩm với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật cho xuất trận.

Lần nào Vương cũng quát:

- Quốc công Tiết chế dặn rồi: “Nuôi lính ba năm dụng một giờ” hãy về mà sơn sửa thuyền bè cho bóng đẹp. May cờ hiệu nước Tống cho tinh tươm. Hễ còn đòi ra đánh nữa là... chém!

Tổng tướng Triệu Trung ôm đầu lúi thủi ra về, không hiểu cơ sự ra làm sao?

Ô Mã Nhi bàn với Thoát Hoan:

- Không ngờ quân Đại Việt mạnh mẽ và ngoan cường thế! Thế trận cứ giằng co mãi thế này... rất bất lợi cho quân ta. Bởi đường vận lương luôn bị cướp phá. Tuyến từ Lạng Sơn xuống cũng rất khó khăn. Mười phần chỉ còn được hai ba. Đi đường biển cũng bị chặn cướp rất rát. Mười thuyền cũng chỉ trót lọt như vậy. Quân lính đói đã bắt đầu giết ngựa để ăn thịt rồi!

Thoát Hoan bảo:

- Ta cũng đã tính nát nước rồi... mà chưa có cách nào phá được quân Đại Việt. Thôi thì đành đợi sang hè. Ta đã hẹn trước với Toa Đô rồi... Hè Toa Đô sẽ đánh từ Chiêm Thành ra. Trước tiên chiếm châu Ái, châu Hoan... Rồi ngược sông Cái ra... Hội quân ở Thăng Long. Đến lúc ấy mới đủ sức đánh bại quân Đại Việt.

Ô Mã Nhi dạ, lui ra. Quay về lều vui đùa, hú hí với lũ “đầm non” Tiểu Nga-la-tư (tức Ukraina bây giờ), Ô Mã Nhi không thích ở trong cung điện. Chỉ thích ở trong lều trại bằng da dê. Phía dưới trải lông cừu. Vừa ấm áp, vừa khô ráo tránh được cái lạnh và nhất là sự ẩm ướt rất khó chịu của cảnh mưa dầm, gió Bắc. Nhiều tối Ô Mã Nhi đem đám “đầm non” lên Hồ Tây. Vào quán gió, uống rượu chân sâm cầm, ăn món cá chép om dưa hoặc ba ba nấu với thịt ba chỉ, chuối xanh và đậu phụ. Mấy cô đầm Tiểu Nga thì thích món bún ốc với nước chấm vừa cay, vừa chua lại vừa giòn ngọt. Ăn uống no say, Ô Mã Nhi chỉ đánh một chiếc khố nằm lăn ra sàn, xung quanh là các cô đầm mặc váy ngắn đến bẹn, như lũ lợn bột rúc vào nách chú “lợn sề” bụng to đùng, trắng ớn của Ô Mã Nhi. Chưa hết, có lúc hứng lên, Ô Mã Nhi còn ôm cây đàn hình tam giác, chuôi khá dài, gần giống với chiếc đàn đáy của Đại Việt - theo tiếng Nga-la-tư gốc là đàn Balalaica, tấu lên một vài bản nhạc dân gian rất rộn rã. Những lúc đó, những cô gái Tiểu Nga, như các tiên nữ giáng trần, hai má đỏ như hai trái táo Tây chín. Mắt xanh, da trắng, tóc vàng với cặp đùi dài, non tơ hấp dẫn như một cây giò lụa cùng vỗ tay nhảy múa những điệu rất vui nhộn. Không bao giờ Ô Mã Nhi ngủ ngoài lều. Khoảng canh hai, khi đã “ăn no, rượu say” Ô Mã Nhi đem lũ “đầm non” trở về lều căng bằng da dê, dưới có trải lông cừu bắt đầu hành lạc cho đến tận gần giờ Ngọ hôm sau...

Cả quân Nguyên Mông lẫn tướng sĩ nhà Trần đều đỏ mắt trông cho mùa đông chóng qua, mùa hè chóng tới. Còn thời gian thì dù ai đó có mong hay ai đó không đợi thì nó vẫn cứ trôi. Và tháng tư những tia nắng hoe vàng đầu tiên đã hé rạng. Rồi tháng năm trời nóng như đổ lửa đã ập xuống. Như lời hẹn trước lúc xuất mười lăm vạn quân với một ngàn chiến thuyền vượt biển vào đánh Chiêm Thành năm 1282, ba năm sau dù chiếm được Chiêm hay không thì Toa Đô cũng sẽ đem binh ngược ra Bắc, hội với Thoát Hoan ở kinh thành Thăng Long thành hai gọng kìm nguy hiểm kẹp quân Trần vào giữa mà Trần Hưng Đạo gọi là hai chiếc còng của con cua khổng lồ đã thành tinh. Và thời khắc đó đã đến.

Cuối tháng tư, đầu tháng Năm năm 1285, đại quân của Toa Đô đánh vào Ái châu. Chương Hiến hầu Trần Kiện là con của Tĩnh Quốc vương Trần Quốc Khang, một phần biết sức yếu, thế cô không thể chống lại được, phần nữa bất mãn với chính sách chống Nguyên của nhà Trần nên đã đem ba vạn quân hàng giặc. Rồi dẫn đường cho Toa Đô đánh Trần Quang Khải. Toa Đô cùng hàm nguyên soái với Ô Mã Nhi, nhưng tính cách thì khác hẳn. Toa Đô tính tình điềm tĩnh, ít nói mà thay vào đó là hành động. Lúc lâm trận, đầu đội mũ sư tử, giáp trụ đằng hoàng (chứ không ăn mặc tuềnh toàng và lảm lòi như Ô Mã Nhi), tay phải cầm một quả trùy gai lớn, có dây xích sắt nối vào cổ tay. Với sức khỏe kinh hồn và võ nghệ vào loại thượng thặng không kém gì Ô Mã Nhi, mỗi khi quả trùy tung vào đâu là ở đó có người vỡ sọ, dập thây. Hai vua Trần cùng Trần Quang Khải, đem mười vạn quân, dàn trận đón đánh Toa Đô ở ngoại thành Ái Châu. Nhưng với sức Toa Đô quá mạnh, cộng với sự dẫn đường của Trần Kiện, hai vua Trần cùng Trần Quang Khải bị thua, phải lui binh để bảo toàn lực lượng. Trong vòng nửa tháng chiếm luôn được cả thành Hoan Châu, tạo thành thanh thế rất lớn. Nhưng mục đích của Toa Đô không phải là chiếm vùng Hoan Ái mà cái chính là ra hội quân với Thoát Hoan.

Mười lăm vạn quân Nguyên Mông cùng một ngàn chiến thuyền lớn vượt biển kéo vào cửa Đại Hoàng (cửa sông Hồng) nhằm hướng kinh đô thẳng tiến. Thoát Hoan hay tin cử Ô Mã Nhi đem theo thuyền nhẹ cùng tham

quân kiêm hướng đạo Phạm Nhan đi đón Toa Đô. Do hành tung bí mật, bất ngờ của Ô Mã Nhi dễ dàng chọc thủng phòng tuyến của quân Trần, gặp được Toa Đô ở cửa sông Cái.

Lúc này theo kế sách đã được định trước hai vua Trần cùng Trần Quang Khải đánh tập hậu vào đoàn chiến thuyền của Toa Đô gây cho giặc khá nhiều tổn thất. Toa Đô nhờ Ô Mã Nhi đánh chặn hậu, còn mình tự lĩnh ấn tiên phong tiến lên phía trước. Đến cửa Hàm Tử đại quân Trần bắt đầu xuất trận. Đầu tiên là Đô tướng Thủy quân Nguyễn Khoái, đem năm vạn quân chặn đánh quyết liệt. Tiếp đến là quân của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Đêm đêm các thổ hào ở hai bên bờ sông cũng liên tiếp tập kích. Đặc biệt Yết Kiêu với đội “người nhái” cầm tử, mỗi ngày đánh đắm từ bốn mươi đến năm mươi chiến thuyền, khiến cho quân giặc vô cùng khiếp hãi. Cách đánh của Yết Kiêu hết sức độc đáo là khoét lỗ dưới đáy thuyền rồi bịt giẻ có nối với một sợi dây. Khi khoét mỗi thuyền được khoảng chín mười lỗ thì giật dây. Nước từ các lỗ ào vào, chỉ trong khoảnh khắc, thuyền bị đánh chìm. Đòn hiểm này đánh vào các thuyền chở lương thảo hoặc chở ngựa khiến cả Toa Đô lẫn Ô Mã Nhi đều vô cùng tức giận và sợ hãi. Một lần chúng dùng lưới đánh cá bắt được Yết Kiêu. Đưa lên thuyền Ô Mã Nhi hỏi:

- Chúng bay có bao nhiêu người tài giỏi như người.

- Độ ba bốn chục - Yết Kiêu đáp. - Song họ đều là người nhà của tôi. Nếu nguyên soái muốn chiêu dụ chỉ cần cấp cho mỗi người vài cân vàng là dụ được.

Ô Mã Nhi đang gật gù tính toán, nhân lúc có sơ hở, Yết Kiêu tung mình như một chú cá quẫy (mặc dù chân tay đang bị trói) lặn xuống sông mất tăm. Ô Mã Nhi sai cung thủ bắn tên xuống, nhưng như “tắm cá” Yết Kiêu đã mất dạng. Và đêm đó bốn chục chiến thuyền lại bị đánh chìm.

Hoang mang về tinh thần, thiệt hại về vật chất (chiến thuyền) nhưng cuối cùng đoàn quân của Toa Đô cũng đã tiến tới được bến Chương Dương, trước kinh thành Thăng Long, xuôi về phía nam chừng năm dặm. Tại đây

kế hoạch chặt đứt “càng cua” khổng lồ Toa Đô của Hưng Đạo vương đã diễn ra bằng một trận ác chiến phối hợp nhịp nhàng giữa thủy quân và lục quân.

Đầu tiên là đoàn chiến thuyền với năm vạn quân của Trần Nhật Duật. Ở phía bên trái có ba ngàn binh Tống do Triệu Trung, tay cầm trùy lớn, dựng cờ Tống lớn dẫn đầu. Các binh sĩ Tống người nào cũng tề chỉnh trong bộ quân phục Tống mới tinh, cờ xí Tống bay phần phật. Người người đều béo tốt, “trơn lông, đỏ da” một tay cầm gươm hoặc cầm giáo, tay kia thì cầm loa.

Và cuộc chiến của các chiến binh Tống bắt đầu bằng các tiếng loa đĩnh đạc, đàng hoàng:

- Hỡi các binh sĩ người Hoa, người Liêu, người Hạ, người Mãn, người Kim... Đất nước Trung Quốc đã được giải phóng... Triều Tống đã được lập lại... Vua Tống sai Triệu Trung và chúng tôi đến đón anh em đây! Hỡi anh em. Hãy quay gươm, giáo lại! Đừng làm tôi tớ cho bọn giặc Hồ hung ác... Hãy cùng sát cánh với quân nhà Trần tìm diệt lũ sài lang Nguyên Mông.

Trong hàng ngũ quân Toa Đô có sự xôn xao. Trong số mười lăm vạn quân thì có tới năm vạn là hàng binh Tống. Họ theo Toa Đô chinh chiến đã ba năm. Không hay biết gì về tình hình của nước nhà. Nay trước những tiếng loa kêu gọi thống thiết như vậy, từ lúc đầu còn hoài nghi... cuối cùng họ tin là thật.

Toa Đô tức giận sai quân tập trung cung bắn vào đoàn chiến thuyền quân Tống. Hàng vạn mũi tên bay sang như châu chấu. Nhưng những tấm mộc đã được dựng lên ở trước cả các mái thuyền. Và tiếng loa vẫn cứ phát ra mỗi lúc một thống thiết...

Mặc cho đội thuyền đang có sự lộn xộn, Toa Đô vẫn thúc “súy thuyền” tiến lên. Trần Nhật Duật nói với Triệu Trung:

- Người ra đấu với Toa Đô vài chục hiệp xem sao?

Triệu Trung vâng lệnh thúc thuyền tiến lên. Rồi từ mũi thuyền quân Tống, Triệu Trung nhảy vọt sang “súy thuyền” của Toa Đô. Hai quả chùy, một gai, một trôn được tung ra. Nhưng những đòn đánh của Toa Đô thật là chất chúa. Triệu Trung chỉ lo chống đỡ đã toát mồ hôi, chứ không đánh trả được đòn nào. Mới được hơn mười hiệp đã loạng choạng ngã xuống thuyền mình để “lính Tống” chèo lui.

Giữa lúc đó có một đoàn thuyền xông đến. Chiếc đi đầu cắm một cây cờ lớn thêu sáu chữ vàng “Phá cường địch báo hoàng ân” Trần Nhật Duật nhận ra tướng trẻ tuổi chừng mười sáu, mười bảy chính là Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản, cậu thiếu niên đã bóp nát quả cam ở Hội nghị Bình Than năm nào. Do bực tức không được hai vua Trần mời vào dự họp. Trần Quốc Toản đã về nhà, bán hết gia sản, tập trung các thiếu niên cùng trang lứa được hơn một ngàn người, nhờ thầy huấn luyện cung, thương, đao, kiếm. Chính đoàn quân thiếu niên do Trần Quốc Toản cầm đầu cũng đã tham chiến, đeo bám và đón đánh đoàn chiến thuyền của Toa Đô suốt từ cửa Hàm Tử (phía trên Thiên Trường, dưới huyện Khoái Châu, Hưng Yên hiện nay) về đến đây.

Hai thuyền chạm nhau, Trần Quốc Toản vung kiếm nhằm thẳng đầu Toa Đô bổ tới. Đang mãi thúc quân sĩ, Toa Đô quay lại, vung cây chùy gai lên đỡ. Thanh gươm của Trần Quốc Toản cong lại. Còn tấm thân của cậu thiếu niên chưa đến tuổi trưởng thành văng ra một trượng. Toa Đô tung xích, cây chùy gai nhằm thẳng vào Trần Quốc Toản đập xuống. Nhanh như cắt người bõ già, cũng là thầy dạy võ của Trần Quốc Toản vội lao xuống, đưa tấm lưng hứng lấy quả chùy của Toa Đô. Tấm lưng của người nát vụn ra. Tranh thủ Trần Quốc Toản xoay mấy vòng rơi xuống thuyền của mình. Nhưng chàng thiếu niên vẫn không chịu bỏ cuộc. Chàng hô các “dũng sĩ” trẻ bỏ gươm, giáo lấy cung nhất tề nhằm vào Toa Đô nhả tên. Nhưng đối với viên hổ tướng từng “Nam chinh Bắc chiến” thì những mũi tên đó chỉ là “lũ châu châu đá voi”. Chiếc chùy gai trong tay hấn hươ lên, tên rơi lá tả xuống mặt thuyền. Một vài dũng sĩ của Đại Việt xông lên, cùng lúc vung gươm, đao, lẫn xả vào hấn chém tới tấp. Song chỉ loáng một cái, tất cả đã tan thây dưới

cây chùy “quỷ sứ” của hãn. Và chiếc “súy thuyền” của hãn vẫn phăm phăm đề sóng, đề lên các thuyền nhỏ của Đại Việt tiến lên. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật thấy thế thì vô cùng sốt ruột. Người hô lớn:

- Nguyễn Khoái đâu! Để ta đốc chiến cho. Người hãy nhảy lên kiểm chế bớt sự hung tợn của Toa Đô lại.

Nguyễn Khoái vâng lời, nhảy từ chiến thuyền Đại Việt này sang chiến thuyền Đại Việt khác, rồi nhảy phắt lên “súy thuyền” của Toa Đô. Vốn sỏi tay đã dài, lại nối thêm một đoạn xích nên cây chùy của Toa Đô lúc đầu khiến Nguyễn Khoái khá lúng túng. Lừa lúc cây chùy vừa quăng vụt ra xa, Nguyễn Khoái sẵn lại gần, lia đao nhằm ngang người Toa Đô phạt tới. Nhanh nhẹn đến không ngờ, Toa Đô đã thu xích lại, tung quả chùy ra đón đỡ. Thế là hai bên xoắn lấy nhau. Tiếng chùy tiếng đao vang lên chan chát, nhiều lúc tóe lửa. Đánh được gần năm chục hiệp mà không bên nào hạ được bên nào. Nguyễn Khoái càng đánh càng hăng khiến Toa Đô vô cùng sốt ruột.

Lợi dụng thời cơ đó các chiến thuyền quân Tống hòa vào các chiến thuyền Nguyên Mông. Tiếng gọi người thân, tiếng gọi đồng hương vang dậy cả một khúc sông. Năm vạn lính Hoa nằm trong đội quân mười lăm vạn của Toa Đô dường như đã buông gươm, quăng giáo. Một số đã quay lại kịch chiến với lính Mông Cổ.

Còn Trần Nhật Duật thì cũng nhân thời cơ đó đốc chiến rất hiệu quả. Các chiến thuyền của Đại Việt như đã hòa vào đoàn chiến thuyền khổng lồ của Nguyên Mông.

Trần Nam vương Thoát Hoan mỗi mắt trông chờ đoàn thuyền của Toa Đô thì bây giờ, đứng trên tòa địch lầu của kinh thành Thăng Long, thấy trong quân đã có biến, và cả đoàn thuyền khổng lồ mỗi lúc một bị chia cắt nhỏ ra bèn tung quân ra ứng cứu. Năm vạn kỵ binh Mông Cổ mở tung cửa thành phía nam ào ạt tiến ra. Đoàn kỵ binh như một cơn lốc cuốn tiếp cận được các chiến thuyền của Toa Đô, chắc chắn sẽ thổi bay các chiến thuyền nhỏ bé của Đại Việt. Nhưng tất cả đã nằm trong sự tính toán chính xác đến

từng ly, từng tí của Hưng Đạo vương. Khi năm vạn kỵ binh Mông Cổ vừa ra khỏi thành thì phía đông năm vạn quân của Trần Quốc Nghiễn từ trận địa mai phục phía ngoài đê áp vào. Phía nam năm vạn quân của Trần Quốc Tảng cũng áp tới. Mười vạn quân của hai vị vương không công thành mà chỉ tạo một chiếc nút, nút chặt hai cổng Đông và Nam để Thoát Hoan có muốn phái quân ra tăng viện cũng không có đường... Trong khi đó, năm vạn quân của Phạm Ngũ Lão ào ào chờ sẵn. Khi năm vạn kỵ binh Mông Cổ đang ào ạt xông ra, lọt vào trận địa đã được bí mật từ các chiến hào và hố cá nhân thò lên, những chiếc câu liêm sắc lẹm giật đứt chân các vó ngựa Mông Cổ. Hàng ngàn rồi hàng vạn kỵ sĩ bị ngã ngựa, lộn cổ xuống đất. Nhiều tên bị xác ngựa đè lên không thể rút chân đứng lên được. Tiếng ngựa hí vang động cả một góc trời. Khi các kỵ sĩ Mông Cổ đã đồng loạt ngã ngựa thì năm vạn đại quân Việt như ở dưới đất đột thổ lên. Lúc này những thanh câu liêm thương dài đã được thay bằng đoản đao và kiếm. Các kỵ sĩ Mông Cổ khi còn trên lưng ngựa thì quả thực là các chiến binh vô địch trong thời đại đó. Chả thế mà họ tiến từ Á sang Âu, xuống cả vùng Trung Cận Đông và lại lộn trở về Á. Đến đâu cũng như là tiến vào chỗ không người. Nhưng khi họ đã bị quật xuống mặt đất thì lại hoàn toàn ngược lại. Các chiến binh Mông Cổ to béo trở thành những “bị thọt” dưới mũi kiếm, nhát đao của các chiến binh Đại Việt.

Tiếng ngựa hí đau đớn, tiếng hô “Sát Thát” vang động cả một góc trời. Trấn Nam vương Thoát Hoan cay đắng chứng kiến tận mắt đoàn quân con cưng của mình bị “xả thân” mà đành bất lực. Còn Toa Đô mặc dù đang bị Nguyễn Khoái xoắn lấy đánh, không dời ra nửa bước, nhưng là viên tướng dày dặn trận mạc mấy chục năm, thì nghe tiếng hô, tiếng kêu và đảo mắt nhìn vào phía bờ sông là đã hiểu ra tất cả. Toa Đô không dám ham đánh nữa. Hấn vung bậy một chùy rồi nhảy vào trong thuyền. Sai lính dắt ra con ngựa “hoàng long câu” phi dưới nước như phi trên đất bằng. Bỏ mặc hơn chục vạn quân, nhảy lên lưng ngựa, tung chùy ra tứ phía mở đường phi sang bờ sông bên kia, dự tính tìm đường về Quế Sơn.

Lúc này năm vạn quân của Phạm Ngũ Lão, sau khi đã diệt gọn năm vạn kỵ binh Mông Cổ thì hét vang hai tiếng “Sát Thát” ùa cả lên thuyền. Nguyễn Khoái chặn Phạm Ngũ Lão lại và nói lớn:

- Toa Đô chạy rồi! Để ta hỗ trợ cho đệ, để đệ vững tâm bắn Toa Đô! Đừng để hãn chạy thoát.

Nguyễn Khoái vừa chỉ tay cho Phạm Ngũ Lão hướng Toa Đô đang chạy, rồi vung đao tạo thành vòng tròn an toàn cho Phạm Ngũ Lão, để Ngũ Lão “chỉ việc chú tâm” vào việc tiêu diệt Toa Đô. Ngũ Lão tháo cung ở bên sườn, thò tay rút tên ở trên lưng, kéo hết dây. Con ngựa chở Toa Đô trên lưng lúc chồi lên, lúc sụp xuống. Ngũ Lão vẫn kiên trì đứng choãi chân, căng hết cung mà chưa buông dây. Hàng trăm con mắt đổ dồn vào đường tên của Ngũ Lão. Thân hình cao lớn của Toa Đô vẫn nhịp nhàng chồi lên, sụp xuống. Khoảng cách đã xa tới gần ba trăm bước chân. Ngũ Lão vẫn tập trung tinh lực, chờ tới lúc vó ngựa của Toa Đô đặt bước đầu tiến lên bờ sông. Toàn bộ cái gáy của hãn lộ hiện ra gần như bất động. Ngũ Lão thả dây cung. Mũi tên xé gió lao đi vun vút. Chưa đến một chớp mắt thì đã cắm xuyên qua gáy tên tướng giặc hung hãn vào loại bậc nhất thời bấy giờ. Mọi người đều tưởng hãn đã bật ngựa trở lại, ngã tòm xuống sông. Nhưng không! Hãn vẫn thúc ngựa phi lên mặt đê, đem theo cả mũi tên cắm xuyên qua gáy và mất hút dần sau chân đê.

Trần Nhật Duật kinh hoàng trước sức chịu đựng phi thường của hãn. Người bèn sai hơn chục tên lính bên cạnh lấy ngựa khỏe, dắt lên bờ phi đuổi theo. Toa Đô đeo cả mũi tên xuyên qua gáy phi ngựa, cách bến Chương Dương hơn ba chục dặm mới ngã lăn ra chết. Lính Đại Việt theo vết chân ngựa đuổi theo, bèn chặt lấy đầu Toa Đô đem về. Còn con ngựa quý của hãn thì không tài nào bắt nổi phải phóng giáo giết chết.

Trở lại bến Chương Dương lúc này, năm vạn binh Tống trong đội quân Toa Đô đã bó giáo quy hàng. Còn lại mười vạn tên đang bị chia cắt thành từng nhóm, trước vòng vây ngày một thít chặt của quân Đại Việt, Ô Mã Nhi ở đoạn hậu thấy tình thế nguy cấp, liền nhảy lên một chiếc thuyền của

Đại Việt. Hắn lia đao một vòng, hai chục lính Đại Việt đều chết lản trên thuyền hoặc rơi tòm xuống sông. Rồi vớ lấy mái chèo hai cánh tay vâm váp như hai cột đình, khua mái chèo xuôi dòng sông Cái, hướng ra biển. Khi Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái xuống tới nơi, thì thấy chiếc thuyền chở hắn chỉ nhỏ bằng quả bưởi. Nguyễn Khoái nói:

- Có đuổi theo cũng không kịp. Thôi để hắn làm mồi cho cá biển cũng được.

Phạm Ngũ Lão dè dặt hơn:

- Cái thằng quý này chưa biết thế nào? Trên đường trốn chạy, hắn sẽ cướp thuyền buôn, hoặc thuyền đánh cá, để lấy lương thực, nước uống chèo thuyền về Ung Châu hoặc Liên Châu...

Lời tiên đoán của Phạm Ngũ Lão quả nhiên là đúng. Một mình trên con thuyền nhỏ nhoi không lương thực không nước uống. Ấy vậy mà qua ba ngày, ba đêm liên tục hắn đã cho thuyền cập bến ở thành Ung Châu. Bỏ mái chèo, bước lên bờ, vờn vai cười sảng khoái, trước sự kinh hoàng của binh lính Nguyên Mông, như ma như quỷ hiện hình về...

Thoát Hoan cay đắng nhìn đoàn chiến thuyền hùng hậu với mười lăm vạn quân cùng hai hổ tướng bị quân Đại Việt đánh tan ngay trước mặt. Toa Đô thì bị bắn chết. Còn Ô Mã Nhi thì chưa biết thế nào? Mười vạn quân của Trần Quốc Nghiễn và Trần Quốc Tảng ở hai cửa Đông và Nam vẫn chỉ vây chặt, chứ không công thành.

Ruột gan rối bời, cái điều mà hắn chờ đợi và hy vọng gần suốt một mùa đông dài, cuối cùng lại có kết cục thảm hại ngay trước mặt. Từ tòa địch lâu, Thoát Hoan bước vào hoàng cung ra lệnh cho bọn A Lý, A Lạt Hải Nha, Lý Hằng, Lý Quán... chuẩn bị mở cửa Bắc, vượt sông chạy về Từ Sơn (Bắc Ninh). Đóng trại liên hoàn với Quế Sơn chờ viện binh từ phương Bắc xuống.

Yết Kiêu bắt sống được tên Hán gian Phạm Nhan, giải tới trước mặt Hưng Đạo vương. Hắn hoa chân múa tay nói:

- Ngô có ba đầu. Chém đầu này mọc đầu khác.

Hưng Đạo vương quát lôi ra chém. Một lát sau quân lính xách ba chiếc đầu như đầu búp bê vào. Hưng Đạo vương và Phạm Ngũ Lão thấy lạ cùng bước ra. Ngũ Lão cười bảo:

- Chẳng qua là người học được phép “độn đầu” chứ làm quái gì có phép nào! Để ta chẻ đôi người người ra, xem người có thoát chết được không?

Ngũ Lão vừa tuốt gươm thì Phạm Nhan đã van xin rồi rít.

- Ngô biết ngô vạn lần đáng chết! Nhưng sau khi ngô chết rồi, xin Quốc công Tiết chế sai lính thập cho ngô một nén hương và chút lễ vật gì để xuống âm phủ không phải làm ma đói.

Hưng Đạo vương vốn căm ghét tên Hán gian này cực độ. Người phóng giầy đá thẳng vào ngực hăn và quát lớn:

- Cúng! Cúng cho người váy máu... đàn bà...

Cùng lúc lưỡi gươm của Phạm Ngũ Lão chém xuống, xả thân hình cổ quái ra làm hai mảnh.

Về sau trong lúc vui vẻ, cao hứng, Phạm Ngũ Lão đã bộc bạch với Hưng Đạo vương:

- Sao lúc ấy cha... chua ngoa thế!

Hưng Đạo Vương cười ha hả mà rằng:

- Mọi người tin ta là Thánh. Đức Thánh Trần. Nhưng thực ra ta cũng chỉ là một con người bình thường thôi.

Hưng Đạo vương rước hai vua Trần trở lại Thăng Long, đúng như lời hứa vào giữa mùa hè 1285. Vua Trần Nhân Tông thiết triều. Bọn hữu ti (lính hầu bên cạnh nhà vua) khênh ra một hòm gỗ. Nhiều vị quan tái mặt. Vua Trần Nhân Tông phán:

- Những lũ phản quốc đã bị trị tội và sẽ bị trị tội. Còn trong chiếc hòm này có nhiều biểu xin hàng của các quan trong lúc nước nhà nguy nan. Thật

có, giả có. Để mọi người an tâm phụng sự Đại Việt, Trẫm sai đốt ngay tại sân rồng.

Hữu ti lại đem thủ cấp của Toa Đô dâng lên Vua Trần Nhân Tông, vua rơm rớm nước mắt, cởi áo ngự đang mặc bọc lấy đầu Toa Đô mà nói rằng:

- Kẻ làm tôi phải như thế này.

Ý nói tới sự tận tụy phục vụ Hốt Tất Liệt của Toa Đô để các quan lấy thế mà noi theo. Rồi sai người đem chôn tại phía nam kinh thành.

- Ai là người đã bắn chết Toa Đô? - Vua hỏi.

Phó đô tướng Đỗ Hành quyền chỉ huy quân Thánh dực tâu:

- Khởi bầm Thánh thượng! Người đó là Phạm Ngũ Lão.

Phạm Ngũ Lão vội quỳ lạy trước sập rồng tâu:

- Muôn tâu hai Thánh thượng! Công đầu phải thuộc về Quốc công Tiết chế, người đã đem tất cả tâm lực bày binh bố trận, dẫn Toa Đô vào cửa tử. Người thứ hai là Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Người thứ ba là Đô tướng Thủy quân Nguyễn Khoái. Còn thần chỉ là người cuối cùng buông dây cung thôi ạ!

Vua Trần Nhân Tông rất lấy làm ưng ý, phán:

- Bây giờ chưa phải lúc “tranh công, đổ tội”. Nhưng trẫm đều biết cả. Gần năm mươi vạn quân Nguyên Mông còn đang ở phía Bắc. Để làm nức lòng tướng sĩ trẫm tạm phong thưởng riêng cho Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái chức Hồ oai tướng quân, tước hầu. Gọi tắt là Hồ hầu.

Tất cả các quan có mặt đều nhất tề hô:

- Thánh thượng thật anh minh.

Hưng Đạo vương bước ra tâu:

- Muôn tâu hai Thánh thượng! Con của đã thành tinh Thoát Hoan đã bị chặt gãy một cẳng là đạo quân của Toa Đô. Nay còn một cẳng nữa là Quế Sơn đã đến lúc phải chặt nốt. Lúc đó chỉ còn chiếc mai và tám cẳng xem Thoát Hoan chạy đi đâu?

- Việc này từ đầu trăm đã giao cho Quốc công Tiết chế toàn quyền khu xử - Vua Trần Nhân Tông đáp.

- Vậy thì nay lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi ba ngày để lấy lại sức và chỉnh đốn quân mã.

Sai Hồ hầu Phạm Ngũ Lão đem năm vạn quân, đánh vào trại giữa do tướng Mông Cổ A Bát Xích trấn giữ. Sai Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn đem năm vạn quân đánh trại bên tả do tướng Mông Cổ Tích Lệ Cơ Ngọc trấn giữ. Sai Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng đem năm vạn quân đánh trại bên hữu do tướng Mông Cổ Phàn Tiếp trấn giữ. Sai Hồ hầu Nguyễn Khoái đem năm vạn thủy quân từ Lục Đầu giang đổ bộ lên, đánh tập hậu vào ba trại trên để tạo thế gọng kìm và gây thanh thế cho ba đạo quân phía trước.

Tất cả các tướng sĩ còn lại chuẩn bị, sau khi chiếc còng của Quế Sơn bị chặt đứt thì tổng công kích truy đuổi quân Thoát Hoan đến cùng. Giết hoặc bắt sống được Thoát Hoan được thì càng tốt.

Tất cả các tướng có mặt đều dạ ran.

- Ta lấy thế nhân thay cường bạo. - Vua Trần Nhân Tông nói tiếp. Nay trăm có chiếu rằng, tất cả kẻ địch khi đã bỏ giáo tháo chạy, thì không ai được truy đuổi, giết chóc hoặc bắt giữ.

- Thánh thượng thật là nhân từ. Từ cổ chí kim thật là hiếm có. - Tất cả các quan đều đồng thanh hô.

Phạm Ngũ Lão đem năm vạn quân đánh trại A Bát Xích. A Bát Xích cố thủ không ra giao chiến mà sai quân bắn tên ra như mưa rào. Quân Trần không thể phá được cổng trại. Vây đánh từ sáng đến trưa thì thấy phía sau trại nổi lên những tiếng “Sát Thát”. Biết là Nguyễn Khoái đã đến trợ chiến, Phạm Ngũ Lão xuống ngựa giao cho giám mã, thân dẫn năm trăm tráng sĩ, một tay cầm mộc lớn đỡ tên, một tay cầm đại đao, áp sát cửa trại. Những nhát đao, nhát búa được vung lên. Cổng trại bửa ra một lỗ hồng lớn. Vừa lúc đó tên giám mã đã đem con tía đến. Phạm Ngũ Lão nhảy lên mình ngựa xông vào. Đi bên cạnh là Trần Quốc Toản với lá cờ thêu sáu chữ vàng. Phạm Ngũ Lão quát nhỏ:

- Quốc Toản, đệ đi lùi lại phía sau huynh.

Nhưng Quốc Toản cùng một toán thiếu niên đã hăng hái vọt lên. A Bát Xích giương cung bắn liền hai phát, một phát xuyên qua ngực Quốc Toản. Quốc Toản gục xuống trên mình ngựa. Ngũ Lão gầm lên một tiếng như xé phổi thúc ngựa lao thang tới A Bát Xích vung đao chém xuống. A Bát Xích vừa đánh vừa lùi, vây quân vây chặt lấy Ngũ Lão. Lòng căm thù dâng lên ngàn ngút. Ngũ Lão vung đao lia tứ phía. Xác giặc đổ gục như chém chuối. A Bát Xích vung đao đối địch. Là một tướng có nhiều kinh nghiệm trận mạc, chỉ kém Toa Đô và Ô Mã Nhi một hai bậc, nên trận chiến giữa hai người diễn ra ác liệt. Song Ngũ Lão đang đà hăng hái khiến A Bát Xích biết nếu càng đánh lâu thì bất lợi càng thuộc về hẳn. Sau khi chém một đao chí mạng nhằm vào đầu Ngũ Lão, A Bát Xích quay ngựa bỏ chạy. Ngũ Lão quyết đuổi theo. Khi chỉ còn cách đầu ngựa A Bát Xích đứng nửa thân ngựa, thì bất ngờ A Bát Xích quay người, chém vật lại theo kế đà đao. Với tướng khác, nhát chém ấy chắc chắn sẽ xẻ đôi phương ra làm hai đoạn. Nhưng đây là Phạm Ngũ Lão. Chàng đã đề phòng rất cẩn thận, nên khi cây đao của A Bát Xích vừa quật lại thì đã gặp lưỡi đao của Ngũ Lão đánh chặn

lại. Tiện tay, Ngũ Lão phốt lưỡi đao chéch lên. Cánh tay trái của A Bát Xích dính lưỡi đao bay khỏi cơ thể với cả một phần bả vai. A Bát Xích đau đớn nằm rạp xuống mình ngựa, thúc ngựa chạy trốn. Nhưng con tía đã sẵn đến sau lưng, Ngũ Lão lia một nhát đao xả A Bát Xích làm hai đoạn.

A Bát Xích chết lả dưới chân ngựa, nhưng đám quân Mông Cổ vẫn ngoan cường chống lại quyết liệt, gây thương vong cho quân Trần rất nhiều. Phạm Ngũ Lão quay ngựa lại. Nhằm những chỗ quân Nguyên co cụm phóng thẳng ngựa lao vào. Xác giặc dưới lưỡi đao của chàng đổ như ngã rạ. Vừa lúc đó quân của Nguyễn Khoái cũng phá toang cửa sau, ào ạt xông vào. Nguyễn Khoái không cưỡi ngựa, vung đao chém bên tả rồi bên hữu. Thấy Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái quát to:

- Hiền đệ! Tập trung quân truy đuổi Thoát Hoan đi. Bọn tàn quân này ngoan cố lắm, để Khoái mỡ giải quyết cho.

Được lời như cởi tấm lòng, Ngũ Lão tập hợp đội ngũ, tiến lên phía trước và quay đầu lại nói lớn:

- Cám ơn hiền huynh!

Thấy trại chính của A Bát Xích đã bị phá, hai trại bên của Tích Lệ Cơ Ngọc và Phàn Tiếp cũng mở cửa, tìm đường thoát thân. Ba đạo quân của Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Nghiễn và Trần Quốc Tảng thật sự là ba dòng thác lũ, chà sát quân Nguyên Mông chết hại không sao kể xiết. Nhiều kẻ đã hạ giáo quy hàng.

Hay tin Quế Sơn đã bị thất thủ. A Bát Xích đã bị Phạm Ngũ Lão giết chết, Thoát Hoan rụng rời, hết vía thúc quân tháo chạy toán loạn. Lúc này hai đạo quân của Trần Quốc Uẩn và Trần Quốc Hiện, từ Vạn Kiếp mới trở ra đón đánh quyết liệt. Bọn Lý Hăng, Lý Quán, A Lạt, Trương Hiến trước sau kèm chặt Thoát Hoan, mở đường máu chạy trốn. Qua ải Chi Lăng, dân binh của Nguyễn Lĩnh và Nguyễn Địa Lô từ hai bên sườn núi bắn chéo cánh sẻ xuống. Quân Nguyên Mông chết rất nhiều. Lý Hăng, Lý Quán phải lấy đồ đồng quân dụng như nồi, chảo, chậu... để Thoát Hoan chui vào, rồi

sai lính thiết kỵ kéo suốt hai chục dặm mới thoát ra được khỏi ải Chi Lăng. Hằng, Quán đều bị tên chết.

Phạm Ngũ Lão thúc quân đuổi riết, suốt ngày đêm. Đến ải Khả Ly (thuộc tỉnh Lạng Sơn bây giờ) thì gặp cánh quân của Trần Quốc Hiện đã tới trước. Trước cửa ải, thấy hàng ngàn người gồm đủ mọi thành phần: quân lính, dân thường, phụ nữ và trẻ em đều không có vũ khí bị quân của Hưng Trí vương giam giữ.

Phạm Ngũ Lão thúc ngựa vọt lên, ra lệnh cho bọn lính:

- Hãy thả tất cả họ ra!

Trần Quốc Hiện thúc ngựa ra chặn đường và quát lại:

- Ngũ Lão, người đừng có vọt quyền!

- Ta không vọt quyền! Đây là chiếu chỉ của Thánh thượng không ai được làm trái. - Ngũ Lão cứng cỏi đáp.

- Binh pháp có câu: “Tướng ở ngoài có quyền không phải tuân theo lệnh vua”. - Trần Quốc Hiện đáp lại.

- Đó là những lệnh hồ đồ. Còn đây là cả lượng khoan dung trời biển của Thánh thượng! Ai dám trái lệnh ta chém! - Ngũ Lão giận dữ quát.

- Ta biết sức lực và võ nghệ ta không địch lại người. Nhưng sở dĩ người có được như ngày hôm nay là nhờ ai? Nhờ ai? Nếu cha ta không ưu ái, nâng đỡ cho người từ một thằng nhà quê đan sọt trở thành Hồ hầu như bây giờ. Lại nữa, người còn là em rể ta - Trần Quốc Hiện quát lại.

- Quốc công Tiết chế đã dạy: “Quân pháp bất vi thân”. Ai không nghe lệnh vua ta chém tất. - Nói rồi Ngũ Lão gươm đao thúc ngựa xông vào đám quân của Quốc Hiện.

Biết không thể đánh lại, Quốc Hiện ra lệnh cho toán quân đó dẫn ra. Đoàn người bị giam giữ ò lên như thác lũ, vọt qua cửa ải Khả Ly. Trong đám đông đó có hơn chục cô gái da trắng, mắt xanh, tóc vàng, mặc váy ngắn đến gần bẹn, quay ngựa lại xô ra một tràng tiếng như chim hót. Rồi họ

đưa tay lên trán, xuống vùng bụng, rồi qua vai phải và vai trái. Sau đó là xì ra một loạt tiếng chim nữa. Phạm Ngũ Lão đứng ngây người không hiểu họ nói gì và các cử chỉ ấy có ý nghĩa gì. Thì bất ngờ có một thiếu phụ quay ngựa lại và cởi bỏ chàng mạng che mặt ra. Ngũ Lão bất ngờ, theo phản xạ, thốt lên:

- Công chúa An Tư!

- Phải! An Tư đây!

- Ôi! Công chúa quay trở lại Đại Việt là đúng lắm! - Ngũ Lão nói.

- Không! Tấm thân ô uế này còn mặt mũi nào nhìn thấy bàn dân Đại Việt nữa! - An Tư gần như nước nở.

- Không! Công chúa không phản bội theo giặc. Công chúa đã dám hy sinh cả tấm thân ngọc ngà của mình để làm kế dẫn binh, cho hai hoàng thượng đi... lánh nạn. Công chúa có công lớn. Cả dân Đại Việt biết mà! - Ngũ Lão nói một thôi dài, như sợ An Tư trốn chạy mất.

- Không! Trong bụng của An Tư hiện giờ đã mang cốt nhục của Thoát Hoan bốn tháng rồi! Dù thế nào thì “thuyền cũng phải theo lái...”.

Ngũ Lão thở dài, lắc đầu.

- Ngũ Lão có biết vì sao An Tư quay lại không?

- Không! Làm sao mà biết được!

- Vì Ngũ Lão đó! An Tư muốn Ngũ Lão hứa với An Tư một điều.

- Một à? Mười điều Công chúa yêu cầu Ngũ Lão đều xin hứa!

- Nếu vậy thì tốt... An Tư ước rằng nếu có kiếp sau. Kiếp sau Ngũ Lão vẫn là anh nhà quê đan sọt. Còn An Tư chỉ là cô gái hái dâu. Vậy thì chàng đan sọt Ngũ Lão có chịu cưới cô gái hái dâu đó không?

- Nếu quả có kiếp sau! Và nếu quả như lời công chúa nói thì chàng đan sọt Ngũ Lão sẽ lấy cô gái hái dâu đó.

- Ngũ Lão đã hứa như vậy là An Tư yên lòng ra đi rồi! - Nàng mỉm cười mà nước mắt chứa chan.

- À này! Vừa rồi mấy cô gái người Tiều Nga nói gì vậy. - Ngũ Lão chuyển sang chuyện khác.

- À, các cô ấy bảo: “Gửi lời cảm ơn lớn lao đến tướng quân”.

- Còn các động tác của họ có ý nghĩa gì?

- Họ cầu Chúa của họ ban phước lành cho Ngũ Lão đấy!

Nói rồi An Tư thúc ngựa đi. Nhưng mới được một đoạn, nàng đã quay đầu ngựa lại.

- Ngũ Lão này! Người Nguyên họ chưa cam chịu thất bại đâu! Rồi họ sẽ cất quân sang đánh báo thù. Mong Ngũ Lão hãy bảo trọng! - Nói xong An Tư lại quay đầu ngựa, thúc đi.

- An Tư! Nàng cũng phải bảo trọng. - Ngũ Lão gọi với theo.

An Tư dừng ngựa, quay lại nói:

- Cuối cùng thì Ngũ Lão đã chịu gọi ta là An Tư. Chứ không còn gọi là công chúa nữa rồi! Kiếp này như vậy là ta đã toại nguyện rồi... - Nói xong, nàng gạt nước mắt phóng ngựa đi thẳng.

Chính sử Việt Nam về sau không có chữ nào nói về số phận An Tư ở phương Bắc. Phải chăng đây cũng là sự vô tâm đáng trách của triều đình nhà Trần. Nhưng theo một nhánh gia phả của Trần Ích Tắc có ghi: “Công chúa An Tư đã sinh hạ cho Thái tử Thoát Hoan được hai người con trai”. Còn theo chính sử Nguyên Mông. Sau khi vua Hốt Tất Liệt băng, Thái tử Thoát Hoan không được lên ngôi. Lý do không phải Thoát Hoan bị Đại Việt đánh cho đại bại tới hai lần. Mà theo truyền thống Mông Cổ, Thái tử phải tự đi mở đất mới (nói chính xác là đi xâm lược nước khác) và lên làm vua ở đó...

Ngũ Lão vừa định thúc ngựa quay đi thì có ba bốn kỵ binh lại gần, đứng vây quanh chàng.

- Có chuyện gì thế? - Ngũ Lão hỏi.

- Dạ! Bẩm Tướng quân... Chúng tôi có chút quà mọn biếu Quận chúa. Nhờ tướng quân chuyển giúp. - Một tên nhanh nhẩu đáp.

- Quà gì? - Ngũ Lão hơi sảng giọng.

- Dạ! Không có gì! Chỉ có một chiếc áo lông cáo đỏ. Chắc của mấy cô tiểu Nga-la-tư vớt lại vì bây giờ đang là mùa hè. Mùa đông Quận chúa mặc vừa nhẹ, vừa ấm... lại chống được trời nồm.

- Quy định của ta về chiến lợi phẩm thu được thế nào?

Ngũ Lão cố ôn tồn hỏi lại.

- Dạ! Bẩm Tướng quân đã dạy. Tất cả phải tập trung rồi chia đều cho anh em. Nhớ không được quên các thương binh và gia đình tử sĩ. Cái gì to không chia được thì bán đấu giá... lấy tiền chia... Còn với Tướng quân đã có lương bổng của triều đình... không phải chia bất cứ thứ gì.

- Sao bây giờ các người lại không nghe lệnh ta?

- Dạ! Bẩm! Chỉ có chút quà nhỏ... nhờ Tướng quân chuyển giùm cho Quận chúa!

- Các người có biết trái tướng lệnh thì sẽ bị xử ra sao không?

- Dạ! Bẩm có ạ! Nặng thì chém đầu. Nhẹ thì đánh đòn!

- Đã biết thế sao còn vi phạm. Cút ngay! Lần này ta nể tình các người vừa vào sinh, ra tử mà tha cho. Không cút nhanh, ta dùng roi ngựa quật cho khắp lượt bây giờ! - Giọng Ngũ Lão đanh thép nhưng lại rất có tình.

Bọn lính cúi chào Ngũ Lão rồi “thở dài” thúc ngựa quay đi.

Chỉ trong một khoảnh khắc không dài mà Trần Quốc Hiện được chứng kiến hai sự việc xảy ra với Phạm Ngũ Lão. Quốc Hiện thúc ngựa đến sát bên Ngũ Lão đặt một bàn tay nặng chịch lên vai chàng, rồi chân thành nói:

- Bây giờ ta mới lý giải được vì sao cha ta và anh Quốc Tảng lại quý người đến như vậy!...

Hưng Đạo vương biết chắc là thế nào quân Nguyên Mông sẽ còn kéo sang đánh báo thù. Người ra lệnh các đạo quân phải bổ sung quân lính bị thương tật hoặc đã hy sinh. Ngũ Lão hiến một kế với Quốc công Tiết chế:

- Trong thiên hạ vẫn không thiếu gì người tài! Cha nên mở hội thi võ ở Giảng võ đường. Biết đâu chả kiếm được hào kiệt.

Hưng Đạo vương lấy làm tâm đắc lắm. Mùa thu, tháng Tám năm 1285, Người mở hội thi võ trong ba ngày. Cũng kén được vài chục viên tướng vào hạng dụng được. Nhưng người kiệt xuất thì không thấy.

Đến sáng ngày thứ ba, ở cổng có loa báo vào:

- Có đề hạt ở phủ tri châu vùng Tây Bắc là Nguyễn Chế Nghĩa xin vào ứng thí!

Tiếng loa từ bên trong Giảng võ đường phát ra:

- Xin mời đề hạt Nguyễn Chế Nghĩa vào ứng thí.

Đó là chàng trai trẻ, dáng người mảnh khảnh, mặc quần áo chàm. Vai đeo túi thổ cẩm, thúc vào một chú ngựa miền núi không cao lớn lắm. Vừa lúc đó trên bầu trời, có đàn vịt trời bay qua, buông tiếng kêu. Chàng trai trẻ bèn lấy cung, với tên ở sau lưng bắn liền ba phát. Ba con vịt trời rơi bịch xuống. Con nào cũng bị tên xuyên qua cổ.

Quân lính vội lượm lên trình Quốc công Tiết chế. Người lấy làm hài lòng lắm, hỏi tiếp:

- Về thương pháp của người thế nào?

- Dạ! Khởi bầm Quốc công Tiết chế. Thảo dân cũng không biết nói thế nào? Có ai ra tỉ thí với thảo dân độ dăm bảy chục hiệp thì... Quốc công Tiết chế mới rõ được ạ!

Hưng Đạo Vương hỏi:

- Ai muốn ra thi võ với Nguyễn Chế Nghĩa?

Không ai trả lời. Người muốn trêu đùa Khánh Dư nên quay sang bảo.

- Tướng thủy quân thử ra so tài với Chế Nghĩa xem sao?

- Như ta đây là Nhân Huệ vương đô tướng trấn thủ ở một vùng quan ải trọng yếu nhất nước, lại đi so tài với một tên “Thổ mù” sao?

- Sao người khinh người quá đáng như vậy? - Hưng Đạo vương trách. - Trước đây người cũng đã xúc phạm Ngũ Lão. Nay Ngũ Lão một bước lên tước hầu, chẳng phải là bài học nhỡn tiền đó sao?

- Ta có là kẻ đốt than đi chằng nữa cũng là quý tộc. Còn Ngũ Lão dù có là Hồ hầu hay gì gì đi nữa thì vẫn là tên nhà quê đan sọt mà thôi. - Khánh Dư cũng không vừa.

- Người là người văn võ toàn tài. Nhưng không thấu hiểu câu ca dao:

“Con vua thì lại làm vua,

Con sãi nhà chùa đi quét lá đa.

Bao giờ trời nổi cơn qua,

Con vua thất thế lại ra quét chùa”

đó sao? Mới gần đây thôi cha ông chúng ta cũng chỉ là các ngư phủ tầm thường. Thời thế tạo anh hùng, người mới trở thành quý tộc. Người phải nên hiểu rằng “Chở thuyền cũng là dân. Mà lật thuyền cũng là dân” - Hưng Đạo vương giải thích một thôi một hồi.

- Vị vương gia kia không phải là coi thường thảo dân. - Nguyễn Chế Nghĩa cũng không vừa, chỉ lên võ đài nói - Mà sợ không địch nổi ngọn giáo này!

Trần Khánh Dư tức sùi bọt mép quát:

- Thằng “Thổ mù oắt con” kia! Rồi có ngày ta xé xác người ra cho quạ rĩa. - Nói rồi hăm hăm bỏ võ đài bước xuống, quát giám mã dắt con bạch

mã ra. Hưng Đạo vương ngạc nhiên hỏi lại Chế Nghĩa:

- Người đã giao đấu với Nhân Huệ vương hồi nào?

- Dạ! Bẩm, chưa lâu. Mới cách đây chừng nửa tháng. Vị vương đó vi phạm luật. Săn thú trong mùa sinh sản. Thảo dân theo trách nhiệm ra yêu cầu thì suýt bị vị vương đó chém mất đầu. May mà thảo dân có chút bản lĩnh mới giao đấu với vị vương đó năm bảy chục hiệp, bất phân thắng bại ạ!

Hưng Đạo vương vô cùng ngạc nhiên hỏi lại:

- Người không nhớ nhầm đấy chứ?

- Dạ! Bẩm vị vương đó chân dài có đường gươm tuyệt luân, thiên hạ ít người địch nổi ạ!

- Vậy bây giờ người có dám so tài với Phạm Ngũ Lão vài chục hiệp chẳng? - Hưng Đạo vương hỏi tiếp.

- Khởi bẫm Quốc công Tiết chế Ngũ Lão là Hồ hầu, e rằng thảo dân chỉ cự được dăm ba chục hiệp là cùng thôi.

- Được! Cứ thử cho bản vương xem bản lĩnh và thương pháp của người ra sao, để còn có cơ sở mà bố nhiệm. Đao thương vô tình. Bởi thế trước lúc giao đấu mũi giáo của Chế Nghĩa đã được bịt gỗ lại. Còn Ngũ Lão chỉ được dùng sống đao.

- Tiền chủ hậu khách. Xin mời Hồ hầu hiền huynh ra đao trước. - Chế Nghĩa nói.

- Ta lại muốn nhường đệ trước ba thương. - Ngũ Lão đáp.

- Vậy thì đệ không khách khí nữa! - Vừa dứt lời Chế Nghĩa đã phóng thẳng mũi thương vào ngực Ngũ Lão. Ngũ Lão vừa né tránh thì mũi giáo lại như con mãng xà phóng thẳng vào yết hầu, nhanh như chớp. Ngũ Lão vẫn không đưa đao lên đỡ, mà né người qua một bên. Lập tức mũi thương lộn xuống, nhằm trúng bụng mà trở tới. Đó đã là thương thứ ba rồi nên Ngũ Lão đưa đao ra gạt. Nhưng Chế Nghĩa đã thu thương lại rất nhanh, đâm ngược lên. Ngũ Lão biết là gặp phải tay không vừa nên bắt đầu trở đến oai,

vừa đón đỡ, vừa vung đao đánh trả. Chế Nghĩa không hề nao núng, ăn miếng trả miếng rất nhanh. Hưng Đạo vương trên võ đài vỗ tay cổ vũ cho Chế Nghĩa và hô lớn:

- Thương pháp của người này không kém gì thương pháp của Trần Bình Trọng năm xưa.

Được ngoài ba mươi hiệp Ngũ Lão trở thần oai, Chế Nghĩa khôn ngoan không đưa thương ra đón đỡ, mà luôn né tránh rồi nhằm các khe hở ở nách, ở bụng phóng giáo tới. Tuy nhiên cũng chỉ được hai chục hiệp nữa, Chế Nghĩa bắt đầu thở gấp, Hưng Đạo vương ra lệnh khua chiêng dừng trận đấu.

- Thương pháp của đệ lạ lắm! - Phạm Ngũ Lão khen.

- Thần oai của huynh quả thật đệ không trụ nổi. - Chế Nghĩa thật thà đáp lại.

- Nhưng tài thần tiễn của đệ thì thiên hạ vô địch!

- Cũng không thể so với gân sức của huynh được. Một nửa ba trăm bước thì tên của đệ đã không bắn với tới được. Ấy vậy mà ba trăm bước, huynh vẫn bắn xuyên qua gáy Toa Đô thì chẳng khác nào Hậu Nghệ bắn mặt trời khi xưa.

Tất cả đều cười vang. Hưng Đạo vương phán:

- Nguyễn Chế Nghĩa! Ta phong cho người chức Đô úy, người có nhận không?

- Dạ! Khởi bẫm Quốc công Tiết chế! Chế Nghĩa tham gia giết giặc Nguyên Mông đâu có vì chức tước, lợi lộc.

- Được nếu vậy thì ba ngày nữa, người theo Phạm Ngũ Lão về Vạn Kiếp, để Ngũ Lão truyền bảo quân phong, quân kỷ cho người. Còn các tướng - Hưng Đạo vương nói tiếp - Sau ba ngày dạo chơi ở kinh thành, ai về vị trí đó, thao luyện binh sĩ, chuẩn bị đón đánh quân Nguyên Mông sang báo thù.

Tất cả tướng sĩ dạ ran...

Phạm Ngũ Lão rủ Nguyễn Khoái cùng Nguyễn Chế Nghĩa dạo chơi khắp kinh thành. Ngũ Lão và Nguyễn Khoái đánh quần nâu áo vải của người thợ cày, còn Chế Nghĩa thì vận áo chàm, vai đeo túi thổ cẩm. Cả ba la cà khắp phố xá kinh kỳ. Lúc cuốc bộ, lúc lên thuyền dạo khắp ngõ ngách của phố phường. Gần xẩm tối, Nguyễn Khoái nói:

- Đi đã hoa mắt! Rạc căng rồi! Phải vào quán nào kiếm chén rượu, không khát khô cả họng đây này!

Ngũ Lão cười lớn nói với Chế Nghĩa:

- Hiền huynh không thích gì ngoài rượu đâu! Thôi bây giờ ta thuê thuyền lên thẳng Hồ Tây. Trên đó có quán bán nguyệt có món rượu ngâm chân sâm cầm và cá chép vây vàng, khắp nước không đâu sánh bằng.

Trời vừa sập tối thì ba vị khách ngồ ngộ bước vào quán. Quán có hai tầng. Tầng một là hầm để rượu. Tầng hai hình bán nguyệt vươn hẳn ra mặt nước. Chủ quán là một người đàn ông đã đứng tuổi vẻ thờ ơ hỏi:

- Các vị cần gì?

- Chúng ta muốn thuê cả quán tối nay - Ngũ Lão nói.

- Giá cao lắm! - Các vị có chịu nổi không?

- Cao là bao nhiêu? - Ngũ Lão hỏi - Tính bằng tiền hay bằng ngân lượng?

- Tiền hay ngân lượng đều được cả. Nhưng rất đắt.

- Một túi vàng cốm này có được chăng? - Chế Nghĩa lôi từ túi thổ cẩm ra một túi cát màu vàng, nặng chừng một cân.

Chủ quán vốc ra xem, thấy các hạt kim loại sáng ánh thì bán tén, bán nghi bảo:

- Nếu các vị có tiền thì tốt.

- Được. Có ngay! Năm mươi quan có đủ không? - Ngũ Lão nói.

- Xin quý vị đặt trước.

Ngũ Lão móc trong túi áo nâu ra năm mươi quan tiền mới cứng đặt vào tay chủ quán, không quên nói thêm:

- Chúng ta thuê cả quán tối nay đây nhé! Thiếu bao nhiêu, chúng ta bù thêm.

- Dạ! Cũng tạm đủ ạ! Có thiếu thì cũng in ít thôi. Khoảng một hai chục nữa là cùng.

Ba người đặt đít xuống thẳng sàn gỗ cắm lai sặc sỡ sắc màu như tranh vẽ. Nguyễn Khoái đã quát chủ quán đem rượu ra:

- Mang ra vài vò trước! Các món ăn tính sau. Uống đến hết đêm cơ mà.

- Dạ, vâng! Có ngay! Có ngay!

Một đĩa tré chùng mười bốn, mười lăm bưng ra một vò sành, to gần bằng thùng gánh nước và ba chiếc bát sứ. Nguyễn Khoái tranh lấy rót ra và hít hà khen rượu ngon và nặng, cảm tấm được.

- Mời hai hiền huynh - Chế Nghĩa bưng bát rượu lên ngang mặt nói.

- Mời mọc mẹ gì! Cứ uống đi! - Nguyễn Khoái vừa nói vừa uống hết veo bát thứ nhất, rồi lại tự rót ngay tấp lự cho mình bát thứ hai.

Phạm Ngũ Lão vừa nâng bát lên miệng thì phía cửa ngoài có tiếng ồn ào. Rồi chủ quán mặt tái mét bước vào, lấp bắp thưa:

- Dạ! Dạ! Xin ba vị thứ lỗi cho, đi quán khác. Có cháu Nhân Huệ vương và đồng bọn đòi vào... Chúng nói các vị không đi thì chúng đốt quán. Dạ! Chúng không dọa suông đâu! Chúng nói là làm đấy!

- Cái gì cũng phải có tôn ti trật tự. Ai đến trước thì thuê trước. Ngoài ra còn có vương pháp nữa chứ? Đốt là đốt thế nào? - Ngũ Lão vặc lại.

- Dạ! Bọn này cậy quyền. Cậy tiền, cậy thế không gì là chúng không dám làm đâu ạ! Quán mới mở lại. Mấy tháng trước đây, thi thoảng Ô Mã Nhi có đưa mấy cô đầm nhí Tiểu Nga-la-tư đến ăn uống phè phỡn. Có ghi sổ đến cả chục lần mà đã thanh toán được đồng nào đâu? Nay bọn này mà đốt quán thì gia đình tôi chết đói hết.

- Có chúng ta ở đây, ông không phải lo. Nếu chúng dám đốt thật thì ta đền cho ông cái sừng tê giác đen này. - Nguyễn Chế Nghĩa vừa nói vừa rút ra từ trong túi thổ cẩm một chiếc sừng cong, đen bóng đặt xuống sàn. - Nó không chỉ giá vài ngàn lượng vàng mà có thể đổi được một tước quan đấy! Đây là của gia bảo của ông cha ta để lại.

Ở ngoài tiếng ồn ào càng nổi lên dữ dội. Đã có vài ba khuôn mặt non choẹt nhưng trông dữ dằn và ngông ngạo thò vào. Một tên quát lớn:

- Bọn mi rút ra khỏi quán ngay! Chúng mày đừng làm bẩn chỗ ăn chơi của các ông chúng mày đây!

Nguyễn Khoái vừa tợp xong bát rượu thứ ba thì dùng dùng nổi giận, gầm lên một tiếng và đứng bật dậy. Ngũ Lão biết nếu để Nguyễn Khoái lao ra ắt phải có vài ba án mạng.

- Hiền huynh cứ ngồi xuống và uống tiếp đi! Đệ để ta khu xử với bọn chúng - Ngũ Lão nói.

Vừa thấy cái bóng to lớn xù xì trong bộ quần áo nâu của thợ cày thì tất cả nhao nhao lên:

- Thằng nhà quê rút đi! Trả quán cho các bố mày!

Ngũ Lão vẫn điềm tĩnh đáp:

- Quán này chúng ta đã trả tiền thuê trọn tối nay rồi! Nếu cần các em đi quán khác.

- Đồ nhà quê! Ai là em của chúng mày hả? - Sau câu “hả” là một trận mưa gậy đập xuống đầu, xuống vai Ngũ Lão. Ngũ Lão gồng người cho chúng đập chán tay, gậy gậy mới thùng thảng đáp:

- Thế nào? Đã đủ hả giận chưa? Bây giờ đi tìm chỗ khác được rồi chứ?

Thấy người Ngũ Lão như tượng đồng thau, cũng đã có tên thấy chờn chờn. Nhưng tên cầm đầu, đứng ở phía xa, chênh chếch với Ngũ Lão đôi chút thì tỏ ra chưa chịu, quyết muốn “ăn thua” một chuyện. Nghĩ rồi, hăn lạng lẽ lấy cung, rút tên nhắm vào giữa bộ ngực vạm vạp của Ngũ Lão bắn

thăng vào một phát. Nghe tiếng tên ra đánh “tách”, Ngũ Lão vội né người, thuận tay bắn được mũi tên. Rồi không nén nổi giận, Ngũ Lão nhắm về hướng đứa vừa bắn, nhắm vào vai trái phóng mũi tên đến.

Thằng khốn: “Ồi!” lên một tiếng ôm lấy vai chạy bổ ra đường, kêu âm ỉ:

- Ôi có kẻ giết người! Có bọn cướp giết người!

Bọn đàn em cũng chạy xuống theo và cùng đồng thanh la. Có ánh đuốc lớn tiến đến cùng đội quân Thánh dực do phó tướng Đỗ Hành đi tuần thấy chuyện huyền náo thì vội chạy đến. Thấy mũi tên còn cắm trên vai đứa cháu gọi Nhân Huệ vương là cậu ruột thì Đỗ Hành vội lao lên quát. Nhưng rồi Đỗ Hành không ngờ thốt lên:

- Hai vị Hồ hầu và tân Đô úy! Sao lại ngồi đây và ăn vận thế này!

- Chẳng lẽ chúng ta không có quyền ngồi đây và ăn vận thế này sao? - Ngũ Lão vặc lại.

- Hồ hầu hiểu lầm ý tôi rồi! Ý tôi muốn nói là các vị ăn mặc như thế khiến bọn con cháu nhà quý tộc hiểu lầm nên tỏ ra hỗn láo. Để tôi ra bảo và đuổi chúng nó đi!

Nói rồi Đỗ Hành phăm phăm chạy xuống. Một tay đặt ở đốc đao, tay kia chỉ vào mặt mấy thằng mất dạy:

- Chúng mày có biết là đang vuốt râu hùm không? Ba vị trên kia đâu phải là hai thằng nhà quê. Đó là Hồ hầu Nguyễn Khoái, Hồ hầu Phạm Ngũ Lão và tân Đô úy Nguyễn Chế Nghĩa đó. Cút ngay, không tao cho lính bắt giam chúng mày lại bây giờ.

- À, ông nhớ lấy nhé! Để rồi tôi sẽ báo với cậu tôi. Ông dám dùng quân Thánh dực vào hùa với bọn nhà quê để bắt nạt con em quý tộc! Ông đừng có mà hối, mà chối đấy!

Mặc dù vai còn đau nhức nhưng thằng mất dạy vẫn già họng đe dọa. Sau khi ra vẻ cứng, chúng vội vàng kéo nhau chạy về phủ Nhân Huệ vương.

Lúc này Trần Khánh Dư đang “chén tạc, chén thù” với Đỗ Khắc Chung cùng các “chiến hữu” trong phe cánh và một lũ người đẹp đến mê hồn. Thăng cháu ôm cánh tay chạy vào, khóc rống lên:

- Cậu ơi! Hãy báo thù cho cháu!

- Đứa nào dám bắn tên vào vai mày thế này! Để tao lột xác hẳn ra. - Trần Khánh Dư gầm lên.

- Dạ! Thưa cậu thăng đan sọt và thăng nhà quê Nguyễn Khoái, cùng thăng Thổ mù Nguyễn Chế Nghĩa. Chúng nó chiếm quán gió bên hồ Tây của chúng cháu. Chúng cháu đòi lại thì bị chúng hành hung ạ!

Đang nổi giận phùng, tưởng có thể xông ra xé xác kẻ đã dám “mạo phạm” tới cháu mình, đột nhiên, rất đột nhiên Trần Khánh Dư đổi giọng, rít qua kẽ răng:

- Mày là đồ ngu! Mày có biết bây giờ là thời thế nào không? Là thời thế phải chống giặc Hồ. Bởi thế phải cần đến cái “cổ cày, vai bừa” cái “vai u, thịt bắp” của bọn nhà quê. Mày hiểu chưa? Chỉ một mình giới quý tộc chúng ta thì làm sao chống được giặc. Hãy đợi đấy! Vài năm nữa yên hàn trở lại, lúc đó bọn nhà quê kia hết thời, mới đề đầu cưỡi cổ, trừng trị chúng nó được... May mà nó chỉ phóng tên vào vai mày! Chứ có phóng xuyên qua cổ họng mày thì lúc này cậu chỉ có mà “biết khóc đưa mày ra đồng” chôn thôi!...

Trở lại chuyện Đỗ Hành trở vào quán, hi há nói với ba người:

- Tôi đuổi chúng nó đi rồi!

Rồi gọi chủ quán đến giới thiệu các vị thực khách, rồi không quên nói thêm:

- Hôm nay ông có mang hết cả mấy vò rượu chân sâm cầm cùng các món ăn ngon nhất ra đây, đãi ba vị này, không lấy tiền cũng là phúc lớn được gặp một lần trong đời đó.

Người chủ quán: “Dạ! Dạ!” liên hồi.

Ngũ Lão mời Đỗ Hành cùng ngồi uống cho vui. Nhưng vừa bưng bát rượu lên, Đỗ Hành đã hắt ra sau và quát lớn:

- Không bê hết các vò chân sâm cầm ra đây, ta cho lính phá quán bây giờ.

Mới uống được một tuần, Đỗ Hành đã cáo từ:

- Xin mời hai vị Hồ hầu và tân Đô úy cứ ăn uống suốt đêm. Tôi còn phải thúc quân đi tuần. Kinh thành mới giải phóng, cũng có nhiều chuyện cần giải quyết lắm.

Đứng lên Đỗ Hành gọi chủ quán ra một góc, dúm vào túi áo ông ta một trăm đồng và nói nhỏ:

- Nhớ hầu hạ ba vị thượng khách cho chu đáo. Sáng mai, tôi quay lại, thừa thiếu thế nào sẽ thanh toán sau.

Đỗ Hành đi rồi, thái độ của chủ quán tỏ ra kính cẩn hơn hẳn. Ngoài mấy vò rượu chân sâm cầm, ông ta giới thiệu một loạt đặc sản của hồ Tây và bảo:

- Nếu chưa vào quán gió, chưa ăn các món này với rượu sâm cầm thì coi như chưa tới kinh thành Thăng Long.

Rồi ông ta bắt đầu kể về những ngày được tiếp (và phải tiếp) Ô Mã Nhi như thế nào.

- Lần đầu tiên trông thấy hẳn tôi đã giật nảy mình tưởng là quái vật bước vào quán, với chiếc áo lông cừu to trùm từ đầu đến chân. Chả là lúc đó vào giữa mùa đông mà. Khi “chiếc chăn” lông cừu được vớt xuống sàn, chiếc bụng trắng hếu to như chiếc trống cái hiện ra, rồi mới đến hai cặp vú chảy sệ như vú bò sữa. Khuôn mặt tròn trĩnh với cặp mắt sắc, cái miệng với hai hàm răng khỏe lúc nào cũng cười cười. Theo sát hẳn là một lũ “hồ li tinh” mắt xanh, mũi lõ, da trắng, tóc vàng vận áo bành tô bằng lông cáo đỏ, nhẹ và ấm. Khi những chiếc áo bành tô được trút ra, chao ôi là những cặp đùi trắng ngần, dài đến sát bẹn làm lóa cả mắt. Cái món mà Ô Mã Nhi thích nhất là kiếm cho hẳn một con ba ba to bằng cái mâm đồng lớn. Cắt ra

chừng hai lít tiết hòa vào rượu để hẩn uống. Lũ con gái tiểu Nga-la-tư thì chỉ nốc rượu trắng, chứ rất sợ món tiết ba ba. Rượu vào. Ô Mã Nhi ôm lấy cây đàn Balalaica, gần giống như chiếc đàn đáy của ta, dạo mấy nốt, rồi bắt ngờ chơi một bản nhạc rất bốc. Thi thoảng lại vỗ tay vào hộp đàn. Lũ tiểu yêu vây quanh múa như điên, như cuồng, những chiếc váy xoay tròn ra, để lộ rõ những chiếc quần lót bé tẹo, mỏng dính màu trắng muốt. Cả tôi và lũ hầu bếp cứ trở mắt ra nhìn Ô Mã Nhi với đôi chân vòng kiềng do đi ngựa từ nhỏ to như hai cột đình, ấy vậy mà nhảy rất khéo và dẻo mới lạ chứ. Một lần sau đã hơi quen quen Ô Mã Nhi còn bắt nhảy cùng. Chúng tôi xéo vào chân lũ Tiểu Nga-la-tư kêu đau oai oái.

Sau chiều rượu là tới bữa ăn. Ô Mã Nhi khoái khẩu nhất là món ba ba nấu ốc, đậu phụ, thịt ba chỉ và chuối xanh. Còn lũ con gái Tiểu Nga-la-tư thì thích món cá chép vây vàng om dưa, chấm với bún. Khi đã no say rồi Ô Mã Nhi nằm ườn ra sàn, lũ con gái Tiểu Nga chèo lên người lão, đùa nhau chí chóc, lúc trời lên lúc tụt xuống như đàn lợn bột, tranh nhau bú tí con lợn nái. Không bao giờ chúng ân ái với nhau ở trong quán. Hình như hẩn chờ đến lúc trở về lều. Thoát Hoan thì ngủ trong cung điện. Còn Ô Mã Nhi và lũ con gái Tiểu Nga thì chỉ ngủ ngoài lều da dê, dưới lót đệm lông cừu. Hẩn vào quán hơn mười lần, mà chưa thanh toán được lần nào. Sau mỗi lần hẩn bảo đưa quyển sổ nợ ra, vẽ vào đó một con ó lớn, ngồi trên lưng một con ngựa nhỏ. Nghe nói sau trận Chương Dương hẩn một mình một thuyền trốn ra biển và làm mồi cho cá mập rồi thì phải. Thôi thế cũng là thoát một cái nợ.

- Hẩn chưa chết đâu! - Nguyễn Khoái lè nè đáp - Nghe thám mã từ Liễu Châu báo về, hẩn vẫn còn sống nhăn răng và thề sẽ sang đánh báo thù.

- Ôi! Thế thì quán tôi lại đến sập tiệm với hẩn.

- Ông khỏi lo! - Phạm Ngũ Lão vừa cười vừa trở vào Nguyễn Khoái - ông cứ đái ông này một châu say túy lúy vào, ông ta sẽ đuổi Ô Mã Nhi không cho vào kinh thành.

- Đúng! Lần này hẳn có sang, chắc chắn là ta và đệ sẽ phải “làm lông” hẳn. - Nguyễn Khoái cười đáp.

- Nếu quả đúng như thế thì tối nay, tôi sẽ không lấy tiền các vị.

- Việc đuổi hẳn, thậm chí là “làm lông” hẳn như hiền huynh ta nói là việc của triều đình giao cho chúng ta. Còn việc chúng ăn uống ở đây thì phải trả tiền sòng phẳng.

- À, vừa rồi vị khách - lão chủ quán định gọi Nguyễn Chế Nghĩa là “Thổ mù”, may chữa lại thành -... trẻ tuổi có khoe chiếc sừng tê giác gia truyền. Bây giờ có thể cho tôi ngó qua một tí được chăng?

- Được chứ! - Nói rồi Nguyễn Chế Nghĩa thò tay lấy ở chiếc túi thổ cẩm vẫn đeo trên nách trái ra một chiếc sừng gốc to như gốc măng, nhưng không mọc thẳng, mà đến nửa chừng thì bẻ cong cong xuống, rồi chàng giải thích. - Đây là sừng con tê giác già đến bảy mươi năm. Thường loài tê giác chỉ sống được khoảng trên dưới sáu chục năm. Sừng tê tốt phải là sừng của con bốn chục tuổi trở lên.

- Công dụng thế nào mà các vị vua chúa “tôn sừng” nó thế?

Viên chủ quán hiểu kỳ hỏi.

- À, thực ra công dụng của nó cũng thường thôi! Chủ yếu là do đồn thổi mà nên. Tuy nhiên đầu tiên, công dụng của nó là sát độc. Trước khi con tê giác uống nước nó thường lấy sừng thả xuống, ngoáy một lúc cho nước tiêu các tạp chất bẩn hoặc các loại lá độc như lá han, lá lim, rồi mới uống. Công dụng thứ hai chữa mụn nhọt sốt cao. Chỉ cần mài ra một chút nước trắng như nước vo gạo, trẻ con mụn nhọt hoặc sốt cao uống vào là khỏi liền... Còn các vua chúa thì đồn rằng, mài sừng tê ra uống hàng ngày có thể ân ái với cả chục mỹ nhân một đêm mà không hề mệt mỏi. Bởi thế các triều đình phong kiến phương Bắc thường bắt ta phải cống sừng tê cho bọn họ.

- À, ra thế! Hèn nào mà Ô Mã Nhi có cả một tá cô đầm non Tiểu Nga, mà vẫn khỏe như vâm...

- Ấy là chuyện đồn thổi thôi! - Nguyễn Chế Nghĩa giải thích tiếp.

- Đệ chỉ cần dâng chiếc sừng tê này cho hai Thánh thượng là lập tức được phong quan tước liền - Phạm Ngũ Lão nhắc lại lời nói khi mới vào quán.

- Thánh thượng dùng làm gì? - Nguyễn Chế Nghĩa hỏi lại.

- À, một là để dùng... Hai là để làm cống phẩm. Dù thế nào thì... dù ta có thắng Nguyên Mông cả chục lần đi nữa thì muốn “quốc thái dân an” hàng năm vẫn phải triều cống cho họ. Mà Hốt Tất Liệt trông thấy chiếc sừng tê này của đệ, chắc là mắt phải sáng lên. Nghe nói thời Mã Viện sang đàn áp khởi nghĩa Hai Bà Trưng, mang về bao nhiêu là đồ quý hiếm. Ấy vậy mà vua Hán Quang Vũ đem vứt hết cho thú hạ chỉ giữ lại độc chiếc sừng tê mà thôi... Bởi vậy, đệ phải giữ cho khéo, không để bị mất trộm lăm đây, nhất là đất kinh kỳ này...

- Thôi để ngày mai, đệ nộp cho Quốc công Tiết chế!

- Phải! Đúng đây! Để Quốc công Tiết chế sung vào kho báu vật quốc gia.

- Nhưng đệ không nhận quan tước đâu nhé! Làm trai phải lập công danh ở nơi chiến trường, chứ dựa vào cái sừng tê thì... hèn quá.

- Đúng! Đệ nghĩ như vậy là phải. - Ngũ Lão nói.

- Nghĩ gì? Phải gì? Uống đi! uống đi lúc này mới là phải - Nguyễn Khoái lè nhè để vào.

Phạm Ngũ Lão ra hiệu cho Nguyễn Chế Nghĩa đừng để ý gì đến lời nói của Nguyễn Khoái, rồi tỉ tê hỏi:

- Thế đệ kể lại trận tao ngộ với Trần Khánh Dư nửa tháng trước đây xem thế nào?

- Vâng! Đây là trận đấu sinh tử lần đầu đệ giáp mặt. Nếu bản lĩnh kém một ly, một lai thì bữa nay đã không được hầu rượu hai huynh rồi!

Bưng bát rượu chân sâm cầm lên tợp một ngụm, và gắp một cái chân ba ba, định dứt vào miệng, nghĩ thế nào, Nguyễn Chế Nghĩa lại đặt vào lòng bát, và trầm ngâm nhớ lại. - Khi đó đệ đi tuần rừng theo lệnh của quan tri

châu. Vì mùa thu là mùa sinh sản của thú rừng, cấm săn bắn. Ấy vậy mà ở góc rừng đó, tiếng chó săn sủa, cùng nhiều tiếng huyên náo suốt từ sáng sớm. Khi đệ vào đến cửa rừng cũng là lúc đoàn người đi săn đi ra. Đi đầu là một vị cưỡi ngựa trắng, đội mũ có cắm lông công, trên vai ngẫu nghện một con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp to hơn con ngỗng lớn. “Ai cho các người vào săn vào mùa này?” - Đệ hỏi. Đáp lại không phải là tiếng trả lời, mà nhanh như chớp một nhát trường kiếm ngang người đệ. Như người khác chắc chắn là mất mạng rồi. Đệ phải nằm ngựa hết cỡ, lưng sát xuống lưng ngựa, nhưng vẫn cảm thấy hơi lạnh của đường gươm lướt qua mặt. Theo phản xạ, đệ thò tay rút cây thương gài dọc theo thân ngựa. Vừa nhô người lên thì nhận ngay đường gươm chém vật lại. Đệ đưa thương lên gạt. Đường gươm quá mạnh khiến người đệ chúi xuống. Biết là gặp phải cao thủ, đệ giật ngựa lùi lại và trở thân oai ra đánh trả. Đường thương của đệ khi lên, khi xuống lấp lánh như ánh hoa lê bay trước mặt đối phương. Lúc vờ lộn ra sau, nhưng ngay tức thì xia thẳng vào mặt. Có lúc đệ xia ngọn thương vào hai bên nách khiến đối phương phải giật ngựa tránh liên hồi... Nhưng đường gươm của đối phương cũng thật uyển chuyển và dũng mãnh. Khi vừa nhắm vào cổ chém xuống, đệ vừa tránh được lập tức lật cánh chém ngược bên mang tai. Đệ càng đánh càng hăng vì lâu lắm không được gặp đối thủ ngang tầm, ngang sức. Quần nhau chừng ngoài năm chục hiệp đối thủ có phần hơi núng, bèn giật ngựa lùi lại và bảo:

- Người là ai mà thương pháp không kém gì Trần Bình Trọng năm xưa?

- Ta là đề hạt ở vùng này! Được lệnh của tri châu đi bắt những kẻ săn trộm như ngươi!

- Không được vô lễ! Đến tri châu của người trông thấy ta ở đây, cũng phải quỳ mọp dưới chân con bạch mã này!

- Vậy thì ngươi là ai?

- Là ai thì ngươi sẽ biết sau! Ta chỉ có một yêu cầu thế này: nếu ngươi về làm thuộc hạ cho ta thì rượu ngon, gái đẹp... Sơn hào hải vị... Tiền, vàng... Sẽ không thiếu thứ gì!

- Về làm thuộc hạ cho người ư? Không bao giờ. Mà người có nằm mơ chuyện đó cũng không xảy ra... Nhưng sắp tới ta sẽ về kinh, ứng thí làm lính cho Quốc công Tiết chế để phá giặc Nguyên Mông.

- Được! Không uống rượu mời thì... phải uống rượu phạt! Bay đâu. - Hãn ta chỉ huy bọn lâu la chường dăm chục đứa. - Hãy cùng ta bắt sống thằng này lại! Không bắt được thì giết! Không tha!

Đệ liếc mắt nhìn lên cây dẻ gai ở bìa rừng, trên đó lũ sóc đang chuyền từ cành này sang cành kia, nhả quả. Thương thay cho chúng nó phải làm vật hy sinh. Đệ bèn lấy cung, lắp một lúc ba mũi tên nhằm về hướng cây dẻ gai. Dây cung nhả ra, ba con sóc đều bị tên xuyên qua đầu rơi xuống. Và ngay lập tức đệ lại lắp ba tên khác, chĩa cung vào ngực quan thầy của bọn chúng quát lớn:

- Đứa nào xông lên! Tính mạng của chủ chúng mày cũng sẽ như các con sóc này!

Tất cả đều thất kinh, im như thóc. Đệ giật ngựa bước lùi mấy bước, rồi rẽ vào đường mòn, phóng mắt hút vào rừng... Đến hôm ra thi võ đệ mới rõ người cưỡi ngựa trắng đó chính là Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư. Vị quý tộc ăn chơi khét tiếng ở kinh thành, mà ngay ở chốn “rừng xanh, núi đỏ” cũng nghe danh.

Phạm Ngũ Lão thở dài mà rằng:

- Quý tộc cũng có dăm bảy loại... Thân phận chúng ta chỉ biết xả thân vì Đại Việt... Sau này yên hàn rồi thì ai về nhà nấy, sống cuộc sống như ngày xưa.

- Anh em nhà các người cứ đa sự mãi! Ăn chả chịu ăn. Uống chả chịu uống. Để mình ta thế này... buồn chết. - Nguyễn Khoái cắt ngang câu chuyện của hai người.

Ba người cùng bưng bát rượu lên, làm động tác như vái nhau rồi đưa bát lên môi.

- Rượu chân sâm cầm thật là tuyệt. Sau này, đại phá xong Nguyên Mông, thi thoảng chúng ta cùng ra đây, nhâm nhi một tối cũng thấy được lắm! - Nguyễn Khoái nói tiếp.

- Nhất định rồi! Đệ sẽ xin mỗi năm mời hiền huynh và đệ ra đây một lần.
- Ngũ Lão nói.

- Thế thì quá ít. - Nguyễn Khoái chê. - Phải mỗi tháng một lần. Hoặc ít ra là xuân, hạ, thu, đông... mỗi mùa một lần mới đúng chứ!

- Hiền huynh muốn sao, đệ đây cũng xin chiều đủ. Duy chỉ mỗi ngày một lần thì đệ xin chịu. - Ngũ Lão đáp cả ba cùng khoái chí cười phá lên.

Rạng sáng. No nhưng không ai say. Cả ba cùng đứng lên. Ngũ Lão gọi chủ quán ra thanh toán tiền. Vị đó ở dưới tầng hầm lật đật chạy lên, xoa xoa tay vào nhau nói:

- Tướng quân Đỗ Hành đã đặt cho quán một trăm đồng rồi! vẫn còn thừa ba chục. Khi nào ngài ấy qua. Chúng tôi sẽ đưa lại. Còn năm chục tiền đặt tôi xin được trả lại Hồ hầu.

- Ờ, cái tay Đỗ Hành này cũng được đấy nhỉ! Nếu không có hãn tối qua, không khéo ta ra đấm chết vài thằng oắt con mất dạy đó.

- Hiền huynh chỉ được cái “khẩu xà” thôi! Đệ đã thấy huynh bạt tai đá đít ai bao giờ đâu. - Ngũ Lão nói.

- Ừ, nhưng tối qua ta tiếc quá! Chúng dám bảo chúng ta là gì ấy nhỉ?... À, là lũ muzich... tiếng Nga-la-tư là đồ nhà quê. Mẹ chúng nó chứ! Không có nhà quê... thì lấy đâu ra kinh thành. Không có dân nhà quê bán mặt cho đất, bán lưng cho trời... thì lũ chúng nó cứt cũng chẳng có để mà đổ vào miệng...

Lần đầu tiên Phạm Ngũ Lão thấy Nguyễn Khoái xô ra một tràng, mà lời lẽ cũng sắc sảo ra trò, bèn đùa:

- Đúng là rượu vào lời ra!

- À, mà lại... muốn bênh chúng nó hả?

- Đệ đùa đấy! Vui nên muốn trêu huynh một chút! Bây giờ huynh thuê thuyền về thủy trại chứ?

- Ừ, còn các đệ?

- Hai đệ thuê xe ngựa về phủ Quốc công Tiết chế! Đang phải ở rể. Đất của cái chức Hồ hầu thì đã được triều đình cấp rồi. Nhưng chưa có thời gian và tiền bạc để cất dinh thự riêng.

Nguyễn Khoái:

- Huynh cũng được cấp một miếng như đệ nhưng huynh không lấy. Huynh chỉ muốn về quê, có mấy mẫu ruộng, một căn nhà ba gian hai trái. Thích nhất là có cái lò nấu rượu. Còn thanh đao thì treo trên tường. Có giặc đến, triều đình cho gọi là xách đao đi...

- Ôi! Đúng là “bách nhân, bách tính” các cụ nói chẳng có gì sai bao giờ. - Nguyễn Chế Nghĩa nói xen vào.

Ba người chia tay.

Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa gọi một chiếc xe ngựa. Người đánh xe chỉ có một tay. Ngắm bộ dạng một ông nhà quê, một ông “Thổ mù” lại đòi về phủ Quốc công Tiết chế thì “bán tín bán nghi” bảo:

- Giá năm hào. Có tiền thì hãy lên xe!

Xe chạy được một đoạn Phạm Ngũ Lão hỏi:

- Một tay bị mất ở đâu?

- Ở Quế Sơn!

- Đánh trại nào?

- Trại nào thì cũng là lính Mông Cổ cả. Chúng chiến lại rất hăng.

- Đây cũng đánh ở Quế Sơn về.

- Trại nào?

- Trại giữa.

- Ô! Trại ấy thì chúng nó còn dữ dằn nữa.

Cách phủ Quốc công Tiết chế nửa dậm, Ngũ Lão bảo dừng xe.

Người đánh xe nói:

- Tôi biết ngay là các người nói về phủ Quốc công Tiết chế cho sang... Nếu cũng đánh ở Quế Sơn thì đây không lấy tiền đâu!

Ngũ Lão móc trong ngực ra đồng bạc năm đồng mới coong.

- Mới sáng ra đã đưa tiền to thế này, định đánh đổ nhau à? Làm gì có đủ tiền mà trả lại. Thôi, khi khác...

- Cứ cầm cả đi! Cùng lính tráng với nhau cả.

- Không! Tôi không dám cầm đâu! Ai lại đi bắt chẹt khách thế này!

- Anh không thấy chúng tôi vừa ở “quán gió” ra à? Người ta đã đưa thì anh cứ cầm cho người ta vui lòng. - Chế Nghĩa nói xen vào.

- Thôi cũng được! Lần sau gặp lại. Các anh cứ bảo tôi chờ đi khắp kinh thành, tôi cũng không lấy thêm tiền đâu!...

Suốt cả năm 1286 và nửa đầu năm 1287, thám mã liên tục báo về triều đình Đại Việt vô vàn các tin tức khác nhau. Lúc thì năm mươi vạn quân gồm các xứ Lương Quảng cùng Tứ Xuyên cùng với quân Nguyên Mông sẽ đánh xuống. Lúc thì là quân Hồ Nam, Hồ Bắc, Tứ Xuyên cộng Sơn Đông... Không khí chiến tranh lúc nào cũng căng như dây đàn. Triều đình Đại Việt quyết định thả năm vạn hàng binh Tống về làm nhiều đợt theo từng vùng quê, vì biết rằng nhà Nguyên sẽ không tái sử dụng lại số lính này.

Biết là chiến tranh lần nữa là không tránh khỏi. Vua Trần Nhân Tông cho vời Hưng Đạo vương vào triều và hỏi:

- Giặc Nguyên Mông lại sang lần nữa thì làm thế nào?

- Lần trước quân ta chưa quen chiến trận, nên lúc đầu có bị bất lợi. Lần này thì dễ hơn trước nhiều. Quân giặc đã thua đau chí của chúng cũng đã nhụt cả rồi. Còn quân ta, đã qua chiến trận, lương thảo cũng dồi dào hơn. Xin bệ hạ cứ yên tâm.

Năm 1287, đầu mùa đông, tháng 10 quân Nguyên Mông lại tràn sang đem theo Trần Di Ái với cái tước vị bù nhìn An Nam Quốc Vương. Rút kinh nghiệm lần trước, kỳ này Hốt Tất Liệt chủ yếu là dùng quân Mông Cổ. Cụ thể là ba mươi vạn quân chuẩn bị đi đánh nước Phù Tang (tức Nhật Bản bây giờ) giao cho Thoát Hoan và Ô Mã Nhi cùng một loạt các bại tướng lần trước thống lĩnh. Tiêu diệt xong Đại Việt sẽ bổ sung thêm một ít quân nữa, rồi đánh Phù Tang sau.

Quân Nguyên Mông vẫn tiến xuống bằng hai hướng. Hơn hai chục vạn do Thoát Hoan và Ô Mã Nhi chỉ huy đi theo đường Lạng Sơn. Còn gần chục vạn do Tích Lệ Cơ Ngọc cầm đầu cùng sáu trăm chiếc thuyền lớn vượt biển thì theo đường vịnh Hải Đông để tiến vào cửa Bạch Đằng.

Nguyễn Khoái xin cho căng xích, dựng cọc lên để đánh. Hưng Đạo vương lệnh hãy khoan. Người họp các tướng lại và phân như sau:

- Nhờ Thái sư Thượng tướng quân Chiêu Minh vương Trần Quang Khải lĩnh quân Thánh dực hộ giá hai thánh thượng ở Thăng Long. Phụ tá là Phó đô tướng Đỗ Hành.

Sai Phạm Ngũ Lão đem năm vạn quân trấn thủ kinh thành.

Sai Nguyễn Chế Nghĩa đem ba vạn quân đóng ở phía tây kinh thành, vùng Đông Ngạc, Cổ Nhuế.

Sai Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đem năm vạn thủy quân, đóng ở sông Cái, sát với kinh thành.

Ba đạo quân này hỗ trợ cho nhau để bảo vệ Thăng Long lần này quyết không cho giặc vào được kinh đô.

Hồ hầu Nguyễn Khoái đem năm vạn thủy binh ém tại vùng cửa sông Bạch Đằng chờ lệnh.

Vùng Vân Đồn vẫn giao cho Đô tướng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đảm trách như cũ.

Sai Trần Quốc Uẩn và Trần Quốc Hiện, mỗi người lĩnh năm vạn quân giữ vùng Vạn Kiếp.

Riêng Hưng Đạo vương dẫn theo mười vạn tinh binh cùng các tướng Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng, Dã Tượng và Yết Kiêu lên ải Nội Bàng chặn giặc. Nguyễn Chế Nghĩa xin làm tiên phong, rồi sau đó trở về cố thủ phía tây kinh thành sau được Hưng Đạo vương đồng ý.

Ô Mã Nhi đem theo A Sáng, A Lý cùng mười vạn quân làm tiên phong, ồ ạt tiến xuống Nội Bàng.

Hưng Đạo Vương cũng dàn mười vạn quân ra đối địch. A Sáng cưỡi ngựa ra trước trận, thách tướng Đại Việt ra giao đấu. Nguyễn Chế Nghĩa xin ra. Hưng Đạo vương đồng ý. Nghĩa đánh với Sáng ngoài năm chục hiệp, thấy Sáng có vẻ hơi núng, A Lý vỗ ngựa xông vào trợ chiến. Chế

Nghĩa hăng hái địch với hai tướng, càng đánh càng hăng, tỏ ra không thua kém một ly, một lai nào. Quân hai phía hò reo vang trời. Ô Mã Nhi thấy nhiều tiếng hò reo, sốt ruột phóng ngựa từ trong trại ra. Vẫn con ngựa ô bị Phạm Ngũ Lão bắn rách tai năm xưa. Nó vừa khôn ngoan, vừa nhanh chân theo chân Thoát Hoan chạy thoát được về Trung Quốc lần vừa rồi. Vừa trông thấy Ô Mã Nhi chỉ phong phanh một miếng giáp che ngực, Nguyễn Chế Nghĩa bèn bỏ cả Sáng lẫn Lý, phóng ngựa chạy chếch về bên phải trận quân Trần. Rồi khéo léo và hết sức nhanh nhẹn, lấy cung lấp tên, quay người nhắm tay tả Ô Mã Nhi bắn tới. Ô Mã Nhi bị bất ngờ, nhưng cũng vẫn theo phản xạ, hơi né người về một bên, cánh tay trái không cầm đao đưa ra bắt mũi tên. Song tên của Nguyễn Chế Nghĩa vốn nhỏ và ngắn, nên Ô Mã Nhi bắt trượt. Mũi tên cắm vào vai phải, xuyên qua lớp thịt nục nạc vào sát tận xương khiến hấn suýt ngã ngựa. Hưng Đạo vương thấy thế liền thúc quân đánh tràn sang. Nhưng các đội kỵ binh Mông Cổ đã được tung ra đánh chặn lại. Hai bên kịch chiến được một phần tư khắc giờ thì quân Đại Việt không thể địch nổi kỵ binh Mông Cổ quây tròn từ bốn hướng. Nhưng rút kinh nghiệm lần trước, Hưng Đạo vương khua chiêng thu quân từ từ vào trong ải. Bốn tướng Nguyễn Chế Nghĩa, Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng và Yết Kiêu ở lại đánh chặn. Dã Tượng hộ vệ Hưng Đạo vương chạy vào quan ải.

- Nguyễn Chế nghĩa lần đầu tiên xuất trận, địch nổi cả Sáng lẫn Lý phải nói là rất tài, thương pháp còn có phần hơn cả Trần Bình Trọng năm xưa. - Hưng Đạo vương khen. Ngoài ra còn lập được công lớn là bắn bị thương Ô Mã Nhi, làm nhụt nhuệ khí quân giặc, đáng được thăng lên Đô tướng. Nhưng mà... kỵ binh của Mông Cổ quả là... Vô địch thiên hạ thời nay.

Nói rồi, Người cho rút quân để Nguyễn Chế Nghĩa về trấn tây bắc Thăng Long. Còn mình với các tướng lui về tả ngạn Sông Hồng, mạn Hồng lộ (tức Hải Dương, Hưng Yên hiện nay) như lần trước. Mũi tên của Nguyễn Chế Nghĩa không thấm thuốc độc, không tính mạng Ô Mã Nhi đã lâm nguy, về trại hấn tự lấy dao găm rách bả vai rút tên ra, rồi mới sai người băng bó. Hôm sau, hấn ra lệnh tấn công Nội Bàng, nhưng quan ải đã rỗng...

Quân Mông Cổ và Đại Việt quần nhau suốt cả mùa đông năm 1287. Nhiều lần Ô Mã Nhi theo lệnh Thoát Hoan đem bọn A Lý, A Sáng đánh vào Thăng Long, nhưng bị Phạm Ngũ Lão đánh trả quyết liệt. Hai bên tả hữu quân của Nguyễn Chế Nghĩa và Trần Nhật Duật đánh kẹp vào khiến quân Nguyên Mông không tiến lên được, còn bị chết khá nhiều. Địa hình đa phần là sông, ngòi, hồ, ao khiến kỵ binh không thể thi thố. Vấn đề lương thảo vẫn luôn là chuyện nan giải cho Thoát Hoan. Các đoàn vận lương từ phía Bắc xuống, từ vịnh Bắc Bộ vào luôn bị chặn đánh, đốt, cướp, phá... mười phần chỉ còn một hai. Trong khi đó lương thảo của quân Đại Việt đã khá hơn mấy năm trước rất nhiều. Cả vùng Hoan - Ái rộng lớn và trù phú đã cấp cho gần bốn chục vạn quân vượt qua mùa đông khắc nghiệt.

Thoát Hoan gửi thư về. Hốt Tất Liệt quyết định tung toàn bộ lương thảo chuẩn bị cho việc chinh phục Phù Tang xuống phía nam. Và khi quân đội đã có “thực túc” rồi thì tung quân đánh quyết liệt trên mọi vùng miền, mặt trận, quyết tiêu diệt Đại Việt trong năm 1288. Cuối mùa xuân, tháng ba, Trương Văn Hồ vận lương từ lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) qua vịnh Hải Đông để vào Quế Sơn. Đoàn thuyền rồng rần, dài đến bảy tám dặm.

Trương Văn Hồ sợ có “sơ suất” gì chẳng, cho thuyền nhỏ lên vào trước báo cho Thoát Hoan cho quân ra tiếp ứng. Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi đem chiến thuyền cùng một vạn quân tinh nhuệ đi đón Trương Văn Hồ.

Thám mã của Đại Việt báo tin về kinh thành. Vua Trần Nhân Tông cũng như Hưng Đạo vương tức tốc cho người cầm lệnh ra chỗ Trần Khánh Dư “bằng mọi giá phải đánh tan được đoàn thuyền lương của Trương Văn Hồ”. Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng bầm với Hưng Đạo vương:

- Thừa cha, chắc chắn người Nguyên đã có đề phòng cẩn thận. Lại thêm có Ô Mã Nhi dẫn quân ra tiếp ứng. Con nghĩ cha cũng phải tăng cường cho Khánh Dư. Cụ thể cha cho con và Yết Kiêu ra trợ giúp cho hãn. Nếu đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ vào Đại Việt trót lọt thì chiến trận sẽ còn kéo dài và ác liệt. Sẽ biết bao sinh mạng binh sĩ ta sẽ phải bỏ ra. Lúc này việc thù hận nhau phải bỏ qua một bên. Tất cả phải vì chiến thắng của Đại Việt.

- Khá khen cho ý tốt của con. Hưng Đạo vương nói - Nhưng binh pháp có câu: “Bỏ vào đất chết mới tìm ra chỗ sống. Bỏ vào chỗ mất mới tìm ra chỗ còn”. Cứ để Trần Khánh Dư tự xoay xử một mình mới thành công được. Nuôi lính ba năm dụng một giờ mà. Nếu ta đưa quân ra tiếp viện cho hãn chẳng khác gì “vẽ rắn thêm chân”. Cha nói thế không phải là bỏ mặc cho Khánh Dư mà thực chất là cha vô cùng tin vào tài năng xoay chuyển tình thế, biến nguy thành an của hãn. Nói “bỏ vào chỗ chết mới tìm ra chỗ sống” là nói với các tướng tài. Khi xưa khi quân Hán đánh Triệu, Hàn Tín đã lập trại tựa lưng vào bờ sông, các tướng đều lấy làm kinh hãi, nhưng sợ Hàn Tín không dám nói ra. Đến khi bị quân Triệu dồn đánh. Đến bờ sông Hàn Tín mới hô to lên rằng “Các tướng không liều chết quay lại đánh để bị chìm xuống sông chết đuối cả ư?”. Nghe thấy thế bọn Phàn Khoái, Chu Bột vội tình ngộ, quay lại cùng ba quân liều chết xông vào đánh giặc. Nhờ thế mà chỉ trong một buổi sáng đã phá được hai mươi vạn quân Triệu. Còn thời Tam quốc, lão tướng Hoàng Trung đóng quân trên núi mà chém được Hạ Hầu Uyên, tướng yêu và là họ hàng của Tào Tháo, về sau Mã Tốc cũng bắt chước cách ấy. Nhưng Tốc bất tài khi Tốc hô quân đánh xuống thì quân lính sợ Tư Mã Ý rúm cả lại. Đến khi Tư Mã vợ cò đốt phía dưới thì quân Tốc hoảng loạn, bỏ chạy tán loạn cả. Nhiều lần trước đây cha đã từng nói Trần Khánh Dư là tướng tài, tướng văn võ song toàn. Lần này chúng ta sẽ xem Khánh Dư lập nên kỳ công, đi vào lịch sử chống Nguyên Mông của Đại Việt ta.

Nghe Hưng Đạo vương giảng giải một hồi Trần Quốc Tảng đuối lý không cãi lại được. Nhưng trong lòng vẫn áy náy không yên. Không phải là

không tin cha, mà là không tin được rằng Trần Khánh Dư lại có được tài như Hàn Tín.

Trở lại phía Nguyên Mông, Ô Mã Nhi hăm hở dẫn đoàn chiến thuyền đi đón Trương Văn Hổ. Trong thư kín gửi riêng cho Ô Mã Nhi, Trương Văn Hổ cho hay, ngoài lương thảo, ngựa tầu của vua ban còn có năm nàng “tiên nữ” Tiểu Nga-la-tư. Ô Mã Nhi gặp Trương Văn Hổ ở phía ngoài vịnh Hải Đông. Hổ mang rượu ra đãi. Ô Mã Nhi uống suốt đêm, đến sáng thì giục Trương Văn Hổ thúc thuyền tiến lên. Ô Mã Nhi trà trộn vào đám quân coi lương ở giữa đoàn thuyền vận tải. Còn lá cờ có con ó lớn cưỡi trên mình chú ngựa nhỏ thì phấp phới bay ở đoàn chiến thuyền đi trước. Trần Khánh Dư sau khi cho lính quan sát động tĩnh “vô cùng chắc chắn” mới thân dẫn đoàn chiến thuyền hai vạn quân, đánh thẳng vào giữa đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ. Khánh Dư hăng hái đi trước, lao thuyền vào định cắt đôi đoàn thuyền lương ra. Bất ngờ Ô Mã Nhi xuất hiện, lừng lững chui ra từ một thuyền chở rượu. Tuy bị bất ngờ, nhưng Trần Khánh Dư vẫn giữ được bình tĩnh, vung kiếm lăm xả vào đánh. Ô Mã Nhi vung đao đón đỡ. Đường đao của Ô Mã Nhi quá mạnh khiến người Khánh Dư lạng đi. Song Trần Khánh Dư vẫn lấy hết can đảm vung gươm lên đối địch. Đánh được ngoài hai mươi hiệp, biết đánh tiếp có thể mất mạng nên co cẳng chân dài nhảy phắt trở lại chiến thuyền của mình. Quân của Ô Mã Nhi và quân áp tải lương của Trương Văn Hổ thừa thế đánh cho quân của Trần Khánh Dư bỏ chạy tán loạn. Trong lúc nguy nan trong đầu Trần Khánh Dư vẫn vang lên lời tựa của chính mình viết cho cuốn “Vạn Kiếp bí truyền tông” của Trần Hưng Đạo rằng “Tướng khéo thua thì không chết...” Khánh Dư tả xung hữu đột mở được đường máu thoát ra, đồng thời lệnh cho quân sĩ phất cờ lệnh “mạnh ai hãy cố sức mà bỏ chạy thoát thân”. Nhờ thế mà tung ra hai vạn quân và bốn trăm chiến thuyền mới bị tổn thất một nửa. Tin Trần Khánh Dư đại bại truyền về kinh đô. Vua Trần Nhân Tông nổi giận sai người tức tốc phi ngựa ra Vân Đồn xích Trần Khánh Dư giải về theo điều sáu của quân luật là “Quân thua chém tướng”. Khánh Dư nói với viên quan ra bắt mình rằng:

- Người hãy về tàu với hai Thánh thượng và Quốc công Tiết chế rằng, hãy để cho đầu của Khánh Dư nằm trên cổ hăn thêm ba ngày. Rồi Khánh Dư sẽ đem đầu về chịu chém!

Hưng Đạo vương nghe tin đoàn chiến thuyền của Khánh Dư bị đánh tan thì lại vô cùng mừng rỡ. Người lập tức tập hợp lũ thám mã lại ra các lệnh:

- Ra cửa sông Bạch Đằng nói với Nguyễn Khoái đóng thêm cọc lim và chuẩn bị căng dây xích để đón đánh sáu trăm thuyền chiến khổng lồ của Nguyên Mông chắc chắn sẽ phải rút chạy qua đó.

Cử Trần Nhật Duật vào thay Phạm Ngũ Lão. Còn Ngũ Lão thì tuyển năm ngàn kỵ binh tinh nhuệ nhất, chờ có lệnh ra cửa sông Bạch Đằng tiếp ứng cho Nguyễn Khoái.

Lệnh cho tất cả các đạo quân, chuẩn bị tổng công kích đuổi giặc ra khỏi bờ cõi.

Các tướng đều ngạc nhiên, ngơ ngác nhìn nhau không hiểu thế này là thế nào kể cả Trần Quốc Tảng. Nhưng không ai dám hé răng hỏi nửa lời. Tất cả đều tuân lệnh răm rắp.

Lại nói chuyện Trần Khánh Dư thoát chết chạy về được Vân Đồn bèn tụ họp đám tàn binh lại vẫn còn được một vạn, cộng một vạn quân giữ nhà là hai. Số thuyền bè cũng còn trên bốn trăm. Khánh Dư cho tập hợp toàn bộ quân lính và thuyền bè lại nói rằng:

- Nếu chúng ta không liều chết tiêu hủy đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ thì tất cả đều bị triều đình xử chém. Vậy chỉ có đánh mới còn con đường sống. Vậy các người nghĩ thế nào?

Hai vạn quân đều đồng loạt hô to: “Sát Thát”. Khánh Dư lấy làm mừng lắm, trèo lên cột buồm cao nhất của một chiến thuyền, phóng tầm mắt “chim ưng” về vùng biển Hải Đông. Lúc này đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ sau khi nghi binh để Ô Mã Nhi đánh tan quân của Trần Khánh Dư, mới kèn cồng, nặng nề tiến vào vịnh. Trong đoàn thuyền dài tưởng như vô tận ấy Khánh Dư thấy có hình con ó lớn cưỡi trên lưng con

ngựa nhỏ của Ô Mã Nhi cắm ở đầu, ở giữa và cả ở cuối thì cười thầm trong bụng mà đoán rằng chắc chắn không có Ô Mã Nhi trong đoàn thuyền vận lương này. Phải nói thật rằng Trần Khánh Dư quả là thần toán. Ngay lúc đánh tan đoàn chiến thuyền của quân Trần, Ô Mã Nhi đã dương dương tự đắc nói với Trương Văn Hổ rằng:

- Quân Đại Việt đã sợ đến mất mật rồi! Có cho kẹo chúng cũng không dám bén mảng tới gần đoàn thuyền lương. Rồi gã chọn lấy hai “tiên nữ” tiểu Nga-la-tư đang độ tuổi trăng rằm, cùng mấy thung ngựa tửu và vài chục tảng thịt cừu muối vứt lên một chiến thuyền nhẹ, căng buồm lướt sóng, phóng về Quế Sơn trước.

- Ô Mã Nhi chắc chắn không còn ở đây! - Vừa tụt từ cột buồm xuống Trần Khánh Dư đã nói như đinh đóng cột. - Mà kể cả hãn còn ở đây thì ta thà chết dưới tay hãn, chứ không chịu chết dưới đao phủ của triều đình vì là một tên bại tướng.

Nói rồi Trần Khánh Dư chia hơn bốn trăm chiến thuyền ra làm hai trăm cặp. Cứ một chiến thuyền chở binh lính đi kèm với một chiến thuyền chở đồ hỏa khí. Tất cả cung tên đều phải mang theo thùng chở dầu. Trần Khánh Dư tự dẫn một hỏa thuyền đâm thẳng vào giữa đội hình của đoàn thuyền vận lương của Trương Văn Hổ. Còn các đội hỏa thuyền khác, cứ cách một thuyền thì tấn công đốt một thuyền. Chạng vạng tối bốn trăm chiến thuyền của Trần Khánh Dư xuất phát. Biển động nhẹ, gió heo may khô. Còn cách đoàn thuyền vận lương của Trương Văn Hổ chừng năm chục bước chân, Trần Khánh Dư cho đốt các đồ dẫn hỏa trên chính thuyền của mình rồi lao thẳng vào giữa đoàn thuyền giặc. Các thuyền khác thấy vậy cũng đồng loạt hành động theo. Trương Văn Hổ chợt thấy những “con rồng lửa” nhất tề lao vào đoàn thuyền lương của mình thì vô cùng kinh hãi. Đang đi ở gần đầu đoàn, Trương Văn Hổ cho thuyền quay lại. Vừa hay gặp chiến thuyền của Trần Khánh Dư. Dư nhảy phắt sang thuyền của Hổ. Thanh kiếm trong tay múa tít. Chỉ loáng một cái đã chém gần chục thủy quân Nguyên Mông gục xuống biển hoặc rơi vào lòng thuyền. Trương Văn Hổ vác đại đao lại đối địch. Trần Khánh Dư miệng hét lớn: “Sát Thát”, rồi phóng thẳng mũi kiếm

vào ngực Hồ. Cũng là chiến tướng có tài và nhiều kinh nghiệm, Hồ vung đao đánh lại hết sức dữ dội. Nếu đặng thẳng ra thì chưa biết “mèo nào cắn mìn nào”. Nhưng tâm trí của Hồ lúc này đang phải để vào đoàn thuyền lương. Thấy ba bề bốn bên lửa đã bắt đầu cháy rừng rực thì không còn tâm trí đâu mà giao đấu với Khánh Dư nữa. Thừa cơ Khánh Dư vung kiếm chém tới tấp, một nhát xả vào vai phải khiến cây đại đao rơi xuống lòng thuyền. Thấy chủ tướng bị nguy, mấy chục tên quân thân tín vung đao, kiếm vào cứu chủ. Trần Khánh Dư cũng không ham đánh, lùi ra mũi thuyền rồi nhảy phắt về thuyền mình đang ở thế áp mạn. Khánh Dư ra lệnh cho thủy thủ đưa thuyền cho mình đi đốc chiến. Lúc này lửa đã cháy khắp nơi. Các thuyền chở cỏ khô cháy dữ dội nhất, rồi đến các thuyền chở gạo và cả thuyền chở rượu, ngọn lửa bốc lên xanh lè!

Cùng với tiếng lửa reo phần phật là tiếng hô: “Sát Thát” vang động cả vùng vịnh vốn lặng im.

Trương Văn Hồ biết không thể cứu vãn được, kể cả có Ô Mã Nhi ở lại thì cũng đành bó tay nên ra lệnh cho lính quay mũi thuyền chạy về Quảng Đông. Còn viên giám quân, cũng vô cùng kinh khiếp, thần hồn nát thần tính, cho thuyền giông buồm chạy mãi vào tận... Chiêm Thành. Trong đám lửa cháy, quân reo, Trần Khánh Dư chợt nghe thấy những tiếng kêu thất thanh, nhưng giọng lại rất lạ, phát ra từ một thuyền chở rượu. Khánh Dư cho thuyền ghé vào thì vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ thấy ba thiếu nữ mặc váy, đang ôm nhau kêu khóc. Thuyền chưa cập mạn, Khánh Dư đã nhảy vọt sang, hai tay cặp hai “nàng tiên” tiểu Nga-la-tư quăng sang thuyền của mình. Lửa đã cháy vào chiếc váy liền áo của cô thứ ba. Khánh Dư lại nhảy sang tiếp, mặc cho lửa rát bỏng bủa vây xung quanh, cặp ngang người cô gái cùng nhảy ùm xuống biển. Vùng vẫy một lúc cho lửa tắt Khánh Dư mới cặp cô gái bám vào mạn thuyền chèo lên. Mới mấy canh giờ trước Trần Khánh Dư còn là kẻ tội đồ, chờ xích lại đưa về triều đình xử trảm. Thì bây giờ đã trở thành người anh hùng dân tộc, lập được kỳ công có một không hai trong trận chiến chống Nguyên Mông của quân dân Đại Việt.

Phần thưởng cho Trần Khánh Dư còn có cả ba “tiên nữ” Tiểu Nga-la-tư, da trắng, mắt xanh, tóc vàng mà dù có nằm mơ cũng không thay được.

Nửa đêm trở về bản doanh Khánh Dư viết thư về cho hai vua Trần và Quốc công Tiết chế, chỉ có đúng hai chữ: Thắng rồi! Và sai đích thân mấy kẻ mang xích ra bắt mình phi ngựa ngay trong đêm về triều bẩm báo.

Nhận được thư của Khánh Dư các tướng đều quỳ xuống vái lạy Trần Hưng Đạo. Theo thói quen, Người vừa vuốt chòm râu còn đen nhánh, vừa nói:

- Đã đến lúc ta đánh cho Nguyên Mông một trận để đời. Chỉ cần nghĩ tới Đại Việt là toát mồ hôi hột ra!

Rồi người sai Phạm Ngũ Lão đem năm ngàn quân kỵ, tức tốc đến cửa sông Bạch Đằng ứng giúp cho Nguyễn Khoái. Và hẹn đại quân do đích thân Người sẽ đến sau.

Trở lại chuyện Trần Khánh Dư đã khôn ngoan thả cho một vài chiến thuyền của Nguyên Mông trốn được về Quế Sơn báo tin. Thoát Hoan rụng rời hết vía, lưng toát mồ hôi. Riêng Ô Mã Nhi vẫn nói cứng:

- Ta tạm rút binh về. Chờ biện lương đầy đủ đã, lại kéo sang lần nữa. Vội gì!...

Không còn cách nào khác Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi cùng Tích Lệ Cơ Ngọc thống lĩnh sáu vạn quân cùng sáu trăm chiến thuyền “khủng” rút theo đường Bạch Đằng. Sai Phàn Tiếp đem năm ngàn quân kỵ đi theo đường bộ hộ tống ra tới biển. Còn đích thân Thoát Hoan dẫn bọn A Sáng, A Lý và các tướng khác tháo chạy theo đường Chi Lăng - Lạng Sơn.

Lại nói Phạm Ngũ Lão đem năm ngàn quân kỵ cắt đường từ Thăng Long ra cửa sông Bạch Đằng. Quân phóng suốt đêm không nghỉ, đến quá giờ Ngọ thì gặp toán quân của Phàn Tiếp. Không nói nửa lời, Ngũ Lão vỗ ngựa lao vào vùng đao chém tới tấp. Phàn Tiếp biết Ngũ Lão là hổ oai tướng quân của Đại Việt nên vẫy quân vây chặt lấy Ngũ Lão vào giữa. Toàn là kỵ binh Mông Cổ nên chúng rất thiện chiến. Những lưỡi gươm cong sắc bén

vung lên bổ xuống thật nhịp nhàng, thiện nghệ. Nhưng lúc này thời gian là vàng ngọc, không thể để Nguyễn Khoái phải đơn độc chống với Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc cùng sáu vạn quân và sáu trăm chiến thuyền “khủng”. Ngũ Lão gầm lên một tiếng thị uy rồi lia đao ra tứ phía. Những chiến binh Mông Cổ gục xuống như chuối bị chém. Phàn Tiếp cả sợ không dám giao phong. Hồ quân rút chạy về phía Quế Sơn.

Khi Phạm Ngũ Lão cùng năm nghìn kỵ binh đến cửa sông Bạch Đằng thì đúng vào lúc thủy triều đang lên. Quân của Nguyễn Khoái đang giong mình chặn đánh đoàn thuyền rút chạy của Ô Mã Nhi. Những xích sắt căng lên đã cản không cho chiến thuyền của giặc trôi ra. Sau một hồi lúng túng, đứng trên súp thuyền Ô Mã Nhi đã phát hiện ra. Hắn sai lính mang búa khai sơn xuống chặt xích chắn. Cuộc chiến ác liệt và đẫm máu diễn ra quanh và trên các sợi xích giữa quân Nguyên Mông và quân Đại Việt.

- Hiền huynh Nguyễn Khoái! Có Ngũ Lão đến trợ chiến với huynh đây! - Ngũ Lão giao ngựa cho giám mã, vác đao chạy lên mặt đê và quát lớn.

Nguyễn Khoái đang ở một chiến thuyền ở giữa sông đốc thúc quân lính tác chiến thấy vậy trả lời.

- Ngũ Lão! Hãy đánh thẳng vào súp thuyền. Chui vào trong chém hết các tay chèo. Rồi bẻ lái cho thuyền quay ngang ra!

- Tuân lệnh! - Nói rồi Ngũ Lão cắp đao nhảy phắt từ bờ đê lên một chiến thuyền gần bờ của giặc. Vừa đánh giết, vừa tìm đường đến súp thuyền của Ô Mã Nhi. Thấy Ngũ Lão dũng mãnh quá, bọn giặc dạt hết cả ra.

Chui được vào khoang súp thuyền, Ngũ Lão vung đao chém hết bên phải lại bên trái. Xác giặc đổ xuống như ngã rạ. Rồi túm gáy một tên bắt hắn bẻ bánh lái cho thuyền quặt ngang ra. Tên lính vừa yếu vừa sợ, run lẩy bẩy khiến Ngũ Lão phải quăng hắn sang một bên rồi bẻ ngang bánh lái. Nước bắt đầu chảy xiết chứng tỏ thủy triều đang xuống, Ngũ Lão phải vận hết công lực mới làm được cho con thuyền khổng lồ quay ngang ra, chặn hẳn đoạn giữa của lòng sông, khiến cả đoàn thuyền tắc lại.

Hưng Đạo vương khởi mười vạn quân tiếp ứng. Nhưng trên đường hành quân, con voi chiến của Người bị sa lầy, Hưng Đạo vương đành gạt nước mắt xuống ngựa để kịp đưa quân ra tiếp ứng cho Nguyễn Khoái.

Hai vua Trần cũng chỉ để Thái sư Trần Quang Khải giữ kinh đô, thân chinh dẫn đội quân Thánh dực ra Bạch Đằng trợ chiến.

Chưa bao giờ Ô Mã Nhi lại hung tợn như lúc này, nhất là từ lúc chiếc sùỵ thuyền bị quay ngang ra. Và thủy triều xuống. Các cọc lim được cắm từ trước bắt đầu đâm thủng các chiến thuyền. Nhưng vừa hay đại quân của Hưng Đạo vương đã đến kịp thời. Tất cả nhất loạt xông lên, cận chiến với giặc ngay trên các chiến thuyền khùng của chúng. Tuy nhiên lính Đại Việt không thể đến gần Ô Mã Nhi được. Cây đao của hã là cây “ma đao” nhuộm máu hàng trăm tướng sĩ nhà Trần.

- Nguyễn Khoái đâu! Hãy nhảy lên chặn bàn tay hung thần của Ô Mã Nhi lại! - Hưng Đạo vương đứng chỉ huy trên bờ đê quát xuống.

Nguyễn Khoái vâng mệnh, nhảy phắt lên. Ô Mã Nhi vẫn găm giữ như con hổ dữ bị dồn vào con đường cùng vung đao chém hết sức mãnh liệt. Cũng đã từng giao đấu vài lần với Ô Mã Nhi nhưng chưa lần nào Nguyễn Khoái thấy hã dừng mãnh lợi hại như lúc này. Phó đô tướng Đỗ Hành xin phép hai vua Trần cũng xông lên thuyền trợ chiến. Hành nhảy đến bên Nguyễn Khoái vung đao chém. Ô Mã Nhi đỡ quật lại, khiến cây đao của Đỗ Hành văng xuống nước. Còn bản thân bị bắn ra mấy bước. Nguyễn Khoái phải lăn xả vào đánh để cứu Đỗ Hành. Vừa lúc đó trên nóc sùỵ thuyền tiếng Phạm Ngũ Lão vọng xuống:

- Hiền huynh có Ngũ Lão ở trên này!

Hiếu ý Nguyễn Khoái vung đao nhằm căng chân Ô Mã Nhi lia tới, buộc Ô Mã Nhi phải ghìm đao đón đỡ. Chỉ trong một tia tích tắc thôi, Phạm Ngũ Lão biết rất rõ điều này, nếu không hạ được Ô Mã Nhi, để hã chém ngược đao lên thì Nguyễn Khoái rất khó toàn mạng. Phóng đao xuống tấm lưng to như cánh phã của hã thì vô cùng dễ. Nhưng việc phải bắt sống được hã mới làm uy danh của Đại Việt tăng lên bội phần. Thế là Phạm Ngũ Lão bèn

dùng hai chân nhảy xuống đạp vào đúng hai thùy phổi sau lưng của hắn, đôi chân đã từng tập cả chục năm, đạp bằng cả một ngọn đồi sỏi đá đã khiến toàn thân Ô Mã Nhi đổ sập xuống. Nguyễn Khoái kề dao vào gáy. Còn Đỗ Hành kiểm đầu được một đoạn xích, xích tay hắn lại. Nhưng vừa đứng lên, bỗng hắn gầm lên một tiếng, giằng hai tay một cái đoạn xích bị bật tung ra. Ngũ Lão đứng phía sau điểm huyết rất nhanh vào hai bên bả vai hắn. Rồi bẻ quặt hai tay hắn ra sau lưng, rút từ thắt lưng ra một sợi dây cước câu cá. Bẻ hai ngón tay cái Ô Mã Nhi lại, Ngũ Lão lấy đoạn cước trói chặt lại rồi giải huyết. Ô Mã Nhi cố giằng ra, nhưng càng giằng sợi dây cước càng thít hai ngón cái của hắn lại, đau buốt đến tận óc. Ngũ Lão đẩy cái thân xác “quái vật” của Ô Mã Nhi về phía Đỗ Hành và vui vẻ bảo:

- Huynh hãy giải hắn về nộp cho Hoàng thượng mà lĩnh thưởng! Nhưng nhớ xích chân, tay hắn lại cho Hoàng thượng đỡ sợ!... Đây là món quà trả nghĩa bữa tiệc của huynh với chúng tôi ở quán gió Hồ Tây năm rồi!...

Đỗ Hành đứng ngăn người ra một lúc mới hiểu... Trần Quốc Tảng bắt sống Tích Lệ Cơ Ngọc. Trận chiến vừa kết thúc Hưng Đạo vương lại sai Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng đem mười vạn quân phối hợp với Nguyễn Chế Nghĩa, Trần Quốc Uẩn và Trần Quốc Hiện đem theo mười lăm vạn quân từ Thăng Long và Vạn Kiếp đuổi đánh hơn hai mươi vạn quân của Thoát Hoan.

Sáu trăm chiến thuyền “khủng” cộng với gần sáu vạn xác chết của lính Nguyên Mông đã làm tắc nghẽn hoàn toàn đoạn sông Bạch Đằng ấy. Sông phải đổi hướng chảy về hướng khác. (Rồi khúc sông ấy trở thành bãi bồi, để gần bảy trăm năm sau, tình cờ làm thủy lợi, người dân ở tỉnh Quảng Ninh đã phát hiện ra bãi cọc. Một vài chiếc đã được đưa về Bảo tàng lịch sử Việt Nam ở Hà Nội. Một số khác được đưa về Bảo tàng Quảng Ninh.)

Trần Quốc Uẩn khiến tướng Trương Hiến phải đầu hàng. Bọn A Sáng, Lý Hằng cố sống cố chết bảo vệ Thoát Hoan. Nguyễn Chế Nghĩa bắn chết A Sáng. Trần Quốc Nghiễn bắn chết A Lý. Phàn Tiếp lặn vào đám tàn quân hòng chạy trốn, bị Phạm Ngũ Lão phát hiện bắn xuyên qua lưng. Một ngàn

quân thiết kỵ bảo vệ Thoát Hoan chạy được về thị trấn Tư Minh bên Trung Quốc (cách Lạng Sơn chừng hai mươi dặm). Thế là ba chục vạn quân Nguyên Mông tinh nhuệ đã bị Đại Việt tiêu diệt vào cuối mùa xuân 1288^[4].

Mùa hạ, tháng Tư, bàn xét công dẹp giặc Nguyên, hai vua Trần đã tiến phong Hưng Đạo vương làm Đại vương (tức Hưng Đạo Đại vương) Hưng Vũ vương được phong Khai quốc công. Hưng Nhượng vương làm Tiết độ sứ. Những người có công được ban quốc tính, trong đó có Đỗ Khắc Chung được trở thành Trần Khắc Chung lại cho làm Đại hành khiển. Đỗ Hành chỉ được phong quan nội hầu (lẽ ra là Liệt hầu tước hầu cao nhất) vì khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng lên vua mà lại dâng lên thượng hoàng, như vậy là báo công vượt cấp. Hưng Trí vương Trần Quốc Hiện không được thăng trật, vì đã có chiếu cho người Nguyên về nước, các tướng không được cản trở mà lại đón đánh và bắt giữ. Cho Man trưởng ở Lạng Giang là Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm quan Phục tuần vì có công đem người Man ra đánh giặc.

Gia phong cho Nguyễn Khoái làm Liệt hầu, vì không nhận đất ở kinh đô, cho một quận làm ấp thang mộc gọi là Khoái Lộ (nay là huyện Khoái Châu, Hưng Yên). Truy phong cho Trần Quốc Toản từ tước hầu lên tước vương.

Phạm Ngũ Lão được giao cho cai quản quân Thánh dực với chức Hữu Kim Ngô Đại tướng quân tước quan nội hầu. Đến thời vua Anh Tông. Phạm Ngũ Lão được phong đến chức Điện súy Thượng tướng quân.

Trần Khánh Dư được trả lại chức Phiêu kỵ tướng quân. Chức chỉ được phong cho hoàng tử.

Về phạt bọn tướng làm phản như Trần Kiện, Trần Lộ đã chết hoặc trốn sang Tàu không được mang họ Trần mà đổi thành họ Mai. Riêng Trần Ích Tắc được gọi là Á Trần, có ý khinh bỉ coi như đàn bà...

Ngày khai hoàn vua Trần Nhân Tông có hai câu thơ vừa như tổng kết cuộc kháng chiến, vừa như di chúc cho hậu thế về trách nhiệm giữ nước:

Đất nước hai phen bon ngựa đá,

Non sông ngàn thửa vững âu vàng.

Phạm Ngũ Lão cũng xin được đọc bài thơ “Ngỏ Lòng”. Vua đồng ý. Bài thơ có bốn câu:

Vung giáo non sông trải mấy thu,

Ba quân tựa cạp nuốt trôi trâu.

Trai chưa trả nợ công danh được,

Luống hổ tai nghe chuyện Vũ Hầu.

Các quan đều vỗ tay tán thưởng. Duy có Nguyễn Khoái bước ra tâu:

- Muôn tâu hai Thánh thượng, thần không rõ Vũ Hầu là ai mà Ngũ Lão “Huống hổ tai nghe”... Bởi vậy thần xin phép đổi thành: “Luống hổ tai nghe Hịch tướng sĩ của Quốc công Tiết chế” ạ!

Tất cả mọi người cười ầm cả lên, vui vẻ. Vua Trần Nhân Tông cười mà rằng:

- Nguyễn Khoái thế mà hóm hỉnh, thưởng cho một bát rượu lớn.

Uống xong, Nguyễn Khoái lại quỳ xuống tâu:

- Muôn tâu hai Thánh thượng, có thằng giặc Ô Mã Nhi đã từng nói: “Hai Thánh thượng đi tới đâu hắn “sẽ đuổi theo tới đó”. Giữ lời hứa nên hôm nay hắn đã có mặt ở dưới chân điện Kính Thiên này. Chỉ có điều hai chân bị xích vào cột đá. Vậy có nên thưởng ngự tửu cho hắn không ạ?

Vua Trần Nhân Tông lại cười lớn và bảo:

- Nguyễn Khoái ơi là Nguyễn Khoái! Người đáng được thưởng một bình ngự tửu... Còn thằng giặc Ô Mã Nhi đang bị xích dưới kia... cũng nên cho hắn “chung vui” với ta. Quân đâu! Đem cho hắn một vò rượu và một đùi bê thui.

Ô Mã Nhi hai chân bị xiềng vào nhau và xích vào một cột đá. Còn hai tay được tự do. Khi rượu và đùi bê thui được mang đến, hắn vồ lấy nốc luôn nửa bình. Rồi loáng một cái đã ngọam xong đùi bê thui. Tu nốt nửa

bình rượu, hấn dùng hai tay quệt mép tỏ vẻ vẫn thòm thèm. Nguyễn Khoái hỏi:

- Ngự tửu của Đại Việt có ngon không?

- Ngon! Ngon hơn... nước đái ngựa của Mông Cổ một chút.

Nguyễn Khoái nổi giận giật lấy ngọn giáo của một tên lính đứng bên. Chĩa vào chiếc bụng như chiếc trống cái của hấn, rít răng mà nói rằng:

- Người thật không biết điều! Để ta chọc bình rượu trong bụng ra vậy!

Vừa lúc đó Hưng Đạo Đại vương bước tới. Người đặt bàn tay răn chắc lên vai Nguyễn Khoái chậm rãi giải thích.

- Chớ có động vào hấn. Hòa ước giữa Đại Việt và Nguyên Mông đã được ký rồi. Trong đó có điều khoản phải thả Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc về.

Nguyễn Khoái nín lặng bước lên triều. Hưng Đạo vương cũng lên sau, đến chỗ Yết Kiêu đang đứng trong đám tùy tùng, gọi riêng ra, rỉ tai: Cứ như thế! Như thế!

Yết Kiêu vâng lệnh, ra lấy ngựa phi như bay về hướng Vân Đồn.

Hôm sau Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc được trao trả cho sứ giả nhà Nguyên. Cả hai được đưa xuống một chiếc thuyền rất gọn nhẹ nhưng chắc chắn. Gần như mới đóng. Rượu, thịt, thức ăn, nước uống được chất lên ê hề. Sứ giả chứng kiến và ký vào biên bản.

Thuyền rời bến, Ô Mã Nhi nhoèn miệng cười, hẹn gặp lại Thăng Long.

Ba ngày sau, một chuyến xe bốn ngựa hộc tốc phóng từ vùng biển Vân Đồn về. Trên xe chở xác Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc.

Theo lời giải thích của viên giám mã đánh xe:

- Ô Mã Nhi say rượu, đòi vớt trăng dưới đáy vịnh! Rồi vật nhau với Tích Lệ Cơ Ngọc khiến thuyền bị lật và cả hai cùng chết đuối. May mà quân lính ở Vân Đồn phát hiện kịp thời nên còn vớt được xác.

Sứ giả nhà Nguyên cạy đặng nhìn xác hai danh tướng lừng lẫy một thời từ Á sang Âu, rồi lại từ Âu về Á. Biết bị chơi khăm, nhưng không có tang

chúng đành “ngậm bồ hòn” làm ngọt.

Hưng Đạo Đại vương sai lính làm hai cỗ áo quan bằng gỗ trầm hương, đặt hai cái xác được tắm nước thơm cẩn thận. Chi đẩy sơ nắp quan tài rồi giao cho sứ Nguyên, chở bằng xe ngựa theo đường bộ Chi Lăng - Lạng Sơn...

Xét công đánh Nguyên Mông. Phạm Ngũ Lão được xếp thứ ba (cùng với Nguyễn Khoái) chỉ sau Hưng Đạo Đại vương và Chiêu văn vương Trần Nhật Duật. Trần Khánh Dư xếp thứ tư. Vì vậy Ngũ Lão được vua phong cho hai năm mẫu đất ở phía tây thành Thăng Long để xây phủ đệ. Khác với các vương tôn công tử xây phủ to, gỗ quý và lớn cùng đá đẹp, Ngũ Lão chỉ xây ngôi nhà năm gian hai trái, phía mái giữa trổ lên hai căn gác để làm phòng thờ và gian đọc sách. Nhà xây bằng gỗ xoan đào và tre ngâm nên trăm năm cũng không bị mối mọt. Một chiếc chuồng ngựa thoáng đãng cho con Tía. Còn lại bao nhiêu đất, Ngũ Lão cho trồng cau nên gọi là phủ đệ vườn cau.

Năm 1290 đói. Nắng tháng 6 đến tháng 10. Trời trong xanh và khô như rang. Qua năm 1291 lại mất mùa to vì nắng hạn, sâu bệnh hoành hành. Một thúng gạo (khoảng ba bơ sữa bò bây giờ) giá một quan tiền. Dân chúng rất nhiều vùng phải bán ruộng đất, con cái (cả trai lẫn gái) giá đồng hạng một quan tiền để làm nô tì cho các nhà giàu và các gia đình quý tộc. Thành thử nhiều quý tộc mua nam thanh niên khỏe mạnh về làm gia binh, con gái đẹp về làm tì thiếp. Tích tụ ruộng đất đến cả ngàn mẫu. Mùa thu, tháng tám con Tía trở bệnh, mới đầu không chịu ăn, chỉ uống nước. Buổi sáng Ngũ Lão ra thăm thấy nằm bụng sát xuống đất biết là hỏng rồi. Vì ngựa chỉ chuyên ngủ đứng chứ không như các loài vật khác như trâu bò ngủ nằm. Con Tía lúc mới sinh to quá cỡ. Vừa lọt lòng thì mẹ băng huyết chết. Ngũ Lão lúc đó mới mười tuổi, sống trong chùa, hàng ngày ra ruộng tuốt lúa nếp non về nấu cháo thành sữa mớm cho nó. Rồi nó cũng lớn lên. Đến khi được ba tuổi trở mã, cao to khác thường, toàn lông một màu đỏ tía. Không có một sợi lông tạp nào. Sư cụ biết là ngựa quý bèn huấn luyện thành ngựa chiến rồi giao cho Ngũ Lão. Trong chiến công lẫy lừng chống Nguyên Mông của Ngũ Lão có một phần đóng góp không nhỏ của nó. Là ngựa đực, nó cũng

có nhu cầu tìm bạn gái. Nhưng vì trận mạc mà nó đã phải kìm nén. Có đêm Ngũ Lão lấy thêm thóc ra cho nó ăn. Thấy cái của quý của nó thòi ra như một cái chày giã gạo Ngũ Lão nựng nó, khi nào yên hàn rồi ta sẽ lấy vợ cho mi. Bởi ngựa chiến cũng như ngựa thồ ở miền núi cao, chỉ nhảy một lần là mất rất nhiều sức, khó có thể chiến đấu và thồ hàng như trước được nữa. Dường như biết ý chủ, con Tía đành “cố nhịn”. Đến ngày ca khúc khải hoàn thì nó đã mất khả năng của con đực. Ngũ Lão tính chuyện đưa nó về quê chôn. Chàng thuê một chiếc xe hai ngựa kéo đưa nó về. Nằm trên xe nó chỉ còn thở thoi thóp. Ngũ Lão tự tay đào một chiếc hố dài, rộng và rất sâu ở mảnh ruộng ở trước nhà. Lấy vải trắng liệm cho nó cẩn thận rồi cặp tấm thân dài và nặng của nó bằng hai tay nhẹ nhàng đặt xuống huyệt.

Chập tối Ngũ Lão đang thắp hương cho gia tiên và cha mẹ trong nhà thì thấy phía ngoài có tiếng động. Lúc đầu còn khẽ, sau là tiếng cãi nhau như chợ vỡ.

Ngũ Lão chạy ra thì thấy khoảng hơn hai chục người nam, phụ, lão ấu đủ cả đã moi và khênh xác con Tía đưa lên mặt ruộng. Thấy Ngũ Lão ra, tất cả sụp xuống lạy như tế sao.

- Mong hố hầu tha cho chúng tôi! Đói quá!

- Con tôi ốm, ba ngày nay chưa có gì bỏ bụng! Tôi lắm tướng quân ơi!

- Hố hầu làm phúc! Mẹ già tôi hấp hối muốn có cái gì bỏ vào bụng để chết đi khỏi biến thành ma đói.

Bao nhiêu người là bấy nhiêu lời cầu xin thảm thiết. Tất cả chung quy chỉ vì cái đói. Ngũ Lão ứa nước mắt nói với bà con:

- Được rồi! Mọi người yên lặng! Tôi đã có cách giải quyết rồi!... Trong làng có tay đồ tể nào không?

- Dạ! Bẩm có ạ! Có một tay chuyên mổ trâu, bò.

- Thế thì gọi hẳn ra đây! Tôi sẽ thuê tiền hẳn, lột da, lóc thịt chia cho bà con... Còn xương thì phải để tôi cho vào cái chum nước... Chôn cho nó. Dù sao cũng là nghĩa thầy trò. Cùng vào sinh ra tử với nhau.

Viên đồ tể được mời đến, hẩn trạc bốn mươi. Ngũ Lão yêu cầu như thế và thuê hẩn hai đồng. Hẩn nâng nâng bộ cà của con Tía nói một câu xanh rờn:

- Tôi không lấy tiền... Chỉ xin bộ cà này về ngâm rượu.
- Còn bộ da người đi thuộc cho ta. Hết bao nhiêu tiền, ta trả.
- Dạ vâng! Tôi xin nghe theo lệnh tướng quân.

Ngũ Lão vào nhà lấy ra mấy tấm cốt, cho gã đồ tể trải ra cho khỏi bẩn. Mọi việc đến gần nửa đêm mới xong.

Ngũ Lão vét túi còn tổng cộng hai mươi quan tiền. Dem chia cho mỗi người một ít. Tùy người nhiều thì một đồng. Người ít nhất cũng được năm bẩy hào...

Hôm sau Ngũ Lão sang lạy sư phụ. Tạ tội với người vì về quê mà không sang với thầy ngay. Sư cụ Hồng Quang đã ngót nghét trăm tuổi, tuy vóc hạc, nhưng vẫn còn rất tinh anh, người nói:

- Sư phụ đã biết hết cả rồi! Con làm như thế là vừa hết tình hết nghĩa với con Tía. Lại giúp được tí nào hay tí ấy với bà con chòm xóm lúc hoạn nạn, cơ hàn...

- Tấm da đó con định khi nào sang tiểu, thì bảo các con chúng nó gói năm xương của con... gọi là “thầy trò sống chết có nhau”... Sư phụ thấy có được không ạ!

- Cái tâm của con có trời biết, phật biết con ạ!

- Sư phụ ơi! - Ngũ Lão nói giọng buồn rầu như mếu - Cảnh quan trường... chán nản lắm. Đến như Quốc công Tiết chế cũng ở lì hẩn điền trang Vạn Kiếp rồi, không buồn tham gia vào chính sự nữa... Con cũng định bắt chước hiền huynh Nguyễn Khoái... từ quan về... đi tu. Sư phụ dạy con thế nào?

- Không phải ai cũng có căn tu. Người không có căn tu như con thì có tu tại chùa, tại chợ, hay tại gia... thì cũng chẳng có kết quả gì... Có khi còn

mệt mỏi rồi sinh bệnh ra... Số của con là phải còn chinh chiến. Giặc phương Bắc thì đã tạm lui. Nhưng phía tây còn Lão Qua (tức Ai Lao). Phía nam còn Chiêm Thành, Chân Lạp, xa hơn tí nữa là Xiêm La... Họ còn quấy nhiễu, xâm lấn không để chúng ta yên đâu... Xa hơn nữa, thế nào giặc phương bắc cũng quay lại. Nhà Nguyên Mông thì trước sau sẽ đổ. Triều đại mới của Trung Hoa chắc chắn sẽ không để Đại Việt yên đâu. Số mệnh của sư phụ đã hoàn thành được tâm niệm của thầy sư phụ. Rèn dạy được ra con. Còn sứ mệnh của con, sư phụ muốn con phải làm được nhiều hơn sư phụ. Không chỉ đánh giặc cứu nước, cứu dân mà còn phải giữ được, truyền lại được ngọn lửa thương võ ngàn năm của dân tộc. Không có truyền thống thương võ đó thì không thể giữ nước được... Con có hiểu ý của sư phụ không?

- Thừa sư phụ! Con hiểu ạ! Nhưng ngặt một nỗi hiện giờ con vô cùng bận rộn việc triều đình, ngay đến cả con trai Phạm Ngộ, con cũng chỉ có thể cho nó học chữ chứ không thể luyện võ cho nó được.

- Sư phụ hiểu! Nhưng sư phụ có thúc giục con phải làm việc đó ngay bây giờ. Ngay lúc này đâu? Nhưng thời gian tới có điều kiện, con có thể rút ra được thì hãy nhớ lời sư phụ căn dặn hôm nay. Người nổi nghiệp không phải là con đẻ của con, là cháu nội, cháu ngoại của con. Mà là bất kỳ người dân Đại Việt nào, miễn là người đó có thiên bẩm, có lòng yêu nước, thương dân... như con.. Cây đao và cây cung con đang dùng, nhất thiết không phải vĩnh viễn để ở nhà con. Mà có thể trao cho “thiên hạ”. Để rồi nó sẽ tự tìm được chủ nhân xứng đáng phục vụ cho việc giữ nước sau này.

- Con xin ghi tâm, khắc cốt lời dạy của sư phụ.

Phạm Ngũ Lão có ngờ đâu, đây là lần cuối cùng được nghe lời chỉ giáo của sư phụ. Bởi hai năm sau, trong lúc Ngũ Lão dẫn quân đi dẹp loạn Ai Lao quấy nhiễu ở miền tây châu Ái, thì ở nhà sư phụ đã về với Phật. Trở về quê Ngũ Lão đã khóc thầy đến chảy cả máu mắt. Nỗi đau xé lòng, ngang với lần nghe tin người mẹ vô vàn kính yêu bị kẻ xấu sát hại năm nào.

Ở trên đời thực quả có quá nhiều bất công, người tử tế, dù có may mắn thành đạt vẫn không tránh khỏi những nỗi niềm những bi kịch đau xót.

Sau chiến tranh một số cung điện, đền đài, dinh thự... của vua quan và các vương tôn công tử bị phá hoại hoàn toàn hoặc một phần. Việc xây dựng, sửa sang lại tốn rất nhiều sức dân. Nhân nạn đói 1290 - 1291, một số quan lại quý tộc như “bắt được vàng” với việc mua một “nhân mạng” chỉ mất có một đồng bạc. Do vậy có người một lúc đã mua được cả ngàn người, vừa bóc lột được sức lao động, vừa tăng đáng kể đội quân “gia binh” của mình. Riêng Trần Khánh Dư vốn có tiềm lực từ khi còn ở Vân Đồn thì làm bằng “cả hai tay”. Một tay tăng cường đội gia binh lên tới bốn ngàn người đông vào loại bậc nhất các vương thời bấy giờ. Tay thứ hai là tích tụ ruộng đất. Biết vùng nào đói to, Khánh Dư móc nối với các quan lại địa phương nhờ họ làm “cai thầu” mua “cả lỗ” liền bờ, liền thửa cả trăm mẫu một. Ruộng của Nhân Huệ vương thẳng cánh cò bay, có tới cả ba ngàn mẫu, hơn cả Hưng Đạo vương khi xưa chỉ có hai ngàn.

Số ruộng đất tích tụ được Trần Khánh Dư dùng vào việc canh tác một phần. Một phần lớn cải tạo thành các sân đua ngựa, như sân đua ở Thượng Hồng. Theo tính toán khá nhạy bén của Vương thì Thượng Hồng tưởng xa mà lại hóa gần. Chỉ cần qua đò Sông Cái, đi ngựa một thôi đường ngắn là tới nơi. Cái lợi của việc đua ngựa không chỉ nằm ở việc “bán vé” mà nguồn chính là các tổ chức “cá độ” cho các vương giả, cùng các con cháu “lắm của nhiều tiền” lại sẵn máu me ăn thua cờ bạc. Tuy nhiên công trình này của Nhân Huệ vương mất tới sáu bảy năm vẫn không thực hiện được vì vương một số thửa ruộng nằm trong diện “xôi đỗ” mà chủ nhân của nó là những phú hộ có máu mặt ở địa phương, lại đã từng có đóng góp “sức của” vào ba cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông nên các quan từ cấp phủ, cấp huyện đến cấp hương cũng phải kiêng...

Thời điểm sau chiến tranh, đất đai bỏ hoang hóa cũng nhiều. Nhất là các vùng ven biển, ven đồi, ven rừng hay xa các thị trấn... Triều đình lại có chính sách cho khai khẩn các vùng hoang hóa, không phải nộp thuế trong vòng mười năm, kể từ khi bắt đầu canh tác được. Trần Khánh Dư là một con người lạ kỳ. Việc gì cũng làm tận sức. Phải nói là đánh giặc cũng tận lòng, được xếp vào loại “tứ trụ” có công. Việc làm ăn cũng say sưa không kém. Cái thú ăn chơi, gái gú cũng nức tiếng thời bấy giờ. Vương hơn hẳn các tay ăn chơi khác là có hẳn ba cô Tiểu Nga-la-tư. Chiến lợi phẩm “bắt được” từ chiến thắng Vân Đồn lấy lừng. Cùng với giá một đồng bạc một gái đồng trinh thừa đỏi kém, nhà Nhân Huệ vương có tới dăm bảy trăm người, ở Phủ đệ tại Thăng Long và các tòa dinh thự tại các đảo lớn nhỏ tại Vân Đồn.

Áp dụng phương châm “đi buôn có bạn - đi bán có phường” Nhân Huệ vương liên kết với một số quan lại trong triều cùng có sở thích như vương. Người có tiền thì rủ cùng hùn hạp làm ăn. Người có vị trí thì đóng góp “cổ phần” bằng tiếng nói của mình để “tranh thủ ý kiến “ủng hộ” hoặc “cho qua” của Thượng hoàng hoặc vua.

Một trong số bạn “thâm giao” nhất của Trần Khánh Dư thời bấy giờ là Đỗ Khắc Chung, người đã dám “to gan” vác cái xác của “ngựa kéo xe muối” đến trại Ô Mã Nhi những ngày đầu quân Nguyên Mông ồ ạt tiến sát Thăng Long để dò xét và xin “giảng hòa”, nhờ thế mà được vua Trần Nhân Tông thăng một bước xếp vào loại “ngựa kỳ”. Rồi đến lần xa giá phải trốn chạy ra Tam Trí, Khắc Chung cũng bắt chước Phạm Ngũ Lão, đưa tấm lưng mảnh mai ra công vua Trần xuống thuyền chạy trốn vào Ái châu. Những ngày gian khổ đó, Khắc Chung luôn có mặt bên cạnh hai Thánh thượng, chịu khó “bưng bê, đổ vệt” mà lập nên công trạng lớn, được mang quốc tính từ họ Đỗ sang Trần thành Trần Khắc Chung và được phong làm Nhập nội hành khiển, được ở bên vua để giải quyết các việc “văn phòng” và tranh thủ tâu hót những việc hai Thánh thượng còn phân vân. Và cuối đời được phong chức Đại hành khiển, tước quan Nội hầu. Khắc Chung cũng dìu em là Đỗ Thiên Hứ vào triều. Được cử đi sứ sang nhà Nguyên. Khắc Chung

còn liên kết với một số quan lại khác, sau này vu vạ cho Thượng tế Quốc Chấn làm phản bị giết cả nhà hơn một trăm người.

Trần Khắc Chung có tài xiêm nịnh, uốn lưỡi từ trái sang phải hoặc từ phải sang trái hết sức tài tình. Dưới đây là một thí dụ nhỏ. Năm 1290, vua Trần Nhân Tông đích thân đem quân đi đánh Ai Lao. Khắc Chung can:

- Giặc Nguyên mới lui, vết thương chưa khỏi, sao có thể nổi binh?

Vua hơi giận vặn lại:

- Chỉ có lúc này mới đáng ra quân mà thôi. Vì là sau khi quân giặc lui rồi, thì ba cõi (chỉ Ai Lao, Chiêm Thành và Chân Lạp) tất cho là quân và ngựa của ta chết hại, thế không thể tránh khỏi được, sợ có sự khinh nhờn đối với ta. Cho nên cần đem đại quân đi đánh để thị uy.

Trần Khắc Chung thấy thế bèn đỡ lời.

- Nhà vua há chẳng biết làm khó nhọc dân là việc đáng lo, nhưng còn việc đáng lo hơn thế nữa. Đó là Thánh nhân lo xa bọn thần không thể nghĩ tới được.

Trở lại việc Trần Khánh Dư khai khẩn đất hoang ở Ý Yên (Nam Định), Trường Yên (Ninh Bình), Lý Nhân (Hà Nam)... Nguyên đất ở đây là vùng đầm lầy. Nhưng với nhãn quan làm ăn từ thời còn ở Vân Đồn, Khánh Dư biết nên cải tạo thành các hồ nuôi tôm thì rất đặc địa. Thời đó thương nhân Trung Quốc sang Đại Việt “ăn tôm” tươi, bằng cách chở cả thuyền lớn tôm cùng với nước, đem về bán lãi một gấp mười, số tôm ở Vân Đồn không đủ cung cấp cho thương lái Tàu. Bởi thế Khánh Dư mới tập hợp dân lưu tán lại, ứng cho ba đồng để khai khẩn một vuông tôm (rộng bằng một mẫu Bắc Bộ 360m²). Hẹn canh tác sau mười năm thì trả lại ao cho vương. Ba bốn năm khó nhọc ăn đói, mặc rét, thau chua, rửa mặn, nạo vét hút bùn các vuông tôm mới được hình thành. Nhưng Nhân Huệ vương đã nuốt lời hứa mới sau ba năm canh tác đã đến thu hồi, tước đoạt.

Dân hỏi tại sao lại có sự lật lọng thế, Vương đáp:

- Đất đai là quốc gia công thổ, vua ra lệnh thu hồi.

- Lệnh của vua đâu? - Dân hỏi lại.

- Ta là vương, ta là được thay mặt vua rồi, việc gì phải hỏi nữa.

Một số hộ dân quá uất ức, bị tước mất miếng cơm, manh áo, đẩy gia đình họ vào chỗ bần cùng đã vũ trang chống lại. Nhân Huệ vương cho gia binh đến đàn áp, nhưng ra lệnh “chỉ được đánh què, chứ không đánh chết”. Rồi dỡ nhà cửa, phá vườn tược của họ ở trên bờ, đuổi đi chỗ khác, đưa gia nhân của mình đến canh tác. Tiếng kêu dậy đất, đơn gửi đến quan huyện, quan phủ đều không có hồi âm vì phần sợ uy thế của vương, phần khác, mỗi vuông “giải tỏa” được, các quan đều được chia một đồng bạc. Dân tụ họp vài trăm người kéo lên kinh thành. Vua sai Trần Khắc Chung ra nhận đơn khiếu kiện. Sau vài ngày “thụ lí” Chung vào tâu với vua:

- Việc làm ăn chỉ có thỏa thuận miệng. Không có kế ước nên không biết “Ai đúng, ai sai. Ai phải, ai trái” thì làm sao khu xử được.

Vua sai Trần Thì Kiến, một môn hạ của Hưng Đạo Đại vương, lúc đó mới được bổ làm quan Kiểm pháp, nhậm chức Đại an phủ kinh sư. Thì Kiến tính người cương trực. Khi được Hưng Đạo vương tiến cử làm An phủ sứ Thiên Trường. Có người đem biểu mâm cỗ. Thì Kiến hỏi vì có gì mà biểu, người ấy nói:

- Vì ở gần trụ sở cho nên đem biểu. Chứ không có kêu xin gì cả.

Mấy ngày sau thì đến kêu xin việc tranh tụng ruộng đất. Thì Kiến móc họng mửa ra, rồi sai lính đuổi về. Rồi được thăng làm quan Kiểm pháp. Mỗi khi có việc kiện, lấy lý mà bẻ, việc đến thì dùng phép đối phó. Mọi người đều coi là người giỏi xử đoán kiện tụng.

Trần Thì Kiến nhận đơn của dân ở các phủ Lý Nhân, Trường Yên và Ý Yên. Thân đến tận nơi xem xét cận kề sự việc. Không chỉ đi một lần, mà đi tới ba, bốn lần. Sau khi nắm rõ vụ việc, Trần Thì Kiến thấy dân kiện là đúng nên khi khai triều, đem sự việc tâu lên vua. Lúc đó Khánh Dư mới ở bãi Tắm (có lẽ là vùng ven biển Hải Phòng bây giờ) về kinh thành. Vua hỏi Khánh Dư: “Vì sao lại có chuyện tiền hậu bất nhất như thế, để dân kiện là đúng hay sai?”.

Khánh Dư thản nhiên bước ra râu rắng:

- Quan lại, quý tộc là chim ưng. Quân dân là con vịt. Bởi thế đem vịt mà nuôi chim ưng là lẽ tự nhiên. Có gì mà lạ!

Vua giận lắm, định mắng lại thì Trần Khắc Chung đã đưa mắt cho Khánh Dư. Dư viện cớ đau bụng ra ngoài.

Đó là năm 1296, lúc đó Phạm Ngũ Lão đã là Điện súy, chỉ huy quân Thánh dực. Là người duy nhất ở hàng quan võ lên triều không phải cởi gươm. Thấy Khánh Dư nói như vậy thì lửa giận bốc lên đùng đùng. Bao nhiêu sự hy sinh xương máu của dân chúng qua các cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, cùng với sự đói khổ lầm than đến cùng cực vì nạn tham quan ô lại, lẫn thời tiết khắc nghiệt gây mất mùa; ấy vậy mà Khánh Dư lại “tuyên bố” đến ghê sợ như vậy đã khiến Ngũ Lão không kìm nổi, đuổi theo Khánh Dư, tuốt gươm ra định chém. Nguyễn Chế Nghĩa lúc đó cũng đang là Đô tướng, Phó chỉ huy quân Thánh dực thấy vậy vội đuổi theo, ôm chặt người Ngũ Lão lại và van vãn:

- Hiền huynh, đừng xúc động quá! Việc này không thể nóng giận mà giải quyết được.

Phạm Ngũ Lão ấn mạnh gươm vào vỏ rồi nói:

- Đệ chịu đựng được thì ở lại! Huynh phải từ quan thôi!

Vua Trần Anh Tông (lên ngôi năm 1293) vốn là vị vua thông minh. Biết tất cả việc làm sai trái của Trần Khánh Dư. Nhưng vì Khánh Dư là đại công thần trong cả ba lần chống Nguyên Mông nên không thể tùy tiện trị tội được. Anh Tông bèn bàn với các triều thần là Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài và Trần Khắc Chung. Để xoa dịu dư luận cũng như kiềm chế bớt sự tác oai, tác quái của một số quan lại biến chất nên đã đề ra sắc luật mới là **CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ BÁN THÂN HOẶC BÁN RUỘNG TRONG VÒNG NĂM NĂM CÓ THỂ CHUỘC ĐƯỢC THÂN VÀ ĐƯỢC RUỘNG**. Quá năm năm thì thôi. Riêng các vùng nuôi tôm của Trần Khánh Dư có chỉ dụ riêng, cho dân khai phá thuê được phép sử dụng thêm hai năm nữa.

Trần Khánh Dư sau lần ấy, sợ vua quở trách nên rất ít khi vào triều. Nếu có vào cũng dự không quá bốn ngày. Mọi tình hình Khánh Dư đều nắm qua Trần Khắc Chung, tất nhiên là có dùng tiền bạc để “hối lộ” nhân vật này. Trần Khánh Dư và Trần Khắc Chung trở thành cặp bài trùng trong các vụ việc làm ăn, chạy chức, chạy quyền, chạy tiền, chạy tội. Bằng cách đó Khắc Chung đã đưa được em là Đô Thiên Hứ vào làm Hành khiển trong cung, trở thành bàn tay nối dài nữa cho Trần Khánh Dư.

Năm 1297, mùa hạ, tháng năm quân Ai Lao với một đàn voi dữ xâm vào vùng thượng nguồn sông Mã của Ái Châu. Chúng quấy phá vườn tược, hoa màu, giết hại dân chúng rất nhiều. Nơi là thánh địa của hai vua Trần giai đoạn chống Nguyên Mông lần hai bị đe dọa nghiêm trọng. Quan trấn thủ Ái Châu không địch nổi sự hung hãn của giặc, dâng biểu cầu cứu về triều. Anh Tông họp bàn với các quần thần. Trần Khắc Chung bàn riêng với vua:

- Giặc Ai Lao kỳ này rất nguy hiểm. Chỉ có cử Phạm Ngũ Lão đi đánh dẹp mới khuất phục bọn chúng được. Năm 1294 chính Ngũ Lão đánh chúng phải chạy tan tác ở Hoan Châu, bắt được voi ngựa rất nhiều... Ngũ Lão là quan võ. Ngồi lâu trong triều chân tay bứt rứt, ngứa ngáy. Đợt vừa rồi không có Nguyễn Chế Nghĩa can ngăn kịp thời thì không biết chuyện gì đã xảy ra với Nhân Huệ vương. Ý đồ của Khắc Chung và Khánh Dư là muốn đẩy Ngũ Lão vào chốn hiểm nguy, nếu thắng được Ai Lao cũng chỉ là việc nhỏ. Mà lỡ thua, tử trận thì bằng “nhổ được cái gai trong mắt”. Kế đó được Khánh Dư cười (tất nhiên có kèm theo một bọc tiền) và gọi là kế MUỘN DAO GIẾT NGƯỜI.

- Việc này để trẫm bàn với Ngũ Lão đã - Vua Anh Tông nói - Dù sao chức Điện súy là rất quan trọng.

Trần Thì Kiến biết Phạm Ngũ Lão buồn bèn đến nhà chơi.

Thì Kiến ngạc nhiên thấy phủ đệ của Ngũ Lão quá sơ sài. Tiếp khách thì trải chiếu ngồi dưới nền gạch bát. Chỉ có hai phòng gác trở ra để một làm phòng thờ và một làm phòng đọc sách gọi là tương đối tươm tất.

Triều chính hiện giờ rất còn thịnh. Ấy là nhờ vào Đức vua anh minh. Các tướng tài thời chống Nguyên Mông vẫn còn là trụ cột. Tuy nhiên các loại “sâu mọt” đang liên kết lại với nhau để đục khoét, kiếm chác. - Thì Kiến nói - Đệ đi các nơi đều nghe nói: thứ nhất quan hệ (chỉ sự kết bè, kết cánh

với nhau; thứ nhì tiền tệ (ý nói việc gì cũng có thể dùng tiền để mua bán được); thứ ba là hậu duệ (chỉ con cháu, họ hàng của lớp vương hầu, quý tộc bấy giờ). Đây thực sự là quốc nạn, một thứ NỘI XÂM gặm mòn đất nước.

- Thế người đã báo với Quốc công Tiết chế chưa? - Ngũ Lão hỏi lại.

- Báo rồi! Đệ với Đoàn Nhữ Hài, Trương Hán Siêu lên gặp Đại vương ở Vạn Kiếp...

- Đại vương bảo sao - Ngũ Lão sốt ruột hỏi lại.

- Đại vương chỉ thở dài, không nói gì.

- Huynh thấy chán nản lắm! Cũng định lên thăm Đại vương một ngày gần đây. - Ngũ Lão đáp.

Trần Thì Kiến vừa về thì có trát của vua mời vào gặp riêng.

- Trẫm định cử Điện súy đi dẹp loạn Ai Lao ở bắc Ái châu - Mở đầu Anh Tông nói - song muốn xem ý của Điện súy thế nào? Vì việc quân cấm vệ cũng là điều tối hệ trọng. Nếu Điện súy không đi, trẫm sẽ cử tướng khác.

- Quân Ai Lao nhiều lần khinh nhờn vì cậy có nhiều voi dữ. Kỳ này nếu Thánh thượng cử mặt tướng đi - Ngũ Lão đáp. - Xin cho quan coi quân khí chế cho thật nhiều pháo đùng và cấp cho thật nhiều cung tên. Còn việc ai quản quân cấm vệ đã có Hầu gia Đỗ Hành và Đô tướng Nguyễn Chế Nghĩa đều là những người tài giỏi cẩn trọng, nên không có gì phải lưu tâm cả... Mặt tướng có một việc không biết có nên bầm với Thánh thượng hay không?

- Điện súy có gì cứ nói! Thượng hoàng Trần Nhân Tông cũng rất yêu quý Điện súy. Có lần Người đã than, nếu có Điện súy đi hộ giá lần ấy thì chưa chắc Trần Bình Trọng đã phải bỏ mình.

- Thượng hoàng quá khen thôi. "Chứ tài đức của mặt tướng cũng chẳng có gì đáng phải để ý... Còn chuyện mặt tướng muốn tâu với Thánh thượng hôm nay là... mặt tướng tuy chưa già nhưng đã cảm thấy mỗi mết... không hẳn là muốn từ quan... Mà muốn Thánh thượng bố trí cho việc... có thời gian rảnh rỗi một chút... để còn thực hiện di nguyện của sư phụ.

- Được rồi! Trẫm ghi nhớ lời thỉnh này của Điện súy. Sau lần này về... trẫm sẽ tính với Điện súy sau.

Ngũ Lão từ tạ ra về. Phóng ngựa lên Vạn Kiếp gặp Hưng Đạo Đại vương.

Vừa gặp Người. Ngũ Lão đã quỳ xuống sụp lạy:

- Ngũ Lão ít lên thăm... Mong Đại vương xá tội cho.

Hưng Đạo Đại vương vuốt chòm râu đã lốm đốm bạc nói:

- Con giờ giữ trọng trách trong triều. Làm gì có dư giả thời giờ mà đi đây đi đó được... Nhưng mà cái việc con quá nóng nảy, toan chém Nhân Huệ vương, theo cha là nên kiềm chế... phải kiềm chế. Không phải giữ cho mình mà là giữ cho triều đình, tức là giữ cho nước.

- Cha đã dạy thế. Con xin tạ tội trước cha... Vì Ngũ Lão này trước sau vẫn chỉ là gã nhà quê đần sọt, không thể gạt bỏ bản tính lỗ mãng được...

- Con nói lại càng sai rồi... Vả lại sự việc nói cho cùng vẫn chưa xảy ra.

- Con nghĩ việc làm của Nhân Huệ vương đối với dân chúng, không phải việc này mà nhiều, rất nhiều việc khác nữa như mua gia nô, sắm ruộng đất nhân thiên tai, mất mùa... thực chất là một tội ác với dân chúng. Mà đã là tội ác... thì không thể làm ngơ mãi được!

- Con ơi! Con đã đọc muôn vàn cuốn sách. Hẳn có nghe nói “ném chuột còn phải giữ bình quý” sao? Nhân Huệ vương tuy là có tội với dân, nhưng trước đây đã có công với nước (tức là có công với dân)... Bởi thế không thể thẳng tay như các kẻ khác được. Vả lại nước ta, từ ngàn năm nay đến giờ... Vẫn vậy. Việc chống xâm lược phương bắc bao giờ cũng là việc hệ trọng nhất, việc được đặt lên hàng đầu. Rồi lịch sử sau này, người ta chỉ thấy nổi rõ việc Nhân Huệ vương đốt cháy tan tành bảy mươi vạn thạch lương của Nguyên Mông, mà thấy mờ nhạt chuyện bóc lột, ức hiếp dân chúng. Đó là nỗi đau của người dân Đại Việt mà có lần Quốc Tử Giám cũng đã nói với cha, nhưng cha không tài nào an ủi nó được.

Phạm Ngũ Lão buồn rầu đáp lại một tiếng “Vâng” - Rồi mãi một lúc sau mới đề đạt:

- Cha ạ! Con có việc này muốn lên nhờ cha giúp đây!

- Việc gì vậy, con cứ nói. Cha con với nhau có gì mà ngại!

- Chả là Thánh thượng sai con đi dẹp loạn Ai Lao ở bắc Ái châu! Con muốn xin cha cho Dã Tượng đi cùng.

- À, tưởng chuyện gì, chứ việc ấy cha bằng lòng ngay. Và chắc Dã Tượng cũng thích thú nữa. Vậy cha sẽ giao cho con Dã Tượng làm tùy tướng, để con sai bảo.

- Ấy chết! Nếu thế thì con không dám nhận đâu! Dã Tượng là anh em với con làm tùy tướng cho con sao tiện. Nếu cha đồng ý để Dã Tượng làm Phó tướng... con mới đồng ý.

- Điện súy vẫn nghĩ đến tình anh em xưa... quả rất quý. - Hưng Đạo Đại vương nói vui.

- Cha giễu con thế làm con tổn thọ mất!

Thế là hai cha con cùng cười phá lên...

Ngũ Lão kể cho Đại vương việc sự phụ của mình trăng trối phải tìm được “truyền nhân” để giữ cho được ngọn lửa truyền thống thượng võ, nhằm chống lại sự xâm lược, bành trướng của giặc phương bắc sau này. Hưng Đạo Đại vương nói:

- Sự phụ của con thực sự là Đại anh hùng. Đại anh hùng giấu mặt. Người nghĩ xa như vậy là rất đúng. Cha cũng đã tính rồi nhà Nguyên giỏi lắm còn đứng được khoảng bốn chục năm nữa là cùng, bây giờ đã bắt đầu loạn rồi. Nhà nước mới nào lên cầm quyền ở phương Bắc cũng đều nghĩ tới việc xâm chiếm Đại Việt. Để làm bàn đạp đánh xuống Chiêm Thành, Chân Lạp. Phía tây thì chiếm Ai Lao rồi Xiêm La. Và còn đi xa hơn nữa. Nhà Nguyên cũng đã tính như vậy nên mới phong cho Thái tử Thoát Hoan làm Trấn Nam vương là với ý đồ đó. Nhưng bị Đại Việt ta chặn đứng được.

- Con thật là người có phúc lớn nên mới gặp được sư phụ con và cha. - Ngũ Lão nói.

- Con chỉ mới nói đúng một nửa thôi. Phải nói thêm là sư phụ con có cơ duyên lớn mới phát hiện ra con và truyền dạy võ thuật thượng đẳng cho con. Còn cha cũng có duyên để rèn giũa, dạy thêm cho con về binh pháp... Do đó việc sư phụ dặn con như con vừa nói là rất đúng. Đánh mấy sự quấy nhiễu của Ai Lao, Chiêm Thành chỉ là việc gãi mấy nốt ghê bên ngoài. Phải chuẩn bị cho lâu dài để chống giặc phương bắc mới là chuyện của gan một của Đại Việt. Cha nghĩ đất Hoan - Ái thời nào cũng là đất rường cột của quốc gia. Con có thể vào đó để tìm “truyền nhân”. Tìm được dăm bảy người thì càng tốt. Số này phải tiếp tục làm công việc ấy cho thế hệ sau, như là một cuộc chạy tiếp sức vậy.

- Con xin ghi nhớ lời cha. Sau khi dẹp Ai Lao xong, trở về con sẽ bắt tay ngay vào việc đó.

Phạm Ngũ Lão tâu với vua xin ba vạn quân và đề cử bổ nhiệm Dã Tượng làm Phó tướng.

- Sao không đốc xuất năm vạn cho chắc thắng - Vua Anh Tông quan tâm hỏi lại.

- Dạ, bẩm! Quân chỉ cốt tinh chứ không cốt đông.

- Thôi được tùy Điện súy! Ngoài ra có cần lấy ai làm tiên phong nữa không?

- Dạ, bẩm! Dã Tượng là Phó tướng kiêm tiên phong là đủ ạ!

Mùa thu, tháng Tám Phạm Ngũ Lão làm Chánh tướng. Dã tượng làm Phó kiêm tiên phong dẫn ba vạn quân vào miền tây Ái châu. Quân Ai Lao đang hoành hành dữ dội ở vùng thượng nguồn sông Mã nhờ vào đội tượng binh năm chục con, trong đó có một con voi trắng khổng lồ vô cùng hung hãn.

Biết Phạm Ngũ Lão đem quân đến, tướng Ai Lao sai rào giậu trại hết sức chắc chắn rồi dẫn đội tượng binh ra nghênh chiến. Ngũ Lão sai quân cung

nỏ bắn chặn quyết liệt khiến chúng không dám xông thẳng vào quân ta, mà chỉ ở phía quân Ai Lao, múa vòi và đứ^[5] lên các tiếng ghê rợn. Ngũ Lão ghé vào tai Dã Tượng:

- Đệ ra bắt sống con voi trắng về đây.

Dã Tượng vâng lệnh cưỡi ngựa xông lên, bên lưng giắt hai búa gỗ lim lớn. Tay cầm một sợi dây mây rất dẻo và vót nhọn đầu. Không chờ lệnh tướng Ai Lao, con voi trắng hung hãn xông ra. Ngựa và voi tiếp giáp nhau. Dã Tượng tung người nhảy lên cổ voi, thả cho ngựa chạy về bên trận Đại Việt. Con voi tung vòi lên, định cuốn Dã Tượng quật xuống đất rồi dùng chân di chết. Chỉ chờ có thế, Dã Tượng đã trong chớp mắt luồn sợi dây mây qua lỗ mũi rồi quấn luôn mấy vòng quanh cổ voi. Con voi bị “trói” vòi, chạy lồng lên để quật Dã Tượng xuống. Dã Tượng quắp chặt hai chân vào cổ voi, hai tay rút hai búa gỗ lim bên sườn nện tới tấp vào hai bên mang tai con quái vật. Tướng Ai Lao thúc năm chục con voi ra trợ chiến. Phạm Ngũ Lão cho nổ pháo đùng đình tai nhức óc, lửa xanh, lửa đỏ bắn tóe ra xung quanh khiến lũ voi khiếp sợ co vòi lùi lại.

Sau một hồi đập đã tay, con voi trắng thực sự bị choáng. Đến lúc đó Dã Tượng mới giắt hai chiếc búa gỗ vào sườn, vừa xoa hai bàn tay vào vùng mang tai vừa cúi xuống thủ thỉ mấy câu gì, con voi trắng có vẻ ửng thuận. Dã Tượng quát một câu gì đó, con voi trắng vội quỳ hai chân trước xuống, xin hàng.

Ngũ Lão thúc trống liên hồi thúc kỵ binh Đại Việt tràn sang. Quân Ai Lao lui về, đóng chặt cửa trại cố thủ, không dám ra đánh.

Dã Tượng dong con voi trắng về, tháo sợi dây mây luồn qua lỗ mũi ở vòi nó ra. Rồi sai lính lôi ra hai vác mía cho nó ăn. Lúc đầu nó còn đưa mắt nhìn Dã Tượng như muốn hỏi xem Dã Tượng có đồng ý không. Dã Tượng gật đầu. Con voi trắng từ tốn dùng vòi quấn từng cây mía rất bụ, đã đến thời cho nước ngọt đút lên miệng, ăn ngon lành. Mọi người kể cả quân Ai Lao đều kinh sợ trước tài thuần dưỡng voi dữ của Dã Tượng.

Hôm sau Ngũ Lão cho vây ba cửa đông, nam, bắc của giặc. Riêng cửa tây thì bỏ ngỏ. Pháo đùng nổ ròn rã, đình tai, nhức óc. Quân lính dùng búa bổ bứt tung các cửa trại. Rồi kỵ binh và bộ binh xông vào. Tướng Ai Lao biết không địch nổi, bèn dẫn quân tháo chạy ra cửa tây. Chạy chừng mười dặm, bỗng thấy một loạt pháo nổ vang. Khói pháo vừa tan đã thấy Dã Tượng cầm đao lớn, hiên ngang ngồi trên cỗ voi trắng, phía sau là năm ngàn quân kỵ, cung tên, giáo mác, đao kiếm sát khí đằng đằng. Tướng Ai Lao quay đầu dẫn quân chạy lộn lại, vừa mới được hai dặm đã thấy Ngũ Lão oai phong lẫm liệt trên mình con ngựa ô đen bóng. Quân lính phía sau cũng đằng đằng sát khí, luống cuống chưa biết xử trí thế nào thì thấy Ngũ Lão hỏi:

- Tướng Ai Lao, không xuống voi hàng đi! Còn chờ đến lúc nào nữa. Hàng thì sống! Chống thì chết.

Quân Đại Việt cũng hô lớn: “Hàng thì sống! Chống thì chết!” Biết không có đường nào khác tướng Ai Lao xuống voi, giơ đao lên trời xin hàng.

Một toán quân Đại Việt đã lọt vào chiếm trại từ lúc nào. Phạm Ngũ Lão oai vệ ngồi trên chiếc ghế bành lớn. Phía sau Dã Tượng cầm đao “đứng hầu”. Quân lính áp giải tướng Ai Lao vào. Ngũ Lão trông thấy vội đứng bật dậy, rút con dao găm bên sườn ra, cắt dây trói cho tướng Ai Lao ra. Rồi sai lính đem ghế và bày rượu cùng ngồi uống và hàn huyên.

Ngũ Lão hỏi:

- Quân Ai Lao có mạnh bằng quân Nguyên Mông không?
- Dạ làm sao mà so với binh mã Thiên triều ạ!
- Ấy thế mà rợ Hồ đã bại trận ba lần trước Đại Việt. Vậy có gì mà Ai Lao lại cứ sang quấy rối Đại Việt vậy?

Tướng Ai Lao ấp úng. Ngũ Lão phải gặng hỏi mãi mới đáp:

- Dạ! Là do Xiêm La xui ạ!
- Xui thế nào?

- Sứ giả Xiêm La sang bảo Đại Việt có rất nhiều công chúa đẹp hỏi chắc là họ không gả đâu! Mà Ai Lao lại có đội tượng binh hùng mạnh thì cứ đem sang mà quấy nhiễu. Muốn được yên ổn thì phải gả công chúa cho.

- Thế người có biết thâm ý của người Xiêm La là thế nào không?

- Dạ, mặt tướng chỉ nghe theo lệnh vua sai, làm sao mà biết được!

- Chính vì thế mà ta mới “mời” tướng quân cùng ngồi ở đây uống rượu để giảng giải cho tướng quân nghe. Sau đó trở về tướng quân nói lại thiệt hơn cho vua Ai Lao nghe. Vốn là Xiêm La từ xưa đã rất thèm khát vùng vừa lúa phì nhiêu của Ai Lao ở phía Tây Bắc, bên bờ Mê Kông. Xiêm La xui Ai Lao chiến tranh với Đại Việt để Ai Lao hao người, tốn của. Sau yếu đi. Lúc đó Xiêm La mới có cơ hội làm được việc đó.

- Quả thật là vua tôi chúng tôi không biết gì về thâm ý này của Xiêm La ạ! Bây giờ Điện súy nói tôi mới rõ. Nếu Điện súy tha về, nhất định tôi sẽ trình bày hơn thiệt ý của Điện súy với vua của tôi.

- Để tỏ sự đại lượng của Đại Việt, ta sẽ tha cho tướng quân cùng các quân sĩ được trở về Ai Lao. Không giữ lại một ai. Riêng đội tượng binh thì phải giữ lại. Không có vua Ai Lao lại dùng chúng để tiếp tục quấy nhiễu Đại Việt lần nữa.

- Nếu được như vậy thì bại tướng đây, xin quỳ lạy Điện súy ba lạy. - Nói rồi tướng Ai Lao đứng dậy. Nhưng Ngũ Lão đã đỡ lại và bảo:

- Tướng quân không phải làm vậy! Cái cốt yếu là phải giữ chữ tín với nhau là được.

- Tôi xin thề với Điện súy là lần sau vua có sai tôi sang quấy nhiễu Đại Việt, dù có bị chém đầu tôi cũng không đi.

- Tướng quân đã nói vậy là đủ rồi.

Phạm Ngũ Lão tha hết cho quân Ai Lao về, chỉ giữ lại đội tượng binh đem về kinh thành. Riêng con voi trắng khi ra gần đến cửa rừng già thì Dã Tượng bảo với nó:

- Người nguyên là thú hoang dã. Vậy hãy trở về với đại ngàn đi.

Con voi trắng dùng dằng không nghe. Dã Tượng bảo:

- Dù có về Thăng Long, người cũng không được ở cùng ta đâu. Người là “báu vật” thế này, sứ Nguyên biết thế nào cũng đòi Đại Việt phải đem cống. Sang đây tất sẽ bị xích chân vào cột đá trong vườn thú, cho mọi người chiêm ngưỡng, về với đại ngàn sống đời tự do có sướng hơn không?

Con voi trắng khồng lồ đứng lên một tiếng lớn, rồi quỳ hai chân trước, phủ phục trước mặt Dã Tượng. Tự nhiên từ hai đôi mắt nhỏ của nó chảy ra hai dòng nước mắt.

Dã Tượng dặn thêm:

- Về với đại ngàn, người chớ có cậy sức mạnh mà ăn hiếp đồng loại. Nhất là việc tranh giành voi cái nhé!

Nó lại đứng lên một tiếng như đáp lại lời căn dặn chí tình, chí cốt ấy.

Đoàn quân đi khuất rồi, mà con voi trắng vẫn phủ phục nơi bìa rừng. Mãi một lúc lâu sau, Dã Tượng lại nghe thấy ba tiếng đứng cực lớn của nó. Dã Tượng biết đó là lời chào từ biệt, và đến lúc đó nó mới trở vào rừng.

Vua Anh Tông thân ra cửa nam đón đoàn quân chiến thắng của Phạm Ngũ Lão và Dã Tượng trở về. Điện súy kể hết lại mọi chuyện đã nói với tướng Ai Lao cho Anh Tông nghe. Anh Tông cảm động lắm nói:

- Điện súy quả là rường cột của quốc gia. Vũ đã giỏi mà văn (ý nói là trí) cũng tài.

Và để tìm mọi cách phủ dụ Phạm Ngũ Lão, một năm rưỡi sau, khi con gái của Ngũ Lão là Phạm Thị tự là Tĩnh Huệ, vừa tròn mười sáu tuổi, vua Anh Tông đã sai người mai mối, cưới làm thứ phi.

Mười năm sau vào năm 1308 vì Phạm Thị không có con, nên xin với vua được ra ngoài để đi tu. Cũng vì nể trọng Phạm Ngũ Lão nên được vua Anh Tông đồng ý ngay. Chứ nhiều trường hợp khác đành sống lủi thủi một mình suốt đời trong cung cấm. Phạm Thị về làng Phù Ủng, một hôm lên chùa

Bảo Sơn thấy chùa đổ nát, tiêu điều thì than: “Chùa này là nơi tiên quân ta (chỉ Phạm Ngũ Lão) từng luyện tập võ nghệ mà có được ngày hôm nay. Ta về đây tu sửa lại chùa, có thể thờ vua, lại có thể thờ gia tiên và sư phụ thay cho cha ta, trung hiếu vẹn cả đôi đường, đó cũng là sở nguyện của ta”. Bèn bán hết tư trang, dồn tiền sửa lại chùa, làm điện ở phía bên đông chùa, lại làm nhà riêng ở đằng sau để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Khi làm xong Thượng hoàng ngự đến xem, ban cho biển ngạch để tỏ lòng ưng ý.

Lại nói Trần Khánh Dư, sau vụ tuyên bố xanh rờn trong triều “quan lại, quý tộc là chim ưng, còn lính và dân là con vịt. Việc dùng vịt để nuôi chim ưng là lẽ tự nhiên, việc gì phải bàn cãi”; thấy vua giận lắm nên Trần Khắc Chung “xui” nên ít vào triều. Khánh Dư tập trung thì giờ vào vui chơi, săn bắn và quyết tâm hoàn thành sân đua ngựa ở bên Thượng Hồng. Tuy nhiên như trên đã nói công việc bị ngưng trệ vì có một số nhà phú ông kiên quyết không chịu bán ruộng, đặc biệt có nhà của chị Cả Lưu, cả trăm mẫu ruộng vào loại “thượng đẳng điền” nằm lọt ở giữa trường đua, kiên quyết không bán, dù trả giá rất cao khiến Khánh Dư rất buồn bực. Một hôm thấy một vị thầy Tàu đi ngang qua Phủ liên gọi vào bói một quẻ. Thầy Tàu gieo quẻ xong, cặp tráp đi ngay, không nói gì. Khánh Dư cho người đuổi theo bắt lại:

- Tại sao lại dám vô lễ bỏ đi như vậy? - Khánh Dư quát.

- Dạ! Bẩm tôi không dám nói.

- Ta đây từng vào sông ra chết lập được công to. Bĩ cực phải đi bán than bữa no, bữa đói đã từng trải qua. Có sự gì nữa cơ chứ mà người không dám nói?

- Dạ! Bẩm quả thật tôi không dám ạ!

- Ta cho phép lành dữ thế nào ta cũng trả mười quan tiền.

- Thế thì tôi chỉ nói một câu thôi. Nhà sắp có đại tang.

Khánh Dư nổi giận nói:

- Cha mẹ ta khuất núi đã lâu. Vợ con không có. Ta thì còn lâu mới chết... Đúng là đồ “bói ra ma, quét nhà ra rác”. Rồi sai người nhà đuổi thầy bói đó, không trả đồng nào như đã hứa.

Trở lại việc làm trường đua ngựa, Trần Khắc Chung hiến kế:

- Ruộng của chúng nó ở giữa, đường mương dẫn nước vào, huynh cứ cho lính lấp kín lại. Đường ra vào cũng rào kín lại. Xem chúng nó có canh tác nổi không? Lúc đó phải bán vội giá rẻ là đằng khác.

Khánh Dư nghe theo, sai lính cứ như lời Khắc Chung mà làm.

Lại nói đứa con trai chị Cả Lưu, năm đó vừa tròn mười bảy. “Nữ thập tam nam thập lục”, năm thằng bé mười sáu chị lấy cho nó cô vợ theo câu ca truyền thống “gái hơn hai, trai hơn một”. Con dâu chị mười tám, ngực nở, hông to, lưng ong thắt đáy, đúng là tướng mấn đẽ. Cưới được đúng “chín tháng, mười ngày” thì “tòi” ra một thằng cháu nội, giống bố như đúc. Đúng là giở nhà ai, quai nhà nấy. Chị tuyên bố:

- Con độc, cháu phải đàn. Con cứ đẻ cho bà chục đứa, bà nuôi được tất. Cô con dâu đỏ chín cả mặt.

Thời “ông ngoại” còn làm “quan huyện giả” có lần từ trên phủ về, giữa đường gặp một kẻ trần truồng như nhộng toàn thân máu me. Dương vật bị cắt đứt vào miệng. Biết là lũ “giang hồ trả thù ân oán”, ông đã định bỏ mặc. Nhưng rồi lại nghĩ “cứu một mạng người, bằng xây bảy tòa tháp” nên xuống kiệu đi bộ, sai người nhà khiêng hãn đến nhà quan đại phu (lương y). Chạy chữa suốt ba tháng trời, hết hơn trăm bạc, hãn mới khỏe lại. Ông gọi hãn vào buồng bảo:

- Bây giờ người đã “trơn lông đỏ da” có thể ra ngoài vẫy vùng, báo ân, báo oán được rồi!

Hãn sụp lạy dưới chân ông ngoại, dùng răng cắn chặt lấy gấu quần ông, nước mắt chứa chan nói:

- Con sinh ra không biết cha mẹ là ai... Lớn lên sống đời giang hồ vất vưởng, gây ra tội ác cũng nhiều và ác báo cũng lắm. “Oan oan tương báo” biết đến bao giờ cho xong. Nay con được ông ra tay độ thế, cứu mạng. Con xin ở lại làm thân chó ngựa để đền đáp. Nếu ăn ở hai lòng thì trời tru, đất diệt. Chết không có chỗ chôn.

Thấy hấn thực lòng, ông đồng ý đặt tên cho hấn là “Hoàn Lương”. Sau thấy không tiện đổi thành Hoàng Lương. Hoàng Lương có chút ít võ nghệ, có tài sử dụng một thanh “quất đồng” (roi đồng) tương đối khá. Lúc đó con chị Cả Lưu cũng đã đủ mười lăm, mười sáu nên bảo Hoàng Lương:

- Cậu dạy cho cháu một vài miếng... để có lúc phải phòng thân.

Hoàng Lương vâng lời, dạy cho cậu cả quyền cước và bài roi mười tám đường. Với võ nghệ ấy, chưa thể làm được nên “cơm cháo gì”, nhưng cũng có thể đánh được vài ba tên lính. Bởi thế khi quân của Trần Khánh Dư đến lấp mương dẫn nước, nó đã dẫn gia nhân ra ngăn cản. Nó nói rất có lý:

- Ruộng là ruộng của Nhân Huệ vương thật. Nhưng mương nước là của chung, của hương của làng. Các anh không có quyền lấp.

Rồi nó sai gia nhân khai trở lại. Hai bên xô xát, nó rút thanh quất bằng đồng ở sau vai, vung mấy đường khiến ba tên lính bị thương, đưa võ đầu chảy máu, đưa gãy tay.

Trần Khánh Dư hay tin thì lửa giận bốc lên ngàn ngút. Có lẽ chưa bao giờ Khánh Dư thấy “bức bối” như lúc này liền sai lính dắt con ngựa trắng ra, con chim ưng cũng đi theo, đậu trên vai.

Khánh Dư xuống ngựa quát:

- Đứa nào dám đánh lính của bản vương bị thương!

Lúc này chị Cả Lưu và Hoàng Lương có việc không có nhà. Cậu cả dẫn gia nhân ra quát lại:

- Chính là ta. Ông có bản lĩnh gì thì hãy giở ra đi!

Trần Khánh Dư điên tiết, rút thanh trường kiếm ra, cũng định chỉ “cảnh cáo” cho hấn một mũi vào vai, vào đùi, hay chỗ nào đó không thể mất mạng được. Nhưng chàng thanh niên quá hăng lại không lượng được sức mình, lăn xả vào vung quất đánh. Khánh Dư né qua mặt, đưa một đường kiếm thẳng. Cậu thanh niên không tránh được, vô tình lưỡi kiếm xuyên qua ngực, gục xuống chết liền. Khánh Dư cũng sợ hãi vội nhảy vọt lên con ngựa trắng phi về kinh thành.

Chiều chị Cả Lưu về, hay tin ngất lịm đi. Phải mất cả khắc giờ đồ thuốc và lay gọi chị mới hồi tỉnh. Khi được biết kẻ giết con mình chân dài, cưỡi ngựa trắng trên vai có con chim ưng đậu thì chị đã nấc lên:

- Trời quả báo! Trời quả báo đây!...

Chị nói mà cũng không hiểu được là nói ai quả báo ai. Mọi người tất nhiên là càng không hiểu. Chị vào buồng lấy ra một vuông vải, trên đó có vẽ hình một người chân dài, cưỡi ngựa trắng, đầu đội mũ có gắn lông công, và trên vai có một con chim ưng oai vệ đậu. Vốn là bức vẽ Khánh Dư bỏ quên trên thuyền khi bán cả than củi và thuyền cho chị gần hai mươi năm trước. Chị giữ lại bức vẽ dưới đáy rương (hòm) với ý định lúc trăng trời nếu thẳng con có hỏi bố nó là ai, thì đưa bức tranh ra. Nhưng sự thế bây giờ lại hóa ra thế này.

Chị bèn tập hợp mấy chục gia nhân và thuê bà con lối xóm khiêng quan tài đưa con trai lên kinh thành. Phía trước quan tài có treo vuông vải có hình vẽ đó. Có người biết chỉ cho chị, người trong tranh chính là Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư. Đoàn người khiêng quan tài rầm rập kéo đến phủ Nhân Huệ vương. Đang buồn bực, thấy bên ngoài ồn ào, Khánh Dư vội bước ra xem có chuyện gì.

Trông thấy chị Cả Lưu dẫn đầu đoàn người Khánh Dư nói:

- Chúng ta đã có thỏa thuận là không bao giờ gặp lại nhau rồi cơ mà!

- Đồ giết người! Hồ dử cũng không ăn thịt con... Còn người hãy nhìn thẳng bé đi... Cặp chân dài giống ai? Cái trán rộng. Đôi mắt to có hai hàng mi cong. Rồi cái mũi cao, nhọn với hai cánh mũi mỏng... giống ai?

Khánh Dư nhìn quan tài đặt trước cổng, nghe chị Cả Lưu nói, tai ù đi. Mắt hoa lên, nẩy đom đóm. Nhưng trong đầu vẫn còn tự hỏi: “Chẳng lẽ... chuyện đó lại là thật!”.

Chị Cả Lưu gào lên:

- Giết người phải đền mạng!

Rồi rút từ cặp quần phía sau lưng ra một chiếc liềm cắt cỏ, nhắm cái thân cao lớn của Khánh Dư ném tới. Là võ tướng tài giỏi, giá như đó là lưỡi kiếm, lưỡi dao hay lưỡi búa... Khánh Dư dễ dàng tránh được. Thậm chí là giơ tay ra bắt nhẹ nhàng. Nhưng đây lại là chiếc liềm cong cong, nên đường đi của nó khá vòng vèo. Khánh Dư chưa kịp tránh thì nó đã liệng qua đầu rồi mũi nhọn cắm phập vào vai phải. Khánh Dư ôm vai ngã xuống. Lũ lính xông ra kề gươm vào cổ chị và Hoàng Lương. Khánh Dư cố gượng đầu đứng lên. Nhìn người vừa làm mình bị thương, tự nhiên thấy lòng đau như dao cắt, Khánh Dư quát bọn lính.

- Thả họ ra! Thả tất cả ra!...

Chị Cả Lưu đưa xác con về, đưa lên chùa Bảo Sơn làm lễ hỏa thiêu. Rồi chị đem tro cốt trở lại bến Bình Than xưa trải dài xuống sông...

Qua một số người chị Cả Lưu biết Trần Khánh Dư có cháu đầy đàn. Song tuyệt nhiên không thấy có đứa con nào! Có thể ông ta đã “trải con” ra khắp thiên hạ, nhưng mà cuối cùng thì sự thế lại trở trêu như vậy! Chị đâm chột dạ! Ông ta là người quyền thế, lại giàu có vào hạng nhất nước. Biết đâu ông ta chả cho người về đây dò la. Và biết còn có đứa cháu nội. Sẽ tìm cách bắt về thì chị “đâm trắng tay”. Nghĩ rồi làm liền. Chị gọi con dâu tới, đưa cho nó một trăm bạc và bảo:

- Con dùng số tiền này làm dấn, làm vốn. Rồi tái giá! Đừng ở vậy như mẹ đây. Khổ lắm! Mẹ phải đưa cháu đi... không người ta sẽ đến bắt mất.

Đứa con dâu của chị “lăn ra như con bống” bị mắc cạn. Khóc ngăn ngắt đòi đi theo. Chị dỗ:

- Mẹ chỉ đưa cháu đi vài năm thôi! Bao giờ yên hàn mẹ sẽ mang cháu về để “mẹ con gặp nhau”.

Nhà cửa, văn tự đất đai ruộng vườn chị giao tất cho bà con họ hàng trông giữ. Một buổi sáng sương mù còn giăng mù mịt, cách vài bước chân không nhận rõ mặt nhau. Chị đi sau lưng đứa bé. Phía trước bụng, trong lớp quần lót chị quấn một “ruột tượng” đựng tiền nong. Bên hông dắt một con dao găm cực sắc để phòng thân và sử dụng hàng ngày. Hoàng Lương cũng sau

lưng một kiện hàng đồ dùng, quần áo, thức ăn cho trẻ. Phía trước bụng cũng là một “ruột tượng” tiền vàng lớn. Tay cầm roi đồng, sườn đeo đoản kiếm. Ba nhân mạng ra phía bờ đê sông Cái, xuống một chiếc thuyền vừa phải nhưng rất chắc chắn, đi về đâu không ai rõ.

Trần Khánh Dư sau mấy ngày điều trị khỏi vết thương ở vai. Sai người đi dò la tung tích nhà chị Cả Lưu. Khi hay tin chị đã đưa cháu nội đi biệt tích thì ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Ta đã đến chậm một bước rồi! Thật là thấp mưu thua trí đàn bà.

Rồi cho người đi tìm lại thầy Tàu để hỏi chuyện. Nhưng lão cũng bật vô âm tín.

Mấy ngày sau con ngựa bạch cũng lăn ra chết vì đã đến côi. Còn con chim ưng lông đỏ mỏ quặp cũng bay về rừng. Mọi việc rồi bung lên, khiến Khánh Dư vô cùng bứt dứt. Ông ta ra lệnh bỏ “dự án” xây trường đua ngựa, mặc dù đã bỏ đến mấy ngàn đồng vào đó. Trần Khắc Chung đến chơi, an ủi:

- Huynh ạ! Ngựa tái ông họa phúc biết về đâu. Như đệ đây, hồi hàn vi, lấy vợ con nhà giàu. Nhưng khi giặc Nguyên Mông sang, ông bà nhạc hèn nhất theo giặc. Đến khi giặc thua, triều đình thu hết điền sản, thế là đâm ra trắng tay. Được thằng con trai, vừa rồi nó lấy con vợ chả ra gì. Đệ có mắng nó: “Sao cưới vợ không hỏi tao!” Nó bặm môi trợn mắt quát lại: “Ông có coi mẹ tôi và ông bà ngoại tôi ra gì đâu, mà bắt tôi việc đó phải hỏi ông?”

- Nói thật là ta quan hệ với cả ngàn đàn bà. Nhưng bây giờ ngẫm lại, thấy không có ai cho ta được sự “sung sướng tột đỉnh” như với chị ta mới lạ chứ! - Khánh Dư tâm sự.

- À, chuyện đó có gì là lạ đâu “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Lúc đó huynh thèm cơm, thèm rượu, thèm cả đàn bà. “Buồn ngủ bỗng gặp chiếu manh”, tự nhiên được “cơm no, bò cưỡi” sao không thấy sướng. Đến ngay cả con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp cũng được xơi vẹt thỏa thích, chứ không phải bắt chuột nữa là...

- Người nói cũng có lý! Nhưng mà ai ngờ sự việc nó lại đến một cách lạ kỳ như vậy. Giá như ta không vội vàng đuổi tay thầy bói đi. Giữ hẳn lại... biết đâu sự thế sẽ khác. Vả lại cái thằng bé... con ta ấy. Nó hung hăng quá. Không biết mình biết người. Tay ta đã dài, cây kiếm cũng dài, ta đưa ra cốt để dọa hẳn, tưởng hẳn cũng có võ nghệ, gạt hoặc tránh ra một bên, nào ngờ nó cứ nhảy bổ vào ta, vung quất quật thẳng vào đầu. Thế là lưỡi kiếm xuyên qua ngực nó. Ta rút tay lại thì đã... không kịp nữa rồi...

- Thôi huynh đừng buồn nữa! Còn bao nhiêu việc ở Vân Đồn đang chờ huynh... Với ba cô đầm Tiểu Nga-la-tư, da trắng, mắt xanh, tóc vàng, váy ngắn đến bẹn... chờ huynh.

Khánh Dư không đáp lại.

Trần Khắc Chung rụt rè hỏi tiếp:

- Có dịp ra Vân Đồn, huynh cho đệ thử... một lần cho biết được không?

- Chỉ sợ người không có sức! Ta cho người thử cả ba. Không khéo bị “thượng mã phong” lại đổ tiếng ác cho ta.

- Huynh yên tâm, đệ là quan văn, nhưng cũng hiểu được binh pháp “biết mình, biết người. Trăm trận, trăm thắng”.

Trần Khắc Chung thường xuyên đến uống rượu, khiến Nhân Huệ vương cũng một phần nguôi ngoai được nỗi buồn. Khoảng gần mười ngày sau thì con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp bay về. Trông nó nhẹ nhàng, trắng kiện hẳn ra. Đặc biệt nó còn tha về một con rắn chúa cái cực lớn. Có thể là vợ con rắn đực nó đã giết để cứu Nhân Huệ vương trong cuộc đi săn ngày nào. Nhân Huệ vương hứng chí bảo:

- Đúng là *nhất điều nhì ngư. Tam xà tứ tượng*. Đến loài vật cũng biết “báo thù mười năm chưa muộn” Con rắn cái này chờ nó thay mỏ, thay móng để trả thù cho chồng nhưng mà con chim ưng này vẫn tỏ ra “quái kiết” hơn.

- Bởi vì nó là vật nuôi của huynh mà! - Trần Khắc Chung nịnh khéo.

Nhân Huệ vương vốn là con người hành động. Chỉ một thời gian ngắn sau, ở Khánh Dư dường như chưa có biến cố gì xảy ra. Việc kiếm một bạch mã khác dễ như trở bàn tay. Theo lời khuyên của Trần Khắc Chung, Trần Khánh Dư trở ra Vân Đồn chấn hưng việc làm ăn, buôn bán ở đó. Vương cho nạo vét mở rộng luồng lạch để thuyền lớn có thể ra vào dễ dàng được. Cái đầu mối nhập hàng từ Trung Quốc sang cũng được mở rộng, chấp nối lại, đi vào hoạt động quy củ, chặt chẽ và phát triển hơn. Khách (chỉ lái buôn Tàu) vào ăn hàng ngày cũng một đông. Họ bán chủ yếu là thuốc bắc, thôi thì đủ loại từ thuốc bổ, đến thuốc kích dục và đặc biệt cả... thuốc độc giết người từ từ đến chết ngay tắp lự. Ngoài ra còn có gấm Tứ Xuyên, đồ sứ Giang Tây, các loại rượu quý như Mao Đài... Còn họ ăn tạp từ “thượng vàng, đến hạ cám”. Các thứ quý hiếm thì gồm sừng tê, ngà voi, xương hổ, ngọc bích, ngọc đỏ... Loại trung thì cá ngựa đỏ, cá ngựa đen, thảo quả, gỗ hương, gỗ trắc, gỗ huỳnh đàn... Loại “hạ cám” gồm sắn khô thái lát, khoai lang tươi, khoai lang khô, thậm chí cả mùn cưa của các loại gỗ quý.

Khánh Dư phân chia ra từng khu vực. Khu nào chuyên buôn bán ngành hàng đó cho dễ quản lý. Những tay làm ăn trí trá, buôn bán hàng giả, Khánh Dư cho thịch chữ vào mặt. cấm cho quay trở lại Đại Việt. Thi thoảng cũng có thuyền buôn lớn từ Phù Tang và Mã Lai vãng qua. Họ thích đồ gỗ và đồ gốm Bát Tràng của ta. Và bán tơ lụa rất đẹp, cùng các đồ thủy tinh cao cấp. Bấy giờ Vân Đồn trở thành thương cảng sầm uất nhất không chỉ của Đại Việt mà còn cả ở vùng phía nam Trung Quốc và nói rộng ra là của vùng Đông Nam Á.

Nhân Huệ vương cũng khéo biết tổ chức mạng lưới thu thuế rất hiệu nghiệm. Cả thuế nhập lẫn thuế xuất. Có những thứ thuế Khánh Dư đặt cao chót vót. Khách còn chịu đựng được thì còn để. Khi thấy có vẻ đã “già néo thì đứt dây” Vương mới cho nới ra. Tiền thuế thu được, cũng như tiền lãi, một nửa vương nộp về cho triều đình. Tự nhiên được một nguồn thu không nhỏ, từ Thượng hoàng đến vua đều khen Khánh Dư là người “buôn bán mát tay”. Thật tiếc là sau khi Nhân Huệ vương mất, thương cảng lụi dần và bây

giờ tức là bảy trăm năm sau, chúng ta mới lên kế hoạch xây dựng Vân Đồn thành “vùng kinh tế mở”.

Năm 1300, mùa xuân tháng Hai, có người đàn bà ở Lộ Hồng (hiện không rõ ở đâu) sinh đứa con trai hai đầu.

Mùa hè, tháng 6, sao sa...

Hưng Đạo Đại vương ốm nặng. Vua Anh Tông thân đến điền trang Vạn Kiếp hỏi:

- Chẳng hay Đại vương chết, giặc phương bắc lại sang thì dùng kế sách gì để chống lại?

Hưng Đạo Đại vương trả lời:

- Ngày xưa Triệu Vũ Đế dựng nước, vua Hán cho quân đánh thì nhân dân làm kế thanh dã (vườn không nhà trống), rồi đem đại quân từ Khâm Châu, Liên Châu đánh vào tỉnh Trường Sa, dùng đoàn binh úp đằng sau, đó là một thời. Đến thời Đinh Lê dùng được người hiền tài, đất phương Nam mới mạnh, mà phương bắc thì mỏi mệt, suy yếu. Trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia, xây thành Bình Lỗ (khu vực Thái Nguyên bây giờ) phá được quân Tống, đó cũng là một thời. Nhà Lý mở nền, nhà Tống xâm chiếm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh thẳng vào Khâm Châu, Liên Châu là vì có thể đánh được. Mới rồi Toa Đô và Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, vì vua tôi cùng lòng, anh em hòa mục, nước nhà góp sức. Giặc tự bị bắt, đó là trời xui nên vậy. Tóm lại, giặc cậy trận dài, ta cậy binh ngắn. Lấy ngắn chế dài là việc thường của binh pháp. Nếu thay quân giặc đến ồ ạt như lửa cháy, gió thổi thì dễ chế ngự. Nếu nó đi chậm như cách tắm ăn, không cần của dân, không cần được chúng thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời mà làm, có thu được binh lính một lòng như cha con thì mới dùng được vả lại KHOAN THƯ SỨC DÂN ĐỂ LÀM KẾ SÂU GỐC BỀN RẼ. ĐÓ LÀ THƯỢNG SÁCH ĐỂ GIỮ NƯỚC. MẤT LÒNG DÂN LÀ MẤT TẤT CẢ.

Mùa thu, tháng Tám, ngày 20 Hưng Đạo Đại vương mất tại nhà riêng ở Vạn Kiếp. Trước khi mất có gọi bốn con đẻ và ba con nuôi là Yết Kiêu, Dã Tượng và Phạm Ngũ Lão đến dặn rằng:

- Hãy xây lăng mộ giả cho cha. Còn thân thể thì bí mật hỏa táng. Tro cốt cho vào ống tròn, gắn kín hai đầu rồi đem chôn ở vườn An Lạc. Chôn xong nhớ trồng cây trồng cỏ lên như cũ để không ai có thể phát hiện ra. Phòng sau này giặc Tàu sang sẽ đào mồ, cuốc mả cha, làm tổn hại đến khí thiêng sông núi.

Vua bỏ thiết triều mười ngày và truy tặng tước Thượng phụ thượng Quốc công, Nhân Võ Hưng Đạo Đại vương. Còn dân chúng phong cho Ngài là Đức Thánh Trần và dựng đền thờ người ở Kiếp Bạc, Chí Linh Hải Dương cùng rất nhiều nơi khác không đếm xuể... Gần bảy trăm năm sau, từ điển quân sự của Anh Quốc, đã xếp Hưng Đạo Đại vương và Đại tướng Võ Nguyên Giáp của Việt Nam nằm trong số mười tướng thiên tài của mọi thời đại.

Năm 1301, Thượng hoàng Trần Nhân Tông qua chơi Chiêm Thành, được vua Chiêm là Chế Mân tiếp đãi hết sức ân cần. Người ở lại đất Chiêm gần sáu tháng. Trước khi về có hứa gả con gái út là công chúa Huyền Trân cho Chế Mân để lập làm hoàng hậu. Thay thế hoàng hậu cũ người Java. Chế Mân từng là đồng minh của Đại Việt trong cuộc chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ hai. Với bốn trăm chiến thuyền và hai vạn quân Đại Việt cộng với kế bỏ thành trống, Chế Mân đã làm phá sản kế hoạch xâm chiếm của mười lăm vạn quân Toa Đô cùng một ngàn chiến thuyền.

Khi Thượng hoàng về nước, đem việc đó ra hỏi ý kiến các quan. Mọi người đều phản đối vì khi đó Huyền Trân mới 15 tuổi. Năm 1305, sứ giả Chiêm lại đem rất nhiều cống phẩm cùng hai châu Ô và châu Rí (chứ không phải là châu Lý như nhiều sách báo đã viết, vì tiếng Chiêm không có từ Lý) làm lễ rước dâu. Vua Anh Tông xót em gái út phải gả chồng xa. Một số quan lại phản đối quyết liệt cho rằng việc gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân chẳng khác nào vua Hán bên Tàu phải gả Chiêu Quân cho Hung Nô. Riêng Trần Khắc Chung lúc ấy đã được phong tới chức Đại hành khiển thì lại ra sức ủng hộ Thượng hoàng. Năm 1306 công chúa Huyền Trân do vậy mới được gả cho Chế Mân làm hoàng hậu. Một năm sau, vào năm 1307, sau khi sinh được thái tử Đada thì Chế Mân đột ngột qua đời. Theo tục lệ nước Chiêm, hoàng hậu phải lên giàn thiêu để chết theo vua. Vua Anh Tông biết vậy, sợ em gái phải chết thảm bèn cử người đi cứu Huyền Trân và thái tử Đada về. Trước đây Khắc Chung đã hết lời khuyên gả Huyền Trân nên cực chẳng đã phải xung phong đem thuyền nhẹ đi cứu. Sau khi chuyển đồ lễ viếng gồm voi nan, ngựa giấy, vàng thỏi giấy, Khắc Chung nói thác ra rằng:

- Nếu hoàng hậu Huyền Trân hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương chi bằng hãy ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ven trời đón linh hồn

vua cùng về rồi hãy vào giàn thiêu.

Người Chiêm nghe theo. Khắc Chung biết họ đã bị mắc bẫy, nên ra đến bờ biển bèn sai người cướp lấy công chúa đưa lên thuyền căng buồm chạy thẳng ra khơi. Người Chiêm trở tay không kịp.

Để đánh lạc hướng quân Chiêm, Khắc Chung cho thuyền ra tít khơi xa, rồi chạy ngoặt xuống phía nam, sau đó khi biết chắc đã đánh lạc hướng quân địch, Khắc Chung mới cho giông thuyền ngược lên phía bắc.

Vua Anh Tông thấy em gái trở về lành lặn. Sau gần một năm “lênh đênh” trên biển, biết là Khắc Chung đã làm gì, nhưng cũng chẳng biết xử thế nào.

Riêng Hưng Nhượng Đại vương Trần Quốc Tảng (vì gả con gái cả cho Anh Tông và làm quan rất thanh liêm, nên được tập tước của cha) thì ghét Khắc Chung lắm. Một lần gặp ở cửa triều, Quốc Tảng chỉ mặt Khắc Chung mà mắng rằng:

- Người này đối với nước là bất tướng, lại lấy họ là Trần Khắc Chung thì nhà Trần có lẽ hết vì mày chằng?

Rồi rút gươm ra toan chém, Khắc Chung vội lẩn vào toán các quan chuẩn bị vào chầu. Từ đấy mỗi lần gặp Quốc Tảng từ xa, Khắc Chung đã tìm cách “lùi” cho nhanh, cho khéo. Năm năm sau, vào năm 1313 Hưng Nhượng Đại vương Trần Quốc Tảng chết (thọ 61 tuổi) Khắc Chung mới hết lo.

Còn về Huyền Trân, trở lại Thăng Long, công chúa xuất gia đi tu vào năm 1309 lấy pháp danh là Hương Tràng, và mất tại chùa Nộm Sơn tức Quảng Nghiêm Tự tại huyện Thiện Bản Nam Định vào ngày mồng 9 tháng Giêng năm Canh Thìn 1340. Dân chúng biết ơn bà và tôn là Thần Mẫu. Với Chiêm Thành việc giải cứu Huyền Trân được coi là hành vi bất tín của Đại Việt khiến dân Chiêm nổi giận, đòi lại hai châu Ô, châu Rí. Và nhiều lần vượt biển ra đánh phá Đại Việt...

Trở lại chuyện Trần Khánh Dư có bảo với Khắc Chung rằng:

- Người là quan Đại hành khiển, lúc nào cũng được túc trực quanh vua. Vậy hãy tìm cơ hội tâu cho ta lên chức Đại vương thì ta sẽ cho người một ngàn lượng vàng.

Khắc Chung thấy thế thì mừng lắm, nhận lời ngay. Nhân một hôm vua Anh Tông gọi vào bàn việc cơ mật, đã tranh thủ tâu rằng:

- Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư có công lớn trong cả ba cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Được xếp thứ tư sau Hưng Đạo Đại vương, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái lại là Thiên tử nghĩa nam của Thái hoàng Trần Thái Tông. Thế mà cứ ở mãi tước vương thì e là quá thiệt thòi. Trong khi Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, công lao không được bằng Nhân Huệ vương mà lại được phong Đại vương.

Vua Anh Tông vốn anh minh nên đáp lại rằng:

- Hưng Nhượng vương là Quốc Trượng (cha vợ của vua), làm quan cần cù liêm chính. Cha là Hưng Đạo Đại vương đã mất thì việc con được tập tước của cha là lẽ đương nhiên, không ai dèm pha gì được. Còn Nhân Huệ vương, đành rằng có công lớn, nhưng tính tình kiêu ngạo, ăn chơi sa đọa, bị dân các nơi kiện, đã không biết sửa mình còn nói “quan lại quý tộc là chim ưng, lính dân là vịt, thì việc đem vịt nuôi chim ưng là lẽ tự nhiên”. Mới rồi lại gây ra thảm án chết người ở làng Phù Ủng, may mà gia chủ không kiện, nên triều đình mới bỏ qua... Một người như vậy phong Đại vương thế nào được?

Khắc Chung năn nỉ thêm vài lần khác, viện cả việc Khánh Dư đã có công xây dựng thương cảng Vân Đồn, nhưng vua Anh Tông đều gạt đi.

Biết Trần Khắc Chung đã bị thất sủng sau vụ công chúa Huyền Trân, Nhân Huệ vương nghĩ không còn lợi dụng được gì nên từ đó không chu cấp tiền cho Khắc Chung đánh bạc nữa.

Vua Chiêm là Chế Chí vốn tính gian manh, nhiều lần đồng ý hòa hiếu với Đại Việt, rồi lại tráo trở, lật lọng đem quân ra quấy rối ở vùng Hoan - Ái. Nhiều lần gây cho Đại Việt tổn thất đáng kể.

Năm 1312, mùa xuân, tháng ba, vua Anh Tông quyết định đem Huệ Võ vương Trần Quốc Chấn đi đường núi. Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư lĩnh Thủy quân đi đường biển. Vua Anh Tông thân chinh đi đường bộ, có Điện súy Phạm Ngũ Lão đem quân Thánh dực đi hộ giá. Đoàn Nhữ Hài tâu với vua:

- Quân ta rầm rộ tiến theo ba đường thế này tất là bắt được Chế Chí. Nhưng để khỏi bị tổn thất, dù ít, dù nhiều xin Thánh thượng cho thần đến lấy lễ thiết hơn dụ hàng Chế Chí là thượng sách.

Vua Anh Tông ưng thuận. Đoàn Nhữ Hài đến đại bản doanh của Chế Chí, quân lính cho vào. Đoàn Nhữ Hài bảo:

- Đại binh của Đại Việt chia ba đường cùng tiến. Chiêm thành lấy gì chống đỡ đây!

Chế Chí cười đáp:

- Xưa quân Toa Đô với cả ngàn chiến thuyền lớn cùng mười lăm vạn quân tinh nhuệ mà gần ba năm trời không làm gì được nước Chiêm. Thử hỏi Đại Việt bằng được mấy phần Toa Đô.

- Người Chiêm vẫn tự hào vua của họ Chế Chí có tài thao lược tính đâu ra đó. Nay nghe nói vậy mới biết dân nước Chiêm bị nhằm to rồi. - Đoàn Nhữ Hài ung dung nói.

- Người nói thế là sao? - Chế Chí vặn lại.

- Nhân Huệ vương là tướng đánh thủy giỏi nhất thời nay. Huệ Võ vương cũng là tướng tài hiếm có. Riêng Điện súy Phạm Ngũ Lão chẳng phải ngài đã nghe chính là người đã bắn chết Toa Đô ở bên Chương Dương đó sao? Lần này Điện súy hộ giá vua Trần đến đây, thử hỏi người Chiêm có ai là đối thủ.

- Ta nghe nói Điện súy Ngũ Lão cách ba trăm bước, bắn tách đôi ngọn tre, chuyện đó có không?

- Trăm nghe không bằng một thấy. Nếu Ngài muốn Điện súy sẽ bắn thử cho Ngài coi.

- Ủ, thì cứ coi chuyện đó là thật thì người định khuyên ta thế nào?

- Tôi cất công sang đây chỉ để nói cho Ngài một điều thôi. Một điều song lại tốt cho cả Chiêm Thành lẫn Đại Việt. Ấy là Ngài hãy sớm hàng đi!

Chế Chí ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đồng ý.

Trần Khánh Dư thấy mình đem binh vượt biển vất vả mà không lập được công gì, vả lại vừa rồi cậy nhờ Trần Khắc Chung để xin vua phong lên Đại vương không được thì đành “một liều ba bảy cũng liều”. Biết Chế Chí đem quan và quân đi đường biển lại hàng vua Anh Tông, Khánh Dư giương buồm, thúc quân đuổi theo, hòng bắt Chế Chí, cướp công của cả vua Anh Tông và Đoàn Nhữ Hài. Nhữ Hài thấy vậy thì sợ hãi vội tức tốc phi ngựa về báo với vua rằng:

- Khánh Dư khinh nhờn phép nước. Muốn tranh công cả với Thánh thượng!

Vua Anh Tông cho thuyền cấp tốc ra chặn quân của Khánh Dư lại, rồi gọi giám quân của Nhân Huệ vương đến. “Giận cá chém thớt”. Vua Anh Tông sai lính Nguyễn Ngỗi ra ngoài chặt hai chân, từ ống chân trở xuống.

Trần Khánh Dư lúc ấy mới cả sợ vội vàng tâu với vua:

- Tôi sợ Chế Chí vốn phản trắc nên đi sau để đề phòng đó thôi! Chứ không có ý gì!

Vua Anh Tông nghe Khánh Dư chống chế như thế thì cũng bứt giận không nói thêm gì nữa. Riêng Điện súy Ngũ Lão thì nghĩ rằng: “Triều Trần sau Anh Tông đã có dấu hiệu suy. Việc sư phụ dặn đã đến lúc phải thực hiện rồi”.

Trần Khánh Dư trở lại thuyền, Nguyễn Ngỗi đau đớn than:

- Tôi chết mất Nhân Huệ vương ơi!

Khánh Dư bảo:

- Người chết! Vợ con để đấy ta lo, không phải vương vấn nỗi gì!

Lần ấy bình Chiêm, nhờ uy của Phạm Ngũ Lão và nhờ tài khéo ăn nói của Đoàn Nhữ Hài mà Đại Việt không tổn một mũi tên đã thành công. Chỉ riêng Nguyễn Ngỗi là phải chịu thiệt thòi...

Nhân việc vua Anh Tông đang vui, Phạm Ngũ Lão vào triều tâu:

- Muôn tâu Thánh thượng! Hiện giờ nhà Nguyên ở phía Bắc đã suy. Chiêm Thành ở phía Nam đã quy phục. Ai Lao ở phía tây cũng không dám quấy rối gì. Thần giờ đã ở tuổi 60, chinh chiến nhiều năm nên muốn về nghỉ ngơi an hưởng tuổi già. Mong được Thánh thượng chuẩn tâu.

Vua Anh Tông đáp:

- Nước Triệu thời chiến quốc chỉ bé bằng cái kẹo mà có Liêm Pha tuổi đã 80 mươi mà ngày vẫn ăn hết ba bốn cân thịt^[6], uống hết mấy vò rượu. Tay vẫn giương nổi cung hai tạ khiến cho nước Tần ở phía Tây bắc phải e dè. Nước Tề, nước Ngụy phải khiếp sợ. Điện súp nay mới bước vào tuổi lục tuần sao đã gọi là già được.

- Muôn tâu Thánh thượng, Liêm Pha không phải như thần. Thường xuyên được ở nhà. Chỉ khi nào nhà nước có việc, vua Triệu mới cho người đến gọi. Còn thần phải túc trực suốt ngày đêm nên cảm thấy rất mệt mỏi. Nếu được như Liêm Pha khi nào có giặc giã, Thánh thượng cho gọi, thần xin sẵn sàng đến ngay. - Phạm Ngũ Lão tâu tiếp.

- Thôi được rồi! - Vua Anh Tông tỏ ra dễ dãi. - Chúc Điện súp Thượng tướng quân với con trện có đầu hổ, tướng quân cứ giữ. Lúc nào trẫm có việc sẽ cho người vời tướng quân vào. Lúc đó chỉ mong tướng quân đừng “kêu mệt”!

- Đa tạ ân sủng của Thánh thượng! - Phạm Ngũ Lão đáp - Thần từ thuở tiên đế, có từ nan việc gì đâu!

Về nhà nói với vợ là quận chúa An Nguyên và con là Phạm Ngộ, lúc này đã làm quan văn trong triều, rồi chuẩn bị hành trang lên đường. Với chiếc tay nải vắt vai, bên trong có mấy bộ quần áo nâu thay đổi, một chai rượu mạnh, một đồng bạc trắng và mấy củ gừng già (ba thứ này dự phòng làm

thuốc đánh gió cho những người đi giang hồ có kinh nghiệm). Phạm Ngũ Lão đóng vai người “mãi võ” bán “thuốc cao đan hoàn tán”. Ông cuốc bộ vào phía nam, về vùng Hoan - Ái. Ngày đi, đêm nghỉ. Tới các thị trấn có đông người thì ghé lại đăm ba hôm. Chỗ nào có tổ chức thi đấu võ thuật thì ở lại lâu hơn. Hy vọng tìm được “truyền nhân” như lời sư phụ trăng trối lại. Ông đã đi được vài ba tháng, dừng lại ở rất nhiều nơi, cũng gặp không ít phiền toái, cảnh bất công “trương tai gai mắt” như ở một thị trấn miền tây Ái châu. Tại đây có một tên bá hộ, người to như trâu lăn, lập “lôi đài” thách mọi người thi đấu. Nghe nói hãn thường cậy có sức khỏe và tiền của để ức hiếp dân lành, đến quan huyện cũng phải kiêng mặt hãn. Ngũ Lão nghĩ: “phải dạy cho hãn một bài học”. Hai chân vừa xuống tấn thì không hiểu là ván võ đài dùng lâu nên ải hay là sức của Ngũ Lão còn quá mạnh mà chân phải thụt xuống. Dăm gỗ làm tước hết cả bắp chân, máu me tóa ra. Lẽ ra tên bá hộ theo lẽ “thượng võ” phải dừng lại, thì nhân cơ hội đó, lại phóng thẳng một cú “song phi”, hai bàn chân nhằm thẳng vào giữa ngực Ngũ Lão. Như người khác, chắc chắn là dính đòn đến tàn phế: ngực đập, chân mắc dưới sàn gãy. Nhưng chỉ đứng có một chân, Ngũ Lão vẫn nhẹ nhàng thu hai bàn tay lại, chờ hai bàn chân hộ pháp phóng tới thì đẩy mạnh ra. Người gã bá hộ tung lên, lưng đập xuống võ đài đánh rầm một tiếng. Miệng thổ ra huyết.

Ngũ Lão rút bắp chân tước máu lên, tiến lại nắm lấy tóc hãn mà đe:

- Tao tạm tha cái mạng chó cho mày! Nếu còn ức hiếp dân lành, lần sau quay lại, đừng trách ta không báo trước!

Rồi một buổi chiều, Phạm Ngũ Lão tới bên bờ sông Lam, ngồi trên bờ đê hóng mát, nhìn xuống phía bãi bồi thấy nương dâu xanh mát mắt. Biết là ở đây là vùng trù phú, dân cư làm ăn chăm chỉ và có quy củ, nề nếp. Lấp ló trong đám dâu Ngũ Lão thấy một người đàn ông trạc tuổi ngũ tuần đang cầm roi đồng chạy đuổi, đùa nghịch với một đứa trẻ mới độ mười một, người hai. Qua thân các cây dâu nhưng vẫn nhận ra cặp chân dài khỏe mạnh, nhanh nhẹn của đứa bé. Ngũ Lão thấy hay hay, liền lấy một hòn đất ném xuống, để làm quen với cả hai người. Ai dè, gã đàn ông nổi xung, chạy

tối, chẳng nói chẳng rằng, vung cây roi đồng vọt thẳng vào vai Ngũ Lão. Ngũ Lão nhẹ nhàng đưa tay bắt lấy. Gã vội tung chân đá vào ngực ông. Ngũ Lão lại cười, nắm lấy chân hắn, rồi giơ cả người hắn lên trời như nắm một con nhái. Đứa trẻ thấy thế thì chạy vào vườn dâu gọi mẹ:

- Mẹ! Mẹ ơi! Có ông Thiên lôi đang bắt nạt cậu Hai!

Người đàn bà tuổi đã lục tuần, nhưng tóc còn đen, người hơi đầy nhưng gọn vội chạy tới. Lúc đó Ngũ Lão đã đặt người đàn ông mà thằng bé gọi là cậu hai xuống. Bốn mắt nhìn nhau. Cả hai cùng định “Há” miệng ra, rồi lại cùng đưa tay lên miệng, làm ám hiệu “im lặng”.

- Chị Cả, không ngờ chị lại ở đây! - Ngũ Lão lên tiếng trước.

- Chú! À... ông chú. Ông có việc gì mà đi đến nơi này.

- Ở, mẹ quen ông ta à? - Đứa bé nhanh nhẹn hỏi.

- Không phải là quen!... Mà là họ hàng! Con phải gọi là ông đấy!

- Ông trẻ hơn mẹ, mà sao con phải gọi thế?

- Ông còn ít tuổi hơn mẹ... Nhưng ông thuộc chi trên. Mẹ thuộc chi dưới. Mẹ phải gọi ông là chú. Còn con phải gọi ông là ông chú. Nghe chưa!

Chị có một cơ ngơi thật rộng, với ba dãy nhà gỗ lim, cột lim, tường thưng gỗ lim dày, mái lợp ngói âm dương. Ở giữa là một sân gạch rộng mênh mông. Sàn nhà lát đá xẻ màu hồng. Cậu Hai thấy chị Cả đón tiếp vị khách lạ hết sức cung kính thì cũng có vẻ sợ, và không hiểu ra sao?

Buổi tối, sau bữa cơm rượu thịnh soạn, Ngũ Lão nói:

- Chị Cả à! Em... (chị vội đưa mắt) Ngũ Lão chữa lại - ông chú thấy thằng cháu trán rộng, mắt sáng, mũi cao, miệng rộng, hàm vuông... Chân tay dài, nhanh nhẹn và cứng cáp... Có thể luyện võ được.

- Thế ông không thấy... cháu ông đang tập đánh roi đấy à?

- Ông họ đã xem rồi! Các bài roi của cậu Hai chỉ để bắt bọn trộm trâu, trộm chó được thôi! Chứ còn muốn có võ công để cứu được nước, giúp

được dân thì phải tìm thầy khác... Tập theo cách khác. Bên cạnh luyện võ, còn phải học văn nữa...

- Úi trời ơi! Ở cái vùng bán sơn địa này thì lấy đâu ra thầy... thượng thặng để dạy cho nó... Hay là chú... À, ông chú... Chị định bảo “chú đưa nó về kinh đô”, nhưng đã vội chữa lại - tìm xem có ai... thì mời giúp. Có bán cả gia sản cho... cháu luyện văn, luyện võ thành tài... tôi cũng sẵn lòng.

- Thôi được rồi, bắt đầu từ ngày mai... ông chú họ sẽ thử tập cùng với cháu xem sao?

Rồi hai người chụm đầu thì thầm... ông chú họ là người “mãi võ bán thuốc cao”. Họ Mã tên Phu Hùng. Còn chị là chị Cả. Cậu em là cậu Hai. Cháu bé có tên tuổi rất kêu; Họ Lưu, tên Trọng Nhân. Rồi chị thì thầm kể cho Ngũ Lão, từ ngày bỏ làng ra đi, thối thoát đã được mười năm. Vào đây nhờ có dẫn, có vốn lại biết căn cơ làm ăn nên chả mấy chốc chị trở thành giàu có nhất vùng. Ruộng có vài trăm mẫu. Đồi rừng, thì bạt ngàn. Trâu bò hàng trăm con. Người ăn, kẻ ở cũng có đến dăm bảy chục. Lại được cái Hoàng Lương trung thành, tận tụy hết mức...

Rồi chị hỏi về làng xóm thế nào? Ngũ Lão đáp vẫn như xưa.

- Nhiều lúc muốn đánh liều ra thăm một chuyến - Chị nói - Nhưng rồi lại sợ... lộ chuyện ra... Người ta vào bắt mất Trọng Nhân... nên lại thôi.

- Ông ta (chỉ Nhân Huệ vương) vẫn còn cường tráng lắm! - Của cải thì vào loại giàu nhất nước. Tính khí kiêu căng... có lúc dám coi vua... chả ra gì. Ngũ Lão thì thầm kể.

- Thôi! Tránh voi chẳng xấu mặt nào!... Bây giờ có... ông chú họ vào đây... thì cũng thấy ấm áp hơn rồi.

- Ông chú họ... một năm chỉ ghé qua đây vài lần. Mỗi lần khoảng trên dưới một tháng. Ông còn việc triều đình... Và các việc khác nữa... Về học chữ. Chị Cả ra phố huyện tìm thầy, mời về tận nhà mới được. Đất Hoan Châu là đất võ. Song cũng là đất văn, có nhiều thầy đồ rất giỏi.

Từ hôm sau, Trọng Nhân gọi “ông chú họ” là sư phụ và xưng con. Việc luyện tập thì cũng giống như ngày xưa sư cụ rèn Ngũ Lão. Đầu tiên là tập nội công. Một vườn chuối lớn được trồng. Đất đồi thì tha hồ chỗ nào cũng có để tập đá. Buổi sáng sư phụ bắt Trọng Nhân dậy từ cuối giờ dần (khoảng bốn giờ sáng), bắt xuống sông gánh năm chục gánh nước lên tưới cây. Một hôm trời mưa, đường trơn, Trọng Nhân bị trượt chân ngã lăn lông lốc từ sườn đồi xuống sát mép sông. Chị Cả xót con khóc sưng cả mắt và có ý trách sư phụ sao lại phải “hành xác” đệ tử cực nhọc đến như vậy. Sư phụ cho gọi Trọng Nhân vào, ba mặt một lời, Sư phụ hỏi:

- Con có muốn tập võ nữa hay không?

- Dạ, thưa sư phụ... Dù gian khổ thế nào con cũng xin cố ạ!

- Nhưng mẹ con thấy vất vả quá... Muốn con thôi. Nếu con nghe mẹ. Sư phụ thu xếp đi ngay!

- Thưa mẹ - Trọng Nhân quỳ dưới chân chị Cả nói - Nếu mẹ bắt con nghỉ... con sẽ bỏ nhà đi theo sư phụ!

- Thưa sư phụ. - Chị Cả hỏi Ngũ Lão - Không có cách nào “học tắt” được à?

- Võ thuật, nếu không học đến nơi đến chốn thì thà không học còn hơn - Sư phụ giảng giải - Biết theo kiểu... - Ngũ Lão định nói đến trường hợp của cha Trọng Nhân. - Nhưng sợ động vào nỗi đau của chị Cả nên kịp dừng lại... - mấy tay mãi võ ngoài đường, ngoài chợ... dễ chết oan lắm.

Trọng Nhân có tố chất của người học võ thuật, lại ham luyện tập nên tiến bộ rất nhanh. Chị cả mừng ra mặt. Một hôm nhờ người vào tận thành Hoan Châu mời thầy đồ họ Nguyễn, một họ có danh tiếng về chữ nghĩa về làm gia sư cho con. Ông thầy đồ vào phòng Ngũ Lão thấy sư phụ chỉ chuyên tâm đọc sách, ngâm thơ thì rất lấy làm lạ, bèn hỏi:

- Dạ! Tôi hỏi khí không phải. Sư phụ có phải dòng dõi Phục ba tướng quân Mã Viện không ạ!

- Họ Mã nhà Phục ba là họ trâu ngựa. Còn họ Mã nhà tôi là họ Mã thượng. Không có dây mơ rễ má gì...

Buổi sáng trời rét như cắt thịt, trò thì gánh nước từ dưới sông lên, còn sư phụ thì đi quyền để “giữ sức”. Vị gia sư thấy sư phụ tay đấm, chân đá cứ nhẹ như không mà tiếng gió toát ra thì lại mạnh mẽ vô cùng, biết là loại “cao thủ võ lâm”, sống mai danh ẩn tích.

Rồi thầy đồ mời sư phụ qua phòng mình uống trà. “Bình minh nhất tràn trà” mà. Nói lòng vòng mấy chuyện, vị gia sư đặt thẳng vào việc:

- Tôi có đứa cháu ngoại, cũng ham mê võ nghệ lắm! Nhưng nhà nghèo... Vậy tôi đưa cháu sang đây! Tiền dạy học cho Trọng Nhân, xin gửi cho sư phụ. Không biết có được không?

Sư phụ cười sáng khoái nói:

- Thầy cứ cho cháu qua đây! Tôi chỉ nhìn qua và tập với cháu vài buổi là biết cháu có theo được nghiệp này hay không? Võ thuật... cũng là nghệ thuật. Không có năng khiếu, tài năng và lòng say mê thì cũng như văn chương... chả nên cơm nên cháo được đâu. Còn nếu cháu có thiên bẩm, thì dù nhà nghèo đến đâu, thầy không cần phải trả nửa xu, tôi cũng sẽ luyện cho cháu được... Và lại ngoài giờ tập võ, học chữ... ở đây thiếu gì việc để các cháu nó làm... Tự kiếm cơm nuôi bản thân được.

Mấy ngày sau, cháu vị thầy đồ sang, tư chất không bằng Trọng Nhân. Nhưng nếu gặp thầy giỏi, chịu khó khổ luyện thì cũng có cơ thành tài được.

Năm sau lại có hai anh em nhà họ Lê, từ Ái Châu vào. Sư phụ thấy đây cũng là mầm non nhiều hứa hẹn, liền vui vẻ nhận ngay.

Qua năm 1314 vua Anh Tông nhường ngôi cho con là Minh Tông lên nối ngôi. Phạm Ngũ Lão nhờ thế mà càng có nhiều thời gian sống ở vùng Đô Lương - Hoan Châu hơn. Học trò nào mới đến Ngũ Lão cũng dạy bài phải khắc cốt, ghi tâm: “Học võ là để cứu nước, giúp dân”. Qua ba năm “lò võ” của sư phụ họ Mã đã có tới hơn hai chục võ sinh. Sư phụ chia ra từng nhóm

vài ba người một. Lớp trước dạy lớp sau. Chỉ có các bài nâng cao thì sư phụ mới trực tiếp truyền thêm.

Sư phụ Mã bỏ tiền ra tậu ruộng, tậu đất đai, trâu bò. Các võ sinh tự canh tác nuôi thân, để mà luyện võ. Sư phụ còn nhờ Nguyễn tiên sinh mời ba thầy để đến dạy chữ cho các môn sinh. Tiền thù lao tất nhiên là thầy Mã chi trả tất. Không muốn “phô trương” nên sư phụ Mã cấm các học trò được tham gia các ngày hội võ thuật ở xung quanh, nhân dịp tết đến xuân về.

Thời gian cứ thắm thoát trôi. Mới ngày nào sư phụ Mã đến đây Trọng Nhân mới mười một mà nay đã 16. Chị Cả lập tức hỏi vợ cho nó. Ngũ Lão khuyên nên chờ thêm hai ba năm nữa. Nhưng riêng việc này thì chị kiên quyết cho sư phụ “ra rìa”. Mười tháng sau, một cặp song sinh ra đời. Đứa nào cũng “chân tay dài, rộng cả”. Chị Cả mừng đến rơi nước mắt, đặt đứa ra trước là Khánh Trung, đứa ra sau là Khánh Đức.

Một lần Phạm Ngũ Lão có việc phải về kinh sáu tháng. Khi quay lại thấy Trọng Nhân chững chạc hơn nhiều. Trọng Nhân khoe, mới tự luyện được ngón phóng lao, bách phát bách trúng. Sư phụ hỏi nhờ đâu mà con nghĩ ra được “chiêu” này? Trọng Nhân thưa:

- Một lần theo đoàn thợ săn. Họ bắt được một con gấu ngựa cực lớn. Chân nó đã dính bẫy rồi. Nhưng đám thợ vác giáo vào đâm, đều bị nó dùng hai tay trước đoạt hết. Con cũng cầm giáo lao vào. Nó đoạt được ngay. Con bèn lùi lại. Vớ một ngọn giáo, nhắm ức có chùm lông trắng của nó phóng tới. Chỉ một phát trúng ngay tim. Con gấu ngựa nặng tới hơn hai tạ gục xuống liền, về nhà con nghĩ. Địch ở sát thì dùng đao, ở xa thì dùng cung tên. Còn ở lưng chừng thì phóng lao là thượng sách. Thế là con luyện “chiêu” này. Giờ cách xa hai chục bước, con phóng “bách phát, bách trúng”.

- Con hơn sư phụ là phúc lớn cho nước nhà rồi! - Ngũ Lão ôm chầm lấy Trọng Nhân, nghẹn ngào, mừng rỡ nói.

Mùa xuân năm 1318, vua Chiêm là Chế Năng lại làm phản. Đánh phá vùng giáp ranh với Đại Việt. Đưa yêu sách đòi lại hai châu Ô và châu Rí.

Vua Minh Tông sai Huệ Võ vương Quốc Chấn đem tám vạn quân vào đánh dẹp. Chế Năng vốn là người nhanh nhẹn, văn võ song toàn. Quân Trần từ Thăng Long vào mỗi một, muốn đánh nhanh, thắng nhanh. Chế Năng vờ thua. Quốc Chấn thúc quân đuổi theo. Được ba mươi dặm, ba bề là núi, quân phục của Chiêm Thành đổ ra, từ trên đánh xuống, thế như chẻ tre, vây chặt quân Trần vào một thung lũng. Quốc Chấn sai mười tráng sĩ đột phá vòng vây, chạy thoát được ra về Thăng Long xin cứu viện. Vua Minh Tông, nửa đêm cho gọi Phạm Ngộ vào cung, bảo Ngộ tìm bằng được Phạm Ngũ Lão về kinh sư ngay. Phạm Ngộ sai người đi ngựa trạm vào thẳng Đô Lương truyền lệnh của vua. Ngũ Lão ngay trong đêm, thu xếp đi thẳng tới thành Hoan Châu. Trọng Nhân xin đi theo. Mẹ Cả hai tay bế Khánh Trung và Khánh Đức ra, và hỏi:

- Các con có cho bố đi không?

Khánh Đức trả lời bằng cách dựng chim, đáai vọt cần câu một bãi rất xa. Mẹ Cả cười lẫn nước mắt bảo:

- Nếu không có hai đứa bé này thì dầu có kẻ gươm vào cổ tôi cũng không cho Trọng Nhân đi.

Thấy con lên ngựa, tay cầm đao, lưng gài năm ngọn lao, oai phong lẫm liệt, mặc dù mới qua tuổi mười bảy được mấy ngày, mẹ Cả bảo:

- Vì nước, con hãy đi đi! Nhưng cả hai thầy trò nhớ bảo trọng.

Nửa đêm hai người đến thành Hoan Châu, đập cửa. Lính canh ra quát. Phạm Ngũ Lão đưa tên lính binh phù có đầu hổ bảo vào dựng quan tổng trấn dậy và đưa cái này ra. Viên quan tổng trấn đang ngủ với vợ bé nổi giận toan chém tên lính, nhưng khi trông thấy binh phù có đầu hổ thì vội vàng sai mở cửa thành mời hai người vào. Phạm Ngũ Lão hỏi:

- Quân Triều đình đang bị quân Chiêm vây khốn người có biết không?

- Dạ, bẩm Điện súp, bị chức làm sao mà biết được ạ!

- Vậy thì bây giờ ta báo! Người hãy lập tức điều cho ta năm ngàn quân kỵ. Xuất phát ngay đêm nay.

- Dạ, chờ sáng mai... Thong thả bị chức sẽ điều binh cho Điện sứ.

- Nếu còn chần chừ, ta lấy đầu người bây giờ!

Ngay trong đêm Phạm Ngũ Lão dẫn năm ngàn quân kỵ thẳng tiến vào đất Chiêm. Ngũ Lão hỏi Trọng Nhân:

- Bây giờ con tính thế nào?

- Nhân lúc kẻ địch còn chưa biết có viện binh, ta cứ tung quân đánh thẳng vào. Trong đánh ra, ngoài đánh vào, chắc là giải vây cho Huệ Võ vương được!

- Kế đó mới là trung sách. Ta có cách này hay hơn. Đó là chịu khó, chịu khổ dẫn quân đi vòng qua đường núi. Rồi đánh tập hậu vào trại địch. Bị bất ngờ chắc chắn quân ta sẽ toàn thắng.

Nhưng Chế Năng là người có đảm lược và cũng giỏi binh pháp nên khi thấy quân của Phạm Ngũ Lão bất ngờ đánh tập hậu đã đổi hậu quân thành tiền quân, sẵn sàng nghênh địch. Chế Năng cầm giáo dài thúc ngựa xông lên. Hai bên có bốn tướng cầm đinh ba và búa lớn kèm sát bảo vệ. Trọng Nhân thấy vậy rút cây lao ở sau lưng nhằm đúng giữa ngực tướng cầm búa lớn. Mũi lao xuyên thấu ngực khiến viên tướng này chết lăn dưới chân ngựa. Hăng máu Trọng Nhân rút mũi lao thứ hai. Ngũ Lão quát to:

- Đừng giết Chế Năng! Để ta bắt sống có lợi hơn.

Trọng Nhân phóng chết viên tướng cầm đinh ba.

Vừa lúc đó Ngũ Lão áp sát tới, vung đao chém, Chế Năng đưa giáo lên nghênh địch. Hai tướng còn lại vây đánh Trọng Nhân. Đánh được chừng hai chục hiệp, liếc thấy Trọng Nhân có phần núng giữa hai tướng giặc, Ngũ Lão bèn vờ lỡ đà để Chế Năng phóng giáo sang. Chỉ chờ có vậy, Ngũ Lão né qua một bên, thúc ngựa lên một nhịp, vươn tay cặp ngang người Chế Năng ném xuống đất. Lính Đại Việt kề đao vào cổ, rồi dùng dây chèo trói chặt Chế Năng lại. Hai tướng đang vây Trọng Nhân thấy vậy, vội vàng bỏ chạy. Trọng Nhân phóng lao trúng vào lưng chết viên tướng thứ ba. Tên còn lại sợ hãi xuống ngựa xin hàng. Năm ngàn quân của Phạm Ngũ Lão

đánh thốc vào giữa trại, chém giết tan hoang. Thấy kẻ địch rối loạn từ bên trong. Quốc Chấn thúc quân đánh ra. Giặc bị giết vô kể. Hơn năm vạn quân bỏ giáo xin hàng. Thấy Ngũ Lão, Quốc Chấn xuống ngựa, vái mà rằng:

- Điện súy là người trời hay sao mà sa được xuống giữa lòng trại địch.

Ngũ Lão chỉ vào Trọng Nhân cười đáp:

- Tất cả là nhờ có tài phóng lao của tiểu tướng này!

Trọng Nhân chín đỏ cả mặt vì sung sướng và vì ngỡ ngàng.

- Sư phụ con nói đùa đó! Người mới thật là dùng binh như thần - Trọng Nhân nghiêm trang đáp.

Quốc Chấn, Ngũ Lão và Trọng Nhân giải Chế Năng về Thăng Long. Qua thành Hoan Châu, Ngũ Lão trao trả năm ngàn quân kỵ, rồi nói với Trọng Nhân:

- Con thích lên kinh sư hay về nhà với mẹ.

Không chần chừ, Trọng Nhân đáp:

- Con muốn về nhà với mẹ ngay bây giờ!...

Vua Minh Tông ra tận cửa nam thành Thăng Long đón tiếp Ngũ Lão và Quốc Chấn. Quốc Chấn xuống ngựa, quỳ dưới xa giá tâu:

- Muôn tâu Thánh thượng! Chế Năng gian trá và hoạt binh hơn cha là Chế Chí nhiều. Không có Điện súy và một tiểu tướng là Trọng Nhân ứng cứu kịp thời thì Quốc Chấn này không còn được thấy mặt rồng nữa.

- Tiểu tướng Trọng Nhân đâu? - Vua Minh Tông hỏi.

- Dạ! Muôn tâu Thánh thượng! Tiểu tướng mới 17, nhớ mẹ quá nên đã nằng nặc xin về nhà rồi! - Ngũ Lão tâu.

Vua Minh Tông đáp:

- Tuổi trẻ tài cao, hẳn là đệ tử ruột của Điện súy.

Rồi sai viết chiếu khen ngợi và ban thưởng cho Trọng Nhân một ngàn lượng vàng. Sai quân đưa vào Đô Lương ngay ngày hôm đó.

Ba tháng sau Phạm Ngũ Lão mới quay trở lại Đô Lương. Hoàng Lương ốm nặng, đang hấp hối. Ngũ Lão đến thăm tận giường. Hoàng Lương thều thào nói:

- Tôi có lỗi với Mã sư phụ. Khi sư phụ chưa tới, một tay tôi “tự tung tự tác” trong trang trại. Từ khi sư phụ tới vị trí đó của tôi không còn. Nhưng càng về sau, tôi càng thấy là mình sai. Được nói với sư phụ trước lúc nhắm mắt, xuôi tay... tôi thấy... lòng được thanh thản... nhiều, nhiều lắm!

Phạm Ngũ Lão an ủi:

- Trang trại có được như ngày hôm nay là nhờ chị Cả tháo vát, quyết đoán. Nhưng sự đóng góp của người là không nhỏ. Phải nói là mười phần thì công của người là ba, bốn...

Chị Cả lo cho đám tang của cậu Hai rất to. Bắt tất cả gia nhân trong nhà phải để trở...

Phạm Ngũ Lão bàn với chị Cả và Trọng Nhân:

- Bây giờ cháu đã trưởng thành rồi. Việc làm ăn trong trại chị Cả vẫn phải gánh vác. Riêng chuyện “lò võ” thì giao cháu đảm nhiệm. Một ngàn lượng vàng vua ban, nên để Trọng Nhân mua sắm ngựa nghê, binh khí, mua thêm vườn đồi để các đệ tử có phương tiện luyện tập và đất đai làm ăn... theo cách “mỡ nó rán nó”.

Chị Cả nghe thấy Ngũ Lão nói thế thì hơi chột dạ, bảo:

- Thế ông chú thì làm gì?

- Phải, mẹ con nói đúng đấy! Sư phụ định về kinh luôn à?

- Sư phụ đã già rồi... Năm nay sư phụ chưa về, thì sang năm sư phụ về... Còn những bí quyết võ công và cách dùng binh thế nào cho thần diệu mà sư phụ đã học được ở Quốc công Tiết chế, sư phụ sẽ phải gấp gấp truyền hết lại cho con. Và lại... Chỉ qua một trận đánh vừa rồi con đã lớn lên rất nhiều. Bằng ba năm luyện tập ở nhà. Bắt đầu từ hôm nay, con phải quản lý “võ đường”. Từ cách tuyển sinh, chế độ tập luyện cho các lứa tuổi... đến việc ăn ở, học chữ nghĩa của họ... một tay con phải làm tất.

Mùa đông năm đó Phạm Ngũ Lão về quê ăn Tết ba tháng. Mãi tới đầu tháng Ba năm sau, Ngũ Lão mới quay vào. Người vẫn trắng kiện, nhưng dáng dấp đã có phần chậm chạp. Một tối Ngũ Lão gọi riêng Trọng Nhân vào buồng, người nằm trên sập gỗ, cầm tay đệ tử dặn mấy lời tâm huyết:

- Võ công của sư phụ là do tiền nhân để lại. Không phải của riêng sư phụ, mà là bảo vật của cả Đại Việt. Nay con đã tiếp nhận được hầu hết rồi, sư phụ có về với tổ tông cũng không phải hối tiếc gì. Phần con khi chọn người vào nối nghiệp, cái chính là phải chọn cái TÂM, rồi mới tới cái TÀI. Ai có TÂM có TÀI truyền hết cả cho người ta. Đừng giữ làm của “gia truyền” chỉ dành cho con cháu mình. Như con thấy đấy! Con của sư phụ là Phạm Ngộ, có TÂM nhưng không có tài nên sư phụ đã không truyền dạy cho nó. Ngày mai sư phụ muốn về kinh. Sư phụ muốn con dùng xe ngựa có giường nằm đích thân đưa sư phụ về. Thanh đao và cây cung cũng không phải là của gia bảo của gia đình sư phụ. Con hãy giữ lấy. Sau này ai có TÂM có TÀI thì con trao lại cho họ.

Hôm sau, Phạm Ngũ Lão chào tạm biệt chị Cả. Chị ngã lăn ra khóc từ nhà trên xuống nhà dưới. Xe đã lăn bánh rồi chị còn chạy theo níu lại...

Những ngày trên giường bệnh Phạm Ngũ Lão được sống quây quần đầm ấm bên vợ con. Quận chúa An Nguyên cũng đã già yếu đi nhiều, nhưng sắc mặt lúc nào cũng vui vẻ bên chồng. Vừa uống một bát thuốc bổ xong, Phạm Ngũ Lão cầm tay vợ bảo:

- Lấy ta, nàng luôn phải chịu thiệt thòi. Gần như suốt cả đời “nam chinh - bắc chiến”. Hai lần chống Nguyên Mông, bốn lần bình định Ai Lao gây rối, hai lần dẹp Chiêm Thành. Việc triều chính cũng thật nặng nề bởi cái chức Điện súy, phải lo an nguy cho Thánh thượng... Có đêm “nửa đêm nửa hôm” Thánh thượng có chỉ truyền vào, dù mưa rét cũng phải đi. Để lại nàng trợ trợ một mình.

- Phu quân ơi! Xin chàng đừng nói gì nữa. Đời thiếp gặp được chàng là phúc lớn, tu được từ kiếp trước... Chàng có biết không, như trước đây thiếp đã từng nói, có biết bao nhiêu kẻ muốn lấy thiếp. Thiếp biết họ đâu có cần gì thiếp mà cái họ cần là cái chức của Nghĩ phụ thiếp. Đến khi Nghĩ phụ “hai năm mươi” thì họ sẵn sàng vứt thiếp vào sọt rác như quả chanh đã vắt nước. Nghĩ mẫu là hiếu thiếp. Bởi thế Phu nhân bảo chỉ đám nào An Nguyên gặt thì Phu nhân mới gả. Hôm Nghĩ phụ đưa chàng về. Nghĩ mẫu nhìn thiếp thấy mặt thiếp đỏ xuống tận cổ thì Phu nhân biết là “cá đã cắn câu rồi”. Chúng ta có hai con. Trai có, gái có. Con gái Tĩnh Huệ được vua Anh Tông hỏi làm thứ phi, thiếp đã không lấy làm mừng, cả chàng cũng vậy. Tĩnh Huệ không có con đâu phải là nó không sinh được. Là đàn bà thiếp biết, các cuộc tranh giành nơi hậu cung không chỉ mất mạng bản thân mà nhiều khi còn mất mạng cả gia tộc, ba họ. Chàng thử nghĩ xem, chàng là Điện súy, quyền cao chức trọng, lại được vua rất sủng ái. Nếu Tĩnh Huệ có con trai nữa thì... Cái đó sẽ là cái gai trong mắt rất nhiều người. Vậy thì tốt nhất là cho nó... tịt ngòi. Chuyện này dễ hơn trở bàn tay. Chỉ một cánh thuốc nhỏ như hạt gạo, không mùi, không vị cho vào thức ăn, đồ uống là...

êm ru thôi mà. May mà Tĩnh Huệ được trở về, đi tu. Ấy cũng là nhờ cái đức của chàng. Chứ hàng chục người khác, chết già, chết héo nơi thâm cung lạnh lẽo. Còn Phạm Ngộ làm quan được tiếng là thanh liêm. Tài không bằng Trương Hán Siêu. Nhưng đức độ chả kém ai. Hẳn chàng còn nhớ chuyện Hán Siêu nói chơi: “Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ”. Vua nghe được liền phán: “Hán Siêu là hành khiển làm quan ở sảnh, Phạm Ngộ là thẩm hình làm quan ở viện, ta đều tin như nhau cả, sao lại để cho ta tin quan ở sảnh, mà ngờ quan ở viện”. Rồi bèn cho đổi chất. Hán Siêu đui lý phải phạt 300 quan tiền. Không bao lâu sau lấy Phạm Ngộ làm quan tri chính sự đồng trị, Thượng thư tả trị sự, chức ngang với Hán Siêu.

- Sau chuyện đó ta đã dặn nó. - Ngũ Lão mỉm cười nói - Làm quan mà chỉ cốt giữ cho thanh liêm là chỉ biết lo cho bản thân mình. Là vị quan tốt trước hết phải biết lo điều dân lo. Thấy dân bị oan sai, dù có phải mất chức cũng vì dân mà đòi cho được công bằng, lẽ phải. Nó nghe ra khiến ta rất mừng.

Phạm Ngũ Lão biết mình không thể qua khỏi mới dặn vợ con rằng:

- Sau khi ta mất thì chôn ở phủ Vườn Cau. Ba năm sau cải táng, lấy da con ngựa tía đã thuộc để trong phòng đọc sách của ta gói xương ta lại rồi cho vào tiểu, đưa về quê nhà. Không được xây lăng mộ to làm gì. Cứ đặt xương cốt của ta phía dưới phần mộ của ông bà nội là được.

Năm 1320, mùa đông tháng 11, Điện súy Phạm Ngũ Lão qua đời, thọ 66 tuổi. Vua Minh Tông thương tiếc vô cùng, nghỉ chầu năm ngày^[7]. Đó là ân điển đặc biệt.

Ngay sau khi Phạm Ngũ Lão mất, dân làng Phù Ứng tự góp tiền xây đền thờ ông ở ngay tại nền đất ngôi nhà ông sinh ra. Hàng năm, dân làng còn tổ chức lễ hội từ 11 đến 14 tháng Giêng để tưởng niệm người anh hùng “đan sọt” có công cứu nước giúp đời. Không chỉ có dân làng Phù Ứng mà dân ở phủ Thượng Hồng và nhiều địa phương khác trên toàn quốc về dự hội... Phạm Ngũ Lão còn được phối thờ ở đền Kiếp Bạc bên cạnh Hưng Đạo Đại vương.

Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc tới hai nhân vật chính nữa là Trần Khắc Chung và Trần Khánh Dư. *Đại Việt sử ký toàn thư* có nói về Trần Khắc Chung là kẻ giả dối để cầu tiếng khen, không chăm sóc sản nghiệp cửa nhà. Mỗi khi buổi sáng vào chầu thì nghỉ tạm ở cục Thượng Liễn cửa Vĩnh Xương, xem kỹ các bản tấu để dự bị bày tâu. Khi tan chầu ra về thì đến Đông cung (Minh Tông khi ấy còn ở Đông cung) dạy học đều là miễn cưỡng kiếm sức mà làm. Thường cùng với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố đánh bạc, có khi thâu đêm suốt sáng hai ba ngày đêm, thường ngồi ngay trên bàn mà xúc cháo ăn, không nghỉ lúc nào. Lại như các bạn bè gặp những ngày đầy tuổi con, mừng nhà mới có mời là đến. Thậm chí nhà quan, thầy thuốc có món ngon cũng đến ăn. Người thết đãi thì khen ngợi vợ, con họ. Trước Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn thời giặc Nguyên xâm lấn, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, điền sản đều bị xung công. Đến khi vua mới lên ngôi, xuống chiếu trả lại cho, nhưng Khắc Chung cũng không đem điền sản ấy dùng vào việc thờ cúng. Bởi thế khi con trai là Công Xước lấy vợ, Khắc Chung không đồng ý mới mắng rằng: “Mày lấy con gái nhà ấy, sao không báo cho tao biết”. Con trai cãi lại: “Thì ông đối với mẹ và đảng ngoại nhà tôi có ra gì đâu mà phải hỏi”.

Đến việc giết Quốc phụ Thượng tế Quốc Chấn cùng gia quyến hơn một trăm người, cũng có bàn tay của Trần Khắc Chung tham gia. Khi ấy vua Minh Tông đã ở ngôi được 15 năm, tuổi đã cao mà chưa lập Thế tử, cha sinh ra hoàng hậu là Quốc Chấn có ý chủ trương nên đợi hoàng hậu sinh ra con đích tôn sẽ lập. Đông cung Văn Hiến hầu (không rõ tên) là cháu của Thái sư Trần Nhật Duật muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem của đút cho gia nhân của Quốc Chấn là Trần Phẫu 100 lượng vàng, và bảo Phẫu vu cáo cho Quốc Chấn việc mưu phản. Vua tin là thực, giam Quốc Chấn ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Trần Khắc Chung. Khắc Chung vào hòa với Văn Hiến hầu vì cùng với mẹ sinh ra hoàng tử Vượng đều là người ở Giáp Sơn (quê Khắc Chung), lại từng dạy Vượng học, nên mới trả lời, rằng: “Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó”. Vua mới cấm tiệt không cho Quốc Chấn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng Hậu lấy áo tắm nước

đưa vào cho Quốc Chấn uống, uống xong thì chết. Bắt hơn 100 người xét hỏi, tất cả đều kêu oan. Vài năm sau, gặp khi vợ cả, vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến hầu dúi vàng tâu lên vua. Vua giao xuống cho ngục quan xét. Lê Duy là người cương trực, xét hỏi ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị tội lăng trì. Văn Hiến được miễn tội chết, giáng xuống làm thứ dân, xóa tên trong sổ hoàng tộc. Việc nhẫn tâm đến như thế mà Khắc Chung còn vào hùa làm được thì việc gì hãn không dám làm. Chỉ có việc đi sứ gặp Ô Mã Nhi để cầu hòa và dò xét tình hình địch là khả quan thôi, cho nên được khen là người giỏi. Đưa về chôn ở Giáp Sơn. Gia nô của Huệ Võ vương Quốc Chấn đào mồ lên, băm nát xác ra.

Về Trần Khánh Dư, theo *Đại Việt Sử ký toàn thư* ghi, năm 1340 Nhân Huệ vương chết không biết sử có ghi nhầm không, chứ ngay từ lần quân Mông Cổ xâm lược đầu tiên (năm 1258) Trần Khánh Dư lúc đó khoảng mười tám đôi mươi rồi. Nếu quả như thế thì Trần Khánh Dư sống trên dưới một trăm tuổi sao?

Người ta thường chúc nhau ba chữ Phúc - Lộc - Thọ. Khánh Dư không có chữ Phúc. Nên ứng với câu thiên hạ than “đa thọ - đa nhục”, cuối đời, con thì không thấy mà cháu cũng chết cả rồi. Chỉ còn lại con chim ưng lông đỏ, mỏ quặp làm bạn với Nhân Huệ vương lúc xế chiều. Tuy nhiên nó cũng đã “lụ khụ” lắm rồi, lông lá xù xì, không thể nhảy được nữa, hướng chi là bay. Cũng không thể tự mổ bụng vịt ra ăn, mà phải nhờ đám gia nhân vớt cho ít thịt vụn. Nhiều lúc nó xoẹt cả ra sập của Trần Khánh Dư.

Nhân Huệ Vương chết được mấy hôm thì con chim ưng cũng bỏ ăn mà chết. Gia nhân không đem chôn mà vớt xác nó vào nhà tiêu.

Về người anh hùng có tài và cũng có nhiều tật (tội thì chính xác hơn) thì mãi hơn một trăm năm sau ngày mất, mới được ai đó dựng đền thờ ở mãi tận đảo Quan Lạn, cách thành phố Hạ Long bây giờ khoảng 40 km. Vào gần mười năm trở lại đây, dân đánh hàng “tiểu ngạch” qua Trung Quốc và ngược lại, cũng gom góp tiền xây đền thờ Trần Khánh Dư tại đảo Cái Bầu - thuộc Vịnh Hạ Long. Hơn bảy trăm năm sau ngày Đại phá quân Nguyên ở

cửa sông Bạch Đằng, chính phủ đã có quyết định thành lập khu kinh tế mở tại cảng Vân Đồn, nơi Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư trấn thủ và lập nên chiến công, giống như khu kinh tế Thâm Quyến ở bên Tàu.

Có thể tới lúc đó, tại quảng trường chính của khu kinh tế người ta sẽ dựng tượng Trần Khánh Dư, ngồi trên mình ngựa trắng, đầu đội mũ có cắm lông công, trên vai có chú chim ưng lông đỏ mỏ quặp đậu. Bên sườn đeo kiếm dài, tay trái đặt vào đốc kiếm. Còn tay phải, bàn tay mở ra năm ngón chụm lại kiêu hãnh chĩa thẳng ra biển Đông...

HẾT

Chú thích

[1] Chức Tiết chế thời Trần lớn hơn chức Tổng tham mưu trưởng quân đội bây giờ một chút.

[2] Chử bái tướng Triệu Trung nói ra ở đây là ý đã bị bại trước quân Mông Cổ. Vừa hổ thẹn, vừa nhún nhường.

[3] Hồi đó Đại Việt chia làm mười hai lộ và một số châu như Hoan châu (gồm Nghệ An và Hà Tĩnh bây giờ) và Ái châu (là tỉnh Thanh Hóa bây giờ).

[4] Bình luận về sự kiện này, Thủ tướng Nhật Bản Shizo Abê, nhân bốn mươi năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đã phát biểu trên Đài truyền hình Nhật Bản NHK vào cuối tháng 9 năm 2013, đại ý rằng vào thế kỷ 13, Việt Nam đã tiêu diệt đạo quân tinh nhuệ nhất của Mông Cổ, khiến Nhật Bản tránh được cuộc chiến tranh ác liệt với kẻ địch hung bạo nhất thời đại bấy giờ.

[5] Ngạn ngữ: Voi đú lợn sẽ cũng học.

[6] Cân tạ, một cân bằng 0,3kg.

[7] Tương đương với việc quốc tang bây giờ.

Mục lục

Lời giới thiệu

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN